Đàm luận về

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

Sách giáo khoa dành cho Đế Vương

Người chia sẻ: Lưu Như
Nguồn: ChanhKien.org / Dịch từ: zhengjian.org

10.2024

MỤC LỤC

Phần 1: Đế vương học là gì?

Đàm luận về cuốn sách giáo khoa dành cho đế vương Trinh Quán Chính Yếu 1
Thế nào là Đế vương học 4

Phần 2: Phục hưng học vấn truyền thống

Trinh Quán Chính Yếu là sự vận dụng một cách hoàn hảo lý luận của Luận Ngữ vào thực tiễn 7
Kinh tế Nhật Bản bước vào thời kỳ giữ gìn thành quả 10

Phần 3: Đọc sách sử luận bàn minh kiến

Thái Tông trị quốc – ôn cố tri tân – có thể coi là bậc thầy 13
Thái Tông trả lời Ngụy Trưng – Đọc sách sử luận bàn minh kiến .. 15
Không hổ danh là bậc minh quân – lấy sách sử làm thầy – thành tựu đức chính 16

Phần 4: Nhân, Minh, Vũ

Gây dựng và giữ gìn cơ nghiệp, việc nào khó hơn? 19
Trọng trách của người lãnh đạo cấp cao là hoạch định phương hướng 21
Thái độ khiêm nhường, quyết đoán sáng suốt 22
Ba điều tu dưỡng lớn của bậc đế vương: Nhân, Minh, Vũ 23

Phần 5: Vi Chính Dĩ Đức, Thí Như Bắc Thần

Giáo dục đế vương có quan hệ đến vận mệnh của bách tính muôn dân 25
Giá trị của kinh điển: Khai tôn minh nghĩa – Khuông phù chính đạo 27
Nghĩa thực sự của "Vi chính dĩ đức, thí như Bắc Thần" 28

Phần 6: Tề Gia Thời Hiện Đại

"Vi chính dĩ đức" mà Shibusawa Eiichi lĩnh ngộ 31
Từ việc quản lý gia đình của Bảo Thoa trong Hồng Lâu Mộng để xem xét "vi chính dĩ đức" 33
Ứng dụng vào quản lý gia đình thời hiện đại 35

Phần 7: Giám đốc mới nhậm chức, cấp dưới không phục tùng

Giám đốc mới nhậm chức, cấp dưới cự tuyệt không tuân lệnh ...37
Người không có đức – có ra lệnh người khác cũng không tuân theo 39
Nếu bản thân ngay chính thì dù không ra lệnh mọi người vẫn nghe theo 41

Phần 8: Tôn chỉ truyền thống

Bàn về việc chữa bệnh mất đi tôn chỉ truyền thống 44
Vì sao phương pháp chữa bệnh truyền thống rất cao minh 46
Đối mặt với tình trạng của xã hội và con người hiện đại 48

Phần 9: Tể Tướng dụng nhân

Chính trị gia không phải là nhà chuyên môn 50
Bính Cát nhận thức như thế nào về nhiệm vụ trọng yếu của tể tướng 52
Tể tướng trị quốc – đức là tiên quyết 53
Lời kết 54

Phần 10: Mục đích của việc kinh doanh

Nhìn từ mục đích và mục tiêu học tập của trẻ em 56
Doanh nghiệp kinh doanh kiếm lợi nhuận không phải là mục đích ..58
Đạo làm vua mà Đường Thái Tông coi trọng nhất 59

Phần 11: Bốn đẳng cấp thế nhân

Lời giáo huấn trong Tư trị thông giám 62

Phá bỏ lời dối trá về Tam tự kinh 64
Tư Mã Quang phân chia con người thành bốn đẳng cấp 65
Pháp luật không coi trọng đức tất sẽ thành pháp luật xấu 66

Phần 12: Ôn nhu hài hòa

Thế nào là minh quân 69
Đạo nhân nghĩa bắt nguồn từ Chu Dịch 70
Trung dung ghi lại lời nguyên gốc của Khổng Tử, giảng rằng "thái quá cũng như bất cập" 72

Phần 13: Việc nhân sự nên có thủy có chung

Vấn đề nan giải trong kinh doanh của người bạn 75
Gợi mở từ "Huyền thoại kinh doanh Nhật Bản" 77
Đưa ra kiến nghị tham khảo 79

Phần 14: Làm Vua cần kiên trì đức chính

Gợi ý từ giai đoạn lịch sử Xuân Thu Chiến Quốc 81
Khi xử lý việc công ty, làm thể nào để khéo léo vận dụng các sách lược trong lịch sử 83
Xây dựng sứ mệnh của công ty, danh có chính thì ngôn mới thuận ..85

Phần 15: Bàn về bổn phận của đế vương

Ngụy Trưng bàn về căn bản của việc trị quốc 87
Khó nhất là có thủy có chung, trước sau như một 88
Làm rõ giáo huấn lịch sử của thời Đông Chu Liệt Quốc 89

Phần 16: Bàn về đạo làm quan

Bàn về bổn phận của đế vương 92
Giải thích chi tiết 94
Muốn xem vua có sáng suốt không hãy nhìn đạo của thần tử 97

Phần 17: Từ đạo quân thần bàn về nhân luân

Thái Tông bàn luận về đạo làm quan 98
Quân – thần – dân thực ra là một thể thống nhất 101

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 18

Thái Tông khiêm tốn, lễ nghĩa, lắng nghe lời trung ngôn của các bên 104
Xem xét đạo vua tôi, vợ chồng và cha con 106

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 19

Tu kỷ trị nhân, nhắm trúng chỗ trọng yếu 109
Tư tưởng "tu kỷ dĩ an nhân" của Khổng Tử 110
Sự vận dụng cụ thể Đạo của người quân tử 110
Đạo nghĩa của câu "cổ chi học giả vị kỷ" của Khổng Tử 113

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 20

Đọc "Luận về lễ nhạc" hiểu được sự tốt đẹp của lễ giáo 116
Công chúa Đại Đường về nhà chồng, làm lễ phụng dưỡng cha mẹ chồng 117
Dạy công chúa lấy bản thân làm gương để giáo hóa bách tính .. 119

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 21

Học sách vở kinh điển để thông hiểu về tình và lý, ngăn chặn tận gốc cực đoan 122
Thái Tông quy chính Lễ, quay lại bản chất của Lễ 124
Thận chung truy viễn, quy chính theo đạo, còn gì anh minh hơn thế! 125

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 22

Vua Thái Tông hỏi về tang lễ 129
Đáp án thuyết phục cho vấn đề chịu tang cậu và dì 130
Xem xét vấn đề từ ý nghĩa căn bản của lễ 131

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 23

Đại ý và giải nghĩa đoạn văn thứ nhất 134
Đại ý và giải nghĩa đoạn thứ hai 135
Đại ý và giải nghĩa đoạn thứ ba 136

Đại ý và giải nghĩa đoạn thứ tư 137
Đại ý và giải nghĩa đoạn thứ năm 138

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 24

Đoạn thứ nhất: Phát hiện hôn nhân trở thành giao dịch, sửa đổi lại đẳng cấp các dòng họ 142

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 25

Đoạn thứ hai: Thế nào là sĩ đại phu 145
Đoạn thứ ba: Đạo hôn nhân, lấy nhân nghĩa làm đầu 148

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 26

Hoàng hậu: Dùng đạo nghĩa để khắc chế tình cảm cá nhân của đế vương mới là trung 151
"Trung ngôn nghịch nhĩ lợi ư hành" bắt nguồn từ Khổng Tử 154

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 27

Đường Thái Tông phải đối mặt với những lời trách móc từ người thân cận 156
Cứ có tài là cử, được cử là vì tài năng của người hiền tài 159

Phần 28: Thái Tông chọn quan, hiểu rõ đạo công bằng, không tránh thân thích

Điển cố Kì Hoàng Dương tiến cử quan lại 162
Nhìn nhận về đạo chí công của Khổng Tử 163
Thái Tông hiểu hàm nghĩa chân chính câu "nội cử bất tị thân" của Khổng Tử 166

Phần 29: Ngụy Trưng luận đạo trị quốc: Lấy đức làm gốc, pháp luật là bổ trợ

Đoạn Thứ nhất: 168
Giải nghĩa đoạn Thứ nhất: Trách nhiệm của người làm vua và người làm cha 170

Phần 30: Thánh nhân y pháp xử án, trọng ở cứu vãn nhân tâm

Đại ý đoạn hai và đoạn ba 173
Đối với Khổng Tử khi xử án thì trị tội không phải là mục đích chính 175
Dùng hình phạt để bắt dân vào khuôn phép, dân tránh khỏi tội nhưng không biết hổ thẹn 176

Phần 31: Trinh quán chi trị nhà tù thường trống không, bí quyết là gì?

Đại ý đoạn 4: Thánh vương coi trọng đạo đức, xem nhẹ pháp luật để giáo hóa bách tính 179
Đại ý đoạn 5: Lòng dân thiện hay ác phụ thuộc vào Quân chủ .. 180
Diễn giải: Trị quốc cốt ở giáo dục, giáo dục cốt ở đức dục 181
Trinh quán chi trị: Đêm ngủ không cần đóng cửa 183

Phần 32: Khổng Tử mang Đạo của thánh vương truyền cho thiên hạ

Thái Tông chứng thực hoàn mỹ "Đại học", trở thành thánh vương .. 185
Giáo dục truyền thống: Kinh thư vi cương, sử thư vi chứng 187
Đế vương học là khởi nguồn của giáo dục 189
Ý nghĩa chân thực của "thận chung truy viễn, dân đức quy hậu" .. 190

Phần 33: Hoa và quả dù đẹp đến mấy cũng đến lúc héo tàn

Đoạn một chương "Luận văn sử" 192
Mục đích của việc tu sử là để khuyên răn lòng người 193
Hoa quả tuy đẹp rồi cũng tàn 195

Phần 34: "Nhân bất học bất tri nghĩa", Thái Tông và quân thần luận về nho học

Đoạn cuối của chương "Sùng Nho học" 198
Quân thần Thái Tông gợi mở cho tư tưởng hình thành nên Tam Tự Kinh 199
Tam Tự Kinh giảng về bản chất của Nho học 200

Phần 35: Quán Hoằng Văn trực tiếp chỉ đạo chính trị quốc gia

Nho sinh ở quán Hoằng Văn ngày ngày cùng vua lấy kinh điển để luận chính sự 203
Giải thích: Hoàng đế đích thân thực hành, đại chấn hưng Nho học ..204
"Phần Điển" là khởi nguồn của Nho học 205

Phần 36: Thái Tông Tôn sư trọng đạo, đại chấn hưng Nho học, mở ra thời kỳ đỉnh cao của Nho học trong lịch sử

Ngôi trường cao nhất, bắt đầu cho lập miếu Khổng Tử, tôn Khổng Tử làm Thánh 210
Giải đọc: Sự tôn sư trọng đạo của Thái Tông đạt đến mức thiên cổ chưa có ai sánh bằng 211

Phần 37: Sư giả truyền đạo vi bản, văn chương diệc nhiên*

Người thầy là phải lấy việc truyền đạo làm gốc 214
Trinh Quán Chính Yếu chính là truyền đạo 214
Trong Nho học, từ đế vương đến trẻ nhỏ đều tiếp thụ đạo làm người 216
Văn chương phải lấy mục đích truyền đạo làm gốc, để định hướng cho sự nghiệp vĩ đại của quốc gia 217

Phần 38: Thái Tông "thận chung truy viễn" tự nhiên "dân đức quy hậu"

Đại ý đoạn thứ ba 220
Giải thích: Võ công (thành tựu về mặt quân sự), văn trị, ngoại giao, tất cả các phương diện đều thận chung 222

Phần 39: Từ xưa đến nay đế vương làm việc thiện nhiều, nhưng khó thận chung

Đại ý đoạn 4: 226
Giải thích: Từ xưa đến nay đế vương làm việc thiện nhiều nhưng khó thận chung. 227

Phần 40: Để đức chính được thận chung thì phải khắc chế bản thân theo lễ

Đại ý 231
Giải thích: Biết thì dễ mà làm mới khó, khắc chế bản thân theo lễ thì mới có thể thận chung 233

Phần 41: Ngụy Trưng khuyên Thái Tông chớ ham thích kỳ trân dị bảo

Điều bất thận chung thứ nhất 237
Điều bất thận chung thứ ba 238
Điều bất thận chung thứ năm 239
Bình luận chung 241

Phần 42: Quân thần Thái Tông giải thích ý nghĩa chân chính của quân tử

Thái Tông dán tấu chương lên bình phong để sớm chiều cung kính nhìn, xem 243
Giải thích: Cảnh giới của thánh vương 244
Sự khác nhau giữa quân tử và tiểu nhân không phải ở chỗ có lỗi hay không 245

Phần 1: Đế vương học là gì?

Đàm luận về cuốn sách giáo khoa dành cho đế vương Trinh Quán Chính Yếu

Ở Nhật Bản vẫn luôn có những nghiên cứu về Đế vương học (học vấn làm đế vương) và Tể tướng học (học vấn làm tể tướng). Trong đó, cuốn sách lịch sử *Trinh Quán Chính Yếu* được xem là cuốn sách giáo khoa điển hình nhất dành cho bậc đế vương, cuốn sách ghi chép về những bàn luận chính trị trong triều đình, thảo luận về cách trị quốc của Đường Thái Tông. Đây không chỉ là cuốn sách gối đầu giường của gia tộc Thiên hoàng và tướng quân Tokygawa Ieyasu của Mạc phủ, mà còn là cuốn sách yêu thích của các học giả, doanh nhân Nhật Bản ngày nay. Trong thời đại "chiến tranh thương mại xuyên quốc gia" ngày nay, thời đại mà người người đều có thể trở thành "đế vương trong doanh nghiệp", việc nghiên cứu các sách lịch sử Trung Quốc và các sách Hán học kinh điển, nhất là các sách lịch sử ghi chép những bàn luận chính trị và điển cố về đế vương và tể tướng chắc chắn vô cùng quan trọng. Đế vương học hay Tể tướng học, bản chất là phương pháp học làm lãnh đạo, cũng chính là phương pháp học quản lý cấp cao.

Từ nhà Nho học Masahiro Yasuoka, người được coi là người thầy của thủ tướng Nhật Bản cận đại, hay những nhà nghiên cứu Hán học đương đại, cho đến Shibusawa Eiichi – cha đẻ của doanh nghiệp cận đại và Kazuo Inamori – lãnh tụ giới kinh doanh đương đại, nhà kinh doanh nổi tiếng thế giới (nhà sáng lập hai tập đoàn lớn tầm cỡ thế giới là công ty Kyocera và công ty viễn thông KDDI), những người này đều đã lĩnh hội được trí tuệ tinh túy từ Đế vương học và áp dụng vào thực tiễn.

Kazuo Inamori trong tác phẩm có tên *Cách sống* đã thể hiện rõ triết lý kinh doanh của ông như sau: Lúc mới lập nghiệp, ông không được học quản trị kinh doanh, cũng không hiểu biết gì về kinh doanh. Khi gặp vấn đề khó khăn trong kinh doanh, ông nhớ lại những điều đầu tiên mà cha mẹ dạy bảo ông lúc còn thơ ấu: không nói dối, không tham lợi, thành thực, chính trực, suy nghĩ xem làm người thì việc nào nên làm, việc nào không nên làm. Cuối cùng ông phát hiện rằng khi áp dụng những nguyên lý này thì dù là việc quản trị kinh doanh hay việc chính sự quốc gia, thậm chí việc nhỏ trong gia đình, việc mâu thuẫn với hàng xóm, mọi việc đều trở nên rất đơn giản. Trong kinh doanh, dù phải đối mặt với vấn đề phức tạp như thế nào, biểu hiện bề ngoài rối loạn thế nào, mâu thuẫn đỉnh điểm thế nào, khiến người ta không biết làm gì, chỉ cần vứt bỏ chấp trước vào danh lợi, quay trở về nguyên tắc bất biến làm người tốt, thì sẽ tìm ra mấu chốt của vấn đề, sẽ rất nhanh chóng đưa ra quyết định, tìm ra phương án giải quyết.

Ông còn nói, những năm gần đây trong giới chính trị và thương nhân Nhật Bản đương đại xuất hiện hiện tượng trượt dốc không đáng có, làm đảo lộn mọi thứ. Họ chỉ coi trọng tài trí mà coi nhẹ đạo đức, tuyển chọn nhân sự dựa trên sự thông minh, tài trí, xem trọng sự thành công nhanh chóng và lợi ích trước mắt. Nhưng ông vẫn luôn tuyển chọn nhân sự dựa trên những nguyên tắc: thứ nhất là đạo đức, thứ hai là dũng cảm, thứ ba là tài trí, câu truyện "thần thoại" về sự nghiệp kinh doanh thành công bất bại của ông đã chứng tỏ những điều ông lĩnh hội là thuận theo thiên đạo, đây chính là bằng chứng cho tính đúng đắn của phương thức quản trị kinh doanh lấy đức làm gốc.

Ông đã chỉ ra trí huệ cốt lõi của Đế vương học, chính là bốn chữ "lấy đức làm gốc" của Khổng Tử. Đây là bí quyết trị quốc và kinh doanh, là nguyên lý then chốt trong việc ra quyết định và xử lý những vấn đề phức tạp.

Người có đức sẽ có tất cả, người không có đức thì không được gì. Từ 4.000-5.000 năm trước Thần sáng tạo ra chữ Hán, nội hàm của nó ngay từ đầu đã thể hiện rõ thiên cơ làm người. Mấy ai hiểu rõ được sự thâm sâu của văn hóa Thần truyền. Dân tộc Nhật Bản nhờ kế thừa được chữ Hán truyền thống mà lĩnh ngộ được bản chất, động chạm đến được thiên cơ ở tầng nông cạn, nhờ đó mà đạt được sự phát triển nhanh chóng và thịnh vượng.

Ở Trung Quốc đại lục, Đế vương học và Tể tướng học bị bóp méo thành phái âm mưu tàn khốc và vô tình. Dường như ai ai cũng đều là ngụy quân tử, để duy trì quyền lực mà không từ thủ đoạn tàn sát lẫn nhau, không phân biệt đúng sai, chỉ lo duy trì thể diện của vương thất. Từ điện ảnh, truyền hình đến các tác phẩm văn học, tất cả đều dùng những lý do "sâu sắc, hợp tình hợp lý, sinh động, hình tượng" để bôi nhọ tổ tiên và văn hóa vốn là niềm tự hào của Trung Quốc. May thay, tướng quân Tokygawa Ieyasu của Nhật Bản là người đam mê tìm hiểu chữ Hán, những sách vở kinh điển của Nho gia và những nghiên cứu lịch sử, ông vẫn luôn tuân theo và gìn giữ chữ Hán chính thống đời này qua đời khác. Khi được những người nổi tiếng trong các lĩnh vực áp dụng vào thực tiễn, những chân lý Nho học và hình tượng đế vương bị đảng cộng sản Trung Quốc bóp méo hiện nay đã dần dần khẳng định được tính đúng đắn, lưu lại những bằng chứng và tấm gương quý báu để cho các thế hệ sau học tập noi theo.

Hôm nay chúng tôi sẽ dùng những luận thuật trong cuốn *Đế vương học giảng nghĩa* của nhà Hán học đương đại Nhật Bản Moriya Hiroshi để giải thích cuốn sách Đế vương học kinh điển *Trinh Quán Chính Yếu*, với mong muốn khôi phục lại trí tuệ của nhà lãnh đạo trong Hán học.

Ngoài *Đế vương học giảng nghĩa*, chúng tôi cũng đề cập đến *Đông Dương Tể tướng học* của Masahiro Yasuoka và những tác phẩm liên quan mà tôi đã trình bày và phân tích trước đây như *Luận ngữ giảng nghĩa* của Shibusawa Eiichi,

chúng ta hãy xem những nhà Hán học, tinh anh của Nhật Bản cận và hiện đại làm thế nào để "ngẫm chuyện xưa mà biết chuyện nay", làm thế nào tiếp thu những phương pháp trong Đế vương học để trở thành bậc thầy trong các lĩnh vực. Mong rằng con cháu Viêm Hoàng chúng ta trải qua những thời kỳ gió tanh mưa máu đã bị tà linh cộng sản cắt đứt với văn hóa chính thống, chìm trong thù hận và đấu tranh suốt hơn 60 năm qua, sẽ sớm có ngày thoát khỏi sự tẩy não và lừa gạt của văn hóa đảng, khôi phục lại khí phách xưa kia.

Thế nào là Đế vương học

Đế vương học nghĩa hẹp là học vấn đối với người làm vua, làm thế nào tuân theo đạo lý làm người để xử lý việc chính sự, cai trị quốc gia. Tại sao lại nói như vậy?

Còn nhớ trước đây tôi đã mượn giảng nghĩa của Shibusawa Eiichi để giảng giải chương "Học nhi" – *Luận ngữ* của Khổng tử, giảng về những lời chỉ dạy của Khổng Tử được tập trung thể hiện trong chương "Học nhi", chương đó là luận điểm trọng tâm, đầu tiên giảng rõ mục đích của giáo dục để cho người đọc sách hiểu rõ mục đích của việc "học tập", chính là học để hiểu rõ ràng, chính xác đạo lý làm người, sau đó liên tục thực hành, tập luyện trong cuộc sống, đó mới là đạo lý chân chính của việc học và tập. Tiếp đó, vẫn cần chú ý vận dụng đạo trung dung để tránh gặp vấn đề tốt quá hóa dở, mới có thể sống thanh bần vui với đạo, không bị ràng buộc bởi vật chất, dục vọng, công danh, như vậy bạn có thể sống một cuộc sống nhân sinh vui vẻ, thoải mái, đầy tự tin.

Nếu hiểu được đạo lý này thì bạn chính là một người quân tử trí tuệ chân chính, có ý chí hướng tu dưỡng và đạo đức của người quân tử bất động bất biến, vậy thì bạn mới có thể tạo phúc cho nhân dân. Đối với tất cả mọi người, từ quân vương đến thường dân thì việc giáo dục nhân cách căn

bản là việc giáo dục bản tính hướng thiện của con người, không phân biệt cao thấp, sang hèn. Nhưng những người khác nhau có công tác xã hội và trách nhiệm khác nhau, vì thế, Nho học lại đưa ra những phân tích lý luận riêng từ các khía cạnh khác nhau. Thương nhân thực hành Nho học thì chính là đạo lý trong kinh doanh, thầy thuốc hành nghề y cũng sẽ hình thành đạo lý trong nghề y, và đế vương thực hành Nho học sẽ hình thành đạo trị quốc.

Mà nguyện vọng lớn nhất của Khổng Tử chính là quân vương có thể đưa mình vào khuôn phép, trên làm dưới theo, thì có thể nhanh chóng quy chính dân chúng, đây là mấu chốt và là con đường ngắn nhất để có được thiên hạ thái bình. Vì thế đầu tiên phải giáo dục thật tốt người đứng đầu, cũng chính là đế vương sau này, bề trên mà chính thì ắt toàn dân sẽ chính, bề trên mà không chính thì bên dưới sẽ nghiêng ngả. Vậy nên ông đã đi chu du các nước để khuyên nhủ các bậc quân vương lấy đức trị quốc. Đây là nguyện vọng lớn nhất của ông. Khi biết rằng nguyện vọng của mình trong thời gian ngắn không thể thực hiện được, Khổng Tử liền bắt đầu làm giáo dục, ông muốn bồi dưỡng tất cả mọi người hiểu được đạo trị quốc, mục đích là dùng đức để giáo hóa thiên hạ.

Vì thế sau chương "Học nhi" lập tức đến chương "Trị quốc". Nói về đạo lý trị quốc thì cần phải lấy đức làm gốc, sau khi đã hiểu được căn bản của đạo lý làm người mới bắt đầu đứng từ góc độ của đế vương, người tham gia trị quốc, người triển khai cụ thể để thực hành lý luận lấy đức trị quốc. Cũng có nghĩa là bậc đế vương cần thực hành chính lý làm người trong thực tiễn trị quốc như thế nào, những học vấn này chính là Đế vương học. Đương nhiên những học vấn về tể tướng làm thế nào để giúp quân vương trị quốc chính là Tể tướng học. Ở đây tôi chỉ tập trung vào đề tài chính là Đế vương học. Trên thực tế, chỉ cần là quan chức tham gia chính trị hoặc người lãnh đạo doanh nghiệp, chỉ cần bạn đứng ở

vị trí người quản lý dân chúng, thì đạo lý cơ bản là giống nhau, đều sẽ phải đối mặt với vấn đề chọn người và dùng người, làm thế nào dẫn dắt mọi người đồng lòng, tự nguyện hoàn thành một công việc nào đó. Đây là nghĩa rộng của Đế vương học.

Việc Đường Thái Tông thực hành đạo trị quốc chính là bằng chứng thực tiễn cho nguyên lý lấy đức trị quốc, đưa thời đại Trinh Quán trở thành đỉnh cao của văn minh nhân loại, tiếng lành của Thái Tông vì thế mà lưu danh thiên cổ. Ông cuối cùng đã hoàn thành lý tưởng của Khổng Tử, từ thực tiễn đã cho ra một bộ Đế vương học hoàn chỉnh, được ghi chép lại thành cuốn *Trinh Quán Chính Yếu*. Đường Thái Tông đã trở thành tấm gương cho các minh quân mọi thời đại và cũng trở thành chuẩn mực của người lãnh đạo trong thời hiện đại.

Phần 2: Phục hưng học vấn truyền thống

Trong quản trị học, giới lãnh đạo Nhật Bản xưa nay chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng cốt lõi "ôn cổ tri tân" (học chuyện xưa mà biết chuyện nay) của Khổng Tử. Qua nghiên cứu các sách kinh điển của Trung Quốc, họ đã chứng tỏ sự thông minh, xuất chúng khi biết đem những lời giáo huấn và những kinh nghiệm của người xưa vận dụng vào thực tiễn hiện nay, nhằm giải quyết các vấn đề nan giải phát sinh. Đây chính là lý do vì sao từ xưa đến nay ở Nhật Bản, từ Thiên hoàng, tướng quân Mạc phủ cho đến thủ tướng và các nhà kinh doanh hiện nay đều coi *Luận Ngữ* và *Trinh Quán Chính Yếu* là những cuốn sách kinh điển quan trọng nhất.

Trinh Quán Chính Yếu là sự vận dụng một cách hoàn hảo lý luận của Luận Ngữ vào thực tiễn

Luận Ngữ của Khổng Tử là một bộ lý luận tổng quát về nhân sinh, là tư tưởng cốt lõi về cách làm người được giảng giải từ các góc độ của người làm quân vương cho đến dân thường. Nhưng trong mắt người Nhật Bản, *Trinh Quán Chính Yếu* lại là cuốn sách mô tả cụ thể việc đế vương vận dụng những lý luận trong *Luận Ngữ* vào thực tiễn ra sao, hơn nữa đây là cuốn sách kinh điển vận dụng một cách hoàn hảo nhất lý luận của *Luận Ngữ* vào thực tiễn. Hai cuốn sách này giúp con người lý giải được rất nhiều vấn đề khúc mắc về nhân sinh, hơn nữa dù làm bất cứ nghề gì trong xã hội cũng có thể vận dụng được dễ dàng. Tại sao như vậy? Mấy nghìn năm nay, các sách kinh điển của Trung Quốc có rất nhiều, tại sao Nhật Bản lại xem trọng hai cuốn sách kinh điển này đến vậy? Đó là vì đây là hai cuốn sách chắt lọc được những điều tinh túy nhất.

Luận Ngữ là cuốn sách kinh điển nhất của Nho gia, là tôn chỉ cho mọi học thuyết của Nho gia, là giáo huấn chân chính làm người. Hậu thế cho dù có bao nhiêu chiêu thuật, xuất hiện bao nhiêu môn phái Nho gia, dù có nhiều người nổi tiếng thế nào đi nữa, chẳng qua chỉ là người đời sau ở các thời đại khác nhau sau khi nghiên cứu *Luận Ngữ*, áp dụng vào thực tiễn, qua trải nghiệm tự thân mà lĩnh hội được mà thôi.

Giống như Đường Thái Tông, tướng quân Mạc phủ Tokugawa Ieyasu người đã khai sáng thời đại phồn vinh nhất lịch sử Nhật Bản – thời đại Edo kéo dài 300 năm, cũng đã lĩnh hội sâu sắc tư tưởng Nho gia này. Tokugawa Ieyasu hiểu rõ rằng Nhật Bản muốn giàu mạnh, phồn vinh thì phải học tập, phải tiến hành giáo dục Nho gia cho "võ sĩ" – tầng lớp quản lý đất nước thời đó, họ coi cuốn "Luận Ngữ" của Khổng Tử là cuốn sách kinh điển quan trọng nhất. Cho đến nay, trong sách giáo khoa quốc ngữ của học sinh trung học ở Nhật Bản vẫn nhắc đến cuốn sách đầu tiên mà những võ sĩ thời xưa được học là cuốn *Luận Ngữ*, các sách khác chỉ dùng cho những người khác nhau ở các giai tầng khác nhau tham khảo, nếu không nắm vững tôn chỉ này thì sẽ không thể căn cứ vào tình hình thực tiễn của quốc gia, đặc điểm của dân tộc mà rút ra được những lĩnh ngộ của bản thân. Dù quốc gia nào, dân tộc nào, thời đại nào cũng đều có những giai đoạn khác nhau, hiểu biết của cả dân tộc hay cá nhân con người của dân tộc đó chắc chắn sẽ không giống nhau, nhưng nguyên tắc tôn chỉ sẽ không thay đổi. Chỉ có nắm vững cương lĩnh này mới không đi sai đường, mới không rơi vào giáo điều, mới có thể vận dụng linh hoạt cuốn sách kinh điển này vào những hoàn cảnh xã hội khác nhau.

Tokugawa Ieyasu cũng có điểm tương đồng với Đường Thái Tông, Đường Thái Tông tham gia vào sự nghiệp thống nhất Trung Quốc, xây dựng nên triều đại nhà Đường, triều đại phồn vinh nhất, đạt đến đỉnh cao văn minh của Trung

Quốc cổ đại. Còn Tokugawa thống nhất Nhật Bản, khai sáng ra thời đại Mạc phủ Edo, cũng là đỉnh cao văn hóa cổ đại Nhật Bản. Triều Đường và Mạc phủ Edo đều đã trải qua khoảng 300 năm lịch sử. "Nguyên thủ" của hai quốc gia lớn này cũng đồng thời trải qua hai thời kỳ dựng nước và giữ nước, Tokugawa đặc biệt thích nghiên cứu *Luận Ngữ* và *Trinh Quán Chính Yếu*, những thành tựu đạt được về phương diện làm người và trị quốc của ông đều giống với Đường Thái Tông. Điều này không khỏi khiến người ta liên tưởng đến liệu đây có phải là kiếp luân hồi mà Phật gia nói, là an bài thiên định của lịch sử mà Đạo gia nói hay không? Nhờ vậy mà văn hóa Thần truyền của Trung Quốc vẫn luôn được bảo tồn ở Nhật Bản.

Khi thời đại chiến quốc của Nhật Bản kết thúc, Tokugawa cần chuyển từ dựng nước sang giữ nước, vấn đề đặt ra trước mắt là làm thế nào giữ vững cơ nghiệp. Chỉ có thể giành thiên hạ trên lưng ngựa, nhưng không thể cai trị thiên hạ trên lưng ngựa, nếu xử lý không tốt thì cơ nghiệp thống nhất đất nước khó khăn mới giành được này sẽ bỗng chốc tan tành. Trước Tokugawa có hai tướng quân thống nhất thiên hạ là Oda Nobunaga và Toyotomi Hideyoshi. Oda Nobunaga là người tôn sùng vũ lực, yêu thích kỹ thuật của phương Tây, bản tính tự cao tự đại, có tài nhưng vô đức, đối xử tàn nhẫn với người khác, người ta vì khiếp sợ vũ lực mạnh mẽ của ông mà nhất thời đành phải khuất phục, ông cũng không có kết cục tốt đẹp. Còn Toyotomi Hideyoshi xuất thân từ võ sỹ tầng lớp thấp, mười mấy tuổi đã đi phiêu bạt khắp nơi, nếm đủ mọi thống khổ cuộc đời, ông khá am hiểu lòng người, nhưng vì không được giáo dục Nho học chính thống mà chỉ những võ sỹ tầng lớp cao mới được học, không được học *Luận Ngữ*, nên ông không hiểu được căn bản của học vấn chính là nhân đức. Vì thế, biện pháp của ông chỉ là thu phục lòng người, khiêm tốn đối đãi với người khác, khi thành công thì bắt đầu

xa hoa, hưởng lạc, ăn mừng chiến thắng, cuối cùng cũng hủy đi giang sơn.

Cho nên làm thế nào để bảo vệ cơ nghiệp, cai trị tốt đất nước là vấn đề lớn nhất, mà thực tiễn cụ thể của Đường Thái Tông, đạo quân thần, chắc chắn chính là bài học phù hợp nhất, là tham chiếu cụ thể nhất cho Tokugawa. Kinh nghiệm của Tokugawa và Đường Thái Tông không những tương tự nhau, mà sự phồn vinh thịnh vượng trước nay chưa từng có của thời đại Thái Tông cũng là tấm gương tốt nhất để Tokugawa học theo, như vậy Tokugawa chỉ cần học tập phương pháp cai trị mà Thái Tông lưu lại thì chính là con đường ngắn nhất và tốt nhất để trị quốc, để đất nước giàu mạnh. Vì thế hai cuốn sách này đã trở thành những cuốn sách kinh điển trong những cuốn kinh điển về trị quốc và kinh doanh ở Nhật Bản.

Kinh tế Nhật Bản bước vào thời kỳ giữ gìn thành quả

Trong cuốn *Đế vương học giảng nghĩa*, nhà nghiên cứu Hán học đương đại Moriya Hiroshi nói rằng *Trinh Quán Chính Yếu* là cuốn sách tâm đắc của những nhà lãnh đạo cao nhất trong thời kỳ giữ gìn thành quả. Đó chính là lý do vì sao nó trở thành cuốn sách giáo khoa dành cho bậc đế vương, được người Nhật Bản lưu truyền qua các thế hệ cho đến ngày nay. Ông nhắc đến những năm đầu thời đại Mạc phủ Kamakura, tướng quân Minamoto no Yoritomo khi đó đã đánh giá rất cao *Trinh Quán Chính Yếu*, ông đã cho người phiên dịch sang tiếng Nhật rồi say mê học tập. Đến tướng quân Tokugawa Ieyasu của Mạc phủ Edo, ông không chỉ mời nhà Nho học nổi tiếng Fujiwasa Seika đến giảng giải *Chính Yếu* cho mình mà còn lệnh cho trường học Ashikaga tiến hành xuất bản cuốn *Chính Yếu* để phổ cập ngoài xã hội. Vì thế, đa số lãnh chúa (tương đương tỉnh trưởng hiện tại) các nơi trong thời đại

Edo đều thuộc làu cuốn *Chính Yếu*, cuốn sách này trở thành yếu lĩnh trị quốc phổ biến nhất thời đó.

Tiếp đó, các đời Thiên hoàng vẫn coi *Trinh Quán Chính Yếu* là cuốn sách giáo khoa dành cho bậc đế vương. Những Thiên hoàng được ghi chép đầy đủ trong lịch sử chỉ vẻn vẹn có mười mấy người. Vào thời đại Showa, cuốn sách một lần nữa lại được quan tâm. 30 năm trở lại đây, kinh tế Nhật Bản từ giai đoạn gây dựng sự nghiệp sau chiến tranh thế giới thứ II bước vào giai đoạn bảo vệ thành quả, một lô lớn những người khai sáng trong lĩnh vực kinh tế đã lùi về tuyến sau, làm thế nào để tuyển chọn những người kế tục, nên giao trọng trách này cho những người như thế nào, vì sao không thể đi theo lợi ích trước mắt, chỉ chú trọng tài trí, đây là những câu hỏi lớn đặt ra cho nước Nhật. Trước thực trạng đó, người ta lại một lần nữa quan tâm đến các cuốn sách kinh điển quan trọng này, cho nên ở Nhật Bản hiện nay, phong trào Đế vương học lại lên cao, đến nay, rất nhiều nhà kinh doanh vẫn tiếp tục nghiên cứu nó.

Qua những phân tích trên, chúng tôi nhận thấy một điểm, đất nước Nhật Bản khi có vấn đề xuất hiện đều quay trở lại nghiên cứu các sách vở kinh điển của Trung Quốc, quay trở lại quỹ đạo đúng đắn. Họ có thể nhất thời vì theo đuổi sự thành công mà phạm sai lầm, dẫn đến xuất hiện các hiện tượng đạo đức bại hoại trong lĩnh vực chính trị và kinh tế, nhưng chỉ cần nghe theo lời giáo huấn và kinh nghiệm của tổ tiên, chỉ cần văn hóa truyền thống không bị gián đoạn, bẻ cong và bị bôi nhọ, họ sẽ rất nhanh chóng nhận thức được vấn đề. Từ đó có thể phục hưng lại học vấn truyền thống, và đi theo con đường của tổ tiên, hiểu được làm sao để học chuyện xưa mà biết chuyện nay, quay trở về chính đạo, đưa đất nước phát triển lên.

Bắt đầu từ chương sau, chúng tôi sẽ tập trung phân tích cuốn sách kinh điển này, xem xem có thích hợp vận dụng vào thời kỳ bảo vệ thành quả hay không, có phải là sự vận

dụng một cách hoàn hảo lý luận của *Luận Ngữ* vào thực tiễn hay không. Chúng ta nên lấy chuyện xưa vận dụng vào chuyện nay như thế nào để đưa dân tộc chúng ta phát triển hưng thịnh trở lại.

Phần 3: Đọc sách sử luận bàn minh kiến

Ngày nay, nhiều người dù không hiểu biết về lịch sử nhưng cũng biết đến sự nghiệp và công lao to lớn của Đường Thái Tông. "Đường nhân" đã trở thành cách gọi khác của người Hoa ở hải ngoại, đây chính là bằng chứng lịch sử rõ ràng cho thấy sức ảnh hưởng của triều đại nhà Đường trên thế giới. Nhiều người dù không có kiến thức, không hiểu về đạo trị nước cũng từng nghe kể những câu chuyện đạo lý tốt đẹp về Đường Thái Tông và quần thần, nhà vua đối xử với quần thần chân thành, biết lắng nghe lời phải, quần thần khẳng khái, dám dũng cảm can ngăn vua, cùng nhà vua cai trị thiên hạ, đặc biệt là những câu chuyện của ông với Ngụy Trưng, có thể nói từ già đến trẻ đều quen thuộc. Quốc gia muốn giàu mạnh cần phải có minh quân, chỉ có minh quân mới có thể tu dưỡng đạo đức, biết nghe lời can gián, kẻ tiểu nhân xu nịnh mới không thể cậy quyền cậy thế, dân chúng mới không bị quan lại ức hiếp. Do đó, đúng như hiểu biết của mọi người, đế vương học đầu tiên đề cập đến Ngụy Trưng, chương mở đầu của *Trinh Quán Chính Yếu* luận bàn về đạo làm vua, 95% nội dung chương này là những câu hỏi đáp của Đường Thái Tông và Ngụy Trưng về đạo vua tôi.

Thái Tông trị quốc – ôn cố tri tân – có thể coi là bậc thầy

Đường Thái Tông là người rất thông hiểu lịch sử, qua những câu chuyện hưng vong trong lịch sử, ông thường rút ra cho mình những bài học giáo huấn sâu sắc, ông không nhìn nhận lịch sử một cách máy móc mà đứng trên nhãn quan và kiến giải của bản thân. Đây chính là phương pháp học tập, đọc sách mà Khổng Tử đã dạy: con người không nên đọc sách sử một cách cứng nhắc, thiếu liên hệ với thực tiễn

mà phải biết ôn cố tri tân. Nếu làm được như vậy, người đó sẽ có thể trở thành bậc thầy của thiên hạ. (nguyên văn, Khổng Tử nói: "ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hĩ" – Đọc chuyện xưa để biết chuyện nay, vậy có thể trở thành thầy rồi). Cho nên Thái Tông mới có thể trở thành người thầy về đạo trị nước lưu truyền cho đời đời hậu thế, là tấm gương cho các Thiên hoàng Nhật Bản, tướng quân mạc phủ Edo và các đời sau học tập theo. Nhưng ai có thể thực sự hiểu được, thực sự áp dụng được tư tưởng trị nước của Thái Tông, điều này được quyết định bởi phẩm chất của từng cá nhân. Tuy nhiên chắc chắn rằng nhờ học tập theo Thái Tông mà Tokygawa Ieyasu đã có được thời kỳ thái bình thịnh trị gần 300 năm.

Trong thực tế, thành ngữ "ôn cố tri tân" này xuất phát từ trong *Chương Vi chính – Luận ngữ* của Khổng Tử, cũng có nghĩa là, ôn cố tri tân là phẩm chất quan trọng của người làm chính trị, cả vua và quan cần phải liên tục đọc sách sử để học hỏi và tiếp thu những bài học giáo huấn về hưng vong, dẹp loạn. Khổng Tử mở mang giáo dục, mục đích để giúp thiên hạ thái bình, giáo hóa dân chúng. Vào thời Xuân Thu, các cuộc tranh bá giữa các nước chư hầu đã mang đến vô vàn thống khổ cho dân chúng, Khổng Tử biết rõ con người chỉ có hướng thiện, trọng đức mới có thể ngăn chặn được những cuộc chiến tranh vì tư lợi. Như vậy những quân thần cai trị đất nước cần phải quy chính đầu tiên, họ phải là những người đầu tiên được giáo dục. Chỉ khi quân thần được quy chính, trở thành tấm gương cho dân chúng, thì toàn bộ quốc gia mới có thể quy chính, thiên hạ mới có thể thái bình. Cho nên, Khổng Tử mới nói "ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hĩ", xem lại chuyện cũ để biết chuyện mới, phải trở thành thầy mới có thể dẫn dắt quốc gia và dân chúng theo con đường đúng đắn. Nghĩa vụ và trách nhiệm quan trọng nhất của người làm chính trị là giáo hóa dân chúng, giúp người dân hướng thiện, chứ không chỉ là duy trì quyền lực của mình.

Vậy Thái Tông rốt cuộc đã ôn cố tri tân như thế nào, làm thế nào để dẫn dắt tốt quần thần và dân chúng?

Thái Tông trả lời Ngụy Trưng – Đọc sách sử luận bàn minh kiến

Qua đoạn đối thoại dưới đây trong chương thứ nhất "Đạo làm vua" của *Trinh Quán Chính Yếu*, chúng ta có thể thấy tài năng của Ngụy Trưng chính là nhờ sự dẫn dắt và tài dùng người của Thái Tông, đây là đoạn Thái Tông đích thân viết chiếu thư trả lời một bản tấu chương của Ngụy Trưng, toàn bộ đoạn đối thoại là bức thư của Thái Tông trả lời Ngụy Trưng, đoạn viết như sau:

"Trẫm thấy khanh nhiều lần dâng sớ, thực là vô cùng trung thành. Lời nói của khanh rất sát thực tế, ta đọc mà quên mệt mỏi, thường đọc cho đến đêm khuya. Không phải lòng quan tâm đến nước nhà của khanh sâu đậm, trong đại nghĩa mà chỉ dẫn ta thì sao có thể viết ra sách lược hay cho trẫm đọc để bù đắp chỗ thiếu sót của trẫm? Trẫm nghe nói, Tấn Võ Đế sau khi bình định Đông Ngô đã theo đòi cuộc sống kiêu xa dâm dật, không còn lưu tâm trị nước. Thừa tướng Tấn triều Hà Tăng sau một lần bãi triều đã nói với con là Hà Thiệu: "Mỗi lần cha lên triều gặp chúa thượng, chúa thượng đều không bàn sách lược lâu dài trị nước, chỉ nói những điều bình thường, đó không phải là người có thể để giang sơn lại cho con cháu, có thể tránh được họa sát thân". Lại chỉ vào tất cả các cháu, nói: "Lớp người này nhất định sẽ chết vì gặp thời loạn". Đến thời cháu của Hà Tăng là Hà Tuy quả nhiên bị Đông Hải Vương Tư Mã Việt lạm dụng hình pháp giết chết. Sử sách tiền nhân viết ca ngợi Hà Tăng, cho rằng ông ta có cái sáng suốt biết nhìn trước. Trẫm thấy không phải như vậy, trẫm cho rằng Hà Tăng không trung với vua mình, có tội rất lớn. Là kẻ bề tôi, khi lên triều phải tận trung vì nước, khi bãi triều phải tu thân sửa lỗi. Vua làm điều đúng phải

thuận thế trợ giúp cho thành công, vua có điều sai phải uốn nắn sửa chữa, đó là phương pháp giúp vua tôi đồng lòng trị nước. Hà Tăng làm quan đến thừa tướng, địa vị cao mà danh vọng nặng, phải nói thẳng không e dè, nghiêm khắc khuyên can, luận về đạo trị nước để phò tá thời chính. Ấy vậy mà sau khi bãi triều mới đem ra bàn tán, khi lên triều lại không nói thẳng, ca ngợi hạng người đó là bậc minh trí, chẳng phải là hoang đường sao? Nước nhà nguy cấp mà không phò trợ, sao có thể dụng hạng người đó làm thừa tướng? Ý kiến khanh tâu lên giúp trẫm biết được lỗi mình. Trẫm sẽ đặt nó lên bàn, giống như Tây Môn Báo đeo da mềm, Đổng An Vu đeo cung trên người, luôn nhắc nhở mình. Ắt sẽ kịp thời bù đắp, thu được hiệu quả. Trẫm sẽ không để cho bài hát "Khang tai lương tai" chỉ thịnh hành ở thời Ngu Thuấn. Mối quan hệ như cá nước giữa vua và tôi cuối cùng đã hiện rõ ở ngày nay. Trả lời thiện ngôn của khanh tuy có chậm, nhưng hy vọng khanh vẫn không sợ mạo phạm, nói thẳng được mất mà không che giấu. Trẫm sẽ rất mực khiêm tốn, an định tâm trí, cung kính chờ đợi thiện ngôn của khanh".

Không hổ danh là bậc minh quân – lấy sách sử làm thầy – thành tựu đức chính

Đọc qua bản chiếu thư của Thái Tông, có thể thấy Thái Tông có hiểu biết rất sâu sắc về lịch sử. Là một vị đế vương, Thái Tông không chỉ có thể tiếp thu ý kiến của Ngụy Trưng, khen ngợi tấu chương của ông, mà Thái Tông còn có thể luận giải tường tận tại sao mình lại đồng ý với lời can gián của Ngụy Trưng. Ông đối đãi với bề tôi rất chân thành, có thể trực tiếp nói ra suy nghĩ trong tâm như nói với bạn bè vậy.

Là bề tôi bản tính chân thành, lại thêm hiểu biết về lịch sử, Ngụy Trưng tất nhiên sẽ biết gì nói đấy, hết mực trung thành phò tá vua. Là một vị vua, Thái Tông biết rất rõ bề tôi thế nào mới là trung thần thực sự. Những kẻ nói lời hoa mỹ,

nịnh nọt vào hùa, ton hót bợ đỡ chắc chắn là loại tiểu nhân, là gian thần gây hại cho vua. Vua bảo sao thì họ làm vậy, họ tâng bốc, nịnh nọt vua bất kể đúng sai, tất cả chỉ vì tư lợi của bản thân chứ không phải vì lòng trung thành thực sự với vua, điều này không khó đoán, thông thường những vị đế vương thông hiểu sử sách đều thấu tỏ. Nhưng Thái Tông còn hiểu rõ ràng hơn, ông còn có nhận thức mới và sâu sắc hơn, ông cho rằng những bề tôi mà ngay cả lời thẳng thắn khuyên can quân vương cũng không dám nói, chỉ giữ thái độ im lặng, chính là những kẻ phạm tội lớn. Thái Tông hiểu rất minh xác rằng chức trách của bề tôi là phải dám can đảm sửa chữa những sai lầm của quân vương, nếu không sẽ gây nguy hại cho quốc gia, biết mà không dám nói thì tội còn lớn hơn cả tội chủ động hùa theo sai lầm của quân vương, rõ ràng là đẩy quân vương vào chỗ bất nghĩa, giương mắt nhìn quốc gia đi đến diệt vong. Cho nên, Thái Tông vô cùng anh minh, ông nhân cơ hội này chỉ bảo cho Ngụy Trưng nên làm thế nào mới là bề tôi tốt, mới là trung thần tận trung với công việc, khích lệ Ngụy Trưng dám nói thẳng nói thật.

Dám nói thẳng nói thật, sửa chữa sai lầm của quân vương, đây là biểu hiện của người đức độ, thương người, cũng là điều mà cao đồ Tăng Tử của Khổng Tử từng nói đến về bậc quân tử thương người. Thái Tông đương nhiên biết rõ đạo lý này, ông cũng giống như Tăng Tử chỉ bảo các đệ tử và gia nhân, chỉ bảo bề tôi dùng tấm lòng của bậc quân tử thương người để giúp ông trị quốc.

Có thể thấy, Thái Tông biết nghe lời phải, biết sai mà sửa, điều này khiến mọi người dùng đức yêu lại ông, khiến cho những đức tính nhân nghĩa, đạo đức của người quân tử được hồng dương, nếu dùng vào việc trị quốc, thử hỏi ai mà không muốn nói lời chân thật, tận tâm phò tá một vị quân vương như thế? Tiểu nhân cũng sẽ không có cơ hội tiếp cận quân vương để gây sóng gió, sở dĩ nói Thái Tông anh minh chính là như vậy. Một vị vua có hiểu biết đúng đắn về lịch sử,

ôn cố tri tân, thì có thể làm thầy, dẫn dắt quần thần, tiếp đến dẫn dắt bách tính, trên làm dưới theo, bách tính tất nhiên sẽ tôn vinh đạo đức, đất nước sẽ có được thái bình thịnh trị, đây là điều tất yếu của đức chính (nền chính trị dựa trên đạo đức*)*.

Vậy vì sao những học giả Nhật Bản ngày nay cho rằng *Trinh Quán Chính Yếu* là môn lãnh đạo học điển hình trong thời đại giữ gìn thành quả, là cuốn sách giáo khoa dành cho những lãnh đạo cấp cao trong hai lĩnh vực lớn kinh doanh và chính trị ngày nay? Chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu trong phần sau.

Phần 4: Nhân, Minh, Vũ

Nhật Bản xưa nay vẫn luôn coi Đường Thái Tông là bậc minh quân trong thời kỳ giữ gìn cơ nghiệp, họ luôn không ngừng nghiên cứu tư tưởng và sách lược trị quốc của ông để ứng dụng vào xã hội hiện nay. Điều này có liên quan đến một đoạn đối thoại của vua tôi Đường Thái Tông trong *Trinh Quán Chính Yếu*, đoạn đối thoại này được nêu rõ trong chương đầu tiên "Đạo làm vua". Từ đoạn đối thoại này, chúng ta thấy được ba tu dưỡng lớn của Đường Thái Tông: Nhân, Minh, Vũ.

Gây dựng và giữ gìn cơ nghiệp, việc nào khó hơn?

Trong "Đạo làm vua" đã ghi lại một đoạn đối thoại giữa Thái Tông với Phòng Huyền Linh và Ngụy Chinh như sau:

"Năm Trinh Quán thứ mười, Đường Thái Tông hỏi thị thần:

– Sự nghiệp của đế vương, gây dựng và giữ gìn, việc nào khó hơn?

Thượng thư tả bộc xạ Phòng Huyền Linh đáp:

– Khi thiên hạ đại loạn, anh hùng các lộ tranh nhau dấy binh, ai bị công phá mới chịu hàng phục, ai bị đánh bại mới chịu tuân thủ, cho nên dựng nghiệp khó.

Ngụy Trưng đáp:

– Đế vương khởi binh ắt nắm được lúc thế đạo suy bại rối ren, tiêu diệt những kẻ cuồng loạn, bá tánh sẽ yêu mến, người trong thiên hạ đều quy thuận; trên có trời trao mệnh, dưới có dân đi theo, cho nên dựng nghiệp không coi là khó. Nhưng khi đã lấy được thiên hạ, lại chí thú vào việc xa xỉ dâm dật. Dân chúng mong muốn được nghỉ ngơi, nhưng các loại phục dịch không dứt; bá tánh đã cùng khốn mệt mỏi, mà việc xa xỉ lại không nguôi một khắc; sự suy bại thường nảy

sinh từ đây. Từ đó mà luận thì giữ gìn cơ nghiệp đã gây dựng được còn khó khăn hơn.

Thái Tông nói:

– Huyền Linh trước kia theo trẫm bình định thiên hạ, nếm đủ mọi gian nan khốn khổ, vào sinh ra tử, nên thấy được cái gian nan của quá trình dựng nghiệp. Ngụy Trưng và trẫm cùng an định thiên hạ, lo lắng việc nảy sinh mầm mống kiêu xa dâm dật, ắt sẽ trở lại cảnh nguy vong, cho nên thấy được nỗi gian nan của việc giữ gìn cơ nghiệp. Nay cái gian nan trong dựng nghiệp đã qua đi, còn việc khó khăn là giữ gìn cơ nghiệp, trẫm phải cùng các khanh suy nghĩ cẩn thận".

Trong *Đế Vương học diễn nghĩa*, nhà hán học người Nhật Bản Moriya Hiroshi đã phân tích về đoạn đối thoại này như sau: "Khi Thái Tông lên ngôi, triều đại nhà Đường đã thoát khỏi nguy cơ trong thời kỳ gây dựng cơ nghiệp, cần bước vào thời kỳ gìn giữ cơ nghiệp, lời nói của Thái Tông chính là lúc đối mặt với hoàn cảnh này, nó thể hiện rõ chí hướng và sự quyết đoán trong trị quốc của ông". Moriya Hiroshi cho rằng, từ đoạn đối thoại của Thái Tông có thể thấy, câu hỏi gây dựng và gìn giữ cơ nghiệp việc nào khó hơn, quả thực là một vấn đề nan giải, cả hai đều có mức độ khó riêng của nó. Nhưng gây dựng cơ nghiệp giống như khai phá những con đường riêng lên đỉnh núi, không con đường nào giống con đường nào, dù muốn học cũng rất khó học theo. Còn gìn giữ cơ nghiệp lại khác, qua phân tích quá trình diệt vong của các vương triều trong lịch sử, về cơ bản có thể tìm được điểm chung ở một mức độ nào đó, qua đó tìm ra một phương pháp nhất định, tránh cho đất nước thoát khỏi diệt vong. Ngay cả người có tố chất bình thường cũng có thể tìm ra một quy luật nhất định, học được phương pháp và kinh nghiệm hữu ích sau khi đọc cuốn sách này. Ông cho rằng, cuốn sách *Trinh Quán Chính Yếu* là những điều tâm đắc của vị quân vương trong thời kỳ giữ gìn cơ nghiệp, ông đã tiếp thu những bài học lịch sử để ứng dụng vào xử lý việc quốc gia, đó là lý do

chính khiến cho hầu hết các Thiên hoàng và tướng quân Mạc phủ của Nhật coi *Trinh Quán Chính Yếu* là cuốn sách giáo khoa của bậc đế vương.

Trọng trách của người lãnh đạo cấp cao là hoạch định phương hướng

Cho dù người Nhật Bản nhìn nhận như thế nào về những điều tâm đắc của Thái Tông trong việc giữ gìn cơ nghiệp, chúng ta có thể lĩnh hội được một điểm, đó là người lãnh đạo cấp cao phải hiểu rất rõ trọng trách của mình. Trước tiên họ phải xác định phương hướng cho tương lai, cũng có nghĩa là biết cách dẫn dắt mọi người, lèo lái con thuyền quốc gia vững vàng hướng tới mục tiêu đúng đắn. Họ cần phải định ra phương hướng và nỗ lực tiến tới. Giống như tổng giám đốc doanh nghiệp hiện nay, họ cần biết phân tích tình hình của doanh nghiệp mình, hiểu rõ hoàn cảnh của mình, tìm ra ưu thế và vị trí của mình, từ đó định ra phương hướng phát triển trong tương lai.

Qua đoạn đối thoại giữa vua và quần thần về vấn đề gây dựng và gìn giữ cơ nghiệp, có thể thấy với vị trí là vua của một nước, Thái Tông tất sẽ phải nỗ lực đặt ra mục tiêu của quốc gia, một khi phán đoán sai lầm sẽ có nguy cơ đưa quốc gia vào hoàn cảnh diệt vong. Thái Tông hiểu rõ rằng mình không còn ở thời đại của vua cha mà ông đã thực sự có một vương triều mới. Nhiệm vụ quan trọng trước mắt không phải là đi chinh chiến, chinh phục cường hào khắp nơi, mà cơ bản là ổn định để phát triển, ông cũng đã nhận được sự ủng hộ của người dân. Vì thế ông không thể không suy tính sao cho cơ nghiệp mà cha ông đã vất vả gây dựng và trao truyền lại cho ông được vững vàng, yên ổn để truyền tiếp cho đời sau.

Thái Tông lúc đó đang ở trong thời kỳ quá độ giữa gây dựng và gìn giữ cơ nghiệp, ông cũng từng trải qua quá trình

giúp đỡ cha ông gây dựng cơ nghiệp, do đó, ông hiểu rất rõ hoàn cảnh của mình. Ông không chỉ hiểu những khó khăn trong gây dựng cơ nghiệp, mà còn biết rõ điều mình sẽ phải đối mặt, đó là vấn đề tương lai phải gìn giữ cơ nghiệp như thế nào, chinh chiến không thể dùng để trị nước, vì thế ông đã suy nghĩ rất sâu sắc. Có thể thấy rằng, ông là vị quân vương rất lý trí và sáng suốt. Ông hiểu rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của mình, đó chính là nhất định phải căn cứ vào hoàn cảnh và vị trí thực tế để đưa ra đường hướng trị quốc phù hợp. Đây là người thức thời, không xa rời thực tế.

Thái độ khiêm nhường, quyết đoán sáng suốt

Là người lãnh đạo đất nước, Thái Tông đương nhiên phải tự mình ra quyết sách cuối cùng, để hiểu rõ hướng đi tương lai của mình, ông không dám khăng khăng cố chấp, mà sẵn sàng khiêm tốn lắng nghe để tìm ra đạo lý, dù sao thì kiến thức và thông tin của một người là hữu hạn, quyết sách của người lãnh đạo liên quan đến vận mệnh của cả quốc gia, nên phải cẩn trọng. Vì vậy mỗi lần gặp phải việc lo lắng, hoài nghi, ông liền bàn bạc với quần thần, giãi bày cách làm của bản thân, thể hiện rõ tư tưởng của mình để mọi người cùng nhau nghiên cứu. Vị quân vương hiểu rõ nhiệm vụ của mình phải suy xét mọi việc quốc gia đại sự, các đại thần tất nhiên sẽ dựa trên phương hướng tư duy của quân vương mà hăng hái bàn luận, hiến mưu tính kế, cho nên mới có cuộc tranh luận này. Phòng Huyền Linh, người đi theo Thái Tông gây dựng cơ nghiệp, hiểu rõ mức độ gian nan của gây dựng cơ nghiệp, còn Ngụy Chinh, người chuyên tâm vào việc giữ gìn cơ nghiệp, nên chú trọng vào cái khó của việc giữ gìn cơ nghiệp. Hai vị đại thần ai cũng có kiến giải của riêng mình, chúng ta thấy rằng Thái Tông không những không bị quan điểm cá nhân của các đại thần dẫn dắt, mà ông lại nhìn nhận rằng cả hai vị đại thần đều lo lắng cho quốc gia, đều có kiến

giải của riêng họ, ông rất nhanh chóng đưa ra phán quyết hợp tình hợp lý. Hai người đều đúng, nhưng lời Ngụy Chinh nói phù hợp với tình hình hiện nay hơn. Ông không chỉ đưa ra phán quyết cuối cùng, mà còn phân tích tỉ mỉ vì sao mình lại quyết định như vậy, để mọi người đều đặt tâm vào việc giữ gìn cơ nghiệp, ngăn chặn những sai lầm dễ phạm phải nhất trong thời kỳ gìn giữ cơ nghiệp, phải đối đãi thận trọng, không được xa hoa phóng túng.

Với cách xử lý việc nước như vậy, ông không chỉ thông cảm cho vị lão thần đã từng cùng ông vào sinh ra tử trong thời kỳ gây dựng cơ nghiệp, ông cũng ghi nhận và cảm kích công sức gian khổ mà lão thần bỏ ra. Đồng thời, ông phân tích rõ thực trạng để các quần thần có ý kiến bất đồng đều có thể tâm phục khẩu phục, hóa ra quân vương của mình suy nghĩ vấn đề như vậy, quả là thông tuệ sáng suốt. Ông còn căn dặn rõ ràng, công khai không hề che giấu trước quần thần, khiến cho vị lão thần khai quốc không bị nguội lạnh tinh thần, mà còn hiểu được phán quyết anh minh của quân chủ; mối quan hệ giữa các đại thần chắc chắn cũng sẽ không vì ý kiến bất đồng mà sinh ra mâu thuẫn và chia rẽ bè phái. Điều này thể hiện phong thái đường đường chính chính, cẩn trọng khiêm nhường và đối xử với bề tôi chân thành của Đường Thái Tông. Ông vừa khiêm nhường, thấu hiểu các quần thần, lại vừa có trí tuệ anh minh, không bị dao động bởi những suy nghĩ có phần hơi chấp vào ý kiến cá nhân của các đại thần mà tự mình dũng cảm đưa ra phán quyết.

Ba điều tu dưỡng lớn của bậc đế vương: Nhân, Minh, Vũ

Nhân, Minh, Vũ – đây là ba điều tu dưỡng nổi bật nhất của Thái Tông khi làm đế vương. Nhân chính là lòng thương cảm đối với thần dân, cái Nhân lớn nhất của bậc quân vương chính là nhận thức rõ trọng trách của mình với đất nước,

luôn luôn phải lèo lái chính xác, khéo sử dụng nhân tài, trị vì tốt đất nước. Vì thế cần phải khiêm nhường lắng nghe ý kiến người khác, tạo điều kiện cho mọi người bày tỏ ý kiến, như vậy mới nắm vững được những việc trong thiên hạ và đại cục, mới không đưa ra quyết định sai lầm dẫn đến tình cảnh diệt vong. Người có Nhân, tất phải biết cảm thông với dân chúng, hiểu rõ mức độ nặng nhẹ, nhanh chậm của sự việc, như vậy mới có thể phân biệt được những kiến giải khác nhau của các đại thần, việc nào cấp bách, việc nào là định hướng lâu dài, việc nào không phù hợp với hiện tại. Đó là Minh. Khi đã có kiến thức sáng suốt, thì có thể đưa ra quyết đoán tức thời, đó là Vũ.

Phần 5: Vi Chính Dĩ Đức, Thí Như Bắc Thần

Sở dĩ Nhật Bản từ xưa coi *Trinh Quán Chính Yếu* là cuốn sách giáo khoa của bậc đế vương, không chỉ bởi vì cuốn sách giảng cụ thể về rất nhiều yếu lĩnh trị quốc trong thời kỳ giữ gìn thành quả, mà quan trọng hơn là cuốn sách luôn xoay quanh "đạo làm vua" mà phát triển ra các phương diện cụ thể một cách rất hệ thống và đầy đủ. Cũng tức là nói, cuốn sách này không chỉ giảng giải chi tiết việc xử lý triều chính của quân vương, mà còn giải thích tại sao Thái Tông lại ra phán quyết và xử lý việc chính sự như vậy. Điều này không chỉ có tác dụng bồi dưỡng cho các lãnh đạo cấp cao, mà cũng có lợi ích to lớn trong giáo dục cách giao tiếp, ứng xử, cách xử lý công việc.

Giáo dục đế vương có quan hệ đến vận mệnh của bách tính muôn dân

Vào thời cổ đại, dù ở phương Đông hay phương Tây đều coi giáo dục đế vương là việc cực kỳ quan trọng, nguyên nhân rất đơn giản, là vì lời nói, hành vi của họ có liên quan đến sựu an nguy của cả quốc gia và người dân. Vận mệnh của dân chúng trong nước gần như đều nằm trong tay họ, vì thế người Trung Quốc nói rằng đế vương không có việc riêng, họ được đặt yêu cầu cực cao, họ sẽ không được phép làm việc tùy hứng như người ngày nay nói. Ví dụ Tống Huy Tông sở dĩ bị nước Kim bắt đi, không phải vì cá nhân ông ta tàn bạo ra sao. Ngược lại nếu ông chỉ là một người dân bình thường, hay là một tài tử tài hoa, một nhà văn có tài thơ ca…, thì lịch sử sẽ đánh giá ông là người tinh thông âm luật và thư họa, rất có tài về nghệ thuật. Nếu như ông chỉ là một văn nhân bình thường, chỉ làm những việc theo sở trường của

mình thì cũng không sao. Nhưng triều Tống vì thế mà nghèo đói, yếu nhược, đây không phải nói bản thân âm luật hay thư họa có tội, mà là nói làm đế vương thì không thể coi những việc này làm trọng được.

Đế vương là thiên tử phụng lệnh Trời chăm lo cho quốc dân, vậy nên thực hiện tốt lệnh Trời, chăm lo việc triều chính, lo nghĩ việc đại sự của thiên hạ, đó mới là việc chính của thiên tử. Còn Tống Huy Tông lại chìm đắm trong âm luật và thư họa (chỉ coi tập luyện âm nhạc như một kỹ năng để tiêu khiển, mà bỏ qua tác dụng chính của âm nhạc là dùng nghệ thuật để tu dưỡng đạo đức và trị quốc theo cách mà các thánh vương thời cổ đại đã sử dụng), không dụng tâm vào việc đại sự tuyển hiền tài, dẫn đến gian thần gây họa, tiểu nhân đắc chí, vua bị bịt mắt che tai, mới dẫn quốc gia và dân chúng đến cảnh lầm than, ngoại tộc xâm phạm. Gian thần dù rằng có tội, nhưng dù sao trách nhiệm cuối cùng vẫn là bản thân Tống Huy Tông, tự mình không phân rõ trung thần với gian thần, nên mới tạo ra cơ hội cho tiểu nhân làm điều ác. Nhạc Phi về sau bị gian thần Tần Cối hãm hại, dân chúng bị ức hiếp, đó chính là hậu quả của việc gian thần cầm quyền.

Nhìn từ ý nghĩa này, nếu đứng trên cương vị đế vương mà không hoàn thành trọng trách của đế vương, dù là một người dân bình thường, ở phương diện kỹ năng khác dẫu có ưu tú và xuất chúng thế nào, thì cũng đã phạm đại tội. Sở thích và nhân cách của đế vương quyết định đường hướng của quốc gia, cho nên đế vương là đối tượng đầu tiên phải được giáo dục nghiêm khắc, không chỉ cần được giáo dục kiến thức cơ bản, mà còn phải được giáo dục về bổn phận và trọng trách của bản thân, tự mình thực hiện đạo nhân nghĩa để trở thành đế vương, nếu không thì hậu quả khó mà lường được.

Những nhà Nho học thời cổ đại, sở dĩ được triều đình mời làm thầy của đế vương, nghiêm khắc dạy dỗ các hoàng tử, chính là vì lý do này. Giáo dục thời cổ đại ngay từ đầu

vốn là giáo dục cho các quý tộc và hoàng tộc, cũng chính vì nguyên nhân này. Địa vị càng cao, trách nhiệm càng lớn, tầm ảnh hưởng càng lớn thì yêu cầu đối với những người này cũng càng cao, đây chính là nguyên nhân vì sao chương đầu tiên trong bộ sách kinh điển *Luận Ngữ* nêu rõ trọng điểm cơ bản của học tập chính là để mai sau trở thành người quân tử có nhân đức, chương thứ hai mới là "Vi chính" (cầm quyền).

Giá trị của kinh điển: Khai tôn minh nghĩa – Khuông phù chính đạo

Như vậy đối với người cai trị quốc gia, những vua quan quản lý đất nước, ảnh hưởng tới vận mệnh của dân chúng và quốc gia, Khổng Tử đã định hướng và giáo dục họ thế nào? Có phải rất phức tạp, khó hiểu chăng? Có phải rất cao thâm khiến người bình thường không thể hiểu được chăng? Hoàn toàn không phải.

Cổ nhân viết sách có một đặc điểm là khai tôn minh nghĩa (ngay từ đầu đã giảng rõ ý nghĩa chủ đạo), chỉ sợ không thể giảng thật rõ những đạo lý mà mình muốn lưu lại cho người đời sau. Cho nên ai xem cũng có thể hiểu được, lập tức có thể ứng dụng vào thức tiễn, mục đích của việc viết sách vốn dĩ không phải để khoe khoang bản thân mình nắm được bao nhiêu từ ngữ hoa mỹ, thâm sâu, khó hiểu, khiến người ta cảm thấy mơ hồ, mà là làm chính lại tư tưởng của con người, tạo phúc cho đời sau. Chỉ có điều ngôn ngữ của thời cổ đại là ngôn ngữ cổ, đương nhiên đối với con người hiện tại mà nói thì rất khó hiểu, thực ra ngôn ngữ này đối với con người thời đó lại rất bình thường, thực sự không khó hiểu. Tuy nhiên mấy nghìn năm qua, những vấn đề phiền não và nan giải mà con người sống trên thế gian gặp phải không hề có sự thay đổi về bản chất, chúng đều giống nhau, chỉ là ngôn ngữ biểu đạt khác nhau mà thôi.

Cho nên, chúng ta thấy tể tướng khai quốc nhà Tống là Triệu Phổ chỉ dùng bộ *Luận Ngữ* này của Khổng Tử mà có thể phò tá Triệu Khuông Dẫn lập nên nhà Tống, khai sáng và cai trị thiên hạ. Tại sao như vậy? Chính vì những lời dạy của Khổng Tử được ghi trong *Luận Ngữ* đều là những đạo lý được viết bằng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, đều khai tôn minh nghĩa, ai cũng có thể dễ dàng học và hiểu. Vậy thì tác giả của *Trinh Quán Chính Yếu* cũng không vượt khỏi nguyên tắc này, chẳng phải ông cũng là Nho sinh sao? Ông đương nhiên hiểu được nhiệm vụ chính và mục đích viết sách của Nho sinh là dẫn dắt quốc gia theo con đường đúng đắn. Ông tất nhiên cũng hiểu rõ việc ghi chép những việc xử lý triều chính của vua quan Thái Tôn nhằm mục đích gì, đó chính là nhắm vào những người làm quan, đặc biệt là quân vương, giảng rõ đạo của quân vương, vậy nên tất cả nội dung ghi chép, chỉnh lý đều xoay quanh đạo quân vương. Ông kỳ vọng cuốn sách sẽ trở thành tấm gương và bài học tốt nhất của các bậc đế vương đời sau, đó không đơn giản là ghi chép sự thực lịch sử hàng ngày. Vì lý do đó mà chương mở đầu của *Trinh Quán Chính Yếu* là "Đạo làm vua".

Vậy thì quay trở lại vấn đề chính, xem xem rốt cuộc trong chương "Vi chính" Khổng Tử giảng "Vi chính yếu đạo" là như thế nào. Khi đã hiểu được yếu đạo này thì xem lại *Trinh Quán Chính Yếu* sẽ trở nên vô cùng đơn giản.

Nghĩa thực sự của "Vi chính dĩ đức, thí như Bắc Thần"

Chương 2 "Vi chính – phần 2" của *Luận Ngữ* vừa mở đầu đã đi thẳng vào vấn đề, mở cửa thấy núi, một lời nói chỉ ra thiên cơ, đó chính là bốn chữ "Vi chính dĩ đức". Chẳng phải rất đơn giản, rất dễ hiểu sao? Điều mà Khổng Tử cả đời giảng chính là nhân đức, vi chính dĩ đức, chẳng phải là dùng nhân đức xử lý công việc quản lý đất nước sao? Nhân đức

là gì, nhân đức không phải chính là đức của con người sao? Không phải là "đạo nhân nghĩa", là tiêu chuẩn đạo đức làm người mà con người nên tuân theo hay sao? Là quân vương hay bầy tôi, nắm trong tay quyền lực, thì nhân nghĩa này không phải chính là thể hiện việc dùng quyền lực trong tay để yêu thương người dân, cai trị bằng nhân nghĩa sao? Tinh thần nhân đạo mà con người ngày nay nói chẳng phải chính là tinh thần nhân đạo này sao? Nhân giả (người nhân nghĩa), nhân dã (con người), hai từ này có thể ngẫu nhiên mà trùng hợp sao? Cho nên quyền lực trong tay đế vương không phải dùng cho bản thân, mà dùng để chăm lo cho người dân.

Có người có thể nói, nào có đơn giản vậy, sau "vi chính dĩ đức" chẳng phải còn những lời khác sao? Đúng vậy, chính những lời sau đó lại khiến con người ngày nay cảm thấy rất nghi hoặc, cho rằng lời mà Khổng Tử giảng có vẻ như chỉ muốn bảo vệ quyền lợi và địa vị của đế vương, muốn người dân phải hoàn toàn phục tùng đế vương mà không phân biệt đúng sai, đây là do người đời sau đã hiểu sai. Chúng ta hãy xem toàn bộ nguyên văn của câu này: Khổng Tử viết: "Vi chính dĩ đức, thí như Bắc Thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh cộng chi" (Cầm quyền phải giữ chữ đức, giống như sao Bắc Đẩu ở nơi cố định cho các ngôi sao vây quanh).

Chúng ta thấy câu này thực sự rất đơn giản, theo ngôn ngữ ngày nay là: Khổng Tử nói, việc triều chính trị quốc, cần phải trọng đức, trọng đức như thế nào? Thí dụ như Bắc Thần —chính là sao Bắc Đẩu— đứng ở trung tâm, bất biến bất động, rất nhiều ngôi sao khác đều phải xoay quanh sao Bắc Đẩu, lấy Bắc Đẩu làm trung tâm mà vận động theo.

Ở đây có chữ nào nhắc đến quyền lực, địa vị không? Không có, "thí như Bắc Thần" rõ ràng là một phép so sánh, dùng hình ảnh so sánh để giúp hiểu "vi chính dĩ đức" là thế nào, để mọi người hiểu hơn cụ thể dùng đức trị nước là thế nào, đức chính là trọng tâm triển khai và chấp hành việc triều chính, bất cứ việc triều chính nào đều phải xoay quanh

đức giống như ngôi sao Bắc Đẩu, lấy đó làm tiêu chuẩn. Lấy đức làm trung tâm, đức giống như sao Bắc Đẩu, là phương hướng, chuẩn tắc và tôn chỉ cho những người trị quốc, luôn bất biến bất động.

Thật không hiểu rốt cuộc tại sao người đời sau lại bẻ cong ý nghĩa câu này thành quyền lực và địa vị, giải thích thành nhấn mạnh quyền lực tối cao vô thượng của đế vương, không thể làm trái mà phải tuyệt đối phục tùng. Câu này rõ ràng giảng rằng phải lấy đạo đức làm trung tâm, giáo dục đế vương phải coi đức như sao Bắc Đẩu, không thể dao động, thế nhưng câu này đã bị giải thích méo mó ở Trung Quốc đại lục và trên phim ảnh.

Shibusawa Eiichi, cha đẻ của nền kinh tế Nhật Bản cũng giải thích rất rõ về đạo lý này, ông cũng nói, Khổng Tử dạy chúng ta phải coi đức như sao Bắc Đẩu, là nguyên tắc bất biến động, tất cả mọi hành vi, hành động đều phải lấy đức làm trung tâm, xoay quanh đức mà triển khai. Vậy cụ thể thế nào, chúng ta sẽ bàn tiếp về sau, xem xem rốt cuộc tôn chỉ thi hành chính sự của người xưa có mối liên hệ gì về bản chất và có gợi mở gì cho cuộc sống ngày nay của mỗi chúng ta hay không.

Phần 6: Tề Gia Thời Hiện Đại

Trong cuộc sống của người Nhật Bản đâu đâu cũng thể hiện văn hóa Nho học, ví dụ cửa hàng Nhật Bản bán sản phẩm giá rẻ thường đề chữ "お徳". Nghĩa là gì? Chính là nói sản phẩm này rất rẻ, rất đáng mua, có thể mang lại nhiều lợi ích cho người dùng. Chữ "đức – 徳" ở đây mang hàm ý "đắc, đạt được". Đó là dùng lý giải của người Trung Quốc cổ đại đối với chữ đức: người có đức mới có thể đắc được, đạt được, hai chữ đồng âm này mang hàm nghĩa sâu xa. Lấy một ví dụ khác, ở Nhật Bản gọi việc nhà (gia vụ – 家务) là gia chánh (家政), sự xuất hiện các trường đại học gia chánh ở đây cũng không có gì đáng ngạc nhiên (Ghi chú: Trước năm 1949, các trường đại học ở Trung Quốc đại lục còn có khoa gia chánh, sau khi Trung Cộng cướp chính quyền đã bỏ cách gọi gia chánh này). Vì sao vậy? Thực ra tất cả đều bắt nguồn từ giáo dục Nho học. Về bản chất là tư tưởng đế vương học của Nho học sớm đã thâm nhập vào đời sống người dân Nhật Bản, ngay cả người phụ nữ chăm lo việc nhà cũng có thể vận dụng được, đó đều là học vấn về "vi chính".

"Vi chính dĩ đức" mà Shibusawa Eiichi lĩnh ngộ

Đầu tiên chúng ta hãy xem Shibusawa Eiichi – cha đẻ của kinh tế tư bản Nhật Bản giải thích thế nào về câu nói "Vi chính dĩ đức, thí như Bắc Thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh cộng chi" của Khổng Tử. Hiểu được lý giải của ông, chúng ta sẽ thấy rõ đế vương học không chỉ là học vấn về trị quốc, nó còn bao hàm cả quản lý gia đình, trọng tâm của nó không gì khác ngoài một chữ "đức".

Shibusawa Eiichi cho rằng, câu nói này của Khổng Tử có nghĩa là: "Thi hành chính trị phải luôn đặt đạo đức ở vị trí trung tâm, nghĩa là sao? Lấy một ví dụ là sao Bắc Đẩu,

sao Bắc Đẩu thường ở một vị trí cố định, bất biến bất động, các ngôi sao trên bầu trời đều lấy sao Bắc Đẩu làm trung tâm mà chuyển động quanh nó". Ý nói là việc triều chính cần phải xoay quanh đạo đức, lấy đạo đức làm trung tâm, dù có quy định và thực thi bất cứ mệnh lệnh hay chính sách pháp luật nào đều không thể thay đổi nguyên tắc và tôn chỉ căn bản này. Hơn nữa, ông còn giải thích rõ ràng và xác đáng về chính trị như sau: "Xem ra chính trị không chỉ giới hạn ở quốc gia, mà việc kinh doanh của một xã hội (công ty), việc quản lý một trường học, việc duy trì một gia đình cũng đều là chính trị".

Ý nghĩa là gì? Thực ra đây là lĩnh ngộ và lý giải của ông đối với câu nói "Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" của Tăng Tử. Nói thẳng ra, tư tưởng của Tăng Tử là do được Khổng Tử đích thân hướng dẫn, dạy bảo, Khổng Tử từ "nhân" mà giảng đến "hiếu", từ "hiếu" mà giảng đến "trung nghĩa", chính là từ trong gia đình mà giảng đến xã hội, hết thảy đều xoay quanh nhân đức mà giảng. Vì thế Tăng Tử sau khi lĩnh hội đã tổng kết ra câu nói này, mục đích là để từ những người cầm quyền nhớ kỹ rằng việc cầm quyền bắt đầu từ tu thân. Hiển nhiên Shibusawa Eiichi hiểu được ở thời đại Minh Trị làm thế nào căn cứ theo hiện trạng xã hội thời đó để ứng dụng tư tưởng của Tăng Tử.

Từ gia đình đến quốc gia, chỉ khác nhau về quy mô sự việc, về bản chất không có sự khác biệt quá lớn, tất cả việc gia đình, việc quốc gia đều lấy cơ sở là trọng đức tu thân. Ngoại trừ việc một thân một mình sống qua ngày không được coi là chính trị, chỉ cần bạn có gia đình thì cần phải quản lý cả gia đình, chịu trách nhiệm với gia đình, có các mối quan hệ trên dưới, già trẻ, anh em, vợ chồng, chính là có quản lý và nghĩa vụ của con người, thì tức là bắt đầu làm chính sự rồi.

Một gia đình có liên quan đến kinh tế, nông nghiệp, giáo dục, sức khỏe, gia phong, một quốc gia chẳng phải chủ yếu cũng liên quan đến những vấn đề này sao? Chỉ khác là gia

phong thay thế bằng pháp luật, chỉ khác là "gia đình" quốc gia này rất to lớn, cần phải có quan chức chuyên trách quản lý. Lúc này mới xuất hiện việc chọn lựa quan chức. Cho nên gia đình và quốc gia chỉ khác nhau về quy mô mà thôi.

Từ việc quản lý gia đình của Bảo Thoa trong Hồng Lâu Mộng để xem xét "vi chính dĩ đức"

Tôi thường bàn về *Hồng Lâu Mộng*, nguyên do là cuốn sách này miêu tả cụ thể việc người phụ nữ trong rất nhiều gia tộc lớn đã quản lý gia đình như thế nào, đây là điểm khác biệt của cuốn tiểu thuyết này với các cuốn cổ thư và tiểu thuyết khác, tư tưởng và phương pháp quản lý gia đình thời xưa được miêu tả vô cùng chi tiết. Đặc biệt là phụ nữ quản lý gia đình, sự giáo dục và tính cách khác nhau sẽ cho kết quả khác nhau. Hai nhân vật mà tôi ấn tượng nhất là Tiết Bảo Thoa và Vương Hy Phượng, một người tài đức vẹn toàn, một người có tài mà không có đức, vì thế kết cục hoàn toàn khác nhau. Vương Hy Phượng tham tiền tài làm trái pháp luật, đối xử với người dưới vô cùng hà khắc, lúc cô ta mắc bệnh thì người bên dưới giậu đổ bìm leo, ngay cả tang lễ của Giả Mẫu cũng làm qua loa, lúc chết không ai thương tiếc, chỉ có một tấm chiếu cói che thân, thật thê thảm. Nhưng nhìn vào cách quản lý gia đình của Tiết Bảo Thoa thì thấy kết quả hoàn toàn khác.

Có lẽ mọi người đều biết rõ câu chuyện về Tiết Bảo Thoa quản lý gia đình thay cho Vương Hy Phượng bị bệnh nặng. Bảo Thoa được Vương phu nhân mời đến để cùng Thám Xuân quản lý gia đình thay cho Vương Hy Phượng. Bảo Thoa phát hiện rất nhiều khoản chi tiêu lãng phí, để tránh lãnh phí, đồng thời tiết kiệm chi tiêu trong gia đình, hai người phụ nữ đã thay đổi một số việc. Đáng nói ở đây là để tiết kiệm một khoản chi phí lớn, họ đã quyết định thay đổi phương thức quản lý Đại Quan Viên, trước đây thường

phải chi một khoản tiền lớn để thuê người chăm sóc vườn cây ăn quả, nay chuyển thành thành giao khoán cho các bà hầu già giúp việc, phát huy khả năng của những người này, như vậy các bà già giúp việc có thể tự mình quản lý tốt việc trồng trọt cây cối và chăm sóc các loài động thực vật khác trong vườn. Những sản vật thu hoạch được từ việc tự quản lý các khu vườn, ngoài một phần dâng lên các công tử và tiểu thư sống trong Đại Quan Viên, phần còn lại còn có thể đem bán, số tiền bán được còn có thể tính vào thu nhập của gia tộc, vậy là không chỉ không tốn tiền thuê người quản lý khu vườn mà còn có được một khoản thu nhập.

Thám Xuân vì thế mà rất vui, Bảo Thoa lúc này cũng rất tỉnh táo nhắc nhở cô ấy, không nên chỉ vui mừng vì bản thân mình có thu nhập mà quên mất công sức lao động vất vả suốt một năm của những bà hầu già, cũng cần phải cho họ có thu nhập mới được, chúng ta chỉ lấy một phần thu nhập có tính tượng trưng là được rồi, phần còn lại hãy để cho họ, làm như thế họ cũng sẽ tận tâm tận lực với chúng ta. Nếu không chúng ta sẽ trở thành hạng tiểu nhân phố chợ, thấy lợi quên nghĩa, chỉ gây thù chuốc oán. Bảo Thoa đã nhắc nhở Thám Xuân đừng quên lời dạy của Khổng Tử.

Hai người con gái có giáo dục, trong khi quản lý gia đình đã đàm luận đến học vấn của Khổng Tử, mọi người nghe cũng không hiểu, thực ra ý nghĩa chính là trong quản lý gia đình cũng không thể quên tư tưởng cốt lõi là đạo đức, không thể không nghĩ đến cuộc sống của người khác, nếu không sẽ làm suy giảm lòng nhiệt huyết của người dưới. Kết quả các bà hầu già nghe nói vậy đều vô cùng cảm kích và kính phục Bảo Thoa, họ đều chăm chỉ làm việc.

Chỉ cần đọc qua *Luận Ngữ* thì ai cũng đều biết được câu nói "vi chính dĩ đức" này, nhưng sự khác biệt chính ở chỗ này. Vương Hy Phượng tuy xuất thân từ một gia tộc lớn nhưng không được dạy Tứ Thư, chỉ là trong quá trình lớn lên thấy mẹ và các trưởng bối quản lý gia đình, quan sát

nhiều thì tự nhiên học được thôi, nhưng thứ mà cô ấy thiếu chính là đức, vì thế không thu được lòng người. Còn Bảo Thoa đối xử rộng lượng với mọi người, trong nhà người trên kẻ dưới đều phục tùng, mọi người đều tán thưởng, từ đó ta có thể thấy được tầm quan trọng của giáo dục Nho học chính thống. Nhờ được giáo dục nên ngay cả người phụ nữ cũng ứng dụng được vào việc quản lý gia đình và dạy dỗ con cái chỉn chu.

Ứng dụng vào quản lý gia đình thời hiện đại

Có người sẽ nói, những gia tộc thời cổ đại đó mới có cơ hội quản lý nhiều việc lớn trong gia đình như vậy, kẻ dưới người làm cũng nhiều, tất nhiên giống như một xã hội thu nhỏ, còn một gia đình hiện đại bình thường chỉ đơn giản có mấy người, có lẽ không thể áp dụng được "vi chính dĩ đức". Tôi đơn cử kể một việc mình đã từng làm.

Còn nhớ nhiều năm trước, chồng tôi mở công ty ở Bắc Kinh, bố mẹ chồng tuổi đã già, sức khỏe không được tốt nên muốn sống cùng với con trai. Họ định nhanh chóng bán căn hộ của mình, sau đó bảo con trai bỏ thêm một phần tiền, góp vào để mua một căn hộ ở Bắc Kinh. Vì căn hộ mà chúng tôi đang ở là đi thuê, bố mẹ chồng cảm thấy căn hộ đi thuê không ổn định, không phải nhà của mình, vậy nên đã thúc giục chồng tôi phải mua một căn hộ, để bố mẹ chồng chuyển đến Bắc Kinh sống cùng con cái.

Căn hộ ở Bắc Kinh thời đó rất đắt, chồng tôi cảm thấy mua căn hộ sẽ mất giá rất nhanh, sau này lại hối tiếc, hơn nữa không khí ở Bắc Kinh rất ô nhiễm, nhỡ các cụ đi khỏi nơi ở cũ rồi mà lại không thích nghi được với môi trường ở đây thì lại hối hận, muốn quay về cũng không được, lúc đó lại phải mua căn hộ nữa, vậy sẽ bị chênh lệch giá rất lớn, tổn thất quá lớn thì các cụ lại đau lòng, nói không chừng lại ngã bệnh. Chồng tôi bị thúc giục, nhưng anh lại là người con hiếu

thảo, không biết phải khuyên các cụ thế nào, nếu không làm theo lời bố mẹ, sẽ sợ các cụ sẽ đau lòng vì đứa con trai các cụ nuôi lớn mà không biết hiếu kính cha mẹ, nếu làm theo lời bố mẹ lại cảm thấy rất không ổn. Vì thế anh đã chia sẻ nỗi khổ tâm này với tôi.

Lúc đó tôi nghĩ, nếu tôi về già thì có nóng lòng muốn con cái ở bên không, có yên tâm không, tôi phải hiểu được tâm lý người già. Tôi không thể oán trách, nhưng hoàn toàn nghe theo bố mẹ chồng lại thấy thật không ổn. Vậy làm sao để bố mẹ có thể nghe lời khuyên mà không hiểu lầm rằng con cái không nỡ bỏ tiền đây? Tôi đột nhiên nghĩ ra một cách, chuyển phần lớn số tiền gửi ngân hàng của vợ chồng tôi vào tài khoản của các cụ, như thế các cụ sẽ không nghi ngờ rằng chúng tôi tiếc tiến. Sau đó chúng tôi sẽ nói với các cụ là không nên mua nhà, trước tiên hãy thuê một căn hộ, qua đó ở một năm, nếu cảm thấy phù hợp thì lúc đó quyết định mua nhà cũng chưa muộn.

Chồng tôi nghe xong rất kinh ngạc, như cởi được nút thắt trong lòng, vui vẻ cảm ơn tôi đã giải quyết giúp cho anh một vấn đề khó. Kết quả là các cụ hoàn toàn không cần chúng tôi chuyển tiền, cũng nghe theo lời các con, hiểu được tâm tư của các con, liền thôi không mua nhà nữa. Chồng tôi hỏi tôi vì sao có thể nghĩ được một biện pháp hay như vậy, tôi nói con người chỉ cần trong tâm có thiện niệm, biết nghĩ cho người khác, thì tự nhiên sẽ có linh tính mách bảo.

Nên cũng nói, "vi chính dĩ đức" cũng có thể được ứng dụng vào quản lý gia đình thời hiện đại.

Phần 7: Giám đốc mới nhậm chức, cấp dưới không phục tùng

Trong phần này, chúng ta lấy câu chuyện về một doanh nghiệp Nhật Bản hiện đại làm ví dụ để thảo luận kỹ về nguyên tắc căn bản và cách thức làm thế nào khiến người khác tâm phục mà tự giác tuân theo mệnh lệnh, từ đó hiểu được cách làm thế nào ứng dụng đế vương học vào quản lý doanh nghiệp thời hiện đại.

Giám đốc mới nhậm chức, cấp dưới cự tuyệt không tuân lệnh

Komiya Kazuyoshi là một nhà tư vấn doanh nghiệp Nhật Bản hiện đại, trong suốt thời gian dài tư vấn cho các lãnh đạo doanh nghiệp, ông đã tập hợp những vấn đề xuất hiện để viết nên cuốn sách có tên Nhà lãnh đạo thành công, cuốn sách hướng dẫn mọi người làm thế nào để trở thành một nhà lãnh đạo doanh nghiệp thành công qua các ví dụ sinh động. Cuốn sách viết theo phong cách tiểu thuyết này miêu tả quá trình một vị giám đốc liên tục gặp phải những vấn đề nan giải, liên tục rơi vào hoàn cảnh khó khăn, cũng liên tục thoát khỏi những khó khăn này và trưởng thành. Cuốn sách được viết dựa trên câu chuyện có thực, do vậy nó đã phản ánh rất chân thực tư tưởng kinh doanh cốt lõi của những nhà doanh nghiệp Nhật Bản đương đại.

Chúng ta học đế vương học để ứng dụng vào cuộc sống hiện đại, chỉ đạo cho cuộc sống của chúng ta, vì thế ở đây tôi xin nói qua về câu chuyện vị giám đốc trong cuốn sách đã giải quyết vấn đề đầu tiên như thế nào. Vấn đề đầu tiên anh ấy phải đối mặt chính là làm sao để cấp dưới nghe lời mình, tự giác phối hợp với mình tiến hành điều chỉnh và cải tổ bộ phận. Đây có lẽ là vấn đề mà những người đang ở vị trí cao

hy vọng được giải đáp nhất. Cho nên, cuốn sách đã bắt đầu từ vấn đề này.

Một doanh nghiệp vừa và nhỏ sắp phải đóng cửa được một công ty lớn trong ngành sản xuất của Nhật Bản mua lại, đồng nghĩa với việc cứu 50 nhân viên của công ty nhỏ này. Nhân vật chính là Yamamura được công ty mẹ phái đến công ty con vừa mới mua này làm giám đốc hành chính. Anh nhận trọng trách trong vòng ba năm phải đưa công ty thoát khỏi tình trạng kinh doanh thua lỗ trở thành kinh doanh có lãi. Năm đầu tiên công ty phải đạt được mục tiêu giảm lỗ một nửa, nếu không sẽ không thể xoay chuyển tình thế, sẽ không thể thực sự cứu sống công ty này. Vì thế Yamamura đã được thăng chức từ lãnh đạo cấp thấp chỉ lãnh đạo vài nhân viên lên thành giám đốc hành chính lãnh đạo 50 nhân viên. Áp lực đặt lên anh rất nặng nề.

Khi rời công ty mẹ chuyển tới công ty con này, ngày đầu tiên đi làm anh đã cảm nhận rõ văn hóa làm việc của công ty vô cùng tệ hại, khiến anh cảm thấy chán ghét, từ đối nhân xử thế cho đến tinh thần, sức lực của các nhân viên đều không bằng công ty mẹ. Nhưng những điều này vẫn không khiến anh bận tâm, nhiệm vụ quan trọng nhất của anh chính là làm sao trong vòng một năm giúp công ty giảm lỗ một nửa, vì thế đầu tiên phải tiến hành cải cách các bộ phận, cơ cấu lại nhân sự giống như công ty mẹ, tinh giản từ năm bộ phận thành ba bộ phận. Để công ty con có thể tiếp nhận trợ giúp và chi viện của công ty mẹ thì các bộ phận nghiệp vụ cũng phải thống nhất với nhau, nếu không sẽ không thể cải thiện được tình trạng thua lỗ hiện tại. Đây là nhiệm vụ cấp bách, là kế hoạch đã được định ra ban đầu khi công ty mẹ mua lại công ty này, không thể còn đường nào khác.

Vốn tưởng rằng mọi việc sẽ thuận lợi, nhưng không ngờ khi anh tổ chức cuộc họp với năm trưởng bộ phận và nói rõ phải tinh giản cơ cấu nhân sự của năm bộ phận thành ba bộ phận thì không có trưởng bộ phận nào đồng ý, tất cả đều

viện những lý do tiêu cực để chống lại, không có ai nghe theo và phối hợp với anh. Điều này khiến anh rất bất ngờ, vốn đã không có ấn tượng tốt với văn hóa làm việc của công ty, lại thêm cảm giác oán trách rằng công ty mẹ dù sao đã giúp đỡ họ, sao họ lại không biết cảm ơn, còn chống đối lại như vậy. Trong lòng anh rất không vui, cảm thấy những người này tố chất quá kém, mấy lần anh đã nghĩ hay mình cứ ra mệnh lệnh, không cần hỏi ý kiến họ nữa.

Tác giả chỉ ra rằng biện pháp cưỡng chế lên những trưởng bộ phận lâu năm này tất nhiên sẽ khiến toàn thể nhân viên công ty nảy sinh thái độ đối kháng, sẽ càng gây cản trở cho công việc sau này, gây gián cách với mọi người. Yamamura vẫn chưa ý thức được vấn đề này, anh vừa nôn nóng lại vừa tức giận, được cử từ công ty mẹ đến đây, tất cả mọi thứ anh đều cảm thấy xa lạ, bản thân giống như người ngoài, không được hoan nghênh, không có ai muốn nghe lời anh, anh cảm thấy ngoài việc dùng mệnh lệnh cưỡng chế ra thì không còn cách nào khác. Anh chưa từng nghĩ rằng vấn đề chính là anh cần tu dưỡng bản thân mình.

Người không có đức – có ra lệnh người khác cũng không tuân theo

Yamamura gặp cấp trên của công ty mẹ để chia sẻ nỗi khổ tâm. Không ngờ điều đầu tiên cấp trên trách cứ anh không phải là nhân viên công ty con không phối hợp, mà là đánh giá trang phục của Yamamura, ông nói rằng cách ăn mặc sang trọng như thế này không phù hợp với phong cách mộc mạc của công ty con, như thế bằng như nói với họ: tôi đến từ công ty mẹ danh giá, là cấp trên của các vị, đến để chỉ đạo các vị, một thái độ kiêu ngạo, trịch thượng như vậy làm sao có thể hòa hợp với mọi người được. Bản thân mình vốn đến từ công ty mẹ có danh tiếng, còn công ty họ vốn sắp đóng cửa nên họ có cảm giác tự ti và lo sợ, lo rằng sẽ bị

mất việc làm, lo rằng liệu lãnh đạo mới đến có mượn cớ sắp xếp lại công ty để cắt bớt nhân sự, giảm nhẹ gánh nặng tài chính không. Họ đã mất đi sự che chở của giám đốc trước, giám đốc mới đến sẽ đối xử với họ thế nào đây, trong lòng họ vốn bất an, kết quả thấy anh vừa đến đã trịch thượng, ăn mặc sang trọng, thể hiện sự danh giá hơn họ, thì làm sao có thể khai mở được tâm của họ được, mọi người chắc chắn sẽ kính sợ mà xa lánh anh. (Thái độ kiêu ngạo thực ra là bất nhân bất chính).

Lời giáo huấn của cấp trên khiến cho Yamamura bỗng nhiên bừng tỉnh, anh đã không đứng trên lập trường của công ty con để suy xét vấn đề, không thấy được sự bất an của họ. Họ sợ bị sa thải, những trưởng bộ phận lâu năm này tuổi tác đã cao, còn có người nhà phải chăm lo, nếu mình không thể mở nút thắt trong lòng họ thì sao họ có thể tích cực phối hợp và nghe lời được? Thế là Yamamura tìm được vấn đề căn bản là bản thân mình không đủ chín chắn, không biết làm lãnh đạo, không hiểu được cảm nghĩ của họ.

Rõ ràng tác giả muốn thông qua vấn đề của Yamamura để nói với các lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp rằng khi gặp phải vấn đề cấp dưới không nghe lời, thì cần phải xem lại bản thân mình có thực sự hiểu được lòng nhân ái là thế nào không: chăm sóc tốt cho nhân viên của mình, giải tỏa nỗi bất an cho họ, đó mới là trách nhiệm của bản thân người cấp trên, còn cần phải có thái độ khiêm nhường, cung kính, lễ phép, không được đặt mình ở vị trí cao. Một người lãnh đạo động chút là dùng quyền lực áp chế thực hiện, đây là người không có đạo đức, không có năng lực, sẽ chỉ gây thù chuốc oán, gây nhiều hậu quả xấu.

Nếu bản thân ngay chính thì dù không ra lệnh mọi người vẫn nghe theo

Rất nhanh chóng Yamamura đổi sang những bộ quần áo giản dị hơn, giống mới mọi người, xóa bỏ thái độ ưu việt ngạo mạn cao cao tại thượng, sau đó, suy nghĩ cho cấp dưới, để cho mỗi một trưởng bộ phận đều có thể thoải mái phát biểu ý kiến, hiểu được khúc mắc về hoàn cảnh thực tế và sự lo lắng của họ, nói chuyện riêng với từng người, cùng họ đến những quán ăn ngoài công ty thong thả nói chuyện, kiên nhẫn hỏi thăm. Hỏi về những chuyện gia đình, chuyện con cái, thể hiện sự quan tâm, bắt đầu từ trưởng bộ phận lớn tuổi nhất.

Rất nhanh chóng, các trưởng bộ phận cũng phát hiện Yamamura sống rất có tình người, biết quan tâm đến cuộc sống của họ và những khó khăn trong việc chăm sóc gia đình, vợ con của họ, tự nhiên họ liền thay đổi thái độ, xóa bỏ tâm lý đề phòng, họ đã cởi mở nói ra nỗi lo mất việc của mình, và cũng vô cùng cảm kích trước sự giúp đỡ của công ty mẹ. Cả hai bên bắt đầu chân thành đối đãi với nhau, mở rộng lòng với nhau.

Yamamura cũng giải thích tỉ mỉ lý do tại sao anh muốn điều chỉnh các bộ phận: để có được sự trợ giúp của công ty mẹ, nâng cao hiệu suất, giảm tình trạng lỗ vốn, điều chỉnh bộ phận là một bước cần thiết phải tiến hành, cũng chỉ có làm như vậy mới có thể thực sự tránh được hậu quả sa thải nhân viên. Anh nói rõ việc sắp xếp lại các bộ phận không phải vì để cắt giảm nhân viên, chỉ là muốn việc kinh doanh của công ty ngày càng tốt hơn, anh sẽ không cắt giảm nhân viên. Ngược lại, nếu không nhanh chóng tiến hành điều chỉnh, công ty mẹ sẽ không thể trợ giúp được, rất nhiều công việc kinh doanh sẽ không thể giao cho công ty con, cuối cùng thực sự sẽ không thể khiến cho việc kinh doanh tốt lên, lúc đó dù không muốn cắt giảm nhân viên cũng đành phải nghĩ đến

biện pháp cắt giảm nhân viên. Vì thế, anh hy vọng họ quay về thuyết phục các nhân viên cấp dưới để mọi người tích cực phối hợp, cùng đồng tâm hiệp lực vượt qua khó khăn này.

Các trưởng bộ phận đều nhanh chóng thay đổi suy nghĩ chống đối, chủ động phối hợp, thuyết phục cấp dưới, không cần mệnh lệnh cưỡng chế, vấn đề khó khăn này cuối cùng được giải quyết hoàn toàn, thành công ở bước đi đầu tiên. Qua sự việc này Yamamura cũng bắt đầu thực sự được công ty con thừa nhận, giờ đây anh mới thực sự trở thành cấp trên của họ.

Có thể thấy câu "vi chính dĩ đức (cầm quyền phải coi trọng đức)" mà Khổng Tử giảng có thể ứng dụng trong bất cứ thời đại nào, cốt lõi của đế vương học chính là bốn chữ này, cốt lõi của giáo dục cũng là một chữ "đức" này. Mấy nghìn năm qua, giáo dục chính thống của chúng ta là giáo dục cách làm người, trong gia đình cha mẹ phải có lời nói và việc làm mẫu mực, nuôi mà không dạy con cái là lỗi của cha mẹ. Lời nói cử chỉ của cha mẹ chính là hình mẫu cho con cái, bản thân cha mẹ mà ngay chính thì gia đình yên ấm, con cái hiếu thảo; đế vương là quốc phụ, thần dân là con, đế vương đối đãi với thần dân phải yêu dân như con, lấy mình làm gương, cũng cần phải giữ lời nói và việc làm đều mẫu mực, nhân ái, từ bi mà nghiêm khắc. Như thế tự nhiên trên nói dưới sẽ nghe theo.

Khổng Tử nói: "Kỳ thân chính, bất lệnh nhi hành; kỳ thân bất chính, tuy lệnh bất tòng" (Thân mình chính đáng, không ra lệnh cũng làm; thân mình không chính đáng, tuy ra lệnh cũng không theo) (*Luận ngữ – Chương Tử lộ*) chính là ý nghĩa đó. Lãnh đạo công ty muốn nhân viên tình nguyện phục tùng, tất phải nhân ái, bản thân phải ngay chính, hiểu được chức trách của mình là chăm lo tốt cho cuộc sống của họ, dùng đức để cảm hóa họ, dùng lý lẽ đúng đắn, hành động thiện để hướng dẫn, dạy dỗ họ, trở thành tấm gương

của công ty, như vậy nhân viên tự nhiên sẽ vui vẻ nghe và làm theo.

Phần 8: Tôn chỉ truyền thống

Trong các phần trước chúng ta đã bàn luận rằng Khổng Tử lưu lại cho chúng ta tôn chỉ cầm quyền phải coi trọng đức, đó là trí tuệ quản lý tối cao mà con người có thể hiểu được, đồng thời cũng có thể vận dụng được vào cuộc sống hàng ngày. Nhưng rất nhiều người vẫn cho rằng những đạo lý thánh hiền này không thực tế, chúng ta cần quan tâm tới những điều thực tế hơn, vì thế họ cứ luôn cảm thấy việc làm người phải trọng đức không liên quan đến mình, miễn là không phạm pháp, học những thủ thuật kinh doanh có thể nhìn thấy được mới càng thực tế. Vì sao cứ nhất thiết phải hiểu rằng làm việc gì cũng phải có tôn chỉ cao thượng nào đó?

Lý do rất đơn giản, vì chỉ như thế chúng ta mới có thể tự tin làm chủ cuộc sống của mình, căn bản thoát khỏi tình huống khó khăn do con người và sự việc gây nên. Sở dĩ cần phải đứng từ góc độ đế vương học là vì khi đứng ở vị trí rất cao để học cách xử lý vấn đề thì sự việc sẽ trở nên cực kỳ đơn giản.

Bàn về việc chữa bệnh mất đi tôn chỉ truyền thống

Con người ngày nay nhìn nhận vấn đề rất phức tạp, làm việc gì cũng luôn bị hãm vào giải quyết sự việc cụ thể, kết quả là càng xử lý càng xuất hiện nhiều vấn đề, không thấy được căn nguyên của vấn đề, nên không thể giải quyết tận gốc, bao gồm cả cuộc sống của mình. Ví dụ chúng ta hãy nói về chủ đề sức khỏe mà mọi người hay quan tâm nhất. Có lẽ thông qua suy ngẫm về y học hiện đại chúng ta sẽ hiểu ra tôn chỉ đúng đắn đóng vai trò then chốt như thế nào. Đạo lý ở đây tương tự như vậy.

Dù có học ngành y hay không, chúng ta đều có một băn khoăn, đó là vì sao y học hiện đại ngày càng nghiên cứu

ra nhiều loại thuốc mới, nhưng những căn bệnh không có thuốc chữa cũng ngày càng nhiều, cả về tinh thần lẫn thân thể. Các loại bệnh kỳ quái càng chữa càng nhiều, càng chữa càng phức tạp, y học đã khiến con người cảm thấy tuyệt vọng. Rất nhiều bác sỹ Tây y đã thể hiện quan điểm thẳng thắn chỉ trích, lên án phương pháp chữa bệnh của y học hiện đại. Các bác sỹ hiện nay phân chia cơ thể con người thành các bộ phận, bị sốt thì hạ sốt, bị dị ứng cũng không để cho cơ thể phát huy cơ chế phòng vệ đối với những chất có hại, biện pháp này khiến những cơ chế của cơ thể người mất đi tác dụng. Khi bạn bị đau, bác sỹ sẽ khiến năng lực cảm nhận cơn đau của bạn bị ức chế lại, nên bạn không cảm nhận được triệu chứng bệnh, bề ngoài là nhanh chóng thoải mái hơn, nhưng nguyên nhân tạo thành bệnh lại không được chú ý đến, do vậy căn bệnh này tồn tại trong thời gian dài, dẫn đến lại phải uống thuốc trong thời gian dài. Mà thuốc cũng là chất độc, cơ thể con người nhanh chóng trở nên ngày càng suy yếu, độc tố vào cơ thể ngày càng nhiều, chức năng của các cơ quan nội tạng bắt đầu bị bệnh, các loại bệnh kết hợp liền đến, mà bệnh đến thì làm thế nào, chỗ này đau, chỗ kia đau, bác sỹ cũng không phân tích rõ được nữa, không có biện pháp nào khác, đành phải tiếp tục kê thuốc. Thuốc đang dùng không đủ liều lượng để ứng phó với chứng bệnh mới, thế thì lại tiếp tục nghiên cứu, bào chế ra các loại thuốc để không cho những chứng bệnh kỳ quái đó xuất hiện, tiếp tục ức chế chức năng của cơ thể. Tóm lại là không tìm ra nguyên nhân của bệnh, bệnh cũng không chữa khỏi được, nhưng tạm thời lại làm cho các chức năng của cơ thể bị tê liệt, cứ uống thuốc vào lại cảm thấy không đau đớn khó chịu nữa, liều lượng uống cũng ngày càng nhiều, cuối cùng chức năng của cơ thể người hoàn toàn rối loạn và bác sĩ thông báo rằng không thể cứu chữa được nữa. Cũng có nghĩa là, con người ngày nay ai ai cũng có thể rơi vào tình trạng uống

thuốc suốt đời, bệnh nào cũng có thể trở thành căn bệnh không có thuốc chữa.

Điều này rốt cuộc là vì sao? Câu trả lời chính là việc xa rời tôn chỉ trị bệnh đúng đắn đã vứt bỏ những quan niệm căn bản của phương pháp chữa bệnh truyền thống: đó là tôn trọng thân thể, trân quý sinh mệnh, coi thân thể người là một thể thống nhất với trời đất vạn vật, là một tiểu vũ trụ hoàn mỹ. Y học hiện đại bỏ gốc lấy ngọn, không coi căn bệnh như cả cơ thể mắc bệnh, cũng không chú trọng đến nhân tố tinh thần, chỉ đứng trên bề mặt và phạm vi cục bộ rất nhỏ hẹp để xem xét bệnh tình, vì thế hoàn toàn không có cách nào tìm được nguồn gốc của bệnh. Vậy tất cả sự phát triển sẽ đi đến đường cùng. Có bác sỹ nào ý thức được điều này không, đương nhiên là có, ví dụ Hiromi Shinya là chuyên gia nội soi tiêu hóa nổi tiếng của Mỹ, ông không chỉ ý thức được điểm này, ông đã đứng trên quan điểm vũ trụ quan tự nhiên của y học cổ truyền Trung Quốc, coi toàn bộ thân thể người như một chỉnh thể mà chữa bệnh, chú trọng sinh hoạt, làm việc và nghỉ ngơi của con người. Với phương pháp này, cùng với việc khéo léo vận dụng kỹ thuật chữa bệnh hiện đại, ông đã chữa trị thành công rất nhiều căn bệnh khó chữa, trở thành bác sỹ nổi tiếng thế giới.

Vì sao phương pháp chữa bệnh truyền thống rất cao minh

Nguyên lý chữa bệnh của y học cổ truyền Trung Quốc rất đơn giản, nó bắt nguồn từ quan niệm vũ trụ, bắt nguồn từ Hoàng đế nội kinh – cuốn sách do vua Hoàng Đế tu đạo hỏi đáp với sư phụ của ông mà viết ra. Đây chính là lý luận về âm dương thể hiện trên thân thể người. Nói một cách đơn giản, thân thể con người do hai mặt âm và dương cấu thành, khi âm dương điều hòa, thân thể con người ở trạng thái đúng đắn, thì sẽ không sinh ra bệnh, khi âm dương mất

cân bằng thì sẽ khiến chức năng rối loạn, bệnh liền phát sinh, còn nếu âm dương tách rời nhau thì sinh mệnh sẽ chết. Cũng chính là nói, dù bạn là một bác sỹ giỏi châm cứu hay giỏi bốc thuốc, nếu không biết những tôn chỉ cốt lõi của cuốn sách kinh điển này chính là đưa thân thể con người về trạng thái âm dương hòa hợp, thì như vậy coi như bạn không biết bốc thuốc, không biết châm cứu; dù bạn hiểu rõ về các vị trí của kinh mạch và huyệt vị đến mấy, dù bạn hiểu rõ dược tính của các loại thuốc đến mấy, bạn vẫn không biết dùng. Vì thế học được kỹ thuật cũng không có nghĩa là bạn biết khám bệnh, bạn cần biết vì sao phải học những kiến thức về lục phủ ngũ tạng này, vì sao phải nắm vững kinh mạch và huyệt vị, dù học bất cứ kỹ thuật nào bạn cũng cần có quan điểm chữa bệnh đúng đắn. Tách rời quan niệm về âm dương thì sẽ không biết chữa bệnh, sẽ không thể vận dụng linh hoạt các kỹ thuật học được. Tất cả các kỹ năng đều chỉ có một mục đích là điều hòa đúng các vị trí âm dương của thân thể người về trạng thái cân bằng. Khi âm dương trở về cân bằng thì tất cả các chức năng của bộ phận thân thể và hệ thần kinh sẽ tự động trở lại bình thường, vì thế chứng bệnh dù phức tạp đến đâu cũng đột nhiên biến mất.

Có câu rằng, chữa bệnh cần điều chỉnh thân thể người cho đúng đắn, giúp thân thể người khôi phục chức năng vận động bình thường, y học hiện đại chẳng phải cũng bắt đầu hiểu ra vấn đề này rồi sao? Ngành miễn dịch học chẳng phải đã xuất hiện rồi sao? Nghiên cứu đi nghiên cứu lại, cuối cùng vẫn phải dựa vào chức năng của tế bào miễn dịch trong thân thể người, làm các thí nghiệm mô phỏng theo chức năng của cơ thể người để làm thế nào sản sinh ra tế bào miễn dịch. Người ta đã phát hiện rằng, hợp lý nhất, tiện lợi nhất và rẻ nhất, có năng lực lớn nhất vẫn là cơ thể người. Khả năng miễn dịch của thân thể người mới là thứ thuốc tốt nhất, mới có thể thực sự chống lại bệnh ung thư và các căn bệnh ác tính khác. Cơ chế hoàn hảo của thân thể người cho đến ngày

nay vẫn không ai có thể sao chép được, trước nay vẫn luôn là một ẩn đố. Con người tại sao lại không tôn trọng và trân quý thân thể vô cùng huyền diệu này? Sao không khiêm tốn học theo tự nhiên và cấu tạo thân thể người, thuận theo tự nhiên mà đưa thân thể người về trạng thái đúng đắn? Nếu đã mất đi tôn chỉ chữa bệnh đúng đắn thì tất cả mọi nghiên cứu đều rơi vào mớ bòng bong, mất đi phương hướng, bỏ tiền sai chỗ, chi phí chữa bệnh tốn kém, thân thể lại bị làm hư hỏng khắp nơi, sinh ra bách bệnh, khó chịu khôn thấu. Đây chính là tình trạng chữa bệnh của y học hiện đại, mất đi tôn chỉ đúng đắn thì sẽ rơi vào đường cùng.

Đối mặt với tình trạng của xã hội và con người hiện đại

Xã hội ngày nay của chúng ta cũng như thế. Pháp luật ngày càng quy định nhiều, nhưng các hiện tượng rối loạn không thể xử lý được cũng ngày càng phát sinh, đương nhiên vấn đề gia đình, vấn đề hôn nhân, vấn đề con cái, vấn đề kinh tế và quản lý chính phủ, đa phần căn bản không thể giải quyết, mức độ phức tạp của nó cũng giống như các căn bệnh của con người, những căn bệnh không thể chữa được khiến người ta mệt mỏi, cuối cùng chỉ có thể dựa vào việc đặt ra quy định pháp luật để ước chế các hiện tượng, pháp luật nhiều đến mức khiến con người không biết phải sống thế nào. Tuy như vậy, nhưng mọi người vẫn không thấy có chút hy vọng nào, các học thuyết cũng rất nhiều, nhưng tất cả đều chỉ trị được ngọn mà không trị được gốc, cuối cùng mọi người đều trở nên mơ hồ, mông lung, không tìm được lối thoát.

Xem ra, rất nhiều việc không hề phức tạp, suy cho cùng nó là kết quả của việc vứt bỏ tôn chỉ trọng đức của giáo dục truyền thống, ỷ lại vào pháp luật mà không xử lý được bản chất của vấn đề, đảo lộn trắng đen. Nền giáo dục mà mọi

người tiếp thụ là nền giáo dục không nhìn được toàn cục, không có tôn chỉ, vì thế dù học bất cứ điều gì, điều học được cũng chỉ là những kỹ năng và công việc cụ thể, học được cũng rất khó khăn, học cả một đời cũng không vận dụng được. Nguyên nhân chính là chúng ta ngay từ đầu đã không biết vì sao cần phải được giáo dục, vì sao cần làm nghề y, vì sao cần kinh doanh buôn bán, toàn bộ xã hội không ai hướng dẫn người ta làm thế nào để xác lập tôn chỉ sống đúng đắn, dựa theo tôn chỉ này làm thế nào xác lập được phương hướng và mục tiêu. Vì thế trẻ em không hề có mục tiêu, không hề nhiệt tình tiếp thu tri thức, học hành rất vất vả, khổ sở, người lớn chỉ biết nói với chúng rằng cần phải học để sinh tồn, để nở mày nở mặt, để kiếm tiền. Tóm lại muốn không ngừng vươn lên giai tầng cao trong xã hội thì phải trở nên thông minh hơn người khác, điều gì cũng biết, phải nhồi nhét tất cả những thông tin và kiến thức trong thiên hạ vào đầu não, phải rất bận rộn, phải học rất nhiều, phải theo kịp trào lưu và nhịp sống xã hội, nếu không sẽ bị xã hội đào thải. Từ tiểu học đến trung học, con cái chúng ta theo đuổi thứ hạng, theo đuổi điểm số cao, sợ phải tụt lại phía sau, tất cả đều chỉ để nhồi nhét vào não một lượng lớn những thông tin, những tri thức khoa học cũ và mới. Con cái của chúng ta cuối cùng sẽ trở thành một cái máy vi tính mang thân thể người.

Trong cuộc cạnh tranh khốc liệt, thân thể và tâm hồn của mọi người bị vắt kiệt sức lực, dần dần mất đi năng lực và kiến thức để làm chủ cuộc đời mình, không có tôn chỉ và trí tuệ để chỉ đạo bản thân, cho nên mới hoang mang như thế. Cho dù đời sống vật chất sung túc, hưởng thụ rất nhiều, nhưng vẫn cảm thấy mệt mỏi khôn nguôi, sống không cảm thấy hạnh phúc và có giá trị, thường xuyên bị các hiện tượng hỗn loạn quấy nhiễu không thanh tỉnh, sống trong tuyệt vọng mà suy tính thiệt hơn. Muốn xử lý tốt những thứ này thì chúng ta phải bắt đầu học theo tôn chỉ đúng đắn. Phải tìm con đường đi bắt đầu từ Đế vương học của người xưa.

Phần 9: Tể Tướng dụng nhân

Chúng ta có thể thấy rằng, từ việc nhà đến việc quốc gia, chỉ cần liên quan đến quản lý con người, thì đều thuộc về phạm trù rộng lớn Đế vương học. Cho dù quy mô, phạm vi khác nhau, nhưng trí tuệ cốt lõi để xử lý vấn đề lại như nhau, then chốt của trị quốc và tề gia chính là ở một chữ "đức". Khổng Tử nói: "Cầm quyền phải coi trọng đức", lần đầu tiên đứng từ góc độ xử lý việc quốc sự – việc cụ thể và cũng là quan trọng nhất – để nói rõ vai trò thực sự của "đức", cũng chính là làm sao vận dụng chữ "đức" để xử lý việc quốc sự. Bởi vì "đức" là tôn chỉ của tất cả các nghề nghiệp, xa rời tôn chỉ này, thì dù bạn là người có kỹ năng chuyên môn cao đến đâu, đều có thể trở thành thứ vũ khí sắc bén bị người khác khống chế, đương nhiên kiến thức, tầm nhìn cũng sẽ hạn hẹp, không thể nắm được toàn cục, rất dễ rơi vào tình huống bị động.

Masahiro Yasuoka, người được xem là thầy của thủ tướng Nhật Bản thời cận đại đã từng chỉ rõ rằng, những người làm chính trị chỉ có năng lực chuyên môn hoặc kỹ năng thì không thể được gọi là chính trị gia được, chỉ có thể được coi là nhà chuyên môn thực hiện công việc cụ thể mà thôi. Sự khác biệt giữa hai loại người này chính là ở sự khác nhau về kiến thức và đức độ. Kỳ thực, nói thẳng ra biểu hiện bề ngoài chính là sự khác nhau về đạo đức. Đức nhiều hay ít thực sự quyết định trí tuệ cao hay thấp.

Chính trị gia không phải là nhà chuyên môn

Masahiro Yasuoka khi nghiên cứu các tể tướng, cũng không tách rời lịch sử Trung Quốc, khi nói về sự khác nhau giữa chính trị gia và nhà chuyên môn, ông đã nêu ra hai ví

dụ đều là những danh tướng Trung Quốc cổ đại. Trong đó có câu chuyện Bính Cát hỏi trâu mà mọi người đều quen thuộc.

Câu chuyện này trích trong *Hán Thư – Bính Cát truyện*, thời Hán Tuyên Đế triều Hán, vào một ngày cuối xuân tể tướng Bính Cát đi ra ngoài, gặp người đi đường đánh lộn nhau, thấy có người chết nằm bên đường, nhưng Bính Cát lại không hỏi han gì mà cho xe đi qua, người hầu cảm thấy rất kỳ lạ. Không ngờ một lúc sau, thấy một con trâu tập tễnh, thở hồng hộc được một lão nông dắt qua, Bính Cát lại vô cùng ngạc nhiên như gặp kẻ địch, lập tức bảo người hầu dừng xe hỏi ông lão nguyên do tại sao.

Thuộc hạ cảm thấy rất khó hiểu, bèn hỏi Bính Cát vì sao lại coi trọng súc vật mà lãnh đạm với con người như thế.

Bính Cát trả lời: "Người đi đường ẩu đả đã có quan địa phương như Kinh Triệu Doãn xử lý rồi, ta chỉ cần lúc nào tiện thì tra lại chính tích (thành tích làm việc trong khi tại chức của quan lại) của ông ta thôi, có công thì thưởng, có tội thì phạt, như thế là được rồi. Tể tướng là chức quan cao cấp trong triều, việc hệ trọng mà ta cần quan tâm là những việc đại sự quốc gia (không phải là những việc ẩu đả nhỏ này). Nhưng việc hỏi trâu lại khác, nếu là mùa xuân, thời tiết vẫn không phải nóng quá, con trâu đó lại thở gấp vì nóng, như vậy chứng tỏ thời tiết hiện tại không được bình thường lắm, việc đồng áng tất sẽ vì thế mà bị ảnh hưởng. Cho nên, ta qua hỏi thăm về con trâu".

Masahiro Yasuoka cho rằng đây mới là chính trị gia chân chính, không bị hãm vào những sự việc cụ thể mà biết suy xét vấn đề một cách toàn cục. Cách nói của ông có chỗ đúng, nhưng vẫn chưa chạm đến căn bản.

Bính Cát nhận thức như thế nào về nhiệm vụ trọng yếu của tể tướng

Đọc câu chuyện này, chúng ta thấy Bính Cát không phải không quan tâm gì đến tính mạng con người, ngược lại, đây mới là cách làm của một vị tể tướng thực sự yêu dân. Trong tâm ông rất rõ ràng rằng, nơi xảy ra sự việc ẩu đả tất nhiên sẽ có quan lại và bộ phận quản lý trật tự của địa phương đến xử lý, ông chỉ cần giám sát chính tích về đức hạnh của các quan, ông chỉ cần có mắt nhìn người, tuyển chọn người hiền tài có năng lực gánh vác là được. Đương nhiên người có tội, người tắc trách thì phải bị trừng phạt, cảnh cáo hoặc cách chức. Nếu làm tốt những việc này, thì những quan chức hiền đức sẽ có thể xử lý tốt những việc ẩu đả này, từ đó có thể căn bản chăm sóc tốt cho người dân toàn quốc. Nếu quan lại các nơi đức hạnh kém, đó mới thực sự khiến người dân gặp nguy khốn. Một mình tể tướng dù có bao nhiêu sức lực, có thương xót người dân bao nhiêu đi nữa cũng không thể đích thân đến từng nơi trên toàn quốc để xử lý những sự việc này. Cho nên, có mắt nhìn người, lựa chọn người tài đức cho vua mới là việc lấy đức trị quốc của tể tướng, mới khởi được tác dụng căn bản của tể tướng, mới có thể thực sự giúp người dân được hưởng lợi.

Còn ý nghĩa của việc Bính Cát thấy trâu thở dốc, không phải ông quan tâm đến con trâu mà là quan tâm đến con người, ông lo rằng thời tiết không bình thường sẽ ảnh hưởng đến việc trồng trọt cấy hái, điều này liên quan đến sinh kế của cả quốc gia, là việc lớn liên quan đến sự tồn vong của người dân. Nếu việc trồng trọt cấy hái có vấn đề sẽ xảy ra nạn đói, đó mới là việc đáng sợ nhất, người chết sẽ không phải chỉ có một, hai người nữa.

Cũng chính là nói, tể tướng là người thay cho vua nắm toàn cục, phải hiểu rất rõ đâu là nhiệm vụ trọng yếu của bản thân. Ông không phải là người đi xử lý những vụ việc

cụ thể, mà là người biết nhìn người và dùng người, điểm này Masahiro Yasuoka nói rất đúng. Nhưng vấn đề là, người ta cũng có thể nói rằng nhìn người và dùng người chính là nhiệm vụ cụ thể của tể tướng, người ở vị trí này vẫn phải nắm vững những bước làm cụ thể. Thực ra, nên nói ngược lại, tu dưỡng nhiều đến đâu, nhân đức lớn đến đâu thì sẽ có kiến thức và phong thái lớn đến đó, tự nhiên sẽ có thể nắm vững toàn cục. Nếu bản thân không có đức thì sẽ không thể công chính vô tư, lòng dạ tự nhiên sẽ hẹp hòi, sẽ thích nghe lời hay, nhãn quan tự nhiên sẽ thấp, kiến thức tự nhiên sẽ hạn hẹp, nhìn người cũng sẽ không chuẩn xác, thì sẽ càng không thể nắm vững toàn cục.

Tể tướng trị quốc – đức là tiên quyết

Vậy tể tướng nên nhìn người và dùng người như thế nào? Đâu là tiêu chuẩn? Câu trả lời rất đơn giản, lấy đức làm tôn chỉ, làm tiên quyết, sau đó mới là tài năng, nếu không thiên hạ tất sẽ đại loạn, địa vị thậm chí là tính mạng của chính tể tướng cũng khó mà giữ được.

Tể tướng nắm quyền tuyển chọn quan lại, có thể nói là dưới một người mà trên vạn người, rất nhiều lúc vận mệnh quốc gia nằm trong tay tể tướng. Tể tướng nếu kéo bè kết cánh, không yêu thương dân, chỉ nghĩ duy trì quyền lực của mình, thì không thể toàn tâm nghĩ cách chăm lo tốt cho người dân, như vậy những quan lại mà ông tuyển chọn sẽ là những kẻ xu nịnh chỉ biết làm vừa lòng ông, tâng bốc ông, bảo vệ ông. Dùng quyền lực để mưu cầu lợi ích cá nhân, sẽ dẫn đến nền chính trị hủ bại, áp bức bách tính. Ngược lại, bản thân tể tướng cũng sẽ bị người khác lợi dụng và điều khiển. Khổng Tử nói: "Xảo ngôn lệnh sắc, tiên hỹ nhân" (Nghĩa là: Lời nói khéo léo, sắc mặt cười lấy lòng, thì hiếm khi nhân đức). Những người nịnh nọt, tâng bốc này đều chỉ vì tư lợi cho bản thân, không thực tâm đối đãi với người

khác. Cuối cùng chẳng qua chỉ là lợi dụng lẫn nhau. Tể tướng nếu vô đức, quan lại bên dưới tất nhiên sẽ vô đức, bản thân cũng không thể thoát khỏi kết cục bị người khác lợi dụng và phản bội.

Cho nên, một người có nhân đức, nói có đạo lý, tất nhiên sẽ đứng ở vị trí của bản thân mà suy nghĩ làm sao cầm quyền phải coi trọng đức, làm tể tướng khi xử lý việc chính sự phải lấy đức làm trung tâm. Cho nên Bính Cát với vai trò là tể tướng thay mặt vua tuyển chọn người hiền tài, giám sát các quan cũng phải lấy đức làm trung tâm. Dùng tiêu chuẩn đạo đức để đánh giá chính tích của quan lại, từ đó tuyển chọn người tài. Việc ông làm, bản chất chính là công việc chính sự chủ yếu của đế vương. Cũng là nội dung chủ yếu của Đế vương học. Có điều như vậy thì nhãn quan nhìn người của đế vương khi lựa chọn tể tướng lại trở nên rất quan trọng. Nếu nhìn nhận sai thì sẽ bị gian thần làm lại, bị gian thần lợi dụng và điều khiển. Tần Cối chính là một ví dụ mà mọi người đều biết rõ, ông ta đã gây ra những việc làm bán nước, hại chết Nhạc Phi, làm cho cha con Tống Huy Tông phải chịu nhục cùng cực, bị nước Kim giam cầm, không thể trở về triều. Tống Huy Tông có thể coi là vị hoàng đế phải chịu nhục nhã nhất trong lịch sử vì dùng người không đúng mà phản tác dụng.

Lời kết

Câu chuyện này thực chất để nói rõ hai điểm, thứ nhất là người làm chính trị ở vị trí khác nhau sẽ có những nhiệm vụ chủ yếu khác nhau, không thể đánh đồng với nhau. Đây cũng là một cách hiểu cụ thể của câu "Bất tại kỳ vị bất mưu kỳ chính" (Nghĩa là: Không ở vị trí ấy thì không bàn luận mưu tính việc ấy); Thứ hai chính là điều quan trọng nhất, dù ở vị trí nào, xử lý nhiệm vụ nào cũng đều phải lấy đức làm trung tâm, nếu không không những sẽ không có trí tuệ để

xử lý công việc, mà còn bị rối loạn. Ví dụ việc chính sự của tể tướng, nếu ông chỉ biết làm việc chính sự của mình mà lại vô đức, tuyển chọn những người ỷ quyền mưu tư lợi, tham ô trái pháp luật, như vậy quốc gia chẳng bao lâu tất sẽ loạn, nhân tâm tất sẽ bại hoại, các nơi liên tục nổi loạn. Đến lúc đó, địa vị của tể tướng cũng không ổn định, những chuyện đánh nhau sứt đầu mẻ trán cũng theo nhau xuất hiện, tất nhiên tể tướng cũng không được yên thân. Những bài học như thế trong lịch sử có rất nhiều.

Vì thế không ở vị trí của họ tuy rằng không bàn luận mưu tính việc của họ, nhưng người ở vị trí đó, tất phải biết lấy đức trị quốc. Nếu không như thế thì sẽ không có tư cách để ngồi ở vị trí đó, cho dù có ngồi ở vị trí đó cũng không ổn định, không tại vị được lâu. Đế vương vô đức sẽ bị lật đổ, tể tướng hay quan lại vô đức sẽ bị kết tội, hoặc sẽ chịu họa tống vào lao ngục. Đạo lý này vẫn đang xảy ra ở Trung Quốc ngày nay, chỉ là thời gian báo ứng sớm muộn khác nhau mà thôi.

Đương nhiên, đây cũng chính là lý do vì sao thời cổ đại các thánh hiền khi cưới vợ lại trọng đức, tuyển chọn người hiền. Việc tề gia cũng cần hiền thê mới có thể quản lý tốt, gia đình mới hòa thuận, hưng thịnh.

Masahiro Yasuoka nêu ra câu chuyện này để nhắc nhở mọi người không nên trở thành người chỉ hiểu nghiệp vụ và kỹ năng mà không hiểu thiện ác, thị phi, đánh mất tôn chỉ làm người. Phân biệt chính trị gia và nhà chuyên môn, nói thẳng ra là phân biệt người có đức và người vô đức. Không có đức định hướng cho tài năng, chỉ đạo cho nghiệp vụ thì tài năng và kỹ năng của người ta sẽ bị dùng vào việc xấu.

Sau khi hiểu được những điều này, quay lại xem tôn chỉ cầm quyền và đạo quân vương trong *Trinh Quán Chính Yếu*, sẽ thấy vô cùng cảm kích.

Phần 10: Mục đích của việc kinh doanh

Ở Nhật Bản, nói đến quản trị doanh nghiệp hay kinh tế học có khái niệm mục đích và mục tiêu. Người Nhật cho rằng mục đích liên quan đến giá trị quan về "đức", còn mục tiêu chỉ những điểm mốc mà mỗi giai đoạn cần đạt đến để thực hiện được mục đích. Mục tiêu là phương pháp, chứ không phải là mục đích cuối cùng. Lý giải khái niệm này như thế nào? Nó có quan hệ gì với người bình thường chúng ta và có quan hệ gì với tôn chỉ trong *Trinh Quán Chính Yếu*?

Nhìn từ mục đích và mục tiêu học tập của trẻ em

Chúng ta hãy lấy ví dụ về giáo dục trẻ em, ví như trẻ nhỏ đi học, có đứa trẻ rất may là vì từ nhỏ khi học trung học đã thấy bố mình làm bác sỹ, làm công việc chữa bệnh cứu người, nên dần dần ý thức được rằng công việc này rất ý nghĩa, có thể cứu giúp cho rất nhiều người. Nên từ trung học nó đã định ra chí hướng tương lai mình phải trở thành một bác sỹ, mục đích là thông qua công việc bác sỹ đạt được ý nghĩa đời mình, theo cách nói của những nho sinh thời xưa là bằng con đường làm bác sỹ để hoàn thành chí hướng cứu giúp người dân, thực hiện ý nghĩa đời người của mình, đó là mục đích. Vậy là đứa trẻ đã này có mục đích, vậy thì cần phải bắt đầu vạch ra mục tiêu kế hoạch cho mỗi giai đoạn, mục tiêu lớn nhất tất nhiên là trở thành bác sỹ, nếu không sẽ không có tư cách hành nghề y cứu người. Như vậy để có thể hành nghề y thì phải thi vào trường đại học y hoặc trường đại học có khoa y, do vậy thi vào đại học y trở thành mục tiêu học tập ở trường trung học phổ thông, vì thế bước đầu tiên khi kết thúc trung học cơ sở chính là phải thi vào một trường trung học phổ thông để sau này có thể thi được vào trường đại học y.

Thế là trung học phổ thông, đại học y, bác sỹ đã trở thành những điểm mốc phải đi qua để đạt được mục đích chữa bệnh cứu người. Nếu ngay cả chữa bệnh cứu người cũng là mục tiêu, thì như vậy mục đích cuối cùng chính là thông qua việc chữa bệnh cứu người để thực hiện được ý nghĩa nhân sinh của đời này, trở thành ý nghĩa sống của đời này. Con đường đi từ trung học phổ thông, đại học, thậm chí đến công việc bác sỹ, đều xoay quanh mục đích này, đều là phương thức và biện pháp cụ thể để thực hiện ý nghĩa cuộc đời. Nếu xa rời mục đích này mà nói về mục tiêu và biện pháp thì sẽ rất rối loạn, cuộc đời con người tất nhiên sẽ không có phương hướng và chỗ dựa, đứa trẻ sẽ không còn nhiệt tình học tập, đây cũng chính là lý do căn bản vì sao rất nhiều người sau khi lên đại học, hoặc đã đi làm, thậm chí đã có được một chút thành tựu, sự nghiệp thành đạt rồi, lại quay sang chìm đắm trong hưởng thụ tiền bạc, nhưng tâm hồn vẫn cảm thấy trống rỗng. Đây cũng chính là lý do vì sao từ nhỏ cần phải xác lập một giá trị quan sống lấy đức làm căn bản.

Việc này cũng giống như viết một bài văn, không xác định mục đích chính cần biểu đạt đã bắt đầu viết, thì cũng thành như quyển sổ ghi chép, liệt kê rất nhiều luận điểm, vô cùng rối loạn. Còn khi đã xác lập được mục đích chính cần biểu đạt, sau đó thu thập tài liệu, xác định lối viết, thậm chí nhắm vào năng lực tiếp thu và nhu cầu của đối tượng người đọc mà cân nhắc, rồi mới sắp xếp bài văn thì bài văn viết ra sẽ rất mạch lạc.

Cũng tức là nói, chúng ta không phải vì thi đại học mà thi đại học, cũng không phải là vì viết văn mà viết văn, nếu không có chút giá trị nào với nhân loại, nếu không thể thông qua thi đại học hay viết văn để xử lý những vấn đề nhất định của con người, thì việc thi đại học hay viết văn đó sẽ không có giá trị, điều này cần phải suy nghĩ kỹ trước khi thi đại học hay cầm bút viết.

Doanh nghiệp kinh doanh kiếm lợi nhuận không phải là mục đích

Cũng với lý thuyết đó, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp cũng là biện pháp để đạt được mục đích của doanh nghiệp. Rất nhiều người vào công ty, lúc đầu chỉ vì cuộc sống, điều này cũng không có gì đáng trách, nuôi sống gia đình cũng là nghĩa vụ và trách nhiệm đầu tiên mỗi người cần phải làm. Nếu chỉ vỏn vẹn lấy đó làm ý nghĩa cuộc sống của mình, vậy cũng được, mỗi người mỗi chí hướng, không có phân đúng sai tuyệt đối. Tuy nhiên trong thực tế dường như đại đa số mọi người sẽ không chỉ dừng ở đây, ít nhiều đều đã từng nghĩ về mục đích sống của đời mình.

Không ít người sau khi có được chút thành tựu nhỏ hoặc trở thành quản lý cấp cao, cũng tức là sau khi dùng kỹ năng chuyên môn và tri thức của bản thân để hoàn thành những mục tiêu do công ty đặt ra, ví dụ như làm ăn dần có lãi, sau vài năm lãi được bao nhiêu, đạt được vị trí lãnh đạo, rất nhiều người đột nhiên từ trạng thái căng thẳng được thả lỏng, lại bỗng chốc mất đi mục tiêu, cảm thấy vô cùng trống trải, mất đi động lực. Điều đó nói lên rằng, họ không biết bản thân mình vì sao lại quản lý kinh doanh.

Khi nghiên cứu vấn đề này, giới học thuật Nhật Bản đã thảo luận về vấn đề tồn tại phổ biến này. Họ nhận thấy những người có triết lý doanh nghiệp, biết dùng hình thức doanh nghiệp để hoàn thành ý nghĩa cuộc đời mình, cống hiến cho xã hội, thì sẽ quan tâm tới vấn đề và nhu cầu của người khác, có tầm nhìn khoáng đạt, suy nghĩ đến lợi ích chung của mọi người, nghĩ cho người khác thay vì bản thân mình. Doanh nghiệp như vậy vĩnh viễn sẽ không bị xã hội đào thải. Vì thế điều mà một số doanh nghiệp sau nhất phải nghĩ đến không phải là kiếm được bao nhiêu tiền, mà là vì sao phải kiếm tiến, kiếm được tiền rồi thì làm sao để quay trở lại phục vụ và cống hiến cho xã hội. Đây không phải là

một khẩu hiệu cao đẹp mà là ý nghĩa và mục đích tồn tại lâu dài; cũng là đảm bảo căn bản để người làm kinh doanh không mất đi mục tiêu và động lực của mình. Đây là bài học và kinh nghiệm mà rất nhiều nhà kinh doanh và nhà tư bản công nghiệp Nhật Bản thời gian dài đúc kết được. Nếu chỉ vì hưởng thụ cá nhân hoặc vì công danh, một khi có được chút thành tựu nhỏ thì sẽ mất đi mục tiêu, bắt đầu vênh vang, phóng túng, công ty chắc chắn sẽ không tồn tại lâu dài.

Đạo làm vua mà Đường Thái Tông coi trọng nhất

Vậy thì nói đến vấn đề hiện nay, quay trở lại xem *Trinh Quán Chính Yếu*, chúng ta sẽ hiểu ra chương đầu tiên của cuốn sách giảng về nguyên nhân của đạo làm vua. Hơn nữa bốn chữ "vi quân chi đạo" (đạo làm vua) này, giống như cách viết "vi chính dĩ đức" trong *Luận ngữ*, khai bút chính là lời của Đường Thái Tông. Chúng ta cùng xem đoạn đầu tiên trong chương thứ nhất "Đạo làm vua":

Đầu những năm Trinh Quán thứ nhất, Đường Thái Tông bảo các đại thần thị tòng:

– Đạo làm vua là phải bảo tồn dân trước nhất, nếu hại dân để nuôi mình thì giống như cắt thịt đùi mình lèn bụng, bụng tuy no đầy nhưng người sẽ chết. Nếu muốn yên thiên hạ thì trước nhất bản thân phải có hành vi đúng đắn. Chẳng bao giờ có chuyện thân ngay mà bóng cong, trên trị vì tốt mà dưới hỗn loạn. Ta thường nghĩ, cái làm tổn thương bản thân ta không xuất phát từ vật ngoài thân, mà phần lớn là tai họa do các sở thích và ham muốn gây nên. Nếu quá yêu thích của ngon vật lạ, chìm đắm trong tửu sắc thì ham muốn nhiều ắt cũng tổn thương lớn. Điều này vừa có hại đến việc trị nước, vừa phiền nhiễu dân. Huống chi lại nói ra những điều trái đạo lý thì sẽ khiến lòng dân ly tán, oán hận sản sinh, việc phản nghịch cũng xuất hiện. Cứ nghĩ đến những điều này ta lại không dám buông thả ham muốn để theo đòi hưởng lạc.

Quan Gián nghị đại phu Ngụy Trưng đáp lời:

– Bậc minh quân thời xưa phần lớn biết tu dưỡng bản thân nên có thể trông xa thấy rộng. Xưa nước Sở tuyển dụng Chiêm Hà, hỏi ông đạo trị nước. Chiêm Hà dùng phương pháp chú trọng tu dưỡng phẩm đức bản thân để trả lời. Vua Sở lại hỏi hiệu quả trị nước ra sao? Chiêm Hà đáp: "Chưa từng nghe nói phẩm hạnh bản thân đứng đắn mà nước nhà vẫn rối ren". Điều bệ hạ hiểu quả thực phù hợp với đạo lý cổ xưa.

Qua đoạn văn này, có thể thấy đây là đoạn đối thoại giữa Đường Thái Tông và Ngụy Trưng, Thái Tông bắt đầu từ đạo làm vua, có thể thấy điều ông nghĩ đến đầu tiên là tôn chỉ làm vua, đó chính là trước tiên nghĩ đến dân, sau mới nghĩ đến mình. Đây là thể hiện cụ thể của việc lấy đức trị quốc. Nếu không sẽ hại người hại mình, đi đến diệt vong. Cho nên để ổn định thiên hạ, điều quan trọng trong trị quốc chính là trước tiên tu chính bản thân, cảnh giác với những nguy hại do hưởng thụ và an dật đem lại. Bản thân mình tu tốt rồi, hiểu được nhân ái, quan tâm che chở người dân rồi, việc tuyển chọn người hiền tài cùng các chính sách, mục tiêu cụ thể của đất nước đều sẽ xoay quanh cuộc sống mưu sinh của người dân, quốc gia tự nhiên sẽ thịnh trị, người dân yên ổn, thiên hạ thái bình. Tôn chỉ trị quốc của Thái Tông ngay từ đầu đã rất rõ ràng và đúng đắn, nhờ con đường thông suốt nên đã tạo nên thời kỳ thịnh thế xưa nay chưa từng có.

Tư tưởng thể hiện ở đây, dù là Thái Tông hay là Ngụy Trưng, đều là tư tưởng "tu thân, tề gia, trị quốc bình thiên hạ" của Tăng Tử. Mà tư tưởng này, vốn là sở học thân truyền từ đạo hiếu mở rộng đến đạo trị quốc mà Khổng Tử giảng cho Tăng Tử. Lấy nhân đức làm cốt lõi (mọi người có thể tham chiếu chương đầu tiên – "Học nhi thiên" của *Luận ngữ*. Tôn chỉ căn bản của nho học chính là ở phần đầu của mấy đoạn này.)

Cho nên trong quản trị kinh doanh, cốt lõi cao nhất chính là đức, điều trước tiên và sau nhất mà doanh nghiệp

phải suy nghĩ đến chính là lợi ích đối với xã hội, chứ không phải lợi ích của con người. Coi đó là mục đích kinh doanh mới có thể đắc nhân tâm, mới có thể bền vững lâu dài, mới không bị mất đi phương hướng, chỉ nhìn cái lợi trước mắt. Cuộc đời mỗi con người cũng như thế.

Phần 11: Bốn đẳng cấp thế nhân

Nhắc đến đức, con người ngày nay cho rằng người xưa chỉ muốn tán dương những đạo lý tốt đẹp, người ta hoàn toàn không ý thức được rằng, muốn trở thành bậc trí tuệ hơn người thì từng phút từng giây đều phải nhớ kỹ chữ đức này, mới có thể ở vị trí cao, có con mắt tinh tường, nếu không tất sẽ luẩn quẩn trong giáo điều và bảo thủ, cũng tức là rơi vào đường cùng. Nói về các khía cạnh luân lý, lễ giáo, trí tuệ, pháp luật, giáo dục và nghệ thuật mà không nhắc đến chữ đức thì đều đi đến cực đoan. Do vậy câu mở đầu của Trinh Quán Chính yếu đã đi thẳng vào chủ đề, dùng câu nói của Đường Thái Tông "Đạo của người làm vua, tất phải nghĩ đến bách tính trước tiên" để bắt đầu thảo luận với quần thần, định ra nguyên nhân tại sao toàn bộ cuốn sách này lại lấy đức làm tôn chỉ. Điều này mục đích là giáo huấn những người quản lý đất nước đời sau khi làm việc chính sự trị quốc (gồm cả việc tề gia) chớ quên rằng đức là cốt lõi quan trọng. Dù tương lai gặp việc chính sự cụ thể nào, thì tôn chỉ này cũng sẽ trở thành cương lĩnh danh chính ngôn thuận nhất, sự việc dù phức tạp đến đâu nó đều có thể giúp con người tìm ra manh mối giải quyết, không đi theo giáo điều cực đoan, tránh cho bản thân bị cuốn theo sự phức tạp và hỗn loạn của sự việc hay các trường phái, học thuyết mà không thoát ra được, không biết phải giải quyết thế nào, cuối cùng mất đi phương hướng.

Lời giáo huấn trong Tư trị thông giám

Thực ra, nhắc tới sách giáo khoa của đế vương còn có cuốn *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang đời Tống mà khá nhiều người biết rõ, tên cuốn sách có ý nghĩa gì, nghĩa là có thể trợ giúp việc quản lý đất nước, làm tư liệu tham khảo

thông dụng cho người quản lý đất nước. Nội dung tư liệu trong Tư trị thông giám vô cùng phong phú, nó hoàn toàn khác với các cuốn sách sử học khác, nội dung của nó gồm các sự việc điển hình mang tính chính diện và phản diện liên quan đến hưng vong, dẹp loạn của các triều đại trước đời nhà Tống. Sự kiện lớn hay nhỏ đều được phân tích kinh nghiệm và rút ra bài học trị quốc, cho nên có thể nói đây là một kho tàng lớn tổng hợp các bài học trị quốc rất có giá trị tham khảo. Nhưng con người hiện đại lại dễ hiểu lầm, không nắm được yếu lĩnh của cuốn sách này. Bởi vì trong chương mở đầu bàn luận về lễ quân thần và luận về luân thường kỷ cương triều đình, Tư Mã Quang cho rằng cần giáo dục nhân đức cơ bản cho nho sinh, giáo dục là để người học hiểu đạo lý làm người, để trở thành người đức hạnh, lương thiện, sau đó lập chí báo quốc, đây cũng chính là tôn chỉ giáo dục làm người cơ bản. Khi hiểu được tôn chỉ làm người phải trọng đức, chúng ta mới có thể lý giải được tại sao Tư Mã Quang lại coi trọng kỷ cương triều đình như vậy. Trong chương mở đầu luận lễ nghĩa kỷ cương triều đình, những người đời sau hoàn toàn bị tách ly khỏi giáo dục tứ thư ngũ kinh của nho giáo thì khó mà lý giải được điều này, rất có thể đó là nguyên nhân bị Trung Cộng phê phán là duy hộ lễ giáo phong kiến.

Kỳ thực bản thân lễ giáo vốn không có ý nghĩa châm biếm, lễ giáo phong kiến ngày nay mang nghĩa xấu cũng do Trung Cộng đã cắt đứt mối liên hệ của người Trung Quốc với tổ tiên, khiến người Trung Quốc tự hạ thấp, tự cười nhạo văn hóa của bản thân mình mà tự rời xa tất cả các kinh sách cổ đại, không nhìn ra được cái cốt lõi của sự thật mà cố ý bẻ cong một cách ác ý. Chúng dùng các tiểu thuyết văn học, tác phẩm điện ảnh để khắc họa hình ảnh những quan lại và nho sinh thời cổ đại thành những kẻ hủ bại, những người cố chấp nực cười, những kẻ ngu muội chỉ biết một mực bảo vệ lễ pháp và giáo điều làm người. Thủ đoạn thâm độc này đã khiến cho người Trung Quốc tự rời xa tổ tiên mình, không

nhận ra được trí tuệ vĩ đại của tổ tiên, không nhìn thấy sự tốt đẹp của 'Lễ nghi chi bang'. Còn ngày nay, rất nhiều người Trung Quốc chỉ khi đến Nhật Bản mới cảm thấy kinh ngạc và ngưỡng mộ vì sao người Nhật Bản lại nho nhã, lễ nghĩa như vậy. Vốn dĩ những điều này đều từ Trung Quốc truyền tới Nhật Bản. Thực ra, dùng lễ để giáo hóa dân chúng chính là dùng lễ giáo, khiến con người dùng lễ nghĩa để đối nhân xử thế, bản thân điều này căn bản không sai, sai ở chỗ sau khi Trung Cộng phê phán, đả kích toàn bộ Nho – Thích – Đạo, nền giáo dục cách làm người truyền thống càng bị mai một đi, cũng không còn ai biết đến tôn chỉ lấy đức làm gốc của giáo dục truyền thống nữa. Cứ nói đến lễ giáo thì con người hiện đại sẽ không thể lý giải được, cũng có thể tùy tiện giải thích sai lệch và bẻ cong.

Phá bỏ lời dối trá về Tam tự kinh

Muốn phá bỏ lời dối trá này thực ra rất đơn giản, chỉ cần tìm hiểu qua về triều Tống ngay từ đầu đã cho học sinh học cuốn sách giáo khoa *Tam tự kinh*, hơn nữa chỉ cần học sáu câu đầu (Nhân chi sơ, Tính bản thiện; Tính tương cận, Tập tương viễn; Cẩu bất giáo, Tính nãi thiên) là hiểu ngay rằng nền giáo dục chính thống của nho sinh đầu tiên phải hiểu vì sao cần được giáo dục. Sáu câu này đã nói rõ mục đích của giáo dục là giữ gìn bản tính thiện lương của con người, giúp cho bản tính thiện lương này không chịu ảnh hưởng, tác động của xã hội mà bị che lấp. Không được giáo dục thì con người sẽ rời xa bản tính, rời xa sự thiện lương trời ban cho. Có thể thấy đây là tôn chỉ căn bản của nền giáo dục thời xưa. Mà lễ giáo chính là phương thức bề ngoài và thông dụng để duy trì đạo đức, con người cần được trang bị những lễ giáo và luân lý làm người cơ bản này mới có thể thành công trong xã hội, mới có thể biết cách đối nhân xử thế cơ bản. Các dân tộc, quốc gia khác nhau tất nhiên có lễ nghĩa và phép tắc

khác nhau, nhưng đều có mục đích cơ bản chung là giúp con người đối xử thiện với nhau.

Vì vậy, nếu không đứng trên tôn chỉ đạo đức để nói về lễ nghĩa và phép tắc, cho dù bản thân người viết hiểu rõ tôn chỉ căn bản của lễ nghĩa và phép tắc là nhân đức, thì người đời sau do bị tà đảng lợi dụng mà sẽ giải thích sai lệch và công kích người viết. Vì vậy trước tiên cần phải làm rõ điểm này, nếu không cũng sẽ bị Trung Cộng lừa dối mà thù hận truyền thống. Có thể thấy, dù viết sách hay làm người, dù làm nghề nghiệp nào đều phải luôn nhớ chữ đức này. Đây cũng chính là lý do ngay từ đầu tôi lựa chọn Trinh Quán Chính yếu để bàn về đế vương học. Không chỉ có Đường Thái Tông hiểu rõ đức là tôn chỉ của đạo lý này, mà những người chỉnh lý sách sử, những người viết sử cũng hiểu rất rõ đạo lý này, cho nên thời kỳ thịnh thế thiên cổ đời Trinh Quán nhà Đường không phải ngẫu nhiên, đó là nhờ quân thần đều hiểu rõ đạo lý lớn này. Sự nghiệp trị quốc của Thái Tông nhờ nắm vững yếu lĩnh về chữ đức này, nắm vững yếu lĩnh trị quốc của bậc thánh vương nên mới không ngừng thăng hoa, thịnh trị, chỉ nhìn qua vấn đề cũng có thể nhanh chóng thấy được điểm mấu chốt và đưa ra kết luận.

Tư Mã Quang phân chia con người thành bốn đẳng cấp

Vậy thì Tư Mã Quang có biết được tầm quan trọng của chữ đức không? Đương nhiên ông biết, ông phân chia con người thành bốn loại người, cũng tức là bốn đẳng cấp, sự phân chia này hoàn toàn dựa trên chữ đức: Cấp cao nhất là bậc thánh nhân, là người có đức có tài, nghĩa là đức cao thì tài trí cũng cao; cấp tiếp theo là bậc hiền nhân, đức cao nhưng tài trí có phần kém hơn; loại thứ ba là kẻ ngu dốt, không có đức cũng không có tài, tuy rằng không có đức nhưng vì không có tài trí nên không thể làm nên việc ác nào

lớn, không gây tác hại lớn đối với xã hội; loại cuối cùng là tiểu nhân, đặc điểm của tiểu nhân là có tài nhưng không có đức. Tư Mã Quang coi loại người có tài nhưng không có đức là loại người tiểu nhân thấp nhất, vì những người này gây nguy hại nhiều hơn loại người ngu dốt. Lấy ví dụ một bác sỹ có tay nghề phẫu thuật cao, anh ta dùng "tay nghề phẫu thuật cao" này vào việc "giết người, hại người". Nếu nhìn vào giáo dục ngày nay chỉ trọng kỹ thuật mà không trọng đức, những sinh viên đại học có tay nghề cao này của chúng ta nên xếp vào loại người nào đây? Nhà nghiên cứu Hán học người Nhật Bản Nobuyuki Kaji từng nói rằng, nền giáo dục hiện đại đã tạo ra một lô những tiểu nhân. Nhìn chủ nghĩa sùng bái đồng tiền ngày nay, nhìn những con người tâm địa lạnh lùng, những hiện tượng đạo đức biến dị ngày nay, thì luận điểm này Nobuyuki Kaji không phải là lời nói suông để hù dọa người ta. Năm xưa Tư Mã Quang viết cuốn sử thư này trên cơ sở người đã tiếp nhận nền giáo dục căn bản của nho giáo, lúc đó người ta không cần phải nói về đức vẫn có thể hiểu được, vì thế mới dùng lối viết mở đầu đã giảng về luân thường đạo lý.

Pháp luật không coi trọng đức tất sẽ thành pháp luật xấu

Nghĩ lại, rất nhiều lĩnh vực đều vì không đề cao chữ đức mới dẫn đến sai lệch, ví dụ pháp luật nếu rời xa đức thì sẽ không phân biệt thiện ác đúng sai, cũng có thể bị người có quyền lực tùy tiện giải thích và quy định ra pháp luật xấu. (Sở dĩ lễ giáo bị công kích cũng là do Trung Cộng không nói cho mọi người biết tôn chỉ lễ giáo của tổ tiên người Trung Quốc là lấy đức làm gốc, từ đó nó có thể tùy ý giải thích sai lệch và bóp méo) Pháp luật vốn dĩ là biện pháp cưỡng chế để duy trì đạo đức cơ bản của nhân loại, từ đó duy trì trật tự xã hội. Vậy pháp luật xấu là gì, người xưa có đức, có thể phân

biệt rõ thiện ác đúng sai thì sẽ rất dễ nhận ra vấn đề. Nhưng pháp luật ngày nay đã rời xa đức, có quy định pháp luật đã biến dị thành để bảo vệ cho hành vi vô đạo đức, làm bại hoại luân thường đạo lý và hôn nhân gia đình. Con người đều đã trở nên hồ đồ, rời xa đạo đức một cách không có nguyên tắc, lấy cớ tự do nhân quyền tuyệt đối để duy hộ các loại sở thích và hành vi biến dị (như hôn nhân đồng tính…). Rời xa đức thì nhân loại sẽ rơi vào đường cùng không lối thoát. Xã hội hỗn loạn, nhân sinh lạc lối, chỉ có quay về với đức mới có thể tìm được gốc rễ vấn đề, không bị rơi vào giáo điều, hủ bại, một người lấy nhân nghĩa làm căn bản, khi nhìn nhận vấn đề sẽ rất sâu sắc, vì thế bậc đế vương có tố chất đức này có thể đưa ra quyết sách sáng suốt, trở thành minh quân. Do vậy, đoạn thứ hai của *Trinh Quán Chính yếu* bắt đầu bàn luận thế nào là minh quân.

Phần 12: Ôn nhu hài hòa

Đoạn hai trong *Trinh Quán Chính yếu* bàn luận về "thế nào là minh quân". Trọng tâm của đoạn này là đạo lý "nghe các ý kiến từ nhiều phương diện mới hiểu rõ được vấn đề". Nói một cách thông thường là cần nghe ý kiến từ nhiều phương diện rồi mới đưa ra quyết định, không nên nghe ý kiến một chiều đã tin ngay. Đoạn này khiến chúng ta liên tưởng đến đạo trung dung mà Khổng Tử dạy. Hàm nghĩa chính của trung dung chính là "quá do bất cập" (thái quá cũng như bất cập), cũng có nghĩa là không được đi đến cực đoan. Đối nghịch với trung dung là đạo của kẻ tiểu nhân, tất sẽ đi sang cực đoan, đi đến cùng đường mạt lộ. Đạo trung dung này thực chất chính là thể hiện nơi thế gian của đạo lý âm dương cân bằng của Đạo gia, đạo trung dung được Khổng Tử coi là cảnh giới tối cao của nhân đức. Cũng là điều con người khó làm được nhất, dễ lầm lạc nhất, vì lẽ đó mà con người rất dễ đi sang cực đoan, đánh mất trí tuệ, khiến cho không thể đưa ra quyết định sáng suốt.

Nhà Hán học người Nhật Bản Masahiro Yasuoka khi nghiên cứu lịch sử triều Tống đã sắc bén chỉ ra rằng: Triều đại nhà Tống quá chú trọng "văn" còn "võ" thì lại xem nhẹ, chỉ nghe các ý kiến của các văn nhân, dẫn đến trên chính đàn những lý luận sáo rỗng của giới văn nhân nhiều quá, khiến việc giải quyết các công việc thực tế bị sai lệch, các học phái, đảng phái tranh luận không ngớt, thời Tống Nhân Tông có vẻ hoà bình và phồn vinh, nhưng thực chất đã đi đến đường cùng.

Hiện tượng mà Masahiro Yasuoka nói đến kỳ thực là do quá khoan dung (nhu) trong khi chính nghĩa (cương) lại không đủ mạnh, khoan dung một cách vô nguyên tắc, dung túng cho kẻ xấu, cương nhu không hài hòa, khiến cho quốc gia đi đến cùng đường phải chịu khuất nhục. Điều này hoàn

toàn trái ngược với cách làm của Đường Thái Tông văn võ tương xứng, cương nhu cân bằng.

Thế nào là minh quân

Trước tiên chúng ta hãy đọc nguyên văn đoạn thứ hai của *Trinh Quán Chính yếu*:

Đoạn đối thoại này rất mộc mạc, năm Trinh Quán thứ hai, Đường Thái Tông hỏi đại thần Ngụy Trưng: "Thế nào là minh quân và hôn quân" Ngụy Trưng đáp: "Vua thánh minh là vì biết nghe ý kiến và quan điểm khác nhau ở nhiều phương diện; vua ngu tối là bởi chỉ biết nghe và tin lời một phía. Kinh thi viết: "Tiên nhân hữu ngôn, tuân vu sô nghiêu" (nghĩa là: người xưa có câu rằng hãy hỏi ý kiến của kẻ cắt cỏ và đốn củi). Xưa ông Nghiêu, ông Thuấn mở rộng cửa ngõ bốn phương để nắm tình hình của bốn phương tám hướng trong thiên hạ; mở rộng tai mắt để hiểu tình hình các nơi, lắng nghe các ý kiến khác nhau. Vì thế minh quân không việc gì không biết, cho nên những lời hoa mỹ của những loại người có tài không có đức như Cộng Cung, Cổn không thể bịt mắt được minh quân; lời xu nịnh và gian kế của lũ tiểu nhân gian tà cũng không thể mê hoặc được minh quân. Tần Nhị Thế thì không như vậy, sống trong thâm cung, xa lánh hiền thần, xa rời dân chúng, chỉ tin lời Triệu Cao, đến khi thiên hạ bang hoại, dân chúng phản loạn cũng không biết. Tùy Đạng Đế chỉ tin lời Ngu Thế Cơ, quân khởi nghĩa các lộ đánh lấy thành trì, cướp lấy hương ấp mà vẫn không hay biết. Bởi thế, vua mà biết chắt lọc lắng nghe, thu nạp rộng rãi các ý kiến của quần thần, tiếp thu kiến nghị của bề tôi thì đại thần dù quyền thế cao đến mấy cũng không thể che dấu tình hình bên dưới, bịt mắt vua, một tay che trời, mà tiếng kêu của bá tánh ắt có thể tới tai vua". Thái Tông rất tán thành ý kiến của Ngụy Trưng.

Luận giải của Ngụy Trưng rất rõ ràng, ông muốn Thái Tông biết lắng nghe nhiều ý kiến khác nhau, nghe nhiều rồi sẽ tự hiểu rõ, chỉ nghe một chiều sẽ phiến diện. Tiếp đó ông đưa ra các tấm gương tích cực trong lịch sử về hai vị hoàng đế thánh minh là Vua Nghiêu và Vua Thuấn, sau đó lại đưa ra các tấm gương xấu trong lịch sử là triều Tần và triều Tùy để chứng minh. Đây chính là tác dụng chủ yếu của việc người xưa đọc sử sách, có thể từ đó mà rút ra các lời giáo huấn tinh thâm. Nhưng đã là một vị đế vương thì những kinh nghiệm và lời giáo huấn thu về việc trị quốc tiếp thu được qua việc đọc sách lại càng quan trọng hơn, bởi vì điều đó liên quan đến vận mệnh của toàn thể quốc gia và dân chúng.

Lời của Ngụy Trưng tuy rằng nhằm mục đích để Thái Tông hiểu được tình hình của người dân, tình hình của quốc gia, từ đó không bị gian thần che mắt bịt tai, ngoài ra những lời này cũng lại phù hợp với đạo lý trung dung. Đạo làm quân vương giảng về đức, cái đạo lý về đức này ở đoạn đầu tiên đã khẳng định rằng Thái Tông phải nhân ái với bá tánh, bất cứ việc gì cũng phải nghĩ đến bá tánh trước tiên. Đã làm một vị quân vương thì bảo vệ và chăm lo tốt cho người dân của mình là trách nhiệm số một, đó cũng là nền tảng cơ sở của những bậc đế vương giảng về đức. Nhưng đoạn thứ hai lại nói với Thái Tông rằng không chỉ cần nhân ái mà còn phải thánh minh, phải có cả hai thứ này thì mới vận dụng tốt nhân nghĩa. Lòng nhân ái thì phải đi cùng chính nghĩa thì mới thể cương nhu hài hòa.

Đạo nhân nghĩa bắt nguồn từ Chu Dịch

Trong Quần thư trị yếu – Chu Dịch có một câu như sau: "Tích giả thánh nhân chi tác dịch dã. Tương dĩ thuận tính mệnh chi lí, thị dĩ lập thiên chi đạo viết âm dữ dương, lập đích chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa" (Nghĩa là: Ngày xưa thánh nhân sáng tạo ra Chu

Dịch, để phù hợp với tính chất của vạn vật và quy luật biến hóa của tự nhiên, nên đã sáng lập ra phương thức biểu đạt của trời gọi là âm và dương, sáng lập ra phương thức biểu đạt của đất gọi là nhu và cương, sáng lập ra phương thức biểu đạt làm người gọi là nhân và nghĩa).

Có thể thấy Khổng Tử cả đời giảng về nhân nghĩa, chính là giảng về đạo lý âm dương cân bằng mà Thánh Hoàng Phục Hy truyền lại, sau đó lại được Chu Văn Vương phát triển thành Chu Dịch, đó là đạo lý cương nhu tương hỗ thể hiện ở con người. "Nhân pháp địa, địa pháp thiên" (nghĩa là người thuận theo đất, đất thuận theo trời) của Lão Tử giảng lại càng rõ hơn. Con người học theo đạo lý cương nhu tương hỗ của đất, đất học theo đạo của trời về âm dương cân bằng. Đây chính là nói rằng đạo trung dung của Khổng Tử xuất phát từ nhân đức, nhưng nhân cần phải có nghĩa mới không đi sang cực đoan. Nghe và tin một chiều chắc chắn sẽ mất cân bằng.

Nhân chủ yếu thể hiện mặt nhu hòa và khoáng đạt, còn Nghĩa lại thể hiện sự cương chính, uy nghiêm không nặng tình cảm. Cho nên, chương mở đầu *Học nhi đệ nhất-Luận ngữ* của Khổng Tử đã nhắc nhở những nho sinh đời sau rằng: "Tín cận ư nghĩa, ngôn khả phục dã" (Nghĩa là: tín gần với nghĩa thì lời hứa có thể thực hiện được) nghĩa là chữ tín tuy là thể hiện của nhân đức, nhưng tất phải phù hợp với nghĩa lý thì mới có thể tin cậy được. Những đạo lý này đã được viết rất rõ trong chương mở đầu của *Luận ngữ.* Đáng tiếc thời nhà Tống có không ít các học giả đã dần dần lệch khỏi những lời dạy bảo của Khổng Tử, đưa ra các loại lý thuyết suông, cũng giống như nền giáo dục ngày nay, các loại lý thuyết và danh từ mới không ngừng xuất hiện, chỉ chú trọng nghiên cứu học thuật, mà quên mất tinh thần thực tiễn, cũng chính là quên mất dùng đạo lý nhân nghĩa để đối chiếu với hành vi của bản thân. Văn nhân thời đó, vì thích tranh luận không ngừng nên đã hình thành các học phái, phản ánh trên chính

đàn chính là sự hình thành các đảng phái và nhóm tranh chấp. Điều này đã làm mất đi đại nghĩa cương chính, khẳng khái, bao dung của các nho sinh thời đại Đường Thái Tông. Các nho sinh đời sau cũng vì thế mà dần dần đi lệch khỏi đạo trị quốc mà hai vị vua thánh hiền Nghiêu Thuấn để lại. Hàm nghĩa của đức cũng bắt đầu đi sang cực đoan.

Triều Tống vì lẽ đó mà nhất mực trọng văn khinh võ, nhất mực nói về nhân mà rời xa nghĩa, dẫn đến dương không đủ cứng rắn, nhiều lần nhân nhượng kẻ địch xâm phạm biên giới, đúng là chiều quá sinh hư, tiêu cực, bị động, chịu khuất nhục, đây là bài học giáo huấn sâu sắc. Nhưng nếu quá dựa vào sự cứng rắn của dương, quá coi trọng võ thì lại biến thành chính quyền bạo lực, vậy cũng không được. Cho nên Khổng Tử giảng hàm dưỡng, người quân tử phải hiểu rằng cần có giới hạn, không được thái quá, cần phải hiểu được tính trọng yếu của nhẫn.

Trung dung ghi lại lời nguyên gốc của Khổng Tử, giảng rằng "thái quá cũng như bất cập"

Trong *Trung dung*, Khổng Tử đã giảng một câu như thế này: Khổng Tử nói "Trung dung kì chí hĩ hồ! Dân tiển năng cửu hĩ" (Nghĩa là: Đạo trung dung là triết lý tối cao của nhân sinh! Đã lâu rồi người ta không còn làm được theo đạo lý này)

Ý nghĩa là gì? "Trung dung đó là đức hạnh tối cao! Mọi người rất khó nắm vững và vận dụng nó, điều này thực ra đã xảy ra rất lâu rồi!" Câu nói này đã nói rõ đức ở cảnh giới tối cao mà Khổng Tử lĩnh ngộ được chính là Trung dung. Nhưng những lĩnh ngộ này của Khổng Tử lại là nhờ nghiên cứu Kinh Dịch. Câu thành ngữ "Vĩ biên tam tuyệt" chính là nói về việc Khổng Tử nghiên cứu *Kinh Dịch* chuyên chú đến mức nhiều lần làm đứt cả dây da buộc sách trúc, tuổi đã cao mà vẫn

than thở rằng nếu có thể sống thêm một chút thì có thể lĩnh hội được nội hàm thâm sâu hơn.

Một đời Khổng Tử chỉ gánh vác trách nhiệm đi giảng giải và truyền thụ, giáo hóa đức hạnh cho các vị thánh vương thời cổ đại, bản thân ông chưa từng viết sách, ông vô cùng khiêm tốn và tôn kính tổ tiên và cho rằng mình còn chưa đến đâu, nên không dám coi những kinh thư mình chỉnh lý *Kinh Dịch, Kinh Thi, Thượng Thư* là thứ của mình, ông cho rằng bản thân mình lĩnh ngộ vẫn chưa đủ, cũng chính là chỉ dạy các đệ tử đời sau rằng những học vấn học được từ thời Tam Hoàng Ngũ Đế của nhà Hạ, Thương, Chu thì nhất thiết không được đem ra lập thành môn phái riêng, sáng tạo ra cái mới, để rồi đi đến cùng đường. Một số hiện tượng giáo điều, cổ hủ xuất hiện trong những nho sinh đời sau chính là hậu quả của việc đi lệch khỏi những lời Khổng Tử chỉ dạy. Những hiện tượng xấu này đã bị Trung Cộng lợi dụng để bóp méo và công kích giáo dục truyền thống. Mọi người đều không xem ngọn nguồn nên không biết sự thực của các kinh sách cổ. Đừng nhìn những hành vi và tư tưởng bất hảo cực đoan của một số nho sinh đời sau mà đổ trách nhiệm lên Khổng Tử, bôi nhọ tổ tiên của chính mình.

Trong *Trung dung*, Khổng Tử còn nói một câu thể hiện rất rõ ràng đạo lý "quá do bất cập": Khổng Tử nói "Đạo chi bất hành dã, ngã tri chi hĩ: Tri giả quá chi, ngu giả bất cập dã. Đạo chi bất minh dã, Ngã tri chi hĩ: hiền giả quá chi; bất tiếu giả bất cập dã" (Nghĩa là: Đạo không thực hành được thì ta đã biết rồi, ấy là do người trí thì thái quá, kẻ ngu tối thì không theo kịp. Đạo chẳng được người đời hiểu rõ thì ta cũng biết rồi, ấy là do người tài cán thì thái quá, kẻ tầm thường thì lại không theo kịp).

Đại ý của câu này là: Khổng Tử nói "Nguyên nhân không thể thực hành đạo trung dung được thì ta cũng biết rồi: Người thông minh tự cho là đúng, làm việc thái quá; kẻ ngu muội lại không đủ năng lực, làm bất cứ việc gì đều làm

không tới nơi tới chốn. Nguyên nhân mọi người không hiểu rõ đạo Trung dung thì ta cũng biết rồi: Người có tài cán thì làm thái quá; kẻ tầm thường lại không làm được". Tức là nói, mọi người đều đã đi đến cực đoan và không đạt được đến mức thánh minh nữa. Không được làm thái quá, cũng không được làm không đủ".

Người ta tưởng rằng *Trung dung* là do Tử Tư viết, kỳ thực phần lớn những điều được ghi chép trong đó đều là lời của Khổng Tử, đều là những điều Khổng Tử truyền dạy. Hiểu cách vận dụng đạo lý này thì có thể bất bại, ngay cả dùng vào việc quản lý gia đình cũng sẽ rất trí tuệ, sáng suốt, con cháu của chúng ta cũng sẽ không vì được nuông chiều quá mà trở thành hư hỏng.

Phần 13: Việc nhân sự nên có thủy có chung

Đọc sách sử nếu không giải quyết được những vấn đề hiện tại thì cũng thành đọc cuốn sách không thực tế, trở thành lý luận suông. Vì thế, trong phần này từ vấn đề phiền não của một người bạn làm kinh doanh của tôi, tôi muốn bàn luận xem nên ứng dụng lịch sử như thế nào vào cuộc sống của chúng ta. Xem xong câu chuyện này, chúng ta sẽ có lý giải sâu sắc hơn về Trinh Quán Chính yếu.

Vấn đề nan giải trong kinh doanh của người bạn

Cách đây không lâu, một người bạn mà tôi đã tám năm không gặp mặt đột nhiên gọi điện cho tôi, anh ấy nói với vẻ rất lo lắng rằng muốn gặp tôi để hỏi một số vấn đề về kinh doanh. Lúc này tôi mới biết rằng anh ấy đã bỏ nghề phóng viên để trở thành doanh nhân, bước chân vào giới kinh doanh Nhật Bản. Dù không biết anh ấy gặp việc gì, không biết liệu tôi có thể giải quyết được vấn đề của anh ấy không, nhưng vì đã lâu không gặp, tôi cũng muốn gặp anh ấy một chút, nhờ thế mà tôi mới có được một cuộc nói chuyện vận dụng lịch sử vào cuộc sống.

Vì thời gian gấp, lại liên quan đến vấn đề quản lý nhân sự của công ty, nên anh ấy không tiện tiết lộ cụ thể tình hình, chỉ nói với tôi rằng trước đây anh ấy rất thích xem một bộ phim Hàn Quốc là "Triết lý kinh doanh", anh ấy bước vào thương trường nhiều năm nay chính là hy vọng thực hiện được triết lý kinh doanh "kinh doanh chính là để mang lại điều tốt đẹp cho mọi người" chứ không phải để kiếm tiền. Ý anh ấy là đắc nhân tâm mới là đạo lý đúng đắn của kinh doanh. Hơn nữa, vì kiên trì niềm tin này nên công việc của anh ấy rất thuận lợi, anh đã giúp mở rộng thị trường và

tuyển dụng người tài cho công ty, trở thành quản lý cấp cao và cố vấn đắc lực cho chủ tịch công ty. Nhưng gần đây công ty vướng phải một vấn đề làm anh ấy rất khó xử, đó là có nên sa thải một nhân viên lâu năm hay không.

Câu chuyện như sau, người nhân viên lớn tuổi này năng lực thì bình thường mà phối hợp làm việc với người khác lại không tốt, không ít người oán trách người này, có người thậm chí vì thế mà bỏ việc, rõ ràng đã ảnh hưởng đến việc những người có năng lực ở lại công ty, khiến công ty chịu tổn thất rất lớn. Cho nên ban lãnh đạo công ty rất đau đầu khi phải cân nhắc sa thải người này. Việc này không thể trì hoãn được, cần phải lập tức đưa ra quyết định, cho nên ông chủ đang đợi ý kiến của anh ấy. Anh bạn tôi nói rằng sự việc này khiến anh rất khó xử, thực sự trong tâm cảm thấy không nỡ đuổi việc người này, vì ông ta tuổi đã cao, lại còn phải nuôi gia đình. Nhưng nếu không sa thải ông ấy thì sẽ ảnh hưởng đến lợi ích của công ty, dù sao thì công ty cũng không phải là trung tâm phúc lợi xã hội, dù có sa thải ông ấy thì đa số mọi người cũng cho là chuyện đương nhiên. Vì thế, nội tâm anh ấy rất mâu thuẫn, không biết việc sa thải người nhân viên lớn tuổi đó có đi ngược lại với lý tưởng mà anh ấy vẫn đeo đuổi bấy lâu nay không. Mà lãnh đạo công ty vẫn đang đợi ý kiến của anh.

Như vậy tức là, anh ấy lo mình xem trọng lợi ích mà coi nhẹ tình nghĩa, đi ngược lại với triết lý kinh doanh mà mình vẫn kiên trì. Nhưng ý kiến của mình anh lại không thể quyết định được vận mệnh của người nhân viên lớn tuổi đó. Lúc này, anh ấy mơ hồ nhận thức ra được rằng niềm tin của mình đang dao động, anh tìm cớ để thuyết phục bản thân rằng quyết định sa thải của mình là đương nhiên, bởi vì người này đã không có năng lực, lại làm tổn hại đến lợi ích công ty, sa thải người nhân viên đó xét thế nào cũng không sai, có thể tất cả mọi người đều sẽ cho đó là quyết định không thể nào chính xác hơn. Hiển nhiên là trong sự việc mâu thuẫn này,

anh ấy đã gặp khảo nghiệm và lựa chọn rất lớn. Giá trị quan đặt lợi ích lên trên đang làm dao động niềm tin của anh ấy. Tôi hiểu rằng, vì sự bất an này mà anh ấy mới vội vàng tìm một người không làm kinh doanh như tôi để nhắc nhở mình.

Gợi mở từ "Huyền thoại kinh doanh Nhật Bản"

Tôi hiểu rõ rằng, nếu muốn giải quyết được mâu thuẫn này, anh ấy phải làm cho lãnh đạo công ty ý thức được rõ đạo nghĩa không sa thải người nhân viên lớn tuổi không chỉ không khiến công ty chịu tổn thất mà còn thu được lợi ích lâu dài hơn. Thế là tôi đã kể cho anh ấy nghe hai câu chuyện lịch sử.

Vì anh ấy là người kinh doanh, nên điều đầu tiên tôi nghĩ đến là Matsushita Konosuke, người được mệnh danh là "Huyền thoại trong lĩnh vực kinh doanh Nhật Bản", ông là người tạo dựng nên Matsushita Electric Industial.Co (Panasonic). Konosuke có đặc điểm là không tùy tiện sa thải nhân viên, câu chuyện này rất phù hợp để giải quyết nỗi khổ tâm của bạn tôi. Dù khi đang đối mặt với khủng hoảng kinh tế thế giới, người ta đều ồ ạt cắt giảm nhân viên, khi công ty phải đứng trước nguy cơ phá sản, Konosuke vẫn không cắt giảm nhân viên mà ông chọn cách cùng mọi người vượt qua khó khăn, công khai với mọi người việc công ty đang đối mặt với tình trạng phá sản, để tất cả mọi người đều tìm cách tiêu thụ sản phẩm tồn kho, để mọi người đều trở thành chủ của công ty. Vì thế mà mọi người đều gọi công việc kinh doanh của ông là việc quản lý thủy tinh, ngụ ý là công khai minh bạch, công nhân viên vì thế mà coi công ty như là công ty của mình, đồng cam cộng khổ cùng chịu khó khăn. Mọi người cùng phát huy năng lực để giải quyết vấn đề phát sinh, vì vậy tất cả hàng hóa tồn kho đều được bán hết. Câu chuyện này không chỉ bạn tôi hiểu rõ mà cả giới kinh doanh Nhật Bản đều biết rõ, nhưng người có thể thực sự làm được điều này

thì không có mấy ai. Cho nên, mọi người đều cảm thấy rằng, chỉ có người có nhân cách và tài năng giống như thần thánh mới có thể làm được đạo lý kinh doanh này. Đó phải là con người có lý tưởng đặc biệt. Kỳ thực không phải vậy.

Khi học về kinh doanh, người ta rất dễ học theo các biện pháp và chiến lược cụ thể, mà thường xem nhẹ những giá trị quan quan trọng nhất, cũng chính là những niềm tin đúng đắn. Niềm tin mà cả đời Konosuke theo đuổi chính là: giá trị và vinh dự của kinh doanh chính là được cống hiến cho xã hội, khiến cho người dân sống sung túc, khiến cho nhân viên hạnh phúc. Kiên trì giá trị quan này, dù có gặp bao nhiêu khó khăn cũng không dao động, đây mới là chìa khóa giúp ông được mệnh danh là huyền thoại trong lĩnh vực kinh doanh. Nhờ có niềm tin này, Konosuke biết căn cứ vào tình hình cụ thể, vấn đề cụ thể để linh hoạt đưa ra sách lược, mà không bị trói buộc vào các biện pháp cụ thể nào đó. Niềm tin này chính là nguyên tắc và tôn chỉ của Konosuke, nếu không đứng trên tôn chỉ này để nghiên cứu phương thức kinh doanh của ông thì sẽ không biết cách vận dụng linh hoạt, vì thế người ta mới tưởng rằng chỉ có nhân tài đặc biệt mới có thể làm được điều này.

Matsuchita Konosuke từng nói, bản thân ông cả đời luôn sống thẳng thắn, chân thật với mọi người. Cái được gọi là quản lý thủy tinh cũng là công khai tài chính, công khai khó khăn của công ty, chính là thể hiện sự chân thành. Vì sao phải làm vậy? Chính vì ông nhận định rằng mình mở công ty là để cống hiến cho xã hội, vậy thì tất nhiên đầu tiên việc nuôi sống nhân viên là trách nhiệm và giá trị của bản thân ông. Vì vậy công ty chính là gia đình của là nhân viên, công ty của mọi người, như thế đương nhiên không dễ nói đến việc sa thải nhân viên, vì khi đó nhân viên là người cùng một gia đình, là người cùng chung một thuyền với mình, thì sao lại không chân thực thẳng thắn với họ! Tất cả những điều này đều xuất phát từ niềm tin của ông. Nếu ông không có tôn chỉ

cống hiến cho xã hội, mang lại hạnh phúc cho nhân viên, thì ông sẽ không làm được như vậy, cho dù người khác muốn học ông cũng sẽ không có cái can đảm và dũng khí ấy. Ông không chỉ đối xử với nhân viên như vậy, mà còn đối xử với các đại lý của mình cũng rất nhân đạo, vì thế mà được mọi người coi trọng, mọi người vì cảm kích ông mà trung thành, nguyện ý cùng ông đồng cam cộng khổ, cũng nguyện ý làm theo tôn chỉ của ông. Mọi người đều cảm thấy kinh doanh như thế mới là giá trị đích thực của đời người, cảm thấy vô cùng vinh dự và vui mừng. Một khi công ty được xây dựng trên văn hóa và sứ mệnh như thế cũng tức là công khai theo đuổi giá trị quan giống nhau, điều đó sẽ tạo thành sức mạnh to lớn không thể lường được. Điều chúng ta nhìn thấy chính là kỳ tích của thành công.

Đưa ra kiến nghị tham khảo

Anh bạn nghe tôi nói xong có chút suy tư, vẻ mặt sáng lên. Tôi đề nghị anh ấy nên thẳng thắn, cởi mở nói rõ cái khó của công ty cho người nhân viên lớn tuổi đó, cũng không nhất định phải sa thải mà có thể điều chỉnh vị trí làm việc, tìm một vị trí công việc phù hợp cho ông ấy. Đồng thời giải thích để các nhân viên oán trách ông ấy hiểu được nguyên nhân mà lãnh đạo đưa ra quyết định này là xuất phát từ đạo nghĩa, đừng vì lợi ích trước mắt mà không đoái hoài gì đến cuộc sống của người có tuổi, từ đó xây dựng giá trị quan và văn hóa của công ty. Như thế sẽ giúp cho công ty về lâu dài giữ được những người tài trung nghĩa thực sự, dễ dàng vượt qua sóng gió, cuối cùng thu được lợi ích lâu dài. Đương nhiên tôi chỉ đưa ra ví dụ tham khảo, còn về cách làm cụ thể hy vọng anh ấy sẽ căn cứ trên tình hình thực tế của công ty để linh hoạt quyết định. Nếu như người đó có vấn đề đạo đức rất nghiêm trọng thì tất nhiên sa thải cũng không quá.

Tiếp đó tôi còn nói về một đặc điểm của thời lịch sử Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Quốc để anh ấy tham khảo. Vì giai đoạn lịch sử này có rất nhiều sách lược quan trọng, trong đó có một sách lược chung, vừa là phương pháp lại có thể làm rõ ra bản chất của đạo nghĩa, sau khi nghe xong câu chuyện, anh ấy lúc này mới bừng tỉnh, đột nhiên hiểu ra mình nên làm thế nào.

Phần 14: Làm Vua cần kiên trì đức chính

Đối với vấn đề sa thải những nhân viên lớn tuổi, tiếp theo câu chuyện về Matsushita Konosuke, tôi sẽ kể tiếp một sách lược của thời Xuân Thu Chiến Quốc, có thể nói là một biện pháp thường được sử dụng để ứng cứu khẩn cấp, nhanh chóng giúp dân giàu nước mạnh. Nhưng điều mà tôi hy vọng bạn tôi hiểu được không phải là bản thân sách lược hay phương pháp, mà cần nhận ra đạo lý căn bản đằng sau sách lược đó. Như thế mới có thể học và vận dụng được, có thể căn cứ vào tình huống thực tế của công ty để linh hoạt đưa ra phương án phù hợp.

Gợi ý từ giai đoạn lịch sử Xuân Thu Chiến Quốc

Khi con người ở trong hoàn cảnh khó khăn thì thường sẽ vội vàng đi tìm giải pháp khẩn cấp giúp mình nhanh chóng vượt qua khó khăn. Vì thế, các biện pháp trong thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc, các sách lược mà các nước chư hầu dùng để đối phó với vận mệnh tồn vong của quốc gia trong thời kỳ này vô cùng phù hợp với sự cạnh tranh trên thương trường ngày nay.

Vậy nên tôi đã nói với anh ấy như sau: "Thực ra khi xem lịch sử thời Xuân Thu Chiến Quốc, mọi người đều biết rằng thời Xuân Thu Chiến Quốc gồm thời Xuân Thu Ngũ Bá và thời Chiến Quốc Thất Hùng, trong thời kỳ này chiến tranh lúc nào cũng có thể xảy ra, các nước yếu đều lần lượt bị thôn tính, mọi quốc gia đều muốn trở nên hùng mạnh để tránh khỏi bị tiêu diệt cho nên đã sử dụng rất nhiều sách lược. Trong đó sách lược được sử dụng phổ biến nhất là chiêu nạp người hiền tài. Bạn có biết trong tình huống như vậy, vua của các quốc gia này phải lắng nghe, quan tâm biết bao nhiêu việc không? Khi thì vì bản thân ở thế yếu nhược, khi thì vì để

cứu mạng của mình, họ phải rất lắng nghe, cũng rất khiêm nhường đối đãi với các nhân sỹ hiền tài. Thậm chí có vị vì để nhanh chóng chiêu mộ được người hiền tài trong thiên hạ mà có thể sử dụng đối sách hạ mình để chiêu hiền đãi sỹ, cũng chính là muốn nhanh chóng truyền bá cho người trong thiên hạ biết về tấm lòng quý trọng người hiền tài, cầu hiền tài như khát nước của mình. Theo ngôn ngữ hiện nay thì việc này chính là để trong một thời gian ngắn có thể tuyên truyền, quảng cáo hiệu quả, họ thậm chí còn nghĩ đến việc đối xử với một người già xem ra rất đỗi bình thường như khách quý, còn cung kính cho họ đãi ngộ rất lớn. Như vậy, tin tức này sẽ truyền khắp thiên hạ, người tài sẽ lũ lượt đến, biết rằng vị quốc vương này có thể thu nhận họ, giúp họ có cơ hội thi triển tài năng của mình. Cũng tức là, mọi người khi thấy ông lão kia rõ là không có tài năng gì mà còn được đối đãi, họ thấy được sự kính trọng người hiền tài của vị vua kia, thì những người tài cán không gặp thời trong thiên hạ tất nhiên sẽ cảm động, trong tâm họ nghĩ khả năng của tôi tốt hơn ông lão kia rất nhiều, như thế họ sẽ chủ động tìm tới. Điều này nói lên rằng, để chiêu mộ người tài thì nhà vua đã đặt một ông lão lên vị trí rất cao, rồi đem tuyên truyền ra, để được tiếng là hạ mình chiêu hiền đãi sỹ, cách làm này chính là sách lược giúp nhanh chóng tìm người hiền tài".

Kể xong câu chuyện này, tôi nhắc nhở bạn tôi rằng, tôi không có ý bảo anh phải đối đãi với người nhân viên lâu năm ở công ty theo cách như vậy, cũng cho ông ấy chức vị và đãi ngộ rất cao. Điều tôi muốn nói là, qua sách lược khẩn cấp này chúng ta nên nhận ra nguyên nhân căn bản khiến sách lược này thực sự có hiệu quả nằm ở đâu.

Thực ra dù cách làm cụ thể thế nào thì tâm lý con người đều giống nhau, người ta đều có xu hướng kính trọng, yêu quý bản thân, khi được người khác yêu thương, được người khác trân trọng, được người khác tôn trọng và đối xử lễ nghĩa thì mọi người đều cảm động. Điều thực sự khiến người khác

cảm động chính là lòng kính trọng, lễ độ của bạn dành cho họ. Nhưng trong giai đoạn lịch sử đó, thiện tâm vốn được coi là thái độ đúng mực này lại bị vận dụng như một mưu lược. Nếu chỉ coi cách làm này là một sách lược khẩn cấp, vậy thì sau này sẽ dẫn đến hậu quả là rất nhiều vị vua khi đã vượt qua được khó khăn, hoặc khi đã trở thành bá chủ chư hầu rồi sẽ bắt đầu ngạo mạn an dật, dương dương tự đắc cho mình là đúng, tham lam hưởng lạc, thậm chí sẽ vắt chanh bỏ vỏ, qua cầu rút ván. Khi không có kẻ địch uy hiếp bản thân thì cũng sẽ không chăm lo việc nước, tự nhiên sẽ trở nên lạnh nhạt thậm chí là giết hại công thần, cũng sẽ dẫn đến hiện tượng có thủy không có chung, như thế sẽ lại nhanh chóng suy bại. Chính vì nguyên nhân này mà rất nhiều vị vua lúc đầu không thực tâm kính trọng người hiền tài, nhưng đã coi đây là sách lược để sử dụng.

Chúng ta khi đọc sử sách, học những sách lược cụ thể này, tất nhiên không sai, chí ít khi gặp vấn đề trong cuộc sống có thể lấy ra tham khảo, nhưng chúng ta không thể chỉ dừng lại ở những biện pháp cụ thể đó, mà còn phải thông qua những sách lược cụ thể này để lĩnh ngộ được bản chất của nó. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể hiểu rõ làm sao để vận dụng vào thực tiễn.

Khi xử lý việc công ty, làm thế nào để khéo léo vận dụng các sách lược trong lịch sử

Ở công ty, bạn tôi phải tự mình ra quyết định, công ty có đang mở rộng kinh doanh, tuyển dụng người tài, hay chỉ là xử lý một vấn đề rất nhỏ về nhân viên, đều phải giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ công ty. Tôi không tiện hỏi hay nghe ngóng cụ thể, chỉ nói với anh ấy rằng, hy vọng anh ấy có thể thành tâm đối đãi với nhân viên của mình, đừng cố chấp vào sách lược nào đó. Nếu người nhân viên lâu năm vẫn có thể sử dụng được, đạo đức người ấy cũng không có vấn đề

gì lớn, nếu như công ty của anh ấy thực sự hướng tới mục tiêu kinh doanh vì giá trị nhân sinh cao đẹp, cống hiến cho xã hội và nhân dân, mà không phải chỉ cầu danh lợi nhất thời, vậy thì mỗi việc đều có thể trở thành hảo sự. Nếu công ty có thể điều chỉnh vị trí cho người nhân viên lớn tuổi đó, đối xử với người nhân viên đó bằng sự chân thành, cởi mở và công bằng, nói rõ cho ông ấy lý do và cái khó của lãnh đạo khi đứng trên phương diện toàn thể công ty để xử lý việc này, đồng thời cũng nghĩ đến cuộc sống của ông ấy, hiểu khó khăn của ông ấy khi phải nuôi sống gia đình, hy vọng ông ấy có thể phối hợp với lãnh đạo, dùng ngữ điệu khiêm nhường, kính trọng cảm tạ ông ấy vì đã cống hiến cho công ty những năm qua, chắc hẳn rằng người nhân viên lớn tuổi đó sẽ hiểu được và cũng sẽ cảm động.

Về phần những người trẻ tuổi tài năng đang có hiềm khích với người nhân viên lớn tuổi đó, cũng có thể nói rõ chí hướng và nguyên tắc của ban lãnh đạo công ty, đó là hy vọng họ coi nhân viên trong công ty như người nhà, quan tâm lẫn nhau, nếu cứ thấy người ta già rồi, không còn hữu dụng thì không cần họ nữa, cũng không quan tâm đến việc họ phải nuôi sống gia đình, như vậy sẽ thành người kinh doanh thấy lợi mà quên mất nghĩa. Người ta đến lúc già có thực sự mong rằng sẽ bị người trẻ đối xử như thế không? Khi nói rõ nguyên tắc đạo nghĩa vì sao không sa thải người nhân viên lớn tuổi đó ra thì mọi người cũng có thể suy nghĩ một cách lý trí, đồng thời qua cách xử lý tình huống cụ thể này các nhân viên sẽ thấy được sự quan tâm của lãnh đạo công ty với mọi người, tự bản thân họ sẽ đưa ra quyết định. Những người có thể ở lại chính là những nhân tài trung nghĩa, cùng chung chí hướng. Họ sẽ cảm động bởi thái độ đối xử với người nhân viên lớn tuổi của công ty, từ đó hiểu rõ tại sao mình cần ở lại công ty, có cần tuân theo nguyên tắc, đạo nghĩa của công ty hay không. Tôi tin rằng rất nhiều người sẽ lựa chọn ở lại

công ty, vì dù sao thì có ai mà không hy vọng tìm được một công ty đối xử chân thành với mình?

Cho nên dù là mâu thuẫn hay khó khăn, xử lý tốt thì chính là một cơ hội để vượt qua khảo nghiệm cuộc đời, một cơ hội để thực hành triết lý kinh doanh của mình, tất nhiên cái được chính là lòng người quy thuận, nước chảy thành sông, thuận lý thành chương, lợi ích lâu dài.

Xây dựng sứ mệnh của công ty, danh có chính thì ngôn mới thuận

Nói đến đây, có một vấn đề đột nhiên xuất hiện, đó chính là nguyên tắc hay là tôn chỉ danh chính ngôn thuận. Danh không chính thì ngôn không thuận, đây là lời dạy của Khổng Phu tử. Nếu không lấy đạo nghĩa làm nguyên tắc thì khi xử lý sự việc rất khó công chính, rất khó thẳng thắn và thuận lợi; còn nếu lấy đạo nghĩa làm nguyên tắc làm người thì dù vấp phải vấn đề nan giải, phức tạp đến đâu cũng sẽ tự nhiên có cách giải quyết, cách giải quyết này lại có thể hóa giải được mâu thuẫn. Chính vì dựa trên công bằng, công chính nên mọi lời nói đều có thể dựa trên lý lẽ, tất nhiên sẽ khiến người ta tâm phục khẩu phục, cho dù có người vì thế mà rời khỏi công ty thì cũng không oán hận, mà vì họ hiểu bản thân không cùng chí hướng với công ty.

Vì thế, suy cho cùng, cuộc đời con người dù làm kinh doanh hay bất cứ sự nghiệp gì, ngay từ đầu đã cần phải đi cho chính, cho đúng đắn, dù rơi vào hoàn cảnh khó khăn nào thì cũng cần kiên định, giữ vững nguyên tắc. Có như vậy mới giữ được chữ tín và danh dự dựa trên cơ sở đạo nghĩa, chữ tín và danh dự này mới là tài sản chân chính. Hơn nữa trong tương lai dù công ty có gặp phải vấn đề nào cũng sẽ không bị lúng túng. Vì thế, nếu có thể, tôi khuyên anh bạn nghĩ cách để công ty có một nguyên tắc rõ ràng. Anh ấy rất vui, nói rằng mình đã đột nhiên tỉnh ngộ, đã hiểu rõ nên làm thế nào.

Lúc chia tay, tôi lại dặn dò anh dù tham khảo bất cứ cách làm của thời đại nào cũng phải nhìn rõ bản chất. Mỗi cách làm cụ thể, dù là cách làm của bách gia chư tử, đều có giá trị tham khảo, nhưng phải dùng sao cho có đạo lý, sách lược giống như con dao phẫu thuật vậy, cần phải dùng để làm việc tốt, không được dùng làm việc xấu. Đồng thời không thể xem nhẹ thực tiễn. Mỗi thời đại đều cần căn cứ vào thực tiễn của thời đại đó để đưa ra quyết sách, vì thế chúng ta cũng cần căn cứ vào hiện trạng của bản thân để xem xét, không thể áp dụng rập khuôn.

Giải quyết xong vấn đề của người bạn, tôi càng ý thức được tầm quan trọng của việc đọc và học sử sách. Lịch sử chính là tập hợp những bài học nhân sinh thực tiễn của con người ở các thời đại đúc kết lại, những kinh nghiệm và trí tuệ, những bài học chính diện và phản diện đều chứa đựng trong đó. Chúng ta không thể không biết. Chỉ đáng tiếc là giáo dục ngày nay đã không còn hiểu việc học lịch sử như thế nào nữa, thậm chí không hiểu được vì sao cần phải học lịch sử, vì vậy rất nhiều người đi làm ở công ty, bị những mâu thuẫn giữa người với người làm hao tổn tinh thần, không có chủ kiến và năng lực phán đoán, gây nên các tổn thương về tinh thần, cũng vì thế mà sinh ra nghề bác sỹ tâm lý.

Vậy thì phần sau quay về với Trinh Quán Chính yếu, mọi người sẽ thấy rằng, khi nói về đạo làm vua phải nhân đức và biết lắng nghe những ý kiến khác nhau, Ngụy Trưng muốn nhắc nhở Đường Thái Tông rằng đạo làm vua cần phải có thủy có chung, trước sau như một. Như vậy sẽ không coi biện pháp dùng nhân đức, lễ nghĩa chiêu hiền đãi sỹ là sách lược khẩn cấp, mà phải biến nó thành tôn chỉ và đạo lý mà bậc quân vương thực tâm tuân theo.

Phần 15: Bàn về bổn phận của đế vương

Chương đầu tiên Đạo làm vua – Trinh Quán Chính yếu phần lớn là những tấu chương của Ngụy Trưng, để chỉ rõ ra tính trọng yếu của đức chính, ông đã khuyên can Đường Thái Tông thi hành đức chính cần phải có thủy có chung, trước sau như một, trong đó có hai đoạn văn rất quan trọng. Phân tích của ông đã chỉ rõ ra nguyên nhân căn bản vì sao các vị vua trong thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc không thể có được địa vị bá chủ trong thời gian dài. Đây là bài học cực kỳ hữu ích trong sự cạnh tranh trên thương trường hiện nay.

Ngụy Trưng bàn về căn bản của việc trị quốc

Năm Trinh Quán thứ 11 Ngụy Trưng lại dâng lên một bản tấu chương. Nội dung cốt lõi của nó chính là hai đoạn văn dưới đây:

Ý nghĩa của đoạn văn thứ nhất như sau: "Thần nghe nói muốn cho cây xanh tốt, to cao vững chãi thì phải làm cho gốc thật vững chãi; muốn cho nước sông chảy xa thì phải đào sâu đầu nguồn; muốn chính cục quốc gia yên ổn nhất định phải dùng đức trị quốc, năng tích đạo đức nhân nghĩa. Đầu nguồn không sâu mà muốn nước sông chảy xa, gốc không vững chãi mà muốn cây xanh tốt, cao to vững chãi, nhân nghĩa không dày, lòng dân không quy phục mà muốn nước nhà yên định, thần tuy thấp hèn ngu muội, cũng biết đó là điều không thể, huống hồ là bậc thánh nhân sáng suốt!"

Đoạn văn này vừa mới đầu đã tổng kết rõ đạo lý của việc trị quốc "đức là cốt lõi, là căn bản, là đầu nguồn". Nếu rời xa điều căn bản này, thì tất cả những biện pháp và sách lược đều trở nên uổng công, tuyệt đối không có tác dụng lâu dài.

Khó nhất là có thủy có chung, trước sau như một

Nói xong tính trọng yếu của đức trong việc trị quốc, Ngụy Trưng còn chỉ rõ cho Đường Thái Tông rằng thực thi đức chính cần phải làm được có thủy có chung, trước sau như một. Đây chính là điều khó làm được nhất. Có rất nhiều bài học trong lịch sử về vấn đề này, nhưng những vị đế vương có thể làm được điều này thực sự quá ít. Ngụy Trưng biết rằng người đối diện với mình là một minh quân hiếm có, nếu Thái Tông có thể một mạch kiên trì tiếp tục như thế, thì ông sẽ trở thành một vị Thánh Vương. Vì thế, ông đã khổ công, dốc tâm trí viết tấu chương để nhắc nhở Thái Tông nhất định phải nhớ kỹ bài học lịch sử. Vì thế mới có đoạn tiếp như sau:

"Rất nhiều bậc làm vua trong lịch sử, khi thừa mệnh trời gây dựng cơ nghiệp, khi bách tính và quốc gia đang lâm nguy, bản thân đang trong hoạn nạn, không ai không suy nghĩ lo lắng mà cẩn thận hành động, làm việc đều nói đến đạo nghĩa, rất sợ mất lòng dân, dẫn đến tình hình rối ren. Nhưng sau khi công thành danh toại thì dễ bỏ quên đức hạnh, bắt đầu suy bại. Đây chính là nguyên nhân vì sao trong lịch sử có rất nhiều vị vua lúc ban đầu thì coi trọng đức chính, lúc ban đầu những vị làm quân vương tốt quả thực là rất nhiều, nhưng có thể kiên trì giữ vững đức chính, đối đãi với quần thần như lúc đầu thì về sau lại cực kỳ ít, lẽ nào lấy được thiên hạ dễ mà giữ thiên hạ khó? Trước đây đoạt thiên hạ thì sức mạnh có thừa, hiểu được phải gắng sức chăm chỉ lo trị quốc, cần kiệm, lực lượng mạnh mẽ vô cùng, nay giữ thiên hạ thì không đủ lực, cảm thấy rất khó khăn, đó là vì duyên cớ gì? Khi dựng nghiệp ở trong lo lắng, ắt sẽ hết lòng thành thật đối xử với kẻ dưới, có thể đối đãi bằng lễ nghĩa; một khi đắc chí thì sẽ buông thả ham muốn, coi thường người khác. Khi hết lòng thành thật đối xử với người, dù là kẻ địch hay những người xa lạ khắp nơi cũng sẽ thân mật như một nhà;

khi coi khinh người khác dù là anh em ruột thịt cũng xa lạ như kẻ qua đường. Tuy dùng hình phạt nghiêm khắc để răn đe, dùng uy phong và phẫn nộ để đe dọa, nhưng thuộc cấp luôn ứng phó bằng cách tránh tai họa, trong lòng không hề có ý tốt; bề ngoài cung kính vâng dạ, nhưng trong lòng lại không phục. Oán hận không ở lớn nhỏ, cái đáng sợ chỉ ở lòng người bội nghịch. Nước có thể chở thuyền cũng có thể lật thuyền, bởi vậy cẩn phải hết sức cẩn thận. Dùng dây thừng mục mà đánh cái xe đang chạy, sự nguy hiểm của nó có thể coi thường được không."

Đoạn này Ngụy Trưng nói rất nghiêm trọng và khẩn thiết, ông rất thực tâm cảnh tỉnh Thái Tông đừng quên những bài học của những đế vương trong lịch sử. Những năm Trinh Quán triều Đường thịnh vượng chưa từng có trong lịch sử đã chứng minh sự vĩ đại của Đường Thái Tông, ông đã làm được có thủy có chung, trước sau như một, trở thành vị thánh quân công trạng hiển hách. Ngoài ra, việc này cũng đã chứng thực lời dạy về đức chính chân lý cổ kim bất biến, là căn bản làm người sống theo mệnh trời quan trọng nhất mà lịch sử để lại cho con người.

Làm rõ giáo huấn lịch sử của thời Đông Chu Liệt Quốc

Lịch sử Trung Quốc đến triều Đường đã để lại vô số các bài học lịch sử. Ngay như hôn quân tàn bạo Thương Trụ Vương thì lúc đầu ông cũng không phải đã là hôn quân vô đạo, ông lúc đầu cũng có chí hướng lớn, cai trị đất nước cũng rất phồn vinh, an định, chỉ là về sau ông mới bắt đầu dương dương tự đắc, trầm mê vào sắc đẹp của Đát Kỷ. Sau lại bất kính với Nữ Oa, lăng mạ Thần linh, kiêu xa dâm dật, dẫn đến bản tính của ông ta bị mê muội, đức hạnh dần dần suy thoái, cuối cùng mất triệt để, trở thành người bạo ngược, thậm chí sát hại hoàng tử, hoàng hậu và trung thần nên mới bị mất đi

giang sơn. Không có bất cứ vị đế vương nào ngay từ đầu đã thực sự và rõ ràng tự nội tâm quay lưng lại với đạo nghĩa. Dù họ những năm về sau trở thành quân chủ bạo tàn hay là hôn quân thì ban đầu họ đều được giáo dục, đều hiểu được những bài học lịch sử về thịnh suy, hưng vong của các quốc gia trong lịch sử. Vì thế, họ mới hy vọng bản thân sau khi đăng cơ có thể phấn đấu một phen, có thể lưu danh sử sách, được người đời sau kính ngưỡng. Nhưng phần nhiều trong số họ là đầu voi đuôi chuột, nghiên cứu nguyên nhân của vấn đề này, thì phần lớn nguyên nhân là vì ở trong hoạn nạn mà tự tiết chế, còn ở trong an dật mà hồ đồ giống như Ngụy Trưng đã nói đến.

Chúng ta thấy được rằng thời kỳ lịch sử Xuân Thu Chiến Quốc đề cập đến ở phần trước đã thể hiện rất điển hình bài học căn bản này. Quân vương các nước khi ở trong hoạn nạn tất sẽ gắng sức chăm lo trị quốc, cần kiệm, thậm chí có thể nếm mật nằm gai, ví dụ như Việt Vương Câu Tiễn từng nếm mật nằm gai để diệt nước Ngô, nhưng khi đã phục quốc thì sát hại công thần. Vua Bình nước Sở cũng vậy, khi quốc gia cường thịnh thì an dật, mất đi chí hướng, trầm mê trong nữ sắc, thậm chí không đoái hoài đến nhân luân, cưới phi tần của thái tử làm vợ, dẫn đến việc bị mất nước do bị Ngũ Tử Tư mang quân đến báo thù. Những vị vua có thủy mà không có chung, trước sau không như một quả là không ít. Bài học của giai đoạn lịch sử này đã được người đời sau hiểu từ sớm. Nhưng dù vậy thì mọi người vẫn dẫm vào vết xe đổ, không ngừng lặp lại sai lầm, vì sao vậy, chính là vì con người rất dễ rơi vào an dật, rất thích sự nhàn nhã hưởng lạc, rất khó tiết chế dục vọng của bản thân, đặc biệt là những người ở trên vương vị.

Những bài học này nếu không thể luôn nhớ kĩ trong tâm, muốn thu được thắng lợi và thịnh vượng lâu dài trong môi trường cạnh tranh kinh doanh ngày nay thì tuyệt đối không thể được. Khi nghiên cứu về các doanh nghiệp Nhật Bản,

có rất nhiều bài học về phương diện này, rất nhiều doanh nghiệp khi mới khởi nghiệp thì không dám buông trễ, không dám lơ là, nhưng một khi đạt được thành công thì lại bắt đầu hưởng thụ. Mọi người cần phải thực sự tỉnh táo trong vấn đề này, nếu ban đầu nghĩ rằng trọng đức, khiêm nhường đối đãi với người khác và liêm khiết là vì danh dự nhất thời, làm theo hình thức thì mục đích căn bản là tư lợi, xem đạo đức như một sách lược tạm thời, làm như thế nào tất nhiên sẽ có kết quả như thế đó, như thế sẽ không thể làm được tốt từ đầu đến cuối. Doanh nghiệp cuối cùng tất nhiên sẽ đi đến suy yếu và thất bại.

Ngày nay, có rất nhiều người thích nghiên cứu tư tưởng binh pháp và pháp gia của Hàn Phi Tử, mà không thích đọc chính sử và kinh sách của Nho gia, vì thế nếu không có lịch sử quan đúng đắn thì sẽ không nhìn thấy được chân tướng của lịch sử. Nếu tách khỏi đạo đức mà nói về binh pháp và sách lược thì sẽ không thể vận dụng tốt những thứ này, tất nhiên sẽ vì cái lợi trước mắt mà tham bát bỏ mâm, mất đi cái lợi lâu dài. Đạo lý này xưa nay vẫn vậy.

Tổng kết đạo làm vua trong chương đầu tiên của Trinh Quán Chính yếu chính là cần phải yêu dân, cần phải nghe nhiều phía, nghe những ý kiến khác nhau (thì sẽ tự rõ), cuối cùng phải kiên định giữ vững đức chính, chuyên cần trị quốc, có thủy có chung, đây chính là cương lĩnh trị quốc, vì thế phải đặt ngay ở chương mở đầu, khởi tác dụng khai tôn minh nghĩa (ngay từ đầu đã giảng rõ ý nghĩa chủ đạo), để nhắc nhở mọi người rằng tất cả những sách lược cụ thể triển khai sau này, việc xử lý chính sự cụ thể trên mọi phương diện hình thức đều không thể tách rời nguyên tắc này. Đây là một bộ sử thư cực kỳ lý trí và trí tuệ, chỗ nào cũng là những điều căn bản và trọng yếu.

Phần 16: Bàn về đạo làm quan

Sau khi luận bàn xong về đạo làm vua, tất nhiên mọi người rất muốn biết Đường Thái Tông đã điều hành chính sự như thế nào. Vì thế, chúng ta sẽ bàn luận tiếp chương thứ hai Chính thể trong Trinh Quán Chính yếu. Bắt đầu từ chương này, những lời dạy của Khổng Tử và rất nhiều nhận thức trong lịch sử đã trở thành căn cứ để điều hành chính sự, đọc hết cuốn sách này chúng ta sẽ hiểu rõ rằng vì sao người Nhật Bản lại đam mê tìm hiểu học vấn của Khổng Tử, lại còn dày công nghiên cứu lịch sử Trung Quốc đến như vậy. Mục đích của họ là học để ứng dụng vào cuộc sống, để giải quyết tất cả các vấn đề khó khăn thực tế gặp phải.

Bàn về bổn phận của đế vương

Trước tiên chúng ta đọc chương Chính thể, tìm hiểu một đoạn đối thoại giữa quân thần về bổn phận của đế vương. Ngụy Trưng đã dùng dẫn chứng lịch sử để chỉ ra cho Thái Tông rằng: Cách tốt nhất để người làm vua trị vì tốt quốc gia chính là làm hết bổn phận của mình. Trên thực tế, toàn bộ chương này ghi lại lời đối thoại trực tiếp của quân thần Đường Thái Tông, thảo luận về đại sự trị quốc lúc bấy giờ, trọng tâm cốt lõi là những đạo lý quân thần là một, cùng giữ trọn bổn phận, làm thế nào để cùng nhau yêu thương, bảo vệ bách tính, đó là bản chất chân chính của thể chế chính trị mà người xưa nhận thức. Con người hiện đại đọc về điều này sẽ nhanh chóng học được cách vận dụng nó để xử lý tốt các vấn đề hôn nhân và gia đình.

Dưới đây là đoạn thứ mười của chương Chính thể, để thuận tiện cho người đọc, tôi sẽ phân thành bốn đoạn:

Năm Trinh Quán thứ tám, Thái Tông nói với các đại thần hầu cận: "Thời Tùy bách tính dù có tài vật, thì làm sao

giữ được đây? Từ khi trẫm có được thiên hạ, có chủ ý nuôi dưỡng bách tính, không dám trễ nải, mọi người đều có thể yên ổn sinh sống, tích trữ của cải, đây là ta chiếu cố đến bách tính. Điều khiến ta lo lắng là, tuy là ta chiếu cố như thế nhưng vẫn bằng như không".

Ngụy Trưng tấu rằng: "Khi Vua Nghiêu, Vua Thuấn tại thế, bách tính vẫn nói 'Chúng tôi làm ruộng lấy lương thực, đào giếng lấy nước uống', ăn no căng bụng rồi lại còn nói trong thời gian đó 'ông đã làm gì'. Ngày nay bệ hạ hàm dưỡng như thế, bách tính mỗi ngày đều chịu ân vua nhưng lại không biết được". Ngụy Trưng lại tấu tiếp: "Tấn Văn Công đi săn, đuổi thú săn đến núi Đãng, rồi đi vào một đầm lớn, lạc đường không biết đường ra. Ở trong đó, ông gặp một người đánh cá, Văn Công nói: 'Ta là vua của anh, đường này đi đến đâu? Dẫn ta ra ngoài ta sẽ thưởng hậu cho anh'. Người đánh cá đáp: 'thần nguyện đốc sức'. Văn Công nói: 'ra khỏi đầm ta sẽ ban thưởng cho anh'. Thế là người đánh cá dẫn Văn Công ra khỏi đầm. Văn Công nói: 'Hôm nay anh có nguyện vọng gì? hãy nói cho ta!' Người đánh cá đáp: 'Thiên nga sống ở sông biển, nếu đem nó đến sống ở đầm nhỏ, thì gặp nỗi lo cung nỏ. Rùa và ba ba sống ở chỗ nước sâu, nếu đưa đến vùng nước cạn, tất sẽ gặp nỗi lo chài lưới. Hôm nay ngài săn đuổi thú đến chỗ này, có phải là đã đi quá xa rồi không?' Văn Công trả lời: 'Thật hay quá' rồi nói với tùy tùng hỏi tên người đánh cá. Người đánh cá đáp: 'Quân vương là danh phận gì? Quân vương tôn kính thiên địa, kính trọng xã tắc, lòng ôm bốn nước, yêu thương vạn dân, bên ngoài mà thất lễ với chư hầu, bên trong mà làm mất lòng dân, một khi mất nước lưu vong, thì người đánh cá tôi tuy được thưởng hậu, cũng không thể giữ được', rồi từ chối không nhận". Thái Tông nói: "Lời Khanh nói quả là đúng".

Giải thích chi tiết

Hiển nhiên rằng, đoạn đối thoại của quân thần Đường Thái Tông ở trên chủ yếu nói rằng làm tốt bổn phận của đế vương mới là ý nghĩa chân chính của lòng nhân ái với bách tính, như thế mới có thể cai trị tốt quốc gia. Đoạn văn này có thể giải thích tường tận như sau:

Năm Trinh Quán thứ tám (thiên hạ thái bình, bách tính an cư lạc nghiệp), Đường Thái Tông đàm luận với các đại thần về tình hình cai trị quốc gia trong thời gian vừa qua, Thái Tông vì thế rất vui mừng, nói với các đại thần bên cạnh rằng: "Thời Tùy, tình hình quốc gia rối ren, quân thần xa cách, bách tính cho dù có tài vật cũng uổng công, làm sao có thể giữ được đây? Từ khi ta bình định thiên hạ đến nay, chú tâm trấn an và vỗ về bách tính, không làm ra bất cứ trưng thu phục dịch gì, mỗi người đều có thể an tâm duy trì sinh kế, bảo vệ tài sản kim tiền của mình, những điều này coi như là sự chiếu cố của ta với bách tính. Nếu ta không cho ngừng việc trưng thu là loại thuế và trưng dụng sức dân (đây chính là nền chính trị hà khắc tàn hại sức dân), thì cho dù là có lòng nhân ái, biết được bách tính khốn khổ cũng có thể ban thưởng và giúp đỡ thêm, nhưng căn bản không thể giải quyết được nỗi khổ của dân chúng, như thế có làm cũng như không".

Ngụy Trưng nghe thấy thế, hiểu được tấm lòng của Thái Tông với bách tính, quả là đang tận tâm tận lực bảo vệ bách tính, lo lắng thay cho các đại thần, nhìn thấy bách tính an cư lạc nghiệp, trong lòng Thái Tông cảm thấy vui mừng an tâm. Tuy nhiên chỉ tiếc là bách tính có lẽ không hiểu được nỗi khổ tâm của Thái Tông, cho nên Thái Tông trong lòng có chút lo nghĩ, nên đã thổ lộ tâm tình này với các đại thần, mặc dù ông không ban phát phần thưởng gì cho bách tính, nhưng ông quả là toàn tâm toàn ý suy xét đến vấn đề sinh kế của người dân. Ngụy Trưng rất hiểu nỗi khổ tâm của bậc đế vương như

Thái Tông, nên ông muốn an ủi, động viên Thái Tông không cần cảm thấy tiếc nuối, động viên Thái Tông kiên trì tiếp tục, ông còn lấy ví dụ về các vị vua thánh hiền thời cổ đại là vua Nghiêu và vua Thuấn. Họ đều trải qua những chuyện như vậy, vì thế Ngụy Trưng đã khích lệ Thái Tông như sau: "Ngay cả khi các vị vua thánh hiền thời cổ đại như vua Nghiêu, vua Thuấn còn tại thế, bách tính đều nói với vua Nghiêu, vua Thuấn rằng: 'Tôi dựa vào trồng lương thực hoa màu để ăn, dựa vào đào giếng mà lấy nước uống'. Họ cảm thấy lương thực sung túc, là cảm thấy vui rồi, sống yên ổn đến mức không còn cảm nhận được sự tồn tại của đế vương, vì thế mà từng nói với vua Nghiêu, vua Thuấn rằng: 'ông đã làm gì, có công lao gì mà nói'. Phủ định hết cả tấm lòng nhân nghĩa yêu thương bách tính và ân điển cai trị vất vả của quân vương. Hiện tại, Bệ hạ quan tâm yêu thương bách tính như vậy, bách tính mỗi ngày đều chịu ân vua, nhưng rất có thể tấm lòng và công sức của Bệ hạ lại không được biết đến".

Sau khi Ngụy Trưng an ủi Thái Tông, ông lại dùng các câu chuyện lịch sử để khuyên nhủ Thái Tông, giúp Thái Tông nhận thức rõ rằng, việc điều hành chính sự này chính là bổn phận của đế vương, bách tính có thừa nhận hay không, có biết hay không đều không quan trọng, đều nên làm đến cùng, vì đó là trách nhiệm và nghĩa vụ của bậc đế vương. Ngụy Trưng lại tấu lên Thái Tông rằng: "Tấn Văn Công khi đi săn, săn đuổi thú săn đến núi Đãng Sơn rồi đi vào vùng đất ven mà bị lạc đường không tìm thấy lối ra. Về sau ông gặp một người đánh cá, Văn Công nói với ông ta: 'ta là vua của anh, đường này đi đến đâu? Nếu anh nói cho ta biết, ta sẽ trọng thưởng cho anh'. Người đánh cá nói: 'Tôi nguyện dẫn đường cho ngài'. Văn Công nói: 'Khi ra khỏi đầm này thì ta sẽ ban thưởng cho anh'. Người đánh cá trả lời: 'Thiên nga sống trên sông hồ biển lớn mênh mông thì có thể bảo toàn được tính mệnh, nếu đưa nó đến sống trong phạm vi con sông nhỏ thì sẽ chịu sự săn bắn của thợ săn; rùa và ba ba chỉ

cần sống ở chỗ nước sâu thì có thể an toàn vô sự, nếu đưa nó đến ghềnh nước cạn thì tất nó sẽ bị sự uy hiếp của người đánh cá. Như ngài hôm nay đuổi bắt thú săn ở núi Đãng Sơn, cứ đuổi mãi đến nơi đây, có phải là đi quá xa rồi không?' Văn Công nghe xong, lớn tiếng tán thưởng: 'Thật quá hay!' sau đó ra lệnh cho những người tùy tùng hỏi tên người đánh cá. Người đánh cá nói: 'Ngài dựa vào đâu mà được gọi là Quốc Vương? Người là quân vương thì nên tôn kính trời đất, kính trọng xã tắc, bảo vệ biên cương, che chở cho dân chúng, giảm nhẹ các loại lao dịch và thuế, như thế thì tôi cũng tự nhiên thu được loại ích rồi. Quốc vương nếu không tôn kính trời đất, nếu không cúng bái Thần xã tắc, không củng cố biên phòng, đối ngoại không hiểu lễ nghĩa kính trọng chư hầu, đối nội lại vi phạm đạo nghĩa làm mất lòng dân, như vậy khi nước mất nhà tan, lang thang đây đó, thì người đánh cá tôi đây, cho dù có được ngài ban thưởng hậu hĩnh, cũng không được bảo toàn tính mệnh rồi'. Người đánh cá kiên quyết từ chối không nhận ban thưởng của Văn Công".

Thái Tông nghe xong lời Ngụy Trưng nói, ông đã hiểu ra việc thi hành chính trị nhân đức của bản thân mình chính là ân điển lớn nhất đối với dân chúng, hiểu ra rằng nhận thức của bản thân mình là chính xác, việc này đã có bằng chứng và căn cứ lịch sử chứng minh. Đồng thời bản thân Thái Tông không hề cô đơn, đã có vua Nghiêu, vua Thuấn là người đi trước, ông cảm thấy được an ủi lớn lao, cùng với đó ông đã hiểu được đó là trách nhiệm thực sự của đế vương, đó là bổn phận mà những người ở trị trí đó nên làm, vì thế ông đã tán thưởng Ngụy Trưng rằng: "Khanh nói rất đúng, chính là đạo lý này".

Muốn xem vua có sáng suốt không hãy nhìn đạo của thần tử

Đọc xong đoạn đối thoại quân thần này, chúng ta hiểu được rằng cổ nhân dù là quân thần hay bách tính đều hiểu mỗi người có bổn phận khác nhau. Đặc biệt là những quân thần và những nho sinh đã được giáo dục, đã đọc làu kinh sử, lời nói việc làm của họ đều có lý lẽ bằng chứng, họ cũng không làm việc tùy tiện, mọi người đều có chừng mực, đều có tiêu chuẩn làm người thiện ác thị phi để đo lường ngôn hành của mình. Vì thế, bổn phận làm người của đế vương được nói đến ở đây, một vị minh quân phải có được điều này thì mới sáng tỏ rõ ràng được như thế. Còn những vị đế vương ngu tối xuất hiện trong thời mạt thế, ví dụ như vị đế vương thời mạt Tùy mà Thái Tông đề cập đến, họ luôn là tấm gương cho những đế vương đời sau, mà những bài học này lại tuyệt không phải là những bài học bình thường.

Đế vương đã có bổn phận làm người của mình, vậy thì các thần tử có quan hệ thế nào với đế vương, bổn phận của họ là gì? Về mặt này, chúng ta sẽ luận bàn đến việc Thái Tông chỉ dẫn các thần tử, ta sẽ thấy được sự anh minh phi thường của ông. Hiểu được quan hệ giữa quân và thần, thì chúng ta tự nhiên sẽ hiểu được đạo lý vợ chồng.

Phần 17: Từ đạo quân thần bàn về nhân luân

Đọc đến chương thứ hai "Chính thể – Trinh Quán Chính yếu", có lẽ rất nhiều người sẽ cảm thấy thắc mắc tại sao nội dung xuyên suốt của chương này đều nói về trách nhiệm hay bổn phận của quân thần? Vậy rốt cuộc nhận thức về chính thể quốc gia là gì? Cốt lõi của quản trị học, của đạo nghĩa vợ chồng rốt cuộc thể hiện ở chỗ nào? Chúng ta trước tiên hãy xem nhận thức của Thái Tông về trách nhiệm của người làm thần tử.

Thái Tông bàn luận về đạo làm quan

Chúng ta hãy đọc đoạn thứ tư của chương "Chính thể" (thể chế chính trị)

Năm Trinh Quán thứ ba, Thái Tông nói với quần thần: "Trung thư tỉnh, Môn hạ tỉnh, đều là những bộ phận then chốt trong việc trông coi việc lớn nước nhà. Tuyển chọn người có tài đảm nhiệm công việc ở những nơi này, những việc giao cho họ vô cùng hệ trọng, mệnh lệnh Hoàng đế ban ra nếu có chỗ không ổn thỏa, không tiện thi hành thì đều phải giữ vững lập trường, thẳng thắn bàn luận. Gần đây chỉ thấy a dua nịnh bợ, thuận theo cấp trên, thông qua các chiếu lệnh văn cáo sơ sài qua loa, không có câu can gián thẳng thắn. Lẽ nào đó là lời bình thường? Nếu chỉ là ký chiếu lệnh, ban hành văn cáo thôi thì ai không làm được? Việc gì phải lao tâm khổ tứ tuyển chọn nhân tài để giao trọng trách? Từ nay về sau, ai thấy chiếu lệnh hoàng đế ban ra không ổn thỏa, không tiện thi hành đều phải kiên trì ý kiến của mình, không được rụt rè sợ sệt, biết không đúng mà vẫn im lặng".

Đại ý của đoạn này là: Năm Trinh quán thứ ba, Đường Thái Tông nói với quần thần rằng: "Triều đình lập ra các

bộ phận quan trọng như Trung thư tỉnh, Môn hạ tỉnh, rồi nghiêm ngặt tuyển chọn nhân tài làm ở đó, các khanh thân mang trọng trách, phụ trách trách nhiệm rất quan trọng. Các mệnh và chiếu thư Hoàng đế ban ra nếu có phát hiện điều không ổn, phát hiện chỗ không phù hợp, mọi người phải theo lẽ công bằng mà bàn luận, chỉ ra chỗ thiếu sót. Tuy nhiên gần đây ta phát hiện mọi người chỉ a dua nịnh bợ, làm việc theo ý cấp trên, khúm núm, cẩu thả cầu an thân, qua loa cho xong chuyện, không có thẳng thắn theo lẽ công bằng mà can gián, đây há là đạo làm quan cho triều đình sao? Nếu triều đình cần các quan chỉ để làm việc ban hành chiếu thư một cách máy móc, các quan chỉ trợ giúp soạn thảo chiếu thư, chỉ hiểu cách sao lục viết công văn, như thế ai mà chẳng làm được? Cần gì phải tốn nhiều công sức tuyển chọn quan lại mà ủy thác trách nhiệm như vậy? Từ nay về sau, chiếu thư ban xuống mà có chỗ không ổn thỏa, mọi người phải thẳng thắn chỉ ra, không thể vì sự mạo phạm đến ta, biết rõ thánh chỉ có chỗ sai mà im lặng".

Đoạn văn này cho thấy rằng, Thái Tông hiểu rất rõ trách nhiệm của các quan đại thần, trong đó thực ra cũng đã đề cập đến hình thức quản lý cụ thể của chính thể trung ương – thể chế tam tỉnh lục bộ. Những hình thức cụ thể này không được đề cập rõ trong cuốn sử thư này, là vì thể chế quản lý của mỗi triều đại cũng như cách sắp xếp vị trí các quan lại đều phải căn cứ vào tình hình cụ thể của quốc gia mà điều chỉnh phù hợp, không có một mô thức cụ thể cố định bất biến. Điều quan trọng là dù với hình thức cụ thể nào đều cần phải nhận thức rõ ở chức vị bản thân thì chức tránh nhiệm vụ phải gánh vác ra sao? Nếu bản thân mình được đặt ở chức vụ trọng yếu, thì chức vụ này rốt cuộc phải làm gì, đối với toàn thể quốc gia, chức trách nhiệm vụ của bạn là gì, có tác dụng gì, bạn đã làm tròn nghĩa vụ mà bản thân nên làm chưa. Không chỉ làm việc, mà cần phải biết bản thân vì

sao phải làm những việc này, xử lý những việc này trên bình diện toàn quốc gia sẽ có tác dụng gì.

Cho nên điều Thái Tông nhấn mạnh không phải là cơ chế quản lý bề ngoài được cấu thành ra sao, mà là bản thân mỗi quan đại thần cần phải biết trách nhiệm của mình. Các quan đại thần của Trung thư tỉnh, Môn hạ tỉnh thời Đường là những người phò tá Hoàng đế nghị sự đại sự quốc gia và việc quân cơ. Trung thư tỉnh sẽ căn cứ vào kết quả nghị sự để thay Hoàng đế soạn thảo chiếu lệnh, còn Môn hạ tỉnh chủ yếu phụ trách tiến hành việc thẩm tra xem chiếu thư, mệnh lệnh đó có được soạn thảo tốt không, họ có quyền bác bỏ chiếu thư mệnh lệnh do Trung thư tỉnh soạn thảo. Thái Tông hiểu rất rõ rằng, việc đại sự quốc gia phải cực kỳ cẩn trọng, cách nghĩ của cá nhân một vị Hoàng đế sẽ không thể không có chỗ sơ hở, chỗ không ổn thỏa, cho dù đã nghị sự, lúc soạn thành văn bản sẽ còn xuất hiện sai sót, nên phải cần có quan đại thần rà soát nghiêm ngặt. Vì sao lại phải rà soát nghiêm ngặt? Chính là dám chỉ ra chỗ chưa thỏa đáng, không sợ ảnh hưởng đến an nguy cá nhân, vì thần tử là quan đại thần của quốc gia chứ không phải là quan chức của cá nhân Hoàng đế, họ nên phải suy nghĩ đến lợi ích của quốc gia và bách tính, chứ không phải làm vừa lòng cá nhân Hoàng đế. Nếu chỉ làm vừa ý Hoàng đế hoặc cấp trên, e rằng bản thân sẽ bị bất lợi mà không dám nói năng gì, thì đó mới là bất trung với quốc gia, bất trung với Hoàng đế. Vì như vậy cuối cùng không chỉ làm hại đến quốc gia bách tính, còn có thể khiến Hoàng đế phạm phải sai lầm mà không biết, cuối cùng sẽ dẫn đến mất lòng dân, bị bách tính rời bỏ, như thế thì giang sơn há có thể trường cửu được không? Bề mặt có vẻ như làm vừa ý Hoàng đế, thực chất là chỉ quan tâm đến an nguy và tiền đồ của bản thân thần tử, rốt cuộc sẽ chỉ làm hại xã tắc, làm hại Hoàng đế, đẩy Hoàng đế đến chỗ bất nghĩa. Đây mới là thần tử bất trung bất nghĩa. Những thần tử không hiểu đại nghĩa như vậy thì dùng họ làm gì?

Thái Tông nắm rất rõ đạo lý, ông biết chỉ có thần tử dũng cảm, thẳng thắn can gián mới thực sự nghĩ cho vua, ông cũng thực sự hiểu được phải yêu quý, bảo vệ trung thần của mình. Đó là sự quý trọng của người quân tử. Cho nên Khổng Tử nói: "Xảo ngôn lệnh sắc, tiễn hỹ nhân" (dịch nghĩa: Lời nói khéo léo, sắc mặt cười lấy lòng, thì hiếm khi nhân đức). Thái Tông có thể nhận thức như vậy về thần tử, thì sẽ không đặt những kẻ bất nhân, nịnh hót vào các chức vị quan trọng, kề cận bên cạnh mình. Bề trên ngay thẳng, bề dưới mới không sai lệch, chính trị tất sẽ trong sạch.

Thực tế đã chứng minh, việc trị quốc của Thái Tông, chính là nhờ quân thần đồng lòng, nhận thức rõ ràng bản chất thực sự của việc trị quốc và thực thi chính trị là cùng nhau gánh vác trách nhiệm, nhờ thế mới gây dựng được thời kỳ thái bình thịnh thế, phồn vinh, huy hoàng nhất trong lịch sử.

Quân – thần – dân thực ra là một thể thống nhất

Vì sao Thái Tông lại nhận thức rõ ràng về chức trách của đại thần như vậy? Một trong những nguyên nhân chính là từ các bài học giáo huấn trong lịch sử, đặc biệt là bài giáo huấn về sự diệt vong của triều Tùy. Cho nên nhận thức của ông về thể chế chính trị chính là quân – thần là một thể thống nhất, thực ra chính là quan niệm quân – thần – dân là một thể thống nhất. Đầu tiên ông dạy các đại thần rằng vận mệnh của quân thần có quan hệ cùng tồn cùng vong. Cho nên quan trọng là phải làm việc công bằng, chính trực, không thể làm việc thiên vị.

Đoạn thứ hai của chương "Luận chính thể" ghi chép nhận thức của Thái Tông như sau: Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông nói với Hoàng môn Thị lang Vương Khuê (Hoàng môn Thị lang là chức quan ở Môn Hạ tỉnh, chủ yếu hầu hạ thân cận bên vua): "Chiếu thư, mệnh lệnh mà Trung

Thư tỉnh soạn ra, Môn Hạ tỉnh có nhiều ý kiến khác, hoặc nếu phát hiện ra còn có chỗ thiếu sót để sửa đổi. Vốn lập ra Trung Thư tỉnh và Môn Hạ tỉnh để hỗ trợ để tránh xảy ra sai sót cho nhau. Ý kiến của mọi người thường khác nhau, cho nên sai sót là khó tránh. Mọi người cũng đều là tranh luận vì việc công, nhưng công tư cần phải phân minh, lòng dạ thoáng đãng, bộc trực thẳng thắn. Nhưng có người bảo vệ sở đoản của mình, không muốn nghe người khác chỉ ra chỗ thiếu sót của bản thân mà âm thầm oán trách ở trong tâm; còn có người vì tránh mâu thuẫn, bảo vệ mặt mũi của nhau mà dù biết rõ là ý kiến và cách làm không chính đáng nhưng vẫn cho thi hành. Loại cách làm sai lầm của những quan viên vì tình riêng đó sẽ trở thành việc hại lớn cho vạn dân, đó chính là nền chính trị dẫn đến quốc gia diệt vong, các khanh phải đặc biệt chú ý phòng tránh.

Ở thời mạt Tùy, các quan viên lớn nhỏ trong ngoài làm việc chính sự thì đi ngược với lẽ nhân tâm công đạo mà gây nên họa loạn, con người phần nhiều không thể nghĩ sâu thêm về đạo lý bên trong. Thời đó những quan viên đều cho làm thế là tai họa không đổ lên đầu mình, nên khi gặp nhau ngoài mặt đều nói những lời dễ nghe, bảo sao làm vậy, sau lưng thì mới biểu thị thái độ bất mãn và chê trách, cho rằng làm như vậy để bảo vệ bản thân, ai cũng không ý thức rằng cách làm như vậy sẽ gây ra hậu hoạn rất lớn; về sau khi đại loạn xảy ra, nước mất nhà tan, dù có người giữ được tính mạng, tuy không phải bị tra tấn chịu hình phạt, cũng phải chịu rất nhiều đau khổ mới giữ được mạng, lại còn phải chịu điều tiếng nghị luận của người đời sau. Các khanh thân làm đại quan phải nên chú ý diệt trừ tình riêng, theo lẽ công làm việc, kiên trì theo chính đạo, hễ là việc công cần giúp đỡ lẫn nhau, không được trên dưới không đồng thuận".

Qua lời nhắc nhở này, Thái Tông muốn khuyến khích các quan đại thần dám trực ngôn theo lẽ công để trợ giúp ông quản lý tốt đất nước, nếu không, người làm vua sẽ mất

đi giang sơn, kẻ làm quan cũng không có kết cục tốt, quân thần vốn chính là một thể thống nhất. Vì tình riêng mà không theo lẽ công làm việc, không dám đắc tội với quan trên, tựa như nhất thời bảo toàn tính mạng của bản thân không gặp nguy hiểm, thực chất chính là hậu hoạ lớn nhất, Thái Tông cực kỳ hiểu rõ điều này, đại thần chỉ biết tát nước theo mưa, không dám đứng trước mọi người chỉ ra chỗ sai lầm thì sẽ nguy hại đến cả quốc gia, dù là quân, thần hay người dân đều sẽ gặp phải tai ương. Thái Tông quả không hổ danh là vị quân chủ thánh minh, ông đã chỉ ra chỗ quan trọng của điều hành đất nước. Cũng chính là dám lấy lịch sử làm tấm gương, chỉ ra rằng sự vận hành lành mạnh của một thể chế chính trị không phải ở hình thức cụ thể của nó, mà là quân thần đều có thể nhận thức rõ ràng trách nhiệm của nhau, nghĩ đến chúng sinh thiên hạ, mà không phải vì tư lợi của bản thân, nếu không, quốc gia sẽ nguy vong, mới thực sự mất đi tất cả. Không những thế còn lưu lại nỗi nhục thiên cổ.

Trong chương này, Thái Tông đã lưu lại câu nói trị quốc giống như trị bệnh, ông còn nói rõ cho người đời sau rằng, quốc gia cũng như cơ thể người, trị quốc cũng như trị bệnh, quân thần và người dân trên thực tế là một thể thống nhất, thực sự là có mối quan hệ sinh tử với nhau, mọi người đều cùng phải trân trọng, công minh, thẳng thắn. Chúng ta thấy rằng người sáng lập ra tập đoàn điện tử Panasonic được xưng là huyền thoại kinh doanh, ông cũng không xa rời nguyên tắc đó, tức là ông coi công ty như một cơ thể, nhân viên trên dưới đều gắn chung vận mệnh với nhau, ông công minh, thẳng thắn với mọi người, làm hết chức trách. Ông thường nói rằng đạo đối nhân lớn nhất của ông chính là nói thẳng thắn, chân thật dựa trên nền tảng tôn trọng và trân trọng lẫn nhau. Những điều cốt yếu về quản lý điều hành đất nước này, nếu đem ứng dụng vào quan hệ vợ chồng, thì vợ chồng cần phải làm hết trách nhiệm của mình, cùng nhau xử lý công việc gia đình, đây đều là những tham khảo quý giá.

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 18

Hai phần trước trong chương "Chính thể", chúng ta mới thấy bàn về bổn phận đại sự của quân thần, nhưng chưa thấy bàn luận về việc Đường Thái Tông lắng nghe quần thần ra sao, do vậy, hôm nay chúng ta sẽ cùng xem xét cách làm cụ thể của Thái Tông. Bàn luận xong phần này, về cơ bản chúng ta có thể vận dụng vào việc tề gia.

Thái Tông khiêm tốn, lễ nghĩa, lắng nghe lời trung ngôn của các bên

Thực ra, yếu lĩnh này nằm ngay ở đoạn đầu tiên của chương "Chính thể". Chúng tôi đã đề cập rằng đây là cuốn sách lịch sử, sách lịch sử thì yêu cầu phải ghi chép chân thực, về cơ bản cuốn sách này cũng ghi chép theo trình tự trước sau của sự việc. Do sự kiện này xảy ra trong những năm đầu của thời Trinh Quán, lại là những điều răn dạy quan trọng nhất của đế vương trong việc làm thế nào để quân thần có thể làm tròn bổn phận của mình và dùng nhân đức để cai trị đất nước, vì thế mới đặt ở đoạn đầu tiên, chúng ta hãy xem nguyên văn đoạn này:

Những năm đầu thời Trinh Quán, Thái Tông nói với đại thần nghị chính thân cận Tiêu Ngu: "Trẫm từ thủa thiếu thời đã thích luyện võ, thích cung tiễn, tự cho là đã biết hết sự huyền diệu của nó, hiểu được chỗ tinh diệu của cung tiễn. Nhưng gần đây trẫm có được 10 cây cung thượng hạng, liền đưa chúng cho thợ làm cung tiễn xem, thợ làm cung tiễn xem xong rồi nói: "Tất cả đều là cung không tốt". Trẫm hỏi nguyên nhân vì sao, người thợ làm cung nói: "Lõi gỗ không thẳng khiến thớ gỗ bị lệch. Cây cung loại đó tuy rằng khi bắn có lực mạnh nhưng tên bay không trúng đích, cho nên không phải là loại cung thượng hạng". Qua việc này, Trẫm mới bắt

đầu lĩnh ngộ ra chỗ thâm sâu ở trong đó. Trẫm dùng võ bình định bốn phương, có được thiên hạ, đã sử dụng qua vô số cung tên, nhưng dù đã có kinh nghiệm như vậy mà Trẫm vẫn không hiểu được chỗ huyền diệu của cung tên; càng không nói đến việc, Trẫm có được thiên hạ chưa lâu nên chắc chắn đối với đạo lý cai trị đất nước sẽ không nắm chắc bằng hiểu biết về cung tên. Tuy nhiên, dù là Trẫm quen thuộc với cung tên như thế nào thì vẫn có chỗ chưa nắm rõ, vậy thì đạo lý cai trị quốc gia sẽ thế nào đây?" Từ đó về sau, Đường Thái Tông định kỳ đều triệu kiến các quan lại từ ngũ phẩm trở lên trong kinh thành luân phiên ở trong Trung thư tỉnh, mỗi lần triệu kiến thì Thái Tông đều ban cho họ ngồi và cùng nói chuyện, đàm luận với họ rồi hỏi rõ chi tiết những việc ở bên ngoài, để hiểu rõ nỗi thống khổ của người dân và sự được mất của việc giáo hóa.

Đoạn văn trên nói về việc Thái Tông làm thế nào thực thi cụ thể những yếu lĩnh trong việc trị quốc. Tác giả nêu rõ lý do căn bản Thái Tông định kỳ triệu kiến các quan ngũ phẩm trở lên trong kinh thành, thái độ tiếp đãi họ ra sao cũng như mục đích triệu kiến họ. Việc ghi chép này không giới hạn ở việc thông báo cho mọi người rằng Thái Tông vào năm nào đó đã ban bố chiếu lệnh nào đó bắt đầu triệu kiến các quan, bàn bạc việc quốc sự, mà chi chép rất rõ ràng lý do, mục đích và thái độ của Thái Tông. Điều này giúp cho người đời sau biết rõ rằng, việc ban một loại chiếu lệnh nào đó không phải là điều quan trọng nhất, mà muốn cho mọi người biết vì sao ban chiếu lệnh đó. Nguyên nhân này mới là mấu chốt, nó nói lên rằng, là một Hoàng đế nên có thái độ khiêm tốn đối đãi với mọi người. Thái Tông bản thân vốn võ công trác tuyệt, có thể nói là tinh thông cung tiễn, nhưng lại dám thừa nhận là kỹ thuật không bằng người, quả là vô cùng khiêm tốn, đồng thời cũng thể hiện ông không có thói quen xấu tự cho mình là nhất, ông rất biết lắng nghe và chắt lọc đạo lý của người khác, chỉ cần có lý ông sẽ tiếp thu và học

theo, không những thế, ông còn có thể lĩnh ngộ được đạo trị quốc từ trong những ý kiến đó. Ông cho rằng bản thân mình không hiểu việc trị quốc, cần có sự chỉ dẫn, nhắc nhở của quan viên ở các nơi, như vậy có thể hạn chế xảy ra sai sót. Mức độ khiêm tốn, kính trọng người khác, phẩm đức không ghen ghét, đố kỵ hiền tài của Thái Tông mới là mấu chốt để triển khai việc cai trị bằng nhân đức. Muốn nghe được ý kiến các bên thì tất phải có phẩm hạnh như thế.

Tiếp đến, ông có thể dùng lễ để đối đãi với các quan viên của mình, bình dị gần gũi, bỏ qua thân phận bản thân, để thần tử được ngồi nói chuyện với mình, để họ yên tâm nói thẳng nói thật với mình như những người bạn. Điều này khiến mọi người rất cảm động. Vậy nên, ai mà không dốc lòng nói thẳng, không trung thành đáp lễ lại quân chủ của mình chứ? Lòng người sẽ thay đổi lòng người, có vị minh chủ nhân nghĩa, trân trọng mình, tự nhiên sẽ thu phục được lòng trung trinh của trung thần. Chính là nói đến đạo chiêu hiền đãi sỹ của bậc bề trên.

Cuối cùng nói đến mục đích của chiếu lệnh, để hiểu được tình hình bên dưới, nắm được một cách chính xác cái được mất của việc giáo dục, cần xem xem ở đâu xuất hiện vấn đề trong việc thực thi chính sách và giáo dục để kịp thời sửa chữa, giúp cho người dân trăm họ an cư lạc nghiệp.

Xem xét đạo vua tôi, vợ chồng và cha con

Nói đến đây, về cơ bản, lòng nhân ái, biết lắng nghe người khác cần thực hiện cụ thể thế nào đều đã được đề cập đến trong chương "Đạo làm vua" rồi, trên thực tế chính là thông qua nội dung trị quốc của quân thần, cũng chính là thông qua giác độ người làm vua, người làm thần tử nên làm sao để thực thi đạo nghĩa, thể hiện ra để người đời sau học tập. Vì vua là bậc bề trên, nên điều thể hiện ra là phẩm hạnh và mức độ tu dưỡng cụ thể của bậc bề trên, Nho gia

định nghĩa nhân nghĩa như sau: nhân ái với người dân trăm họ, đối với dân như con, nhất mực quan tâm. Lấy nhân nghĩa làm gốc, dùng đạo hiếu làm gương, cũng giống như người cha trong gia đình. Vua Thuấn đã dùng đạo đại hiếu để trị vì thiên hạ, đó chính là yếu lĩnh của đạo nhân nghĩa. Kể từ sau khi ông vạch ra đạo đức giáo hóa về đạo nghĩa nhân luân ngũ điển là phụ nghĩa, mẫu từ, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu (cha nhân nghĩa, mẹ hiền từ, anh thuận hòa, em cung kính, con hiếu thảo), thì nó vẫn luôn trở thành bài học kinh điển về trị quốc của đế vương. Cho nên, đế vương nói đạo nhân nghĩa và đạo hiếu. Người cung kính, khiêm tốn, có lễ nghĩa, dùng đức trị quốc, thiên hạ đều tín phục. Vì thế thể hiện về mặt vua đối đãi tôi chính là câu mà Khổng Tử nói trong Luận Ngữ: "Quân sử thần dĩ lễ (Dịch nghĩa: Vua đối xử với thần tử bằng lễ)".

Như vậy người làm thần tử, đương nhiên cần dốc lòng trung thành phò trợ, mấu chốt của trung thành là làm hết chức trách, nhiệm vụ, mấu chốt của làm hết chức trách, nhiệm vụ chính là không ngừng trợ giúp quân vương sửa lại những chỗ không hợp lý đã bị lệch khỏi quỹ đạo của việc cai trị nhân đức. Cho nên, phát hiện vấn đề cần dám bỏ qua an nguy cá nhân, nói lời chân thật nói lời trung thành, đó mới là trung thần chân chính, mới là trung quân ái quốc thực sự. Chứ không phải là nhẫn nhục chịu đựng một cách bất phân thiện ác thị phi, nịnh hót lấy lòng. Vì thế đằng sau câu "Vua đối xử với thần tử bằng lễ" của Khổng Tử chính là câu "Thần sự quân dĩ trung (Dịch nghĩa: Thần tử phụng sự vua bằng trung)".

Lễ, tức là lý, nghĩa là hợp tình hợp lý, dù là quan tâm đến tình cảm, tâm lý của con người, quan tâm yêu thương con người, thì vẫn cần phải phù hợp với đạo lý, đó mới thuộc về Lễ thật sự. Lễ chính là biểu hiện bên ngoài của nhân nghĩa. Nhưng nó không chỉ nói về hình thức bên ngoài, mà là sự

trân quý và kính trọng phát ra từ nội tâm, tức là đã có tình, lại có nghĩa, hành vi đúng mực, quang minh chính đại.

Vậy về đạo vợ chồng thì sao? Chuyện này càng đơn giản hơn, chồng yêu thương bảo vệ vợ, không rời bỏ vợ, đó là thể hiện chủ yếu của đạo nhân nghĩa trong gia đình. Người vợ thì hết lòng vào việc quản lý gia đình, gánh vác trách nhiệm cùng với người chồng nuôi dạy con cái, đó là thể hiện chủ yếu của lòng trung thành trong gia đình. Tương tự như thần tử của vua, người vợ cũng cần thẳng thắn trung trinh khuyên can những chỗ thiếu sót của chồng.

Vậy còn về cha con thì sao? Quan hệ cha con lại càng phải như thế, cha yêu con, con hiếu thuận với cha, đó mới là hiếu kính thật sự, cũng tương tự như trung thần vậy, vừa cung kính vừa chân thành khuyên ngăn, sách "Đệ tử quy" có viết: "Thân hữu quá, gián sử canh" "gián bất nhập, duyệt phục gián", có nghĩa là nói cha mẹ nếu có sai, cần khuyên nhủ để cha mẹ sửa lại, nếu cha mẹ không nghe thì lần sau lại khuyên tiếp, lúc thấy tâm trạng tốt, lại khuyên nhủ tiếp. Chỉ là lúc khuyên thì cần "Di ngô sắc, nhu ngô thanh", cần phải với nét mặt ôn hòa, âm điệu mềm dịu, chú ý phải có lễ tiết của người trên.

Có thể thấy, phim cổ trang của Trung Quốc ngày nay, diễn những màn đấu đá trong cung vua và trong gia tộc đều là bóp méo sự thật, mục đích khiến người Trung Quốc hiểu sai, chán ghét từ đó vứt bỏ lịch sử văn hóa của dân tộc, biến tranh đấu và thù hận thành chủ đề của những tác phẩm văn hóa sai lầm. Nhìn vào bất cứ dân tộc nào trên thế giới, những điều họ ca ngợi đều là những mặt đáng tự hào của dân tộc mình, riêng chỉ có các tác phẩm văn nghệ của Trung Quốc mới đưa những mặt trái đen tối trở thành chủ đề sáng tác, thực sự đi ngược lại với lễ nghĩa, tình người, nếu không phải là do tiếp nhận sự giáo dục một cách có hệ thống về sự thù hận đối với văn hoá Trung Quốc, thì ai có ác tâm làm như vậy?

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 19

Nhà Hán học người Nhật Hiroshi Moriya đã tổng kết nội dung trình bày và phân tích về "Trinh Quán Chính yếu" trong cuốn sách "Đế vương học giảng nghĩa" của mình như sau: "Tu kỷ trị nhân". Ông cho rằng đây là cốt lõi của Nho học, đây cũng là yếu lĩnh mà tổ tiên người Nhật Bản đã học được: mấu chốt của việc trị quốc là ở chỗ tu bản thân mình. Điều này bắt nguồn từ lời dạy của Khổng Tử.

Tu kỷ trị nhân, nhắm trúng chỗ trọng yếu

Xét từ góc độ của chương "Chính thể" mà chúng ta đã bàn đến trong vài bài gần đây, "Trinh Quán Chính Yếu" mặc dù bàn đến thể chế chính trị trong việc trị quốc, nhưng yếu lĩnh của cuốn sách cũng ở chỗ vua – tôi trọng đức thế nào, làm người thế nào. Cuốn sách đã nói cho người đời sau biết rằng, thời kỳ trị quốc thịnh trị chưa từng có – thời Trinh Quán vốn là kết quả của yếu lĩnh trị quốc mà trong đó người quân chủ thực hiện nhân ái, nghe ý kiến các bên, thần tử dám nói thẳng ra những lời trung ngôn, quân thần từ đầu đến cuối vẫn tận hết chức trách của mình, cùng nhau đạt đến nền chính trị nhân đức lý tưởng nhất. Những yếu lĩnh trị quốc trình bày và phân tích trong toàn bộ cuốn sách chính là ý nghĩa chủ yếu về nền chính trị nhân đức được tóm gọn trong chương đầu tiên *Đạo làm vua*. Có nhiều bằng chứng chứng minh, trong việc chính sự cụ thể của Đường Thái Tông, mỗi khi thảo luận một sự việc thì Quân thần Đường Thái Tông xác thực là đều đứng trên nền tảng tôn chỉ đó để làm việc, luôn chú ý sửa đổi những chỗ thiếu khuyết, lấy đó làm nền tảng để triển khai đến từng việc đại sự quốc gia cụ thể.

Tức là, tu sửa mình, đề thăng phẩm chất đạo đức chính là con đường quan trọng của việc trị quốc. Lĩnh ngộ của học

giả người Nhật Bản quả là đã nêu trúng chỗ trọng yếu. Trị nhân mà ông nói đến không phải là ý nghĩa tìm biện pháp khiến người khác phải khuất phục, đem người khác đặt dưới chân như trong văn hóa đảng biến dị ở Trung Quốc ngày này, mà là có ý nghĩa an định thiên hạ, quy chính thiên hạ. Đây chính là tư tưởng của người soạn ra *Trinh Quán Chính yếu*, nó chính là nhận thức căn bản về việc trị quốc của nho sinh thời bấy giờ.

Tư tưởng "tu kỷ dĩ an nhân" của Khổng Tử

Tại Nhật Bản, bắt đầu từ thời kỳ Mạc Phủ Đức Xuyên (gọi là Mạc phủ Edo), toàn quốc đã phổ cập trường phái Nho gia của Khổng Tử. Cách nói tu kỷ trị nhân của họ bắt nguồn từ một đoạn đối thoại giữa Khổng Tử và học trò trong chương Hiến Vấn của [Luận Ngữ], đây chính là lời dạy của Khổng tử với Tử lộ, nội dung như sau:

Tử Lộ hỏi thế nào là quân tử. Khổng tử nói: "Tu sửa chính mình, dùng thái độ khiêm kính để đối đãi mọi người." Tử Lộ nói: "Chỉ có vậy thôi ư?" Khổng Tử nói: "Tu sửa mình để an định những người xung quanh." Tử lộ nói: "Chỉ có vậy thôi ư?" Khổng tử nói: "Tu sửa mình để an định bách tính. Tu sửa mình để an định bách tính, dẫu Vua Nghiêu, Vua Thuấn còn lo chưa làm được! (E rằng bản thân mình đức hạnh có chỗ thiếu sót mà không tự biết, họ vẫn luôn phải xét lại mình, huống nữa là những người bình thường như chúng ta.)"

Sự vận dụng cụ thể Đạo của người quân tử

Điều được giảng ở đoạn văn này là việc làm thế nào để trở thành người quân tử, nhưng vận dụng tối cao của nó lại ở phương diện làm thế nào để trị quốc. Nguyên nhân ở chỗ khi Khổng Tử dạy dỗ đệ tử, luôn luôn tùy theo tài năng của đệ tử mà dạy, nhắm đến tình hình, chỗ thiếu sót và chí

hướng cụ thể của mỗi đệ tử để dạy dỗ họ. Những lời ở trên là giảng ra nhắm vào chí hướng của Tử Lộ, chí hướng của Tử Lộ là phò tá quân vương trị quốc, an định dân chúng, vì thế Không Tử cần chỉ ra con đường chính cho ông, tức là cần phải nhắm vào những công việc về mặt trị quốc mà trong tương lai ông phải đối mặt và những chỗ thiếu sót của ông để giảng giải chỉ dẫn. Vì thế, đối với các trường hợp khác nhau và đệ tử khác nhau thì Khổng tử sẽ đưa ra các nội dung cụ thể khác nhau về hàm nghĩa quân tử. Đó cũng là nguyên nhân nền giáo dục cổ đại Nhật Bản lại yêu thích nghiên đọc học vấn của Không Tử đến thế. Ở giai tầng khác nhau, góc độ khác nhau sẽ có cách làm người tương ứng, cách làm người này sẽ dẫn đến tác dụng gì, những điều này đều được giảng giải rất thực tế và cụ thể. Về cơ bản, những nan đề cụ thể mà con người thế gian gặp phải trong các trường hợp khác nhau cần được ứng đối cụ thể thế nào thì Khổng Tử về căn bản đã bàn luận đến rồi. Vì thế, dù là Quân vương hay thần tử, dù là trong đời sống đơn độc của cá nhân hay trong việc chăm lo gia đình và quan hệ với bạn bè, cũng bất kể là chính trị hay giao thương, đều đã được chỉ dẫn cụ thể.

Cho nên, chúng tôi cần nói rõ một điểm, mặc dù Khổng Tử đã giảng về yếu lĩnh trị quốc, nhưng là giảng nhắm vào những người tòng chính như Tử Lộ, chứ không phải là nói rằng Khổng Tử thích giảng về việc trị quốc, trị quốc chỉ là một học vấn quan trọng trong thể hệ giáo dục của Nho gia mà thôi. Đối với nền giáo dục truyền thống mà nói, sự giáo dục của quân vương và thần tử có liên hệ tới vận mệnh của bách tính trong thiên hạ, có liên quan tới việc giáo hóa đạo đức của con người và gốc rễ thái bình của quốc gia, vì thế việc này mới được đặt lên vị trí quan trọng hàng đầu như vậy.

Từ đoạn văn trên, chúng ta có thể thấy được rằng, điều mà Khổng Tử dạy cho đệ tử ở đây chính là mấu chốt của việc trị quốc, hơn nữa nó là yếu lĩnh cốt lõi của những vị đế vương thời cổ đại như Vua Nghiêu Vua Thuấn, mỗi một câu

nói đều bắt đầu từ việc tu chính bản thân, nhấn mạnh vào việc tu chính bản thân, trước nhất học được cách cung kính, kính trọng người khác, cần bồi dưỡng thái độ khiêm kính. Ở đây Khổng Tử không nhấn mạnh vào tôn ti trên dưới, mà ông nói đến việc đối với bất kỳ ai đều cần phải đối đãi một cách cung kính, kính trọng, tuy rằng giữa quân, thần và bách tính cũng như là giữa cha, mẹ và con cái có hình thức cung kính, kính trọng đối đãi khác nhau, tức là hình thức lễ nghĩa đối đãi phải phù hợp với thân phận, nhưng phải hiểu rõ rằng giữa người với người tất phải tôn trọng lẫn nhau. Thái Tông bản thân ở vị trí cao, lại ban cho thần tử được ngồi, đó cũng là một hình thức biểu đạt của việc cung kính, kính trọng với thần tử. Dù biểu hiện cụ thể có khác nhau thế nào đi nữa, cung kính đối đãi người sẽ có thể cảm động lòng người, đó là điều trước tiên cần phải làm được trong những hành vi thiện. Khi người ta được coi trọng, mới có thể tâm phục, mâu thuẫn khi đó tự nhiên sẽ được hóa giải, lúc này sao còn có mâu thuẫn được nữa đây? Cho nên ông dạy cho Tử Lộ, một người vốn có sự quyết đoán và tài năng, phải thận trọng với những thiếu sót để đặt sự kính trọng người khác lên trước tiên. Người mà bị người khác lạnh nhạt thì trong tâm tất sinh oán hận, như thế chưa nói gì đến việc cai trị quốc gia, an định thiên hạ, mà ngay cả những người thân thiết xung quanh như gia đình và bạn bè cũng không thể được đối xử công bằng.

Cho nên, phải tu sửa thái độ ngạo mạn, bằng cách kính trọng người khác, thì mới có thể thu xếp ổn thỏa cho người nhà ở bên cạnh mình, quản lý tốt họ tộc, cũng có thể nhận được sự tín nhiệm và sự giúp đỡ của bạn bè. Làm được đến đó thì đã có thể an định người dân trong thiên hạ rồi. Một người mà hiểu được việc kính trọng người trong thiên hạ, đương nhiên sẽ biết cách thu được người tài trong thiên hạ, sẽ có được sự phò trợ của những người hiền tài và sẽ nhận được sự yêu mến của bách tính. Chữ "kính" này là khó làm

được nhất, đặc biệt là đối với những người có tài trí, cho nên điều Khổng tử dạy chính là chỗ dễ bị những người có tài xem nhẹ nhất. Nếu có thể tu sửa chỗ thiếu sót này thì sẽ không lo không cai trị tốt quốc gia. Chỉ 3 câu nói, Khổng Tử đã giảng bắt đầu từ việc lập thân đến việc thu xếp ổn thỏa người ở bên cạnh mình và cuối cùng mới đến việc trị quốc. Có thể thấy rằng, đạo lý tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ của Tăng Tử đời sau là bắt nguồn từ tư tưởng của Khổng Tử, đó là sự kế thừa của Khổng Tử với những lời dạy bảo của những Thánh vương đời xưa như Vua Nghiêu Vua Thuấn.

Đạo nghĩa của câu "cổ chi học giả vị kỷ" của Khổng Tử

Rất hiển nhiên rằng, ba câu dạy của Khổng Tử với Tử Lộ đều không tách rời việc tu sửa mình, cần phải tìm ra những chỗ thiếu sót trong nội tâm của mình, sau khi tu sửa nó rồi thì tác dụng phát huy được sẽ là lớp sau lớn hơn lớp trước. Đây chính là tác dụng sau khi tu đức của người quân tử, chỉ cần bạn không ngừng tu sửa bản thân, thì dù là trong tương lai bạn tham gia tòng chính, làm kinh doanh hay làm nghề nông thì đều có thể ứng phó rất dễ dàng, một người tu thân có sức mạnh vượt trên trăm ngàn mưu kế. Bạn có thể là chính trị gia, cũng có thể là nhà văn, dù làm công việc gì, giữ chức vụ gì thì đó chỉ là công việc cụ thể khác nhau, còn về đạo lý thì như nhau, cho nên người xưa thông thường đều là toàn tài, còn những thứ danh hiệu như nhà giáo dục, triết học gia, nhà lịch sử, nhà văn, chính trị gia hay là nhà quân sự v.v. Có thể là tập hợp những danh hiệu do thời hiện đại phân ra. Bởi vì, giáo dục thời cổ đại là giáo dục về sự tu dưỡng, giáo dục về nhân sinh, giáo dục về làm người một cách đúng đắn, lấy đó để chỉ đường cho nhân sinh, vận dụng vào các chức vị khác nhau, chính là học vấn của các lĩnh vực cụ thể khác nhau.

Vì thế, Khổng Tử mới nói: "Cổ chi học giả vị kỷ, kim chi học giả vị nhân" (Chương Hiến Vấn – [Luận Ngữ]). Câu này không thể được giải thích là, người xưa học tập là vì sự vinh hoa phú quý và con đường quan lộ của bản thân. Mà phải giải thích là, học giả thời xưa, cũng chính là thời cổ đại trước thời nhà Chu của Khổng Tử, học giả thời ấy học tập vì để tu chính bản thân và không ngừng đề cao tu dưỡng, còn thời nay, cũng chính là thời Xuân Thu của Khổng Tử, giai đoạn này đạo đức xuống dốc, các nước chư hầu chinh chiến liên miên, học giả thời ấy học tập học các loại tri thức và bản lĩnh là vì để tranh với người khác, để thu lấy vinh hoa phú quý cao hơn người khác. Quả là gãi đúng chỗ ngứa, điểm đúng chỗ trọng yếu, ông chỉ ra rằng học vấn bắt đầu đi lệch, mục đích học tập đã bắt đầu bất thuần. Vì thế học thuyết của trăm phái xuất hiện đầy rẫy, tranh luận không ngừng, ngư long lẫn lộn, chính và tà đồng thời tồn tại. Khổng tử đã chỉ ra con đường sáng cho mọi người, đó là giữ vững bản chất.

Từ câu nói "Cổ chi học giả vị kỷ, kim chi học giả vị nhân", chúng ta thêm hiểu rõ lời dạy của Khổng Tử, cốt lõi của nó chính là phẩm đức tu chính bản thân. Đây là bản chất của giáo dục thời cổ đại, vi chính dĩ đức, đó chỉ là lời dạy nhắm vào những người tòng chính, nó là một góc độ học vấn trong nền giáo dục lấy trung tâm là việc dạy "làm người", đó cũng là lĩnh vực rất quan trọng.

Vì thế, *Trinh Quán Chính yếu*, ở góc độ của Nho học, thì đó chính là thực tiễn hoàn mỹ về những lời dạy của Khổng Tử cho quân thần với sự dẫn dắt của Đường Thái Tông. Trong quá trình không ngừng xử lý chính sự quốc gia, thực hành yếu lĩnh tu sửa bản thân, tu chính những thiếu sót và những sai lầm của bản thân, cung kính đối đãi mọi người, lấy thân làm gương, yêu dân như con, trên làm dưới theo, thiên hạ đại trị, đó chính là thực chứng của việc "tu kỷ dĩ an bách tính".

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 20

Dưới thời trị vì của Đường Thái Tông, Trung Quốc được công nhận là lễ nghĩa chi bang, được toàn thế giới ngưỡng mộ. Vì vô cùng ngưỡng mộ Trung Quốc, Nhật Bản đã hơn 10 lần phái sứ giả đến nhà Đường với mục đích học tập kiến trúc của Trường An, văn hóa và chế độ lễ nghĩa của triều Đường để mang về Nhật Bản, kết hợp với phong tục tập quán của dân tộc Nhật Bản, từ đó phát triển trở thành điều mà chúng ta hiện nay vẫn gọi là văn hóa, lễ nghi Nhật Bản. Có thể thấy, thời đó người nhà Đường ai ai cũng coi trọng lễ nghĩa, trong tâm có đạo, người người đều trọng đức và thiện, cử chỉ rộng lượng, nhờ thế mới có được sự tôn quý và vinh diệu là cả thế giới ngưỡng mộ và noi theo. Vinh diệu của Đại Đường, kỳ thực bắt nguồn từ việc Thái Tông dùng lễ để giáo hóa (lễ giáo) toàn dân với tôn chỉ là chính trị nhân đức.

Lễ giáo thực chất là việc các vị vua thời cổ đại lấy bản thân làm gương để giáo hóa các hành vi cụ thể nhằm tu dưỡng đạo đức của người dân. Chiếu lệnh về phương diện chế độ lễ nghi mà Thái Tông ban bố đã thay đổi một số phong tục, trừ bỏ những tập tục xấu không hợp lý, quy chính đạo làm người, thiện hóa nhân tâm, tất cả đều dựa trên những kinh điển sách vở được những đế vương thánh minh thời xưa truyền lại, đều là hợp tình hợp lý, đồng thời có thể lấy bản thân làm gương cho dân chúng, bắt đầu từ chính Thái Tông và con cái ông, làm gương cho muôn dân trong thiên hạ. Điều này hoàn toàn khác hẳn với cái gọi là cổ hủ và áp bức như văn hóa đảng của Trung Cộng đã miêu tả lễ giáo, đó là ác ý bẻ cong và bóp méo lễ giáo. Ngược lại, lễ giáo bản thân nó chính là niềm hãnh diện của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Vì thế, trong bài viết này chúng tôi sẽ bàn luận đến chương thứ bảy của "Trinh Quán Chính yếu", thông qua chương "Luận về lễ nhạc" này xem xét việc quân thần (vua

tôi) Thái Tông nhận thức đối với "lễ" ra sao, quy định ra chế độ và quy phạm lễ nghĩa cụ thể thế nào.

Đọc "Luận về lễ nhạc" hiểu được sự tốt đẹp của lễ giáo

Ngày nay, nếu chúng ta đề cập đến lễ giáo thì quả thực là sợ như sợ cọp vậy. Trải qua mấy chục năm phê phán, bóp méo, người Trung Quốc đã không biết được lễ giáo chân chính là thế nào nữa, dường như trong ấn tượng của mỗi người chỉ còn cách nghĩ là: các đế vương, tướng lĩnh, quan lại và các tài tử giai nhân, ai ai cũng đều là những kẻ mưu quyền, thâm hiểm, trong hoàng cung là đấu đá, trong gia tộc là tranh giành. Với một mô thức quen thuộc, các diễn viên khoác lên mình những bộ trang phục cổ trang, sống trong những ngôi nhà cổ, diễn những vai kịch tính, khiến người ta ngộ nhận rằng đó chính là diện mạo chân thực của người xưa. Thực ra đó là đem một bộ/hệ âm mưu về mối quan hệ giữa người với người, các thủ đoạn "chỉnh" người, điệu bộ ích kỷ, cực đoan do Trung cộng tạo dựng ra và gán lên cho người xưa.

Kết quả của sự định hướng này chính là mọi người ai ai cũng không đáng tin, người người tranh danh đoạt lợi, dối trá hủ bại, ngang ngược bạo tàn, từ xưa đã chẳng có gì tốt đẹp cả. Mọi người thử nghĩ xem, nếu dân tộc Trung Quốc từ xưa quả thật là một dân tộc như vậy, vậy thì còn được ai kính ngưỡng đây? Chưa nói đến các quốc gia và dân tộc khác sẽ xem thường, mà còn sợ đến nỗi muốn tránh xa, ngay cả bản thân người Trung Quốc cũng sẽ không cảm thấy vinh dự gì, trong tâm họ chắc chắn sẽ thấy chán ghét. Như hiện nay, rất nhiều người tranh nhau chạy ra nước ngoài, thậm chí ở lại luôn không muốn về nước. Ngày nay, cảm nhận của nhiều người Trung Quốc khi ra nước ngoài là ngưỡng mộ sự tu dưỡng văn hóa của nước khác, chẳng phải là một minh

chứng tốt nhất cho điều này hay sao! Nếu lễ giáo là không tốt, vậy thì văn hóa truyền thống Trung Quốc sao có thể được thế giới ngưỡng mộ được?

Vì thế Trung Quốc cần phải khôi phục lại lễ giáo triều Đường, lễ giáo tốt đẹp nhất trong các vương triều, trở thành niềm tự hào của dân tộc Trung Quốc. Chỉ có như vậy, họ mới có thể hiểu được rằng "lễ giáo" thời cổ đại duy hộ chính lý làm người, tuân theo lương tâm đạo nghĩa. Mục đích của nó là quy chính đạo lý làm người, giáo hóa nhân dân, nâng cao đạo đức toàn xã hội. Đây là nhiệm vụ quan trọng của các đế vương thời cổ đại khi cai trị đất nước. Cũng tức là, ngoài việc chăm lo đời sống vật chất của bách tính, đế vương còn phải dùng chính lý để giáo hóa bách tính. Vì thế, Thái Tông đã lấy bản thân làm gương, gánh vác trách nhiệm tu dưỡng đạo đức để quy chính con người. Đây mới là dụng ý thực sự và lý do xuất hiện của lễ giáo vào thời cổ đại.

Trong chương "Luận về lễ nhạc" của "Trinh Quán Chính yếu", chúng ta thấy rõ rằng quân thần Thái Tông thảo luận lại nhiều lần về lễ, nhận thức rất lý tính; thấy rằng những chiếu lệnh họ ban ra, chế độ hiếu hỉ được định ra, quy định về tước vị và lễ tiết trong gia đình đều dựa trên việc tham khảo những sách vở kinh điển thời xưa. Điều này giúp chúng ta rất nhiều trong việc nhận thức rõ sự thực về lễ giáo, thay đổi cái nhìn thù địch đối với lễ giáo do bị văn hóa đảng tẩy não trong thời gian dài, nhận thức rõ bản chất thật sự của văn hóa truyền thống, trả lại thanh danh cho tổ tiên dân tộc Trung Hoa, trả lại sự tôn quý cho người Trung Quốc.

Công chúa Đại Đường về nhà chồng, làm lễ phụng dưỡng cha mẹ chồng

Trước tiên chúng ta hãy xem Thái Tông lấy bản thân làm gương như thế nào, bắt đầu từ gia đình ra sao. Đoạn thứ sáu của chương "Luận về lễ nhạc", có đoạn nói về việc công chúa

gả cho nhà quan, giống như những bách tính bình thường khác, cũng cần tuân theo nền nếp nhà chồng, ở nhà cũng cần phụng dưỡng và đối xử trọng hậu với cha mẹ chồng. Điều đó đã trở thành quy định lễ tiết đối đãi với cha mẹ chồng của các công chúa Đại Đường.

Nguyên văn: "Con trai thượng thư Bộ Lễ Vương Khuê tên là Kính Trực, lấy con gái của Thái Tông là công chúa Nam Bình. Vương Khuê nói: Sách "Lễ ký" có lễ nghi con dâu bái kiến cha mẹ chồng, từ thời cận đại đến nay phong tục bại hoại, khi công chúa xuất giá, tiết lễ bái kiến cha mẹ chồng đều phế bỏ. Nay Hoàng đế anh minh, mọi hành vi đều tuân theo pháp chế, ta tiếp nhận sự bái kiến của công chúa, lẽ nào lấy đó làm vinh dự cho bản thân, chỉ lấy đó để tác thành cho mỹ đức của nước nhà mà thôi. Thế là ông cùng vợ ngồi lên ghế cha mẹ chồng, lệnh cho công chúa đích thân cầm khăn, hành lễ rửa tay ăn uống [1]. Làm lễ xong mới được lui ra. Thái Tông nghe nói khen hay. Từ đó về sau, công chúa được gả đến gia đình cha mẹ chồng đều phải giữ lễ tiết như vậy".

Đoạn văn này nói: Kính Trực con trai của thượng thư Bộ Lễ Vương Khuê lấy con gái của Đường Thái Tông là công chúa Nam Bình. Vương Khuê nói: Sách "Lễ ký" có tiết lễ con dâu bái kiến cữu cô (là cách xưng hô thời xưa của con dâu với cha mẹ chồng). Nhưng gần đây, loại phong tục luân lý này bị suy bại và dần dần bị thay đổi, công chúa khi xuất giá đều bỏ qua những lễ tiết này. Bệ hạ thánh minh, mọi việc đều tuân theo chế độ pháp lệnh. Vì thế ta tiếp nhận lễ bái kiến của công chúa đâu chỉ là vì vinh hiển cho bản thân ta, làm như vậy thực ra là tác thành cho mỹ danh lễ nghĩa chi bang của Đại Đường". Thế là vợ chồng Vương Khuê ngồi lên ghế trên của cha mẹ chồng để cho công chúa đích thân cầm khăn, hành lễ rửa tay ăn uống, làm lễ xong thì cho công chúa thoái lui. Đường Thái Tông nghe được việc này rất đồng tình. Về sau, hễ có công chúa đi lấy chồng thì đều phải tuân theo lễ tiết này để phụng dưỡng cha mẹ chồng.

Dạy công chúa lấy bản thân làm gương để giáo hóa bách tính

Đoạn văn này đã thể hiện rõ rằng, khi con trai Vương Khuê thành thân với công chúa, trước mặt mọi người trong gia đình, Vương Khuê đã công khai nói với công chúa và tất cả mọi người hiểu rõ dụng ý việc làm này của ông: Việc đó không phải là không tuân theo lễ tiết của quân thần mà cố ý thất lễ với công chúa, mà nếu đã gả vào một gia đình thường dân thì chính là thành viên của một gia đình bình thường, mà đã ở trong gia đình thường dân thì không thể dùng lễ nghĩa của quốc gia để đối đãi với công chúa, công chúa lúc này đã là con dâu trong gia đình, nên cần phải tuân theo đạo đức nhân luân của gia đình phổ thông, tôn trọng trưởng bối, làm theo đạo hiếu của con dâu, kính dưỡng cha mẹ chồng bằng lễ tiết tương xứng. Đây mới là đạo lý làm người của bề dưới.

Mỗi triều đại có quy định cụ thể về hành vi, nghi thức về lễ khác nhau, nhưng mục đích và căn cứ đều là để bảo vệ, gìn giữ luân lý đạo đức của con người. Con dâu là bề dưới cần tôn kính người già và bậc trưởng bối trong gia đình, điều này thể hiện sự duy hộ truyền thống kính già yêu trẻ của Trung Hoa.

Việc thần tử dám ngồi lên ghế trên của cha mẹ chồng để cho công chúa đích thân cầm khăn, hành lễ rửa tay ăn uống, đã chứng tỏ một cách sâu sắc rằng Thái Tông là một vị quân chủ nhân đức hiểu rõ đạo lý. Ông cũng hiểu rõ quy tắc về lễ của Đại Đường, hoàn toàn thuận theo đạo lý được chế định từ các kinh sách thời cổ đại. Cho nên Thượng Thư Bộ Lễ, trước nhất phải nói với Thái Tông rằng: thần làm thế là tuân theo chính lý của kinh sách mà làm, là thay cho quân chủ thi hành lễ nghĩa chân chính. Công chúa tự bản thân làm tốt thì cả đất nước sẽ trên làm dưới theo, tác dụng của việc làm của công chúa Đại Đường là có thể giáo hóa dân chúng, tiếng tốt

này tất nhiên sẽ truyền rộng ra muôn phương, sẽ được mọi người khen ngợi và được người đời sau kính ngưỡng. Cho nên mới nói Đại Đường uy danh, hoàng gia và triều đình đều có thể lấy mình làm gương, tuân theo lễ tiết xưa, giữ vững luân lý đạo đức của con người. Nhờ thế mới có được đất nước phồn vinh.

Khi Thái Tông nghe được tin vợ chồng Vương Khuê ngồi lên ghế trên của cha mẹ chồng để cho công chúa đích thân cầm khăn, hành lễ rửa tay ăn uống, ông không chỉ không cho rằng việc đó là thần tử mạo phạm công chúa, mà đã rất vui vẻ tán đồng, vì thế, Thái Tông đã biến điều này thành quy định quốc gia để thống nhất làm theo. Mỗi công chúa khi xuất giá đều cần noi theo lễ tiết đó, tuân theo đạo làm con dâu, phụng dưỡng tốt cha mẹ chồng. Mục đích là nêu gương cho những người con gái trong thiên hạ, khởi tác dụng giáo hóa cho dân chúng hiểu việc tôn kính người già. Cho nên nói rằng, lễ tiết công chúa xuất giá phải phụng dưỡng cha mẹ chồng, chính là thông qua câu chuyện này, dùng lý để thu phục lòng người, nhờ đó được Thái Tông tiếp thu, quy định thành lễ chế.

Cuốn "Trinh Quán Chính yếu" đáng quý ở chỗ đã nói cho mọi người rằng, mỗi chính lệnh được ban bố ra đều được nói rõ ngọn nguồn lý do, đều dùng lý để thu phục lòng người, đều dùng để giáo hóa bách tính, khiến mọi người hướng thiện. Các công chúa thời cổ đại hầu hết đều hiểu đại cục, hiểu rằng hành vi, ngôn từ của mình có liên quan đến danh dự quốc gia, liên quan đến việc giáo hóa đạo đức nhân dân, đó là do họ được giáo dục rất nghiêm khắc. Họ đều hiểu được trách nhiệm của bản thân.

Người thời cổ đại đọc sách hiểu được đạo lý, việc cha mẹ chồng tiếp nhận lễ nghĩa và sự đối đãi trọng hậu của con dâu hoàn toàn không phải là áp bức con dâu. Tư tưởng của việc này cũng giống như tư tưởng của Thượng Thư Bộ Lễ, là bậc cha mẹ, trưởng bối trong gia đình cần tuân theo những

lời dạy thời xưa, phải có trách nhiệm dạy dỗ con cái, để cho con cháu hiểu được tầm quan trọng của việc kính lão, làm gương cho các đời sau. Dùng trung hiếu để quản lý gia đình, đây đều là những điều vô cùng lý tính.

Qua lời nói của thần tử, chúng ta gián tiếp biết được việc Thái Tông tuân theo những kinh sách cổ, để công chúa tuân thủ lễ nghi, trở thành tấm gương cho thiên hạ. Vậy bản thân Thái Tông trực tiếp nhận thức về lễ như thế nào? Trong phần sau chúng ta sẽ tiếp tục bàn về vấn đề này.

---

[1] Theo hiểu biết của người dịch, trong lễ này, con dâu cần đợi cha mẹ chồng rửa tay xong rồi dâng thức ăn.

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 21

Các đế vương thời cổ đại đặt định, tuân thủ lễ nghĩa, định ra các quy tắc, mục đích là để duy trì bảo hộ đạo nghĩa và luân lý con người, giữ gìn thuần phong mỹ tục, đây là một trong những nghĩa vụ trọng đại của đế vương. Có nghĩa là, ở vị trí quân vương, họ phải có trách nhiệm lấy mình làm gương, duy trì bảo hộ đạo lý làm người, định ra lễ chế, giáo hóa bách tính. Vì thế chúng ta thấy rằng, chương "Luận về Lễ nhạc" không đặt trọng điểm vào ghi chép lại nội dung cụ thể về chế độ lễ nghĩa của nhà Đường, mà tập trung ghi chép lại tường tận toàn bộ quá trình quân thần Đường Thái Tông thảo luận và phân tích nguyên do định ra lễ nghĩa đó, qua đó đã nhận thức thấu triệt về Lễ. Trước tiên chúng ta hãy xem xét Đường Thái Tông với vai trò là vua của một nước nhìn nhận thế nào đối với Lễ và ông đã quy chính nó như thế nào.

Học sách vở kinh điển để thông hiểu về tình và lý, ngăn chặn tận gốc cực đoan

Chương "Luận về Lễ nhạc" bắt đầu bằng việc Đường Thái Tông luận bàn về lễ tránh tên húy của các đế vương. Đoạn mở đầu này không những đã cho thấy Thái Tông hiểu rõ trách nhiệm quy chính lễ nghĩa của mình, mà ông còn lấy thân làm gương, tuân theo tôn chỉ, dựa vào sách vở kinh điển của thánh hiền, không vì bản thân là đế vương mà có thể mặc sức làm bừa, tự cho mình là nhất, tùy tiện định ra lễ. Đồng thời qua đó chúng ta cũng có thể thấy được kiến thức anh minh thông hiểu tình và lý của Thái Tông, ông không bị lạc vào những giáo điều cổ hủ. Việc làm của Thái Tông quả là đã khiến mọi người tâm phục.

Đường Thái Tông khi mới lên ngôi, nói với các thị thần: "Theo 'Chu lễ', tên của đế vương, đến khi chết mới tránh

húy, để bày tỏ sự tôn kính. Nhưng dù là các đế vương ngày xưa cũng không tránh phạm húy tên mình khi còn sống, vì thế tuy Chu Văn Vương tên Xương nhưng trong 'Chu thi' của Nhà Chu cũng chưa từng tránh dùng chữ Xương, vẫn có câu thơ rằng "Công khắc cơ xương chi hậu". Thời Xuân thu, Lỗ Trang Công tên Đồng, năm Trang Công thứ 16 trong 'Kinh Xuân Thu' có câu rằng: "Tề Hầu, Tống Công kết đồng minh ở đất U" (ý là chữ đồng minh trong câu có tên của Lỗ Trang Công. Cũng không phải vì Lỗ Trang Công tên Đồng mà tránh phạm húy chữ đồng, cần phải thay đổi những lề thói cổ hủ). Chỉ có sau này, đế vương cận đại giải thích sai kinh điển, tự cho mình là nhất, mới thêm bừa các hạn chế, cấm kỵ không hợp tình hợp lý, cực kỳ cực đoan, hạ lệnh tránh húy tên của đế vương khi còn sống. Ta cho rằng những đạo lý chưa thông đạt như thế này thì không nên cho phép lưu hành, cần có sự thay đổi. Do đó xuống chiếu rằng: Theo sách 'Kinh Lễ', trong các văn tự hai chữ trong tên vua chỉ cần không xuất hiện liền nhau, thì không cần phải nhất nhất tránh húy. Khổng Tử là bậc thánh nhân thông hiểu sự lý, không phải không có chỉ bảo. Gần đây, người đời giải thích sai những chỉ dạy của Khổng tử, biến thành những giáo điều cực đoan, thêm vào nhiều hạn chế không hợp lý, tránh húy từng chữ một trong hai chữ, làm ra nhiều tránh húy, tùy tiện làm như vậy là vi phạm chỉ dạy của 'Kinh Lễ'. Nay cần căn cứ theo kinh điển, cần phải lược bỏ, học theo thánh nhân thời trước, hoàn nguyên và quy chính nghĩa vốn có của lễ, để lại phép tắc cho hậu thế. Từ nay về sau, trong văn thư điển tịch công tư, tên người và tên xưng hô của của quan viên, chỉ cần hai chữ "Thế" và "Dân" trong tên ta không đọc liền với nhau đều không phải tránh húy."

Thái Tông quy chính Lễ, quay lại bản chất của Lễ

Từ đoạn văn trên, chúng ta có thể thấy rất rõ rằng, khi Thái Tông luận bàn về Lễ, định ra Lễ, đầu tiên lấy bản thân làm gương, hoàn toàn không vì bản thân là đế vương mà muốn sao làm vậy, tự cho mình là nhất. Ông muốn quy chính ý nghĩa nguyên bản của Lễ, quay lại hàm nghĩa chân thực của kinh sách và những lời dạy của Khổng Tử. Ông đã dùng nó để làm gương cho người trong thiên hạ, dạy bảo cho muôn dân, để lại phép tắc cho hậu thế, trở thành căn cứ chính xác để người đời sau hiểu rõ về lễ.

Cũng có nghĩa là, thân làm đế vương, ông hoàn toàn hiểu rằng việc tuân theo Lễ, định ra Lễ phải bắt đầu từ việc quy chính bản thân mình, đây là nghĩa vụ và trách nhiệm của đế vương. Lễ có rõ ràng và chính xác hay không, không chỉ ảnh hưởng đến Lễ tiết của triều đình, mà còn liên quan đến phong tục lề thói của hậu thế. Nếu ông lý giải không đúng, vậy thì chế độ lễ nghĩa được chế định ra tất nhiên sẽ gây hại đến toàn xã hội, hơn nữa còn ảnh hưởng đến hậu thế, tạo nên những giáo điều cổ hủ cho đời sau, thậm chí đi ngược lại kinh sách, trở thành việc không phù hợp với đạo nghĩa. Như thế, Lễ sẽ mất đi tác dụng vốn có của nó, trở thành không thấu tình đạt lý, chỉ dùng để duy trì bảo hộ cho thể diện và địa vị của đế vương. Nếu như thế, trên làm sao dưới sẽ làm vậy, vậy thì mất đi ý nghĩa vốn có của lễ là duy trì bảo hộ đạo đức luân lý của con người.

Vì thế, khi ông lên ngôi không lâu, ông đã bắt đầu quy chính lại những vấn đề do giải thích sai lệch về tôn ti, thứ bậc trong lễ nghĩa, ông phát hiện ra một số cách làm sai của các đế vương thời cận đại xuất phát từ việc giải thích sai kinh sách và những lời dạy của Khổng Tử. Thái Tông nhìn nhận, đế vương là địa vị tôn quý, bách tính và đại thần theo lẽ cần theo danh phận tương ứng mà có sự tôn kính thích đáng với người trên, vì vậy, theo đạo đức luân lý về đạo nhân nghĩa

của con người, cần phải có lễ nghĩa với bậc trưởng bối, vậy đối với bậc đế vương lại càng cần phải tôn kính hơn. Nhưng không thể vì thế mà có thể theo lẽ tư mà làm bừa, một mực duy hộ thể diện của đế vương một cách không hợp lý, tự cho bản thân mình là nhất, giải thích sai ý nghĩa nguyên gốc của Lễ và kinh sách, để rồi tránh phạm tên húy đến mức cực đoan, dẫn đến cuộc sống, công việc, viết văn đều trở nên rất bất tiện. Thái Tông đã nhìn ra tính nguy hại do nhận thức sai lầm này.

Thực ra bất cứ thời đại nào cũng có một bộ phận người xuất hiện những hiện tượng cực đoan, cũng sẽ xuất hiện những người đọc sách máy móc, rập khuôn, giáo điều hủ bại (Bộ phận những hiện tượng không tốt này bị Trung cộng phóng đại một cách thâm hiểm, lợi dụng đó để bẻ cong văn hóa, lịch sử thời cổ đại). Nhưng vẫn luôn có người nhận thức ra và không ngừng quy chính nó. Một chút nhận thức của thiểu số những văn nhân hủ bại đó không thể đại diện cho toàn bộ dòng chảy chính, không thể vì thế mà coi trọng những hiện tượng ngắn ngủi tạm thời này, không thấy được sự vĩ đại của toàn bộ văn hóa Trung Hoa, không tìm được sự tự tôn của dân tộc mình. Lễ thực chất là để duy trì, bảo hộ đạo nhân nghĩa, chứ không phải để duy trì, bảo hộ tư tình cá nhân.

Thận chung truy viễn, quy chính theo đạo, còn gì anh minh hơn thế!

Từ đoạn văn này chúng ta nhìn ra được thêm một điểm, chỉ cần có sách vở kinh điển của tổ tiên để lại, thì dù văn nhân hay đế vương đời sau có xuất hiện bao nhiêu sai lầm hay chệch hướng thế nào cũng sẽ bị người ta phát hiện ra. Giống như chuyện của Thái Tông ở trên, nhờ đọc sách vở kinh điển tìm ra căn cứ nên ông có thể có suy nghĩ độc lập, xuất phát từ kinh điển nguyên gốc, xuất phát từ những lời

dạy bảo của Thánh nhân Khổng Tử, dựa trên cách làm và chỉ dạy của tổ tiên tam đại (Hạ, Thượng, Chu) thời thượng cổ mà ông đã phát hiện ra chỗ không đúng ở thời cận đại để quy chính nó. Ông có thể từ trong biển sách mênh mông của các thời kỳ lịch sử, từ trong lời lẽ của các gia các phái để tìm được đầu mối mà hình thành được kiến thức, lý lẽ đúng đắn và đưa ra những phán quyết chính xác.

Sở dĩ Nhật Bản được như ngày nay là do sự hưng khởi của đế vương học, họ nghiên cứu "Trinh Quán chính yếu", nghiên cứu các sách vở kinh điển của Khổng Tử, nghiên cứu lịch sử Trung Quốc. Họ chưa từng bôi nhọ hay cắt đứt với văn hóa chính thống thời cổ đại và những đạo lý truyền thống về cách làm người, đó là sự tôn kính của họ với truyền thống. Chỉ là trong trào lưu phát triển kinh tế, giới trẻ của họ đã bắt đầu quên mất những điều này, một bộ phận người chỉ vì lợi trước mắt, dẫn đến chính trị, kinh tế và giáo dục đã xuất hiện những hiện tượng vô đạo đức, người ta cảm thấy nguy hiểm và kinh sợ bèn vội vã kêu gọi trở về với đạo đức truyền thống, học tập lời dạy của tổ tiên. Tức là, chỉ cần trong tâm còn có lòng kính ngưỡng với sách vở kinh điển và thánh hiền thời xưa, còn có sách vở kinh điển và những thực tiễn của tổ tiên làm tham chiếu và căn cứ, thì cho dù nhất thời mê mờ đi lệch cũng có thể quy chính lại.

Đáng sợ là Trung Quốc hiện nay đã trải qua thời Cách mạng văn hóa, các sách vở kinh điển của Nho gia đều bị phê phán và cười nhạo, giá trị quan của tổ tiên và giá trị quan lịch sử đã bị vứt bỏ, không còn kinh sách để chỉ đường nữa. Việc này không chỉ làm người ta khi gặp vấn đề sẽ không thể nào đưa ra được phán đoán chính xác, mà còn có thể khiến bè phái tiểu nhân thâm hiểm hoành hành, khiến cho tiểu thuyết, kịch của các nhà văn, các tác phẩm điện ảnh tùy ý giải thích sai về lễ giáo văn hóa, tư tưởng trung nghĩa của Trung Quốc; khiến người Trung Quốc giải thích sai rằng họ là những kẻ ngụy quân tử ra vẻ đạo mạo, không biết đúng

sai, mang những diễn xuất hạ lưu vô sỉ đó đổ lên đầu người xưa. Những điều này khiến cho người Trung Quốc cười nhạo tổ tiên, đạo đức bại hoại, mất đi căn cứ và trí tuệ để quy chính những điều sai lầm.

Trong "Luận Ngữ" của Khổng Tử có câu "Thận chung truy viễn, dân đức hậu quy", nghĩa là dạy bảo [người lãnh đạo] cần tuân theo tổ tiên thời xa xưa, từ đầu đến cuối đừng quên nghĩa nguyên gốc của kinh sách, theo đó mà học cách làm người và dạy bảo người dân trăm họ, thì đó cũng chính là quy chính phong tục tập quán và đạo đức của người dân rồi đó. Thái Tông hiểu sâu sắc lời dạy của Khổng Tử, dựa vào kinh sách để quy chính lễ chế, thu được kiến thức anh minh quyết đoán. Nhờ thế Đại Đường mới trở thành Lễ nghĩa chi bang, huy hoàng thiên cổ, được cả thế giới kính trọng và ngưỡng mộ.

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 22

"Trinh Quán Chính Yếu" giống như một "bộ phim" chân thực ghi lại những việc quân thần luận bàn chính sách của triều đình thời xưa. Vì thế nếu chúng ta muốn tìm hiểu xem triều đình và các vị đế vương tiên tổ có đúng là cổ hủ đến nực cười, không phân rõ thị phi như các phim cổ trang vẫn truyền tải hay không, hay muốn tìm hiểu việc triều đình vì sao lại định ra lễ nghĩa để quy phạm bách tính, hoặc chí ít là muốn tìm hiểu xem lễ giáo thực ra là gì, thì cách tốt nhất có lẽ là tự mình đọc các sách cổ, các tác phẩm kinh điển, mới có thể tìm lại sự thật, từ đó hiểu được vẻ đẹp của truyền thống Trung Hoa.

Ở hai phần trước, chúng tôi chủ yếu đứng từ giác độ gia đình đế vương làm gương để bàn luận về lễ giáo cổ đại, bàn về việc bản thân vua Đường Thái Tông cùng con cháu đã làm thế nào đi đầu trong tuân thủ lễ và quy chính lễ, không tự cao tự đại mà nỗ lực làm tròn trách nhiệm hoàng gia của mình. Trong phần này, chúng tôi sẽ chuyển sang nội dung về tang lễ và hôn lễ mà mấy nghìn năm qua tất cả người Trung Quốc đều coi trọng. Chúng ta hãy cùng tìm hiểu xem trong những năm Trinh Quán triều Đường, quân thần Thái Tông đã quy định ra chế độ tang lễ và hôn lễ như thế nào.

Trước tiên, chúng ta sẽ tìm hiểu về tang lễ, nguyên nhân vì trong quá trình quyết định tang lễ này đã đưa ra một định nghĩa khái quát hết sức quan trọng liên quan đến "lễ" của Nho học cổ đại. Câu nói này được Ngụy Trưng và các đại thần bàn bạc đưa ra, vô cùng sâu sắc. Nó khiến mọi người sực tỉnh và hiểu rõ được ý nghĩa chân thực của lễ giáo.

Vua Thái Tông hỏi về tang lễ

Chương "Luận về lễ nhạc" đã ghi chép tường tận quá trình ra quyết sách về tang lễ của triều Đường. Đầu tiên chúng ta hãy xem việc vua Đường Thái Tông đưa ra nghi vấn và yêu cầu gì với lễ quan.

Nguyên văn: Năm Trinh Quán thứ 14, vua Thái Tông nói với lễ quan: "Chị dâu lo việc nấu nướng ăn uống có ân chăm lo mà em trai chồng không chịu tang; lại còn có chuyện dì và cậu cũng là người thân thiết mà việc chịu tang có sự phân biệt; những việc này đều chưa hợp với lễ, khanh hãy tập hợp học giả để bàn bạc. Ngoài đó ra, nếu còn có những mối quan hệ thân thiết khác đang bị xem nhẹ thì cũng tấu lên".

Đại ý: Năm Trinh Quán thứ 14, Đường Thái Tông nói với lễ quan rằng: "Hiện giờ người cùng chung sống với các khanh chết đi rồi thì các khanh vẫn phải khoác áo để tang. Vậy mà chị dâu chết thì em trai chồng lại không để tang. Cậu và dì đều là người thân thiết (cậu là anh em của mẹ, dì là chị em của mẹ, đều là bên họ ngoại) nhưng lễ tiết để tang lại có sự khác biệt. Những cách làm này đều không phù hợp với quy phạm lễ nghĩa, cần phải chiêu tập các học giả để bàn bạc, định ra lễ nghĩa về chịu tang. Ở những phương diện khác, nếu có mối quan hệ thân thuộc quan trọng tương tự nhưng lễ tiết phụng dưỡng lại xem rất nhẹ thì cũng cần tấu lên".

Qua đoạn văn trên có thể thấy rằng Thái Tông đã đưa ra nghi vấn về tang lễ, cảm thấy nó có nhiều chỗ bất hợp lý cần phải tu chính, nên đã hạ lệnh cho lễ quan thân cận triệu tập các học giả uyên bác để cùng bàn luận, rồi dựa trên kết quả bàn luận đó để quy chính và định ra lễ chế hợp lý cho tang lễ. Cần phải chú ý rằng, tang lễ ở đây không phải là các nghi thức cần thực hiện khi làm tang sự, mà là lễ chịu tang mà con người phải thực hiện đối với người thân đã mất, biểu hiện sự thương tiếc và ân nghĩa. Trọng điểm của nó là ở nghĩa tình của con người, đây mới là điểm cốt yếu mà triều đình

nhắm tới. Đây cũng là cốt lõi trong tang lễ, là lý do người Trung Quốc coi trọng nghi lễ chịu tang và duy trì tập tục văn hoá trọng đại này. Vì vậy muốn quy phạm tang lễ thì đầu tiên phải bàn luận đạo lý vì sao phải chịu tang, người nào phải chịu tang, sự khác biệt ở chỗ nào, tình và lý thế nào, chứ không phải bàn luận bản thân hình thức chịu tang.

Cho nên Thái Tông mới có nghi vấn, cảm thấy chỗ bất hợp lý trong tang lễ, điều ấy minh chứng rằng ông luôn quan tâm đến cuộc sống của người dân, luôn tìm cách quy chính những điểm bất hợp lý, không phù hợp với tình lý làm người. Ông hay suy xét và chú ý quy chính tập tục của người dân, thâm tâm sợ rằng có người dân sẽ chịu thiệt thòi, chịu bất công, nhưng đồng thời, ông cũng rất tôn trọng các lễ quan và học giả, khiêm tốn, cẩn trọng lắng nghe lễ quan, các đại thần và học giả cùng nhau bàn bạc.

Đáp án thuyết phục cho vấn đề chịu tang cậu và dì

Khi Đường Thái Tông có nghi vấn về tang lễ, lễ quan đã nhanh chóng bàn bạc với lục bộ thượng thư và các đại thần để cùng tìm ra câu trả lời thuyết phục nhất. Đầu tiên họ trình tấu lên vua Thái Tông rằng cậu và dì cùng là em của mẹ, nhưng vì sao con cháu lại chịu tang khác nhau, và đưa ra lý do cụ thể của việc đó.

Tám vị thượng thư (nhà Đường thời xưa có lục bộ thượng thư, cộng thêm tả hữu bộc xạ nên gọi là tám vị) và lễ quan dâng tấu rằng:

Thần (ông Ngụy Trưng tự xưng, ông tập hợp ý kiến của mọi người sau khi bàn luận, viết thành bản tấu trình lên vua Thái Tông) nghe nói, lễ là lý lẽ để phán đoán những nghi hoặc còn chưa rõ ràng, để quyết định những hành vi khó quyết định, để phân biệt những chỗ khác biệt, để phân minh thị phi, nó không phải là điều từ trên trời rơi xuống, cũng

không phải đột nhiên, vô duyên vô cớ từ dưới đất mọc lên, mà là dựa vào lý lẽ, tình hình của con người để đưa ra.

Đạo của con người có một điểm trọng yếu là cửu tộc hòa hợp (tính từ đời hiện tại của một người thì tổ tiên bốn đời trên người đó và con cháu bốn đời dưới người đó, cộng thêm bản thân người đó nữa là cửu tộc).

Cửu tộc hòa hợp là bởi sự thân thiết từ gần đến xa, nên lễ tiết cũng có phân biệt thân sơ. Giữa người thân thuộc cũng có sự khác biệt, cho nên văn tế trong tang lễ cũng được viết dựa theo ân tình nhiều hay ít.

Cậu và dì là người cùng họ với mẹ, nhưng giữa họ lại có sự khác biệt. Vì sao lại như thế? Đó là vì cậu và mẹ là người một tông tộc, dì thì sau khi xuất giá đã đổi họ theo họ của chồng, thành người của nhà khác, tham khảo sử sách thì cậu quả thật gần gũi và quan trọng hơn dì. Cho nên Chu Vương thường nhớ đến nước Tề, gọi nước Tề là cữu sanh chi quốc (ý là nước của cậu).

Tần Mục Công không quên công tử Trùng Nhĩ đang ở nước Tấn là cậu mình, bèn đưa con trai Khang Công đến phía bắc sông Vị (Vị Dương) và đã làm bài thơ "Vị Dương". Ngày nay khi cậu mất đi chỉ chịu tang ba tháng, còn dì lại cần để tang năm tháng, đã chuộng hư danh, mất đi tình người, là việc bỏ gốc mà lấy ngọn, vứt bỏ căn bản. Đây đại thể là người xưa không suy nghĩ chu toàn với tình cảm của con người, ta nên có sự điều chỉnh về việc này.

Xem xét vấn đề từ ý nghĩa căn bản của lễ

Lời giải thích trong đoạn văn trên nội dung lập luận rất rõ ràng. Câu trả lời của Nguỵ Trưng rất rõ, có căn cứ lý do, hợp tình hợp lý, khiến mọi người tỉnh ngộ.

Từ đó chúng ta thấy rằng lễ nghĩa làm người mà người xưa tôn sùng đều phù hợp với tình người và nghĩa lý, chứ không phải là những thứ hủ hóa không hợp tình hợp lý. Mà

những đại thần triều Đường này lại có nhận thức vô cùng thấu tình đạt lý, hiểu học vấn và lễ nghĩa, họ chắc chắn sẽ không làm những việc đi ngược lại với tình và lý của con người. Cách nhận thức vấn đề của họ là nhìn nhận từ gốc rễ, tư tưởng rõ ràng, họ bàn luận từ ý nghĩa tồn tại của "lễ".

Chữ "lễ" (礼) trong tiếng Trung đồng âm với chữ "lý" (理), cho nên lý giải của Ngụy Trưng về lễ vô cùng chính xác. Ông cho rằng "lễ là lý lẽ để phán đoán những nghi hoặc còn chưa rõ ràng, để quyết định những hành vi khó quyết định, để phân biệt những chỗ khác biệt, để phân minh thị phi, nó không phải là điều từ trên trời rơi xuống, cũng không phải đột nhiên, vô duyên vô cớ từ dưới đất mọc lên, mà là dựa vào lý lẽ, tình hình của con người để đưa ra". Vì thế, lễ trước tiên phải hợp lý, phù hợp với Đạo của con người. Mục đích căn bản của việc quy định lễ nghĩa chính là tạo ra hành vi cụ thể phù hợp với Đạo của con người, khiến cho cửu tộc hòa hợp. Đây là dựa trên tôn chỉ căn bản Đạo của con người.

Vì thế việc định ra lễ và quy phạm hành vi cụ thể cho con người nhằm để cho ai ai cũng có thể hành xử khéo léo, thỏa đáng; để cho con người trong ngôn ngữ hành vi, đặc biệt trong các việc lớn như sinh lão bệnh tử, trong hôn nhân… đều có thể ứng xử phù hợp với tình và lý làm người. Nếu không quy định cụ thể những việc này, thì cho dù có hiểu được đạo lý căn bản làm người cần phải phù hợp với Đạo của con người, hiểu được cần có nhân nghĩa, hiểu được việc kính trọng người khác, cần biết cảm ơn và không được vong ơn phụ nghĩa, nhưng trong từng trường hợp cụ thể lại không biết cần phải biểu đạt thế nào, thậm chí xảy ra sai sót hoặc lo toan không chu toàn, gây ra sai lầm, dẫn đến nhiều mâu thuẫn, hiểu lầm. Vì thế mà đã dựa theo đạo nhân nghĩa làm người của người xưa, cũng chính là Đạo của con người, để định ra cách làm và quy phạm cụ thể, đó chính là tác dụng và căn nguyên tồn tại của lễ.

Sau đó, theo nguyên tắc lớn này thì mọi người cần phải phân biệt thân sơ, gần xa để xác định mối quan hệ giữa cậu và dì, vì dì đã xuất giá thành người nhà khác, nên đương nhiên cậu và mẹ là người đồng tông tộc. Bản tấu lại lấy thêm ví dụ về cách làm của Chu Vương và Tấn Vương để giải đáp nghi vấn của vua Thái Tông, lấy đó để quy chính những chỗ bất hợp lý trong việc chịu tang cho cậu của các đời trước. Dựa vào đó để định ra tang lễ mới. Vì thế, người xưa khi định ra "lễ" có thể căn cứ theo dân tình khác nhau, nhưng ý nghĩa căn bản xuất phát từ Đạo làm người và duy hộ đạo nhân đức của "lễ" thì không hề thay đổi.

Đây là lời giải đáp thứ nhất về tang lễ. Lời giải đáp thứ hai liên quan đến việc chịu tang của em chồng với chị dâu, kính mời quý độc giả đón xem ở phần kế tiếp.

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 23

Ở phần trước, để quy chính việc tang lễ vua Thái Tông đã sai lễ quan bàn bạc với các thượng thư để cùng đưa ra một lễ chế chịu tang hợp lý, mục đích là quy chính Đạo của con người. Ngụy Trưng đại diện cho các đại thần dâng tấu lên, đầu tiên trả lời câu hỏi của vua Thái Tông tại sao việc chịu tang giữa cậu và dì lại khác nhau.

Thái Tông còn thắc mắc: Về tình và lý thì những người từng chung sống nay mất đi vẫn phải mặc áo để tang, nhưng chị dâu mất đi thì em trai chồng là người có mối quan hệ gần gũi lại không cần để tang. Ông cho rằng điều này không phù hợp với lễ tiết thời đó. Người xưa có câu: "Coi anh trai như cha, coi chị dâu như mẹ". Thái Tông chắc chắn cảm thấy rằng lễ tiết này coi nhẹ sự vất vả quán xuyến việc nhà và sự quan tâm chăm sóc em trai chồng của chị dâu. Ông cảm thấy bất công cho họ, cho đó là điều không phù hợp với đạo nghĩa. Vậy Ngụy Trưng và các đại thần giải đáp vấn đề này như thế nào? Chúng ta xem tiếp đoạn văn dưới đây:

Đáp án thuyết phục cho việc em trai chồng không để tang chị dâu

(Đoạn văn này nguyên gốc là một đoạn, nhưng tại đây dựa trên mạch bài viết, chúng tôi phân thành 5 đoạn)

Đại ý và giải nghĩa đoạn văn thứ nhất

Đại ý sách "Lễ Ký" viết: "Con cái của anh em cũng như con cái của mình, đây là vì mối quan hệ thân cận, danh phận hợp lý, cho nên kéo gần lại. Em chồng không cần để tang chị dâu là vì quan hệ huyết thống xa, danh phận nam nữ cũng không hợp lý, cho nên đẩy xa ra".

Giải nghĩa: Đoạn văn đầu tiên trích dẫn sách "Lễ Ký" để nói với Thái Tông rằng, vì sao lại có lễ chế em chồng không

cần chịu tang cho chị dâu. Lý do này đã được ghi trong các sách kinh điển. Nhưng Thái Tông lại cảm thấy bất hợp lý, vậy thì có phải do sách kinh điển sai không? Ngụy Trưng tiếp tục trả lời ở đoạn thứ hai.

Đại ý và giải nghĩa đoạn thứ hai

Đại ý: Dựa theo quy định của lễ, nếu sống cùng với cha dượng thì cần để tang cha dượng một năm, nếu không sống cùng thì không cần để tang. Với chồng của dì và vợ của cậu, thì lễ tiết để tang hai người này giống nhau. Có câu nói rằng: "Nếu sống cùng với cha dượng thì nên để tang cho cha dượng". Cha dượng không phải là cha đẻ, chịu tang long trọng là vì sống cùng thì có ân tình nặng, không sống cùng thì ân tình nhẹ. Vì thế việc để tang tuy rằng liên quan đến danh phận nhưng cũng là dựa trên ân tình nông sâu mà định ra.

Giải nghĩa: Tuy rằng trong "Lễ Kinh" có nói vì danh phận xa nhau mà em chồng không cần để tang chị dâu, nhưng đây là cách lý giải giáo điều cứng nhắc. Ngoài ra "Lễ Kinh" còn nói đến việc ở chung với cha dượng, đây cũng là mối quan hệ không liên quan đến huyết thống, như vậy phải dựa trên ân nghĩa để quyết định. Sống cùng nhau, tức là chịu ơn dưỡng dục, vì thế phải chịu tang; không sống cùng thì coi như có danh phận cha con nhưng không cần chịu tang. Có thể thấy "Lễ Kinh" cũng nói về việc giữa những người không có chung huyết thống thì phải dùng ân nghĩa, tình nghĩa nông sâu để quyết định có để tang hay không. Khi xem xét "Lễ Kinh" thì cần phải nhìn nhận toàn diện mới có thể lý giải được toàn diện, và có thể ứng dụng linh hoạt trong hiện thực cuộc sống. Nguyên tắc của nó là dựa vào huyết thống gần hay xa, tiếp đến là sự hợp lý của danh phận, cuối cùng là ân nghĩa nông sâu, nếu yếu tố trước không phù hợp thì xét đến yếu tố sau. Cho nên về việc này, "Lễ Kinh" trước nay chưa từng sai sót. Tham chiếu việc để tang cha dượng dựa

trên ân nghĩa, có thể thấy việc vua Thái Tông hoài nghi việc em trai chồng không để tang chị dâu là hoàn toàn chính xác. Tiếp đó, để làm rõ thêm việc em chồng để tang chị dâu nên được giải quyết dựa trên ân nghĩa thế nào, Ngụy Trưng tiếp tục bàn luận về ân nghĩa giữa chị dâu và em trai chồng trong đoạn ba.

Đại ý và giải nghĩa đoạn thứ ba

Đại ý: Giả sử một tình huống thế này, người chị dâu đã trưởng thành sống trong gia đình mà em chồng còn nhỏ cần phải nuôi dưỡng, chị dâu coi em chồng như con của mình, hai người đồng cam cộng khổ sống đến già, cũng giống như sống cùng với cha dượng, hay sống cùng với người khác, ân tình sâu nặng sao có thể đo đếm được đây? Lúc sinh thời thì hai người thân thiết với nhau như môi với răng, nhưng sau khi chị dâu mất lại đối đãi bằng lễ tiết người ngoài, vậy quả là khiến người ta khó lý giải. Nếu cho rằng mối quan hệ xa thì làm vậy là đúng, vậy thì lúc sinh thời không nên ở cùng nhau; còn nếu sinh thời đã ở cùng nhau, thì lúc chết không nên đối đãi với chị dâu như người ngoài như vậy. Ân tình lúc sống sâu nặng mà lúc chết lại dùng những lễ tiết đơn sơ đạm bạc, dùng lý do thân phận nam nữ không phù hợp, lẽ nào có đạo lý như vậy được, làm vậy có hợp đạo nghĩa không?

Giải nghĩa: Đoạn văn này đã nói rõ mối quan hệ chị dâu và em chồng tình nghĩa sâu nặng như mẹ với con, có ân dưỡng dục, so với tình nghĩa cha dượng thì không thể cùng đem ra so sánh được, như vậy thì em trai chồng càng phải chịu tang chị dâu. Nếu cũng dùng lễ tiết như người qua đường thì quả là về tình về lý đều không phù hợp, lại càng không hợp với đạo nghĩa.

Ở bài trước, Ngụy Trưng đã định nghĩa về lễ: "Lễ là lý lẽ để phán đoán những nghi hoặc còn chưa rõ ràng, để quyết định những hành vi khó để quyết định, để phân biệt những

chỗ khác biệt, để phân minh thị phi, nó không phải là điều từ trên trời rơi xuống, cũng không phải đột nhiên, vô duyên vô cớ từ dưới đất mọc lên, mà là dựa vào lý lẽ, tình hình của con người để đưa ra. Chỗ quan trọng nhất của Đạo của con người là làm cho cửu tộc hòa hợp", vậy thì với người chị dâu có ân nghĩa sâu nặng với mình mà không chịu tang thì đương nhiên là không hợp tình hợp lý, đó sẽ là hành động bất nghĩa, không hợp với đạo làm người. Quy chính lễ chịu tang giữa em chồng với chị dâu mới có thể khiến cho những người làm chị dâu cảm thấy được sự công chính mà không sinh tâm oán hận, như vậy mới có thể khuyến khích những người làm chị dâu nguyện ý tận tâm chăm sóc cho em trai chồng. Việc này vô cùng có lợi cho giáo hóa dân chúng, quy chính đạo làm người, khiến những người chị dâu có đức hạnh như mẹ, khiến cho cửu tộc hòa hợp. Cho nên cần phải cải chính những điểm bất hợp lý trong đạo làm người.

Tiếp đến đoạn thứ tư, Ngụy Trưng đưa ra những ví dụ thực tế trong lịch sử về việc chịu tang chị dâu

Đại ý và giải nghĩa đoạn thứ tư

Đại ý: Ngoài ra, trong sử sách có không ít ghi chép về lễ tiết phụng dưỡng chị dâu. Thời Hậu Hán, Trịnh Trọng Ngu chăm sóc chị dâu ở góa và con trai, đối đãi với chị bằng lễ tiết và tình nghĩa ngay thẳng nồng hậu. Thời Tấn, chị dâu của Nhan Hoằng Đô hai mắt bị mờ, cần phải dùng mật rắn, ông đã tìm mọi cách để lấy được mật rắn, cuối cùng đã khiến cho mắt của chị dâu sáng lại. Tướng Quân Mã Viện thời Hậu Hán hết mực tôn trọng chị dâu, không đội mũ thì không dám đi vào nhà bái kiến chị dâu. Sách "Lễ Ký" có chép: "Cháu của Khổng Tử là Khổng Cấp khóc thương trước bài vị của chị dâu". Những ví dụ này đều đến từ quy phạm lễ nghĩa trong thực tế, đó là những người cực kỳ nhân nghĩa, hiếu kính. Họ

có thể hiểu rõ đại nghĩa, lẽ nào họ không phải là những bậc trí giả có tầm nhìn sâu rộng hay sao?

Giải nghĩa: Đoạn này nêu ra ví dụ về việc những bậc hiền giả trong các thời kỳ lịch sử khác nhau đối đãi với chị dâu ra sao, cách hành xử của họ đáng để mọi người học hỏi, và cũng rất cảm động lòng người, họ là những bậc thánh hiền đại giác thực sự hiểu được đại nghĩa, hiểu được ý nghĩa và bản chất thực sự của lễ. Cách hành xử của họ là chân chính duy hộ đạo làm người, mang lại sự hài hòa. Đây mới là những người thực sự hiểu được bản chất của Nho học. Những bậc Nho học như Ngụy Trưng biết nhìn vào bản chất luân lý, nhìn vào nhân tình nghĩa lý, họ hiểu sâu sắc về đạo của Khổng Tử, hiểu rằng phải nắm vững bản chất của lễ thì mới thực sự duy hộ đạo làm người, mới có thể phân tích sâu sắc để cửu tộc hòa hợp. Ngụy Trưng không chỉ đưa ra ví dụ thực tế, mà còn đưa ra cách hành xử của con cháu Khổng Tử để lý lẽ thêm thuyết phục và phong phú.

Đại ý và giải nghĩa đoạn thứ năm

Đại ý: Hiện tại không có hiền triết thánh minh, bách tính cũng không hiểu việc lễ nghĩa, dẫn đến các đạo lý bao hàm trong lễ nghĩa không được xem trọng, nếu cứ để như thế thì thực sự sau này sẽ khiến người ta hối tiếc.

Giải nghĩa: Là nhà Nho, Ngụy Trưng cho rằng việc vua Thái Tông nêu ra những chỗ nghi vấn và những chỗ bất hợp lý trong lễ tiết chịu tang là rất đúng; mọi người lâu nay vẫn xem nhẹ nghĩa lý đằng sau lễ, xem xét lễ một cách giáo điều, chỉ để ý vào hình thức. Điều này quả là khiến người ta đau lòng.

Sau khi đưa ra lý do trong năm đoạn này, Ngụy Trưng và các đại thần đã định ra lễ chế chịu tang cụ thể trình lên Đường Thái Tông. Vua xem xong liền tán đồng ý kiến đó. Trong bản tấu còn nói rõ là do Ngụy Trưng viết.

Xem phần hỏi đáp giữa vua tôi Đường Thái Tông về lễ phục tang, chúng ta sẽ hiểu rõ đế vương và các Nho sinh chân chính trong trị quốc đều rất xem trọng việc giáo hóa đạo đức. Dựa vào sách vở kinh điển, lấy nhân nghĩa đạo lý làm gốc, quy chính phong tục của người dân, đây chính là thực thi đạo trị quốc "lấy đức làm gốc" mà Khổng Tử đề xướng. Lễ nghĩa của triều Đường dựa trên đạo nghĩa, thật xứng với danh hiệu "lễ nghĩa chi bang", lòng người được quy chính là nguyên nhân căn bản cho sự thịnh vượng của nhà Đường.

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 24

Mọi người đã biết việc quy chính lễ chế là để quy chính đạo của con người, vậy thì tiếp theo đây chúng ta sẽ xem xét việc vua Đường Thái Tông dùng đạo lý trong hôn nhân làm căn cứ để quy chính hôn lễ thế nào. Việc quy chính hôn lễ trước tiên phải quy chính lại đẳng cấp của các gia tộc, khiến cho mọi gia tộc trong thiên hạ đều hiểu được rằng người không có đức tất sẽ ở đẳng cấp thấp, sẽ khiến tổ tiên và gia tộc hổ thẹn, không thể ngẩng đầu trước mọi người. Những danh gia vọng tộc tất phải đặt đức lên hàng đầu, danh hiệu xứng với thực tế thì mới được hưởng đãi ngộ cao, mới xứng được người đời kính trọng. Hôn lễ bại hoại thực ra là biểu hiện của nhân tâm hủ bại. Quá trình quân thần Thái Tông hợp sức quy chính hôn lễ đều lấy việc quy chính nhân tâm, duy hộ đạo đức làm mục đích căn bản.

Dưới đây là đoạn nguyên văn việc vua Thái Tông quy chính hôn lễ, dựa theo mạch văn chúng tôi phân đoạn văn này thành ba đoạn như sau:

Năm Trinh Quán thứ sáu, vua Thái Tông nói với thượng thư tả bộc xạ Phòng Huyền Linh: "Gần đây có bốn họ Thôi, Lư, Lý, Trịnh ở Sơn Đông, tuy mấy đời liên tục suy vi nhưng vẫn dựa vào danh vọng ngày trước, thích khoe khoang tự đại, tự xưng sĩ đại phu. Mỗi lần gả con gái cho họ tộc khác thì đòi sính lễ tài vật, định hôn ước theo số lượng, chẳng khác nào con buôn ngoài chợ, thậm chí làm bại hoại phong tục, gây rối loạn lễ pháp, địa vị của bọn họ không phù hợp, phải cải cách. Vua Thái Tông hạ lệnh cho Thượng thư Bộ lại Cao Sĩ Khiêm, Ngự sử đại phu Vi Đỉnh, Trung thư lang Sầm Văn Bản, Thị lang Bộ lễ Lệ Hồ Đức Phân sửa đổi đính chính các họ, thu thập rộng rãi gia phả thế tộc toàn quốc, đồng thời dựa vào sử sách, kinh truyện, trừ bỏ hư huyễn, đính chính thật giả, người trung hiền thì thêm vào, kẻ gian nghịch thì

loại ra, biên soạn thành "Thị tộc chí". Các ông Cao Sĩ Khiêm trình lên đẳng cấp ước định, để họ Thôi làm cấp thứ nhất".

Thái Tông bảo bọn họ: "Trẫm và bốn họ Thôi, Lư, Lý, Trịnh ở Sơn Đông trước đây không có ân oán, chỉ vì họ mấy đời suy vi, lại không có người làm quan, còn tự xưng là sĩ đại phu, khi cưới lại đòi rất nhiều tiền tài vật phẩm. Có kẻ tài thấp mà tự cho là môn đệ cao quý mà du nhàn tự đắc, buôn bán danh vọng của tổ tông, nhờ đó mà phát tài, trẫm không hiểu tại sao xã hội lại coi trọng họ như vậy. Vả lại sĩ đại phu có tài năng gây dựng đức nghiệp, công nghiệp, tước vị cao, kính thờ vua và cha mẹ, trung hiếu thì mới đáng khen; hoặc là đạo đức nhân nghĩa luôn cao thượng, học vấn rộng rãi, cũng đủ là dòng dõi tôn quý có thể gọi là sĩ đại phu trong thiên hạ. Nay những người họ Thôi, Lư này chỉ khoe khoang sĩ thân thời xưa, sao có thể xứng là tôn quý? Từ công khanh trở xuống, dựa vào cái gì mà tặng cho họ rất nhiều tài vật, lại trợ giúp cho khí thế của họ, chỉ cầu hư danh, bất chấp thực tế, coi như vậy là vinh quang. Nay trẫm định ra đẳng cấp dòng họ, thực là muốn tôn sùng quan thần đời nay, tại sao Thôi Can được liệt vào đẳng cấp thứ nhất, chỉ là thấy rằng các khanh không quý trọng quan tước của trẫm. Đừng nhìn vào mấy đời trước, chỉ định đẳng cấp theo quan phẩm, nhân tài thời nay, cần phải thống nhất đánh giá quyết định, dùng làm chuẩn mực xác định". Bèn liệt Thôi Can vào đẳng cấp thứ ba.

Đến năm Trinh Quán thứ 12 thì bộ sách đã hoàn thành, tổng cộng có một trăm quyển, phát hành cả nước. Vua Thái Tông lại chiếu xuống: "Sự tốt đẹp của thế tộc là dựa vào quan tước, Đạo của hôn nhân, trước hết là nhân nghĩa. Từ khi Bắc Ngụy mất nước, Bắc Tề diệt vong, xã hội đã thay đổi, phong tục cũng suy bại, họ của các nước Yên, Triệu ngày trước, đã lâu không có người làm quan, quý tộc các nước Tề, Hàn lại vi phạm phong khí nhân nghĩa, ở châu huyện không có danh tiếng, tự thân lại không tránh được tham lam, tự thổi phồng

hậu duệ dòng dõi tôn quý, không coi trọng lễ nghi, chỉ biết đòi tài vậy, gả con gái nhất định phải gả cho nhà giàu. Còn có những người mới làm quan và người có tiền, ngưỡng mộ tổ tông của những người này, tranh nhau kết thân với họ, tặng cho nhiều vàng bạc lụa là, như thể mua bán. Có người thuộc dòng dõi thấp hèn, bị sỉ nhục về quan hệ thông gia; có người khoe khoang dòng dõi ngày xưa, không biết lễ giáo. Những thói xấu này đã tích thành phong tục, đến nay chưa hết, đã loạn nhân luân, lại tổn hại đến danh giáo. Trẫm sớm tối cẩn trọng cảnh giác, suy nghĩ đạo trị nước, những việc hại đời trước đều ngăn cản loại bỏ, chỉ có thứ phong khí xấu này là chưa thể hoàn toàn thay đổi. Từ nay về sau, cáo thị rõ ràng, để mọi người hiểu, nhất định phải hợp với lễ giáo, hợp với tâm ý của trẫm".

Đoạn thứ nhất: Phát hiện hôn nhân trở thành giao dịch, sửa đổi lại đẳng cấp các dòng họ

Đại ý: Năm Trinh Quán thứ sáu, vua Đường Thái Tông nói với Thượng thư tả bộc xạ Phòng Huyền Linh: "Gần đây, bốn họ Thôi, Lư, Lý, Trịnh ở Sơn Đông, tuy mấy đời liên tục suy vi, nhưng vẫn dựa vào danh vọng ngày trước, thích khoe khoang tự đại, tự xưng sĩ đại phu. Mỗi lần gả con gái cho tộc khác là đòi nhiều sính lễ tài vật, định hôn ước theo số lượng nhiều ít, chẳng khác nào con buôn ngoài chợ, lấy hôn nhân để giao dịch, đã làm bại hoại phong tục, gây rối loạn lễ pháp trong *Kinh Lễ*. Họ đã không biết điều gì cần coi trọng, hành vi lại không còn phù hợp với gia thế danh vọng của bọn họ, xem ra, cần phải cải cách chế độ lễ nghĩa hiện nay rồi". Vua Đường Thái Tông bèn hạ lệnh cho Thượng thư Bộ lại Cao Sĩ Khiêm, Ngự sử đại phu Vi Đỉnh, Trung thư lang Sầm Văn Bản, Thị lang Bộ lễ Lệ Hồ Đức Phân sửa đổi đính chính các họ, thu thập rộng rãi gia phả thế tộc toàn quốc. Đồng thời dựa vào sử sách, kinh truyện, trừ bỏ hư phù, đính chính thật

giả, nếu gia tộc nào có người trung hiền thì thăng lên đẳng cấp cao, nếu có kẻ gian nghịch (có hành vi đi ngược đạo đức nhân luân, đi ngược đạo làm người) thì giáng xuống. Theo tiêu chí đó biên soạn thành *"Thị tộc chí"*. Thượng thư Cao Sĩ Khiêm trình lên ước định đẳng cấp, lấy họ Thôi làm cấp thứ nhất.

Giải nghĩa:

Đoạn văn này nói lên rằng, vua Thái Tông phát hiện một số gia tộc ở Sơn Đông mượn công danh của tổ tiên mà rồi tự cao tự đại, mượn cớ hôn lễ mà đòi lễ vật tiền tài, không chỉ đã coi hôn lễ như là một loại giao dịch, thực chất cũng là lấy danh vọng của tổ tiên để đổi lấy tiền. Nếu không sửa đổi lại, thì những danh gia vọng tộc này sẽ trở thành những ngụy quân tử để người dân học theo, họ không những không khởi được tác dụng làm gương, mà ngược lại còn khiến đạo đức nhân luân trở thành thứ lừa lọc, lòng dân tất sẽ đại loạn, đạo đức nhất định sẽ trượt dốc, thói quen coi trọng kim tiền của dân chúng một khi hình thành thì hậu quả sẽ khôn lường. Vì thế vua Thái Tông không chỉ hạ lệnh cho Bộ lễ mà còn phái các bộ cơ yếu khác cùng tham gia việc cải cách này, cần phải khiến cho đẳng cấp của các gia tộc đúng với thực chất. Có thể thấy việc vua Thái Tông quy chính lễ là quy chính nhân tâm, trước nay ông chưa bao giờ quên việc giáo hóa dân chúng là trách nhiệm của bậc đế vương.

Sính lễ thời cổ đại là một lễ chế để đính ước trong hôn lễ, nó biểu đạt sự tôn trọng và hứa hẹn của nhà trai với gia tộc nhà gái, là đại biểu cho sự kính trọng, cảm ân, tín nghĩa và thành ý của nhà trai. Trao sính lễ là biểu hiện thành ý lớn nhất với nhà gái, cũng là công khai thừa nhận rằng bản thân sẽ có trách nhiệm với người con gái, đưa ra một lời hứa hẹn đáng tin cậy để cho mọi người đều biết. Nếu không có lý do đặc biệt thì không thể dễ dàng phá bỏ hôn ước. Đây là ý nghĩa căn bản của việc trao sính lễ. Sao có thể để việc này trở thành giao dịch được? Huống hồ việc này lại do những

danh gia vọng tộc kia khởi xướng, người dân tất nhiên sẽ làm theo, không có hành vi nào lại gây tác dụng xấu hơn những hành vi như vậy.

Vua Thái Tông quy chính hôn lễ, đầu tiên ông quy chính lại danh dự của các gia tộc, tức là cảnh cáo con cháu đời sau của các danh gia vọng tộc không được bôi nhọ thanh danh của tổ tiên, để cho người dân cả nước thấy rằng bất cứ gia tộc nào không tu dưỡng đức hạnh cho tốt thì sẽ không xứng ở đẳng cấp cao nhất. Một khi bị giáng đẳng cấp, thì không thể ngẩng đầu với mọi người, gia tộc đó sẽ như thể bị dán lên nhãn ác nhân hay ngụy quân tử, đó là sự sỉ nhục lớn nhất. Theo cách đó, mọi người không chỉ sẽ có nhận thức và suy xét mới về ý nghĩa của hôn lễ, mà còn khiến cho toàn xã hội hiểu được cần đặt đạo nghĩa lên vị trí số một, hiểu được làm người cần trọng đức khinh tài (tiền tài, của cải).

Điều này nói lên rằng vua Đường Thái Tông rất anh minh, ông hiểu được sức ảnh hưởng của việc quy chính gia tộc ở các vùng thôn quê, ca ngợi người trung thành, hiền đức mới có thể từ trên xuống dưới giáo dục người dân trọng đức. Điều được quy chính ở đây hoàn toàn không chỉ là quy chính hôn lễ, cũng hoàn toàn không phải chỉ quy định sính lễ thế nào, mà qua sự biến dị của hôn lễ ông đã nhìn ra được sự hủ bại của lòng người, vì vậy phải nghiêm túc quy chính.

Nhưng khi các quan đại thần lại dựa theo lệ cũ đặt họ Thôi vào vị trí nhất đẳng, vua Thái Tông cảm thấy họ vẫn không hiểu được dụng ý của ngài trong việc xếp lại đẳng cấp của các gia tộc, vì thế đã có đoạn luận thuật thứ hai của vua Thái Tông.

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 25

Đoạn thứ hai: Thế nào là sĩ đại phu

Tiếp theo bài trước, chúng ta xem xét đoạn thứ hai về việc vua Thái Tông quy chính hôn lễ.

Đại ý của đoạn này như sau (xem nguyên văn ở Phần 24):

Vua Thái Tông nói: "Trẫm và bốn họ Thôi, Lư, Lý, Trịnh ở Sơn Đông trước đây không có ân oán, chỉ vì họ mấy đời suy vi, mấy đời nay lại không có người làm quan, còn tự xưng là sĩ đại phu, khi cưới lại đòi rất nhiều tiền tài vật phẩm. Có kẻ tài năng và kiến thức thấp mà tự cho là môn đệ cao quý mà tự đắc nhà cao cửa rộng, khoe khoang danh vọng của tổ tông, nhờ đó mà phát tài, trẫm không hiểu tại sao xã hội ngày nay lại coi trọng họ như vậy? Nếu có người có thể lập nên công lao sự nghiệp, tước vị cao, kính phụng vua và cha mẹ, trung hiếu đều đáng được khen ngợi; hoặc là trọng đạo đức nhân nghĩa, trước nay có tiếng là trong sạch thì sẽ khiến mọi người kính phục; học vấn rộng rãi, thông đạt, tinh thông cũng đủ để tự lập môn hộ, có thể gọi là bậc sỹ đại phu trong thiên hạ. Nay những người họ Thôi, Lư này chỉ khoe khoang quan cao tước hậu của tổ tiên, thì sao có thể xứng là tôn quý? Từ công khanh trở xuống, dựa vào cái gì mà tặng cho họ rất nhiều tài vật, lại trợ giúp cho khí thế của họ như vậy? Họ chỉ cầu hư danh, bất chấp thực tế, coi như vậy là vinh quang cho bản thân. Nay sở dĩ trẫm muốn quy định lại đẳng cấp dòng họ, thực là muốn địa vị quan thần triều ta phù hợp với công lao sự nghiệp và đức hạnh, lập ra địa vị tôn quý và danh vọng khiến mọi người đều kính ngưỡng. Tại sao Thôi Can được liệt vào đẳng cấp thứ nhất, đó chẳng phải là các khanh coi thường quan tước của triều đình trẫm sao? Vì vậy, đừng nhìn vào mấy đời trước, định đẳng cấp chỉ dựa vào quan

phẩm và nhân tài thời nay, và đẳng cấp định ra lần này sẽ được lấy làm chuẩn mực lâu dài". Vậy là liệt Thôi Can vào đẳng cấp thứ ba.

Giải nghĩa:

Đoạn văn này đã nói rõ ràng rằng, vua Thái Tông cảm thấy rất khó hiểu vì sao nhà họ Thôi trắng trợn nhận sính lễ tiền tài như vậy, nhưng vẫn được các đại thần xếp vào đẳng cấp thứ nhất như cũ, thế là vua đã tường tận nói ra dụng ý của việc ngài muốn sắp xếp lại đẳng cấp gia tộc. Trước tiên ngài nói rõ ngài làm như vậy không phải xuất phát từ tình cảm cá nhân, không phải vì trước đây có ân oán mà nay dùng quyền lực để trả thù họ, cố ý tước đi đãi ngộ của họ để cho hả giận, mà là vì họ phẩm đức thấp, mượn cớ hôn lễ để nhận tiền tài vật phẩm. Vua Thái Tông cho rằng gia tộc họ mấy đời suy vi, nguyên nhân chính là ở chỗ này, nguyên nhân nhà họ không có người làm quan không gì khác chính là do vô đức vô tài, kiến thức hạn hẹp gây nên. Lấy sính lễ để nhận tiền tài chính là hành vi chứng minh cho đạo đức hủ bại của họ, đó là nguyên nhân thực sự khiến cho gia tộc họ nhiều thế hệ suy vi, đến nay không có người làm quan. Rất hiển nhiên vua Thái Tông dựa vào chức quan trong triều đình, dựa vào đẳng cấp, tước vị của mỗi gia tộc, dựa vào cống hiến với đất nước, dựa vào sự ảnh hưởng chính diện về mặt đạo nghĩa để định ra đẳng cấp. Nếu xếp những gia tộc đó vào đẳng cấp thứ nhất, thì cũng tương đương với việc khinh nhờn quan tước của triều đình, sỉ nhục danh gia vọng tộc là có những kẻ ngụy quân tử mang danh hão. Vì vậy, cần phải nghiêm túc xem xét, đảm bảo rằng các quan lại triều đình được hiển vinh và các danh gia vọng tộc đều là những sĩ đại phu chân chính, vậy mới có thể giáo hóa dân chúng, đất nước mới được quản lý tốt. Cho nên, vua Thái Tông mới phê bình các đại thần, việc họ để nhà họ Thôi ở vị trí nhất đẳng là khinh nhờn quan tước của triều đình, không hiểu được ý nghĩa chân chính của quan tước triều đình, phê bình họ chưa làm

đúng chức trách. Các quan lại đều hùa theo tâm hư vinh của người đời thì sẽ khiến người khác cũng xem trọng hư vinh, đó tức là không hiểu rõ đạo lý, dung dưỡng cho cái xấu.

Từ đoạn hội thoại của vua Thái Tông, chúng ta còn hiểu được nhận thức của người thời đó đối với tầng lớp sĩ đại phu. Tức là, hiểu được rằng người có phẩm đức thế nào mới là sĩ đại phu? Người như thế nào mới đủ tư cách gọi là sĩ đại phu? Một người có cống hiến to lớn cho quốc gia, dựng lập được công tích to lớn, nhờ đó được phong quan tước rất cao, trọng tâm sự nghiệp của họ là toàn tâm toàn ý trợ giúp quân chủ trị vì quốc gia, trong gia đình cũng có thể cung phụng cha mẹ như vậy. Theo lời của vua Thái Tông thì chính là người "thiện sự quân phụ, trung hiếu khả xưng" (người phụng sự tốt với vua và cha mẹ, có thể gọi là người trung hiếu), với những người này, công tích mà họ lập được chính là kết quả chứng minh cho sự trung hiếu của họ. Họ đặt trọng tâm vào trung hiếu. Còn một kiểu người khác tài đức song toàn được mọi người kính phục, đức hạnh và tài nghệ xưa nay đều được mọi người ca tụng. Những gia tộc như vậy tuy rằng không có người quan cao hiển quý, nhưng cũng được gọi là danh gia vọng tộc, có thể tự tạo lập địa vị trong thế gian, trở thành tấm gương đạo đức cho con người thế gian, họ cũng xứng được gọi là sĩ đại phu.

Tức là, dù thuộc loại nào, người được danh hiệu sỹ đại phu đều là những người hiểu được đạo nghĩa trung hiếu được xem trọng trong giáo dục truyền thống, họ là những nhà văn hóa ở thế gian (hiểu được học vấn về cách làm người, dùng đạo nghĩa để giáo hóa người đời, điều này không giống với khái niệm đại sỹ phu hiện nay). Họ là người thi hành đạo nghĩa, là tấm gương cho người đời noi theo. Họ tất phải có đức xứng với vị trí này. Vì thế vua Thái Tông mới giáng họ Thôi xuống đẳng cấp thứ ba.

Chúng ta thấy được rằng Đường Thái Tông không sợ những gia tộc này có thế lực lớn thế nào trong xã hội, ông

quyết tâm, cương nghị quy chính lại phong tục, quyết không nuông chiều một ai. Tự thân đế vương nếu không có giá trị quan đúng đắn về đạo đức, nếu chỉ dựa vào quyền lực và ý kiến của mình, thì không thể có được kiến thức như vậy, cũng không thể dẫn dắt quốc gia đi đúng đường. Vì vậy mới nói vua Thái Tông là vị vua thân chính tâm chính, rất nhiều kiến thức của ông vượt xa các đại thần. Như vậy mới giúp ông nhìn ra vấn đề sâu xa, nhìn ra bản chất vấn đề. Yếu lĩnh trị quốc của ông luôn gắn liền với chữ đức, sự việc dù lớn hay nhỏ ông đều dùng thước đo này để định lượng, đồng thời nhanh chóng đưa ra quyết định, cải chính lại những sai lầm, sự anh minh của ông chính là ở chỗ đó.

Đoạn thứ ba: Đạo hôn nhân, lấy nhân nghĩa làm đầu (nguyên văn xem Phần 24)

Đại ý:

Đến năm Trinh Quán thứ 12, bộ sách "Thị tộc chí" được hoàn thành, tổng cộng có 100 quyển, phát hành cả nước. Sau đó vua Thái Tông lại chiếu xuống: Gia tộc cao thấp phải định theo quan tước (thời xưa, tước vị đã có từ thời thượng cổ, được định ra từ thời vua Thuấn, phân thành năm đẳng cấp là công, hầu, bá, tử, nam), chính đạo của hôn nhân phải đặt nhân nghĩa lên hàng đầu. Từ khi Bắc Ngụy mất nước, Bắc Tề diệt vong, xã hội đã thay đổi, phong tục cũng suy bại. Gia tộc của các nước Yên, Triệu ngày trước đã lâu không có người ra làm quan, quý tộc các nước Tề, Hàn lại vi phạm lễ nghĩa. Gia tộc ở các châu huyện không có danh tiếng; tự thân lại không tránh được tham lam, lại tự thổi phồng hậu duệ dòng dõi tôn quý, không coi trọng lễ nghi hôn nhân, chỉ biết cậy danh vọng đòi tài vật, gả con gái nhất định phải gả cho nhà giàu. Thế là có những người mới làm quan và người có tiền lại ngưỡng mộ tổ tông của những người này, tranh nhau kết thân với họ, tặng cho họ nhiều vàng bạc lụa là, như

thể mua bán. Hai bên, người thì tự nguyện hạ thấp gia tộc, người thì chịu sỉ nhục mà kết quan hệ thông gia; có người khoe khoang dòng dõi trước đây mà hành xử vô lễ trước mặt cha mẹ chồng. Những thói xấu này tồn tại đã lâu, tích thành phong tục, đến nay vẫn không cải biến, đã loạn nhân luân, lại tổn hại đến danh giáo. Trẫm sớm tối cẩn trọng cảnh giác, suy nghĩ đạo trị nước, các vấn đề tệ nạn của các thời kỳ trước đều đã loại bỏ, chỉ có thứ hủ tục này vẫn chưa hoàn toàn thay đổi. Từ nay về sau, phải làm cho bàn dân thiên hạ đều hiểu quy tắc nghi lễ trong hôn nhân, nhất định phải hợp với lễ phép, dựa theo lễ nghĩa của triều đình mà làm, thì mới hợp với tâm ý của trẫm".

Giải nghĩa:

Đoạn thứ ba là tổng kết của hai đoạn trước, đoạn này đã nói rõ việc vua Thái Tông quy chính các gia tộc, định lại đẳng cấp và tước vị, mục đích căn bản chính là quy chính phong tục của người dân. Phong tục bất chính này đã được hình thành từ lâu, từ thời Bắc Ngụy cuối thời nhà Hán, Trung Nguyên bị chia cắt, đến thời nhà Tùy, phong tục bị hỗn loạn thời gian lâu, đạo đức không ngừng trượt dốc. Không ít các danh gia vọng tộc xưa kia, nay đạo đức đã không còn phù hợp với địa vị nữa, trở thành những kẻ cầm đầu làm phong tục hủ bại, trong đó hành vi hủ bại nhất là biến hôn nhân thành thủ đoạn kiếm tiền, đảo loạn luân lý, hủy hoại đạo hiếu, ảnh hưởng của nó vô cùng xấu.

Điều này nói lên rằng, việc vua Thái Tông quy chính hôn lễ, chỉ là xóa bỏ một trong rất nhiều những thói hư tật xấu đã không ngừng trượt dốc từ cuối thời nhà Hán, đó là một trong những công việc nhằm quy chính đạo đức, chỉnh đốn quốc gia, giáo hóa dân chúng, lại còn là công việc phải làm cuối cùng. Ông muốn các đại thần hiểu rõ vì sao cần phải quy chính hôn lễ, vì sao việc kết hôn cần phải phù hợp với lễ nghĩa, suy cho cùng mục đích chính là quy chính nhân tâm, quy chính đạo làm người; cũng chính vì thế mới cần sắp đặt

lại vị trí và giáng hạ đẳng cấp của những gia tộc làm trái lễ nghĩa hôn nhân để kiếm tiền tài, chứ không đơn giản chỉ giới hạn trong việc định ra và ban bố lễ chế hôn nhân mới.

Vì vậy vua Thái Tông ngay từ đầu đã đưa ra nhận thức căn bản về hôn nhân, đó chính là đạo hôn nhân phải đặt nhân nghĩa lên hàng đầu. Đây chính là căn cứ để ông quy chính hôn lễ. Dù ông quyết định thế nào vẫn luôn lấy căn bản nhân nghĩa làm tôn chỉ. Hôn lễ không chính thì đạo làm người sẽ không chính, sẽ xa hoa phô trương, chỉ nhìn vào tiền vật, chuộng hư vinh, nếu như thế, cho dù hôn lễ có được tổ chức long trọng thế nào thì vẫn mất đi ý nghĩa căn bản của hôn nhân. Đứng trên điểm cao nhất của đạo làm người để quy chính hôn lễ, thì tất nhiên sẽ danh chính ngôn thuận, không ai không phục.

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 26

Ngày nay, do ảnh hưởng của văn học và phim ảnh cổ trang, người ta coi tư tưởng bảo sao nghe vậy, phục tùng mệnh lệnh là "trung", mà không phân biệt thiện ác đúng sai, đây là hậu quả của việc không đọc sử sách và bài trừ giáo dục truyền thống. Có câu "trung ngôn nghịch nhĩ" (lời nói ngay thẳng thường khó nghe), xem ra thì quân vương phải có chỗ sai mới không dám nghe những lời trung ngôn nghịch nhĩ, những trung thần chỉ biết nói những lời dễ lọt tai thì sao có thể coi là trung thần chân chính được? Nhưng vì sao lời trung ngôn lại khó lọt tai? Để hiểu được rõ ràng khúc chiết nội hàm của chữ "trung" này, chúng ta cùng xem câu chuyện về vị hoàng hậu hiền đức đệ nhất triều Đường là hoàng hậu Trưởng Tôn nhân dịp gả công chúa luận bàn về trung thần.

Hoàng hậu: Dùng đạo nghĩa để khắc chế tình cảm cá nhân của đế vương mới là trung

Câu chuyện này được ghi chép trong chương "Luận công bình" của *Trinh Quán Chính Yếu*. Câu chuyện kể về việc con gái của vua Đường Thái Tông và hoàng hậu Trưởng Tôn là công chúa Trường Lạc sắp xuất giá, vua Thái Tông cho chuẩn bị quá nhiều của hồi môn nhưng lại được Ngụy Trưng khuyên can, hoàng hậu đã nêu ý kiến về việc này. Sự việc này được ghi chép rất đầy đủ trong sách, trước tiên chúng ta xem đoạn ghi chép này:

Công chúa Trường Lạc là con của vua Đường Thái Tông và hoàng hậu Văn Đức (tức hoàng hậu Trưởng Tôn, sau khi mất, thụy là hoàng hậu Văn Đức, biểu thị rõ đức hạnh của bà). Năm Trinh Quán thứ sáu công chúa xuất giá, vua ra lệnh chuẩn bị của hồi môn gấp đôi công chúa cả, tức là công chúa

Vĩnh Gia, con của vua Đường Cao Tổ và là em gái của vua Thái Tông cũng xuất giá năm đó.

Ngụy Trưng dâng tấu lên khuyên can rằng: "Trước đây, Hán Minh đế thời Đông Hán chuẩn bị phong thưởng cho con trai đã nói: 'Con của ta sao có thể được phong thưởng giống như con trai của tiên đế được? Hãy chiếu theo một nửa mức phong thưởng cho các con của tiên đế là Sở vương, Hoài Dương vương'. Sử sách thời trước coi chuyện này là giai thoại. Em gái của thiên tử là công chúa cả, con gái của thiên tử là công chúa; đã thêm chữ "cả" thì phải cao quý hơn địa vị của công chúa, tình cảm tuy khác nhau, nhưng về đạo lý thì không thể khác biệt. Nếu để lễ vật của công chúa nhiều hơn công chúa cả thì về lễ nghi e rằng không nên. Mong bệ hạ suy xét chuyện này".

Vua Thái Tông khen ông nói đúng, nên sau khi bãi triều nói cho hoàng hậu biết lời của Ngụy Trưng. Hoàng hậu cảm thán nói: "Từ lâu đã nghe hoàng thượng xem trọng Ngụy Trưng, nhưng không hiểu tại sao, nay nghe lời khuyên can của ông ấy, lại có thể dùng lễ nghĩa để khắc chế tình cảm cá nhân của quân vương, có thể nói xứng đáng là bề tôi rường cột của nước nhà! Thiếp và bệ hạ kết tóc phu thê, được bệ hạ dùng lễ tương kính, tình nghĩa sâu nặng. Nhưng mỗi khi thiếp muốn can gián cũng phải đợi bệ hạ vui vẻ, thế mà còn không dám tùy tiện mạo phạm uy nghiêm, huống hồ là bề tôi, tình cảm xa cách, lễ nghĩa cách biệt? Vì thế Hàn Phi nói du thuyết là việc khó, Đông Phương Sóc nói du thuyết không dễ dàng, quả thực là như vậy. Lời ngay thẳng thường khó nghe nhưng có lợi cho hành sự, rất cần thiết cho người trị nước; tiếp thu lời trung thì nước nhà thái bình, từ chối lời trung thì chính cục rối ren. Thật lòng mong muốn bệ hạ hiểu được điều này, ấy là may mắn của thiên hạ". Thế rồi phái sứ giả cung đình gửi 500 vuông lụa đến nhà Ngụy Trưng ban thưởng.

Xem xong câu chuyện trên, chúng ta hẳn đã có một khái niệm về nội hàm của chữ *trung*, có thể nhận thức rõ ràng khúc chiết về nó. Vua Đường Thái Tông thân là đế vương, không thể mọi việc đều suy xét được chu toàn, anh minh, cũng có lúc ông có sai sót, vì thế, cần có thần tử cảnh tỉnh trợ giúp, bù đắp chỗ thiếu sót. Ở đây vua Thái Tông đã phạm sai sót, vì công chúa Trường Lạc là con của ông với vị hoàng hậu mà ông kính trọng, vì tình cảm cá nhân và sự ưu ái với thê tử, nên tất sẽ thể hiện tình cảm đó với con gái, ông vô cùng yêu thương công chúa, nên đã bất giác hành động theo tình cảm mà quên mất đạo lý, đó là đế vương không thể hành động theo cảm tính. Thế nên ông đã cho công chúa của hồi môn gấp đôi công chúa cả, đã phạm phải đạo hiếu với bậc trưởng bối, không phù hợp với đạo lý về thứ tự trưởng thứ. Hoàng hậu Trưởng Tôn không những không tức giận, bà không những không trách tội Ngụy Trưng đối đãi với con gái mình như thế, đã không nể mặt mình, mà ngược lại bà còn tán thưởng ông là trung thần rường cột của xã tắc, giải thích hàm nghĩa của trung thần một cách rõ ràng rằng đó là người "có thể dùng đạo nghĩa để khắc chế tình cảm cá nhân của đế vương".

Vậy nghĩa là, trung ngôn (lời nói ngay thẳng) sở dĩ nghịch nhĩ (khó lọt tai) là vì nó phù hợp với đạo nghĩa. Nghịch ở đây tất nhiên là nói nó không phù hợp với những lời nói chỉ nhằm để thỏa mãn sự cao hứng cá nhân, thỏa mãn tình cảm cá nhân của đế vương, như vậy tất nhiên sẽ khiến đế vương không hài lòng. Vì thế, đạo nghĩa là khuôn thước của trung thần, người phục tùng mệnh lệnh mà không xét đến đạo nghĩa thì tuyệt đối không phải trung thần.

"Trung ngôn nghịch nhĩ lợi ư hành" bắt nguồn từ Khổng Tử

Trong câu chuyện trên, hoàng hậu còn nói một câu "lời nói thẳng thắn thường khó nghe nhưng có lợi cho hành sự", câu nói này thực ra là lời dạy của Khổng Tử.

Khổng Tử muốn nói điều gì? Ông nói: "Thuốc tốt đắng miệng lợi cho bệnh, lời trung thường khó nghe nhưng có lợi cho hành sự, vua Thương Thang và vua Chu Vũ Vương nhờ năng nghe những lời can gián bộc trực mà cai trị quốc gia thịnh vượng. Vua Hạ Kiệt và Thương Trụ vì chỉ nghe những lời hùa theo dễ nghe, nghe lời của những kẻ chỉ biết tuân theo mà dẫn đến họa nước mất nhà tan. Bậc quốc quân không có bậc đại thần bộc trực can gián, kẻ làm cha mà không có con bộc trực can gián, huynh trưởng mà không có em bộc trực khuyên can, kẻ sĩ mà không có bạn bè bộc trực khuyên can, mà muốn không phạm sai lầm thì là chuyện khó có. Vậy mới nói: "Quốc quân có sai lầm, có thần tử đi bù đắp; cha có sai lầm, có con đi bù đắp; anh có sai lầm, có em đi bù đắp; mình có sai lầm, có bạn bè bù đắp". Nếu làm được thế, quốc gia sẽ không có họa diệt vong, nhà không có chuyện xấu phản nghịch, giữa cha con, anh em sẽ không có bất hòa, bạn bè cũng không có xa cách" (*Khổng Tử gia huấn – Quyển sáu*).

Có thể thấy, chữ 'trung' mà Khổng Tử giảng đã bao quát từ quân vương, thần tử, cha con, anh em và bạn bè, thực ra cũng đã bao quát đến cả vợ chồng, tất cả các mối quan hệ nhân luân đều cần sự bù đắp can gián của lời trung ngôn, có như vậy mới có thể khiến quốc gia và gia đình được yên ổn, thái bình. Vậy điều này có quan hệ thế nào với tà lý "thuận ta thì sống, nghịch ta thì chết" của không ít hôn quân bạo chúa? Chính vì chúng ta không đọc những kinh điển của giáo dục truyền thống lưu lại nên mới bị che mắt, không nhìn thấy chân tướng, vì thế mà bôi nhọ đạo lý lấy trung hiếu làm gốc của tổ tiên.

Văn hóa truyền thống được lưu truyền trong dân gian bắt nguồn từ Khổng Tử, nhưng rất nhiều người trước nay có lẽ chưa từng nghĩ xem rốt cuộc Khổng Tử cả cuộc đời đã dạy điều gì? Nói một cách thông thường, chính là dạy con người làm thế nào trở thành người tốt. Theo khái niệm thời cổ đại, chính là dạy con người hai chữ "nhân – nghĩa". Từ đó, người ta lại phát triển thêm "lễ – trí – tín", trở thành 'ngũ thường'. Đó là yêu cầu đạo đức đối với một con người. Cũng có nghĩa là, giáo dục truyền thống đặt trọng tâm vào giáo dục đạo đức. Nhân (仁, nghĩa là nhân ái; lòng nhân từ), chủ yếu chỉ những việc làm thiện, tấm lòng nhân ái đối với người khác; Nghĩa (義) đầu tiên là yêu cầu bản thân phải hành động ngay chính, phù hợp với đạo lý làm người. Đế vương phải có công đạo mới phù hợp với đạo nghĩa của đế vương. Vì thế đại thần Ngụy Trưng mới cảnh tỉnh vua Thái Tông rằng, thân là bậc đế vương thì nhất định phải hành sự theo lẽ công đạo, phù hợp với nghĩa, mới có thể khiến cho người trong thiên hạ tín phục, không sinh oán thán. Nếu của hồi môn của con gái vua mà nhiều hơn chị em của vua, như vậy là sự bất kính với chị em của vua và cũng là việc làm bất công bình của vua Thái Tông. Vì thế mà câu chuyện hoàng hậu luận bàn về trung thần mới được chép vào chương "Luận công bình" của *Trinh Quán Chính Yếu*, mục đích là để dạy dỗ các đế vương đời sau, rằng ở đâu làm gì đều cần phải nhớ kỹ phải hành sự theo công đạo, vậy mới có thể duy trì công chính hợp lý, thiên hạ thái bình.

Trinh Quán Chính Yếu – Phần 27

Tiến cử người của mình thì không tránh là thân thích, tiến cử người ngoài thì không tránh là kẻ thù, có tài là cử, tuyển người tài để phụng sự việc công, đó vốn là từ đạo lý chọn quan mà Khổng Tử truyền dạy. Ai có thể làm được theo lời dạy đó tất sẽ xuất hiện thịnh thế. Đường Thái Tông chính vì nỗ lực làm theo, bản thân thực hiện, thì mới có được thời thịnh thế thái bình Trinh Quán. Để làm được như lời dạy của Khổng Tử thì yêu cầu bậc đế vương dùng người phải buông bỏ ân oán tình thù cá nhân, một lòng vì việc công, không chút thiên vị. Khi chọn quan, không lấy sở thích cá nhân và mối quan hệ thân sơ làm tiêu chí, mà phải xem xét người ấy có lợi cho dân cho nước hay không, xét xem người ấy có phải là hiền tài để gánh vác được chức quan đó hay không. Quá trình tiến hành thực hiện theo lời dạy của các bậc thánh nhân của Thái Tông được ghi lại chi tiết trong chương "Luận công bình" của sách "Trinh Quán Chính Yếu", đã trở thành hình mẫu cho hậu thế về cách trị quốc và tuyển dụng người.

Đường Thái Tông phải đối mặt với những lời trách móc từ người thân cận

Đoạn đầu tiên của chương "Luận công bình" đề cập đến việc Thái Tông chọn quan chức mà không né tránh thù hận, điều này làm dấy lên sự bất mãn trong thuộc hạ cũ, nhưng Thái Tông vẫn cứ phụng sự theo lẽ công của thiên hạ, con đường đúng đắn nhất là có tài là cử. Không bị chi phối bởi quan hệ thân sơ.

Đại ý: Đường Thái Tông vừa mới lên ngôi, Trung thư lệnh Phòng Huyền Linh dâng tấu: "Những bộ hạ của Tần Vương Phủ (Thái Tông vốn là Tần Vương) đã theo Hoàng thượng vì chưa được phong chức quan, nên họ đều oán

trách Bệ hạ, nói rằng thuộc hạ của Tề vương phủ và Thái tử Đông cung được giao các chức quan sớm hơn họ". Thái Tông nói: "Thời xưa, bậc đại công là người nhân đức rộng lượng, công bình vô tư. Đan Chu, Thương Quân là con trai của Nghiêu, Thuấn nhưng vì họ vô đức vô tài nên mới phế truất họ; Quản Thúc và Thái Thúc là huynh đệ của Chu Công nhưng Chu Công lại giết họ. Do đó có thể thấy rằng, đã là bậc quân vương cai trị thiên hạ thì phải lấy thiên hạ làm công bằng, không thể có tâm thiên vị. Trước kia Gia Cát Khổng Minh chỉ là thừa tướng của một nước Thục nhỏ, ông ta từng nói: 'Lòng ta công bằng như cán cân, không thể vì người mà đối xử bên trọng bên khinh'.

Huống chi bây giờ ta đang trị vì một đất nước lớn? Cơm ăn áo mặc của ta và các khanh đều từ bách tính, điều đó có nghĩa là, sức lực của bách tính đã phụng sự cho triều đình, tuy nhiên ân huệ của chúng ta chưa lan tỏa đến muôn dân, sở dĩ ngày nay triều đình chọn người tài là để an định muôn dân. Dùng người chỉ hỏi liệu họ có đủ năng lực gánh vác hay không, sao lại vì mối quan hệ thân sơ, cũ mới mà đối xử khác nhau? Phàm là người, gặp một lần cũng cảm thấy thân thiết, huống chi là thuộc hạ cũ, làm sao có thể quên ngay hết được. Nhưng nếu không đủ tài năng gánh vác, thì làm sao lại vì là thuộc hạ cũ mà phong quan trước được? Nếu hôm nay họ không quản việc mình có thể đảm đương hay không mà chỉ nói rằng họ có lời oán trách, đây lẽ nào là đạo lý công bằng?"

Giải thích: Vương quyền không thiên vị, tiến cử người ngoài không né tránh

Thái tử và Tề vương được đề cập trong đoạn văn này chính là Lý Kiến Thành, anh cả của Thái Tông và Lý Nguyên Cát, em trai thứ tư của Thái Tông. Khi Thái Tông còn là Tần vương, hai anh em này vì ghen ghét công lao bình định thiên hạ của Tần Vương, đã nhiều lần hãm hại Tần Vương trước mặt Đường Cao Tổ, muốn dồn Tần Vương vào chỗ chết. Vì vậy, dùng lời ngày nay mà nói, Thái Tông cùng với những

thuộc hạ trước đây của Thái tử và Tề vương là kẻ thù của nhau. Tuy nhiên, Thái Tông đã không vì điều này mà bài xích họ, vì thế mà khiến một số thuộc hạ ban đầu của Thái Tông phàn nàn rằng Thái Tông đã bổ nhiệm chức quan cho thuộc hạ của kẻ thù sớm hơn so với người thân tín của mình. Nghĩa là đối đãi với kẻ thù tốt hơn người của mình.

Trên thực tế, Thái Tông bất quá chỉ là có cái tâm đối xử công bằng với mọi người, dù thân sơ ra sao, có ân oán thế nào, đã từng có thù hay không, miễn là có thể yên định bách tính, có lợi cho bách tính thì ông sẽ sử dụng. Lý do là vì ngài đã ở ngôi hoàng đế, thì đã không chỉ còn là chủ của những người thân cận của mình nữa, mà khi này ngài đã là chủ của thiên hạ, kẻ thù cũng vậy, người thân cận cũng vậy, đều đã trở thành thần dân của mình, cần phải nhất thị đồng nhân (Chú thích: người xưa coi "Nhân 仁" là cái đạo lý làm người, phải thế mới gọi là người. Yêu người không lợi riêng mình gọi là nhân). Những ân oán tình thù cá nhân không nên trở thành tiêu chuẩn tuyển dụng người của Đế Vương, vì vậy ông chỉ có thể chiểu theo địa vị bá chủ thiên hạ mà làm theo đạo: khoan dung tha thứ và công bằng.

Kỳ thực, theo đoạn này, có thể thấy những người phàn nàn này chỉ là một số thuộc hạ cũ của Thái Tông, không phải tất cả. Tất cả thuộc hạ, tùy theo khả năng an lòng dân chúng, đều đã được Thái Tông sắp xếp thỏa đáng. Nếu thuộc hạ của kẻ thù có năng lực và thích hợp hơn thì bố trí cho họ nhậm chức, tiêu chuẩn duy nhất là tài liên cử. Không phải là đối xử với kẻ thù tốt hơn; cũng không theo thứ tự trước sau nào cả; cũng không nhất định rằng sau này sẽ sắp xếp chức quan cho những thuộc hạ gọi là rơi rớt lại này, nếu không có năng lực thì có thể cả đời không được bổ nhậm.

Thái Tông rất sáng suốt và hiểu rõ việc bổ nhiệm các chức quan, mục đích là mang ân trạch cho bách tính, làm yên lòng dân, vì vậy, tất cả các chức quan đều là công chức, những người làm việc công, chứ không phải là tài sản riêng

của hoàng đế, mà có thể tùy tiện ban cho người khác. Nhất thiết phải sử dụng những cái đó với lẽ công bằng. Đây chính là hàm nghĩa Hoàng quyền vô tư mà cổ nhân đã dạy. Thái Tông hiểu sâu đạo lý đó, nêu ra các vị thánh vương được công nhận như Nghiêu, Thuấn và các đại thần nổi tiếng như Chu Công và Gia Cát Khổng Minh để minh họa rằng ông chỉ là làm tròn trách nhiệm của một đế vương, nhất thị đồng nhân, đối xử bình đẳng và công bằng với họ, ngăn chặn những lời lẽ sai trái này một cách có lý có căn cứ, bác bỏ những lời phàn nàn của một số cựu thần.

Nói thẳng ra, Thái Tông đứng ở dưới góc độ bảo vệ bách tính, trong khi những thuộc hạ phàn nàn chỉ nhìn vấn đề từ góc độ lợi ích cá nhân của họ. Họ vì thế mà sinh lòng oán hận. Cách làm của Thái Tông ở đây chính là thực tiễn của việc "ngoại cử bất tị thù" (tiến cử người ngoài thì không tránh là kẻ thù). Chọn quan chức không né tránh kẻ thù theo quan hệ cá nhân. Vậy "Nội cử bất tị thân" nghĩa là gì? Trước khi trả lời câu hỏi này, trước tiên chúng ta hãy làm rõ hàm nghĩa thực sự của câu có tài là cử.

Cứ có tài là cử, được cử là vì tài năng của người hiền tài

Cái tài này là chỉ hiền tài, cũng chính là nói tất phải có tài đức vẹn toàn. Người chỉ có tài trí mà không có đức thì bị người xưa coi là tiểu nhân, tài trí của kẻ tiểu nhân sẽ mang lại tai họa cho đất nước và nhân dân, vì vậy khi người xưa nói có tài là cử thì tất đó phải là người tài đức vẹn toàn. Mặc dù ở đây Thái Tông không bàn luận cụ thể về điểm này, lý do không cần phải nói nhiều về khái niệm này vì người xưa vốn có yêu cầu rất cao đối với phẩm hạnh của con người, đây là khái niệm cơ bản, dù anh có là quan chức hay không, cũng đều phải theo con đường nhân nghĩa để yêu cầu bản thân mình, nhưng nếu anh không đọc sách, không có khả năng và

kiến thức cụ thể để làm quan chức, chẳng hạn nếu anh không biết chữ, không thể viết công văn, thì làm sao xử lý công vụ được? Cũng giống như một người thầy thuốc, nếu chỉ có tấm lòng nhân hậu cứu người và tấm lòng cha mẹ chăm sóc con cái mà không có y thuật thì cũng bất lực, không thể khám bệnh cứu người và trở thành một người thầy thuốc được. Vì vậy, để trở thành một quan chức, đương nhiên ngoài đạo lý cơ bản của một con người, còn cần đến tài năng trí tuệ của một vị quan. Cái tài này là ý nói chỉ những người có tài mới được tiến cử. Không phải là có tài thì không xem xét đến đức hạnh.

Kỳ thực đoạn tiếp theo của chương "Luận công bình" có thể chứng minh rằng tài mà Thái Tông đã nói là chỉ người hiền tài có tài đức vẹn toàn:

Nguyên văn: Trinh Quán nguyên niên, hữu thượng phong sự giả, thỉnh Tần phủ cựu binh tịnh thụ dĩ võ chức, truy nhập túc vệ. Thái Tông viết: "Trẫm dĩ thiên hạ vi gia, bất năng tư ô nhất vật, duy hữu tài hàng thị nhiệm, khởi dĩ tân cựu vi sai? Huống cổ nhân vân: 'Binh do hỏa dã, phất trấp tương tự phần'. Nhữ chi thử ý, phi ích trị lý."

Đại ý: Năm Trinh Quán thứ nhất, có người dâng sớ tấu việc, xin cho các binh sĩ trước kia của Tần vương phủ đều được nhận chức võ quan, bổ vào cung cấm làm thị vệ. Thái Tông nói: "Trẫm coi thiên hạ như nhà mình, không thể có lòng riêng với bất cứ việc gì, chỉ có thể bổ nhiệm những người có tài năng đức hạnh, sao có thể vì người mới người cũ mà có sự khác biệt trong đối xử? Huống hồ cổ nhân nói: 'Dùng binh như dùng lửa, dùng mà không kiểm soát được sẽ thiêu mình'. Ý kiến này của khanh không ích gì cho việc trị nước".

"Chỉ có người tài năng đức hạnh mới tiến cử" ở đây có nghĩa là những người có tài đức vẹn toàn là tiêu chuẩn chọn quan dùng người duy nhất. Hơn nữa còn giảng rõ thêm hàm nghĩa của có tài là cử. Kỳ sau, chúng ta hãy nói về cách Thái

Tông hiểu “Nội cử bất tị thân” (tiến cử người của mình thì không né tránh là thân thích).

Phần 28: Thái Tông chọn quan, hiểu rõ đạo công bằng, không tránh thân thích

Như đã đề cập ở trên: Đường Thái Tông đã có thể làm được "ngoại cử bất tị thù" (tiến cử người ngoài thì không tránh là kẻ thù), chỉ cần có lợi đối với bách tính, kẻ thù cũng có thể cử làm quan. Nếu như nhận thức của Thái Tông chỉ dừng lại tại chỗ này, thì chưa được tính là thực sự lãnh hội được lời dạy của Khổng Tử. Chỉ khi đồng thời thực hiện nội cử bất tị thân (tiến cử người nhà không tránh người thân), mới là thánh minh chân chính, đạt được đạo chí công. Vì sao lại nói như vậy? Trước tiên chúng ta xem nguồn gốc của câu nói "ngoại cử bất tị thù, nội cử bất tị thân".

Điển cố Kì Hoàng Dương tiến cử quan lại

Kỳ thực: "Ngoại cử bất tị thù, nội cử bất tị thân" bắt nguồn từ "ngoại cử bất tị thù, nội cử bất tị tử" (tức là tiến cử người ngoài thì không tránh là kẻ thù, tiến cử người nhà không tránh con), nguyên đây là câu nói của Khổng Tử, là một điển cố nổi tiếng trong lịch sử.

Theo [Lã Thị Xuân Thu] ghi chép: Dưới thời trị vì của Tấn Công Bình, một lần, huyện Nam Dương thiếu huyện lệnh. Bình Công đã hỏi đại phu Kỳ Hoàng Dương, ai là người phù hợp? Kỳ Hoàng Dương trả lời: "Giải Hồ phù hợp" nghe xong Bình Công rất kinh ngạc, nói: "Chẳng phải Giải Hồ là địch nhân của khanh sao? Khanh sao lại giới thiệu một kẻ thù của mình?" Kỳ Hoàng Dương đáp: [Chúa công đang hỏi tôi ai thích hợp đảm nhận chức huyện lệnh chứ không phải hỏi ai là kẻ thù của tôi], thế là Bình Công phái Giải Hồ đi nhận chức. Quả nhiên như mong đợi của Kỳ Hoàng Dương, sau khi Giải Hồ nhậm chức đã làm rất nhiều việc thiết thực và tốt cho dân chúng, được dân chúng Nam Dương khen ngợi.

Lại có một lần, triều đình cần bổ sung một vị Nguyên quân trung úy, vì vậy Bình Công lại hỏi Kỳ Hoàng Dương tiến cử. Kỳ Hoàng Dương nói: "Kỳ Ngọ thích hợp" Bình Công không khỏi ngạc nhiên hỏi: "Kỳ Ngọ là con trai của khanh, chẳng nhẽ khanh không sợ người khác đàm tiếu sao?" Kỳ Hoàng Dương thản nhiên đáp: "Chúa công bảo tôi tiến cử một người phù hợp làm Nguyên quân trung úy, mà không hỏi con trai tôi là ai". Bình Công chấp nhận lời kiến nghị này, phái Kỳ Ngọ làm Nguyên quân trung úy. Kết quả Kỳ Ngọ không phụ kì vọng, làm được phi thường xuất sắc.

Khổng Tử nghe xong, cảm khái nói: "Lập luận của Kỳ Hoàng Dương rất phải đó, tiến cử nhân tài, ngoại cử bất tị thù, nội cử bất tị tử (chẳng vì người ấy là kẻ thù mà dìm đi, cũng không vì đó là con trai mình mà tránh tiếng), thực sự là đại công vô tư".

Có thể thấy, nguyên câu nói "ngoại cử bất tị thù, nội cử bất tị tử" của Khổng Tử là bởi vì nghe nói Kỳ Hoàng Dương tiến cử người quả đúng là bên ngoài không tránh kẻ thù, bên trong không né tránh con ruột mình, đây mới đáng để khen ngợi, tán thán việc đối xử công bằng và công chính vô tư của Kỳ Hoàng Dương. Ngay cả những người thân như con trai, người rất có thể bị nghi ngờ là thiên vị, Kỳ Hoàng Dương cũng không né tránh, như vậy những người thân còn lại, ông lại càng làm như vậy, cho nên người đời sau dần dần đem câu "nội cử bất tị tử" nói thành "nội cử bất tị thân", như vậy đã lãnh ngộ được bản ý trong câu nói của Khổng Tử.

Nhìn nhận về đạo chí công của Khổng Tử

Câu chuyện này cho chúng ta biết sự công bằng vô tư chân chính trong con mắt của Khổng Tử chính là đối với bất kể người nào cũng đều có thể đối xử "nhất thị đồng nhân" (Chú thích: người xưa coi "Nhân 仁" là cái đạo lý làm người, phải thế mới gọi là người; yêu người không lợi riêng mình

gọi là nhân), có thể đề cử người ngoài không tránh kẻ thù, điều này tất nhiên mười phần khó được. Nhưng nếu chỉ làm điều đó vì sợ làm tổn hại danh dự của bản thân, làm vì để giữ gìn thanh danh là một vị quan thanh liêm công chính, thì đã được tính là rất đáng ngưỡng mộ. Tuy nhiên như thế cũng vẫn là đang có tư tâm, cơ điểm làm quan như vậy tuy rằng sẽ không dẫn tới nguy hại cho quốc gia, có thể mang lại lợi ích cho bách tính đến thân nhân của chính mình, đã là một nhà hiền triết trong những người rất tốt, nhưng cũng rất dễ chú ý đến danh tiếng của bản thân mình, vì để tránh hiềm nghi mà nhất định không dùng người thân trong nhà, ngược lại đi đến cực đoan khác là đối xử với người thân của mình còn không bằng kẻ thù.

Kết quả như vậy cũng là không bình thường, không hợp tình hợp lý, mặt khác cũng giống một kiểu bất công, biến thành đổi xử với thân nhân không công bằng, nói cho cùng vẫn là sợ người khác đàm tiếu, làm tổn hại đến danh dự một vị quan công chính vô tư. Đương nhiên trong mắt của Khổng Tử, thì nó không thực sự là lẽ công bằng, vẫn là xuất tự tư tâm muốn bảo vệ danh dự của chính mình, cho nên, sau khi Khổng Tử nghe thấy phương pháp của Kỳ Hoàng Dương, đã đưa ra một kết luận về "công" là ngoại cử bất tị thù, nội cử bất tị tử. Chỉ ra minh xác đối với hai thái cực là kẻ thù và thân nhân, thì đối xử như thế nào mới là "nhất thị đồng nhân", không bị tình cảm và danh dự chi phối, đây mới là đạo chí công chân chính.

Cũng chính là nói, người vô tư công đạo chân chính sẽ đem kẻ thù và thân nhân, thậm chí con cái, đều xem là thân phận giống nhau, đều là bách tính của quốc gia, như thế khi tiến cử nhân tài, mới chỉ nhìn những bách tính của quốc gia, nơi nào có người tài, đức hạnh phù hợp với vị trí này liền tiến cử người đó, bất kể người này có mối quan hệ với mình như thế nào. Đây mới thực sự là có tài liền cử. Đó là thể hiện lẽ công bằng nhất thị đồng nhân. Nhưng có thể chân chính

lãnh ngộ và làm được nội hàm lời dạy của Khổng Tử thì xưa nay rất hiếm. Chính vì con người rất dễ xuất phát từ tình thân mà thiên vị, dễ dàng đối đãi không công bằng với những người họ không thích, vì vậy mới xem trọng hành động tiến cử kẻ thù như vậy, cũng mười phần tôn sùng. Nhưng cũng bởi vì mọi người dễ dàng đi đến cực đoan, Khổng Tử nhìn thấy rất rõ ràng việc này, vì vậy mới lưu lại giáo huấn này.

Người đời sau nếu tìm tòi học hỏi Khổng Tử, nhận thấy rằng đây là Thuyết Trung Dung, trên thực tế, Trung Dung là biểu hiện bề ngoài cách dạy làm người rất trí huệ của người xưa, không đi đến cực đoan, nhưng đây chỉ là kết quả bề ngoài, trên thực tế chính là bạn có thể đối xử "nhất thị đồng nhân" với mọi người, buông xuống danh dự và tình riêng của bản thân, hoàn toàn đứng tại góc độ làm sao có thể mang lại lợi ích cho dân chúng để xét vấn đề, thì tự nhiên sẽ có thể làm được việc hễ có tài là cử, thực sự làm được đạo công bằng, cũng chính là phù hợp với đạo nghĩa. Như thế, kết quả tự nhiên sẽ không đi đến cực đoan nữa, tự nhiên sẽ không vì muốn tránh hiềm nghi mà khiến những người thân có tài năng của mình phải chịu đối đãi bất công. Loại tình huống đối đãi bất công với người thân này chính là thể hiện cụ thể của những bậc hiền giả làm thái quá mà Khổng Tử đã nói trong Trung Dung. Đó cũng là nguyên nhân vì sao Khổng Tử dạy người ta phải giữ gìn Trung Dung và cẩn thận kẻo quá do bất cập (thái quá cũng như bất cập).

Khi đã hiểu rõ nguồn gốc và ý nghĩa chân chính thế nào là "ngoại cử bất tị thù, nội cử bất tị thân", chúng ta hãy cùng xem Đường Thái Tông hiểu câu nói này ra sao.

Thái Tông hiểu hàm nghĩa chân chính câu "nội cử bất tị thân" của Khổng Tử

Đoạn tám của chương "Luận công bình" trong sách Trinh Quán chính yếu đã ghi chép lại nhận thức của Thái Tông về vấn đề "nội cử bất tị thân" như sau:

Nguyên văn: Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái tông bảo các đại thần theo hầu: – Nay trẫm chăm việc cầu người có đức có tài, muốn chuyên tâm dồn sức vào sách lược trị nước, nghe nói có người tốt là đề bạt bổ nhiệm. Nhưng những kẻ bàn tán đều nói "những người này đều là thân thích cố cựu của đại thần trong triều". Chỉ cần các khanh làm việc công bằng thì không phải lo lắng những lời này, có thể làm việc mà không cần câu nệ. Người xưa nói "tiến cử người của mình thì không tránh là thân thích, tiến cử người ngoài thì không tránh là kẻ thù", là bởi họ tiến cử những người hiền thực sự. Chỉ cần có thể tuyển bạt bổ nhiệm người hiền tài thì dù là con em mình hay kẻ có oán thù cũng không thể không tiến cử.

Đại ý: Năm đầu Trinh Quán, Đường Thái Tông nói với các cận thần của mình: "Ta hiện nay miệt mài tìm kiếm hiền tài, muốn toàn tâm toàn ý chuyên chú vào việc cai trị đất nước cho tốt, vì vậy chỉ cần nghe nói ở đâu có người tài, ta lập tức phái sử giả đi tìm hiểu. Nhưng mọi người còn bàn luận xôn xao, đại đa số cho rằng "những quan viên được tiến cử đều là bạn bè thân thích của trọng thần trong triều đình", các khanh làm chỉ cần cầu công đạo là được rồi, đừng vì những điều này mà có kiêng kị và tránh né, cổ nhân nói: "tiến cử nhân tài, trong thì không tránh là thân thích, ngoài thì không tránh là kẻ thù", bởi vì chỉ cần nhìn thấy người hiền tài chân chính là đều tiến cử. Chỉ cần là người có tài là tiến cử, bất kể người đó là kẻ thù hay là con em thân thích của mình, cũng đều phải tiến cử".

Có thể thấy, Thái Tông không chỉ hiểu rõ lời dạy của Khổng Tử, mà còn thực sự minh bạch hàm nghĩa chân chính trong ấy. Càng hiếm thấy hơn nữa là Thái Tông đã tự thân làm gương về đạo tuyển chọn quan chức trong thực tiễn, chẳng quản là kẻ thù hay thân nhân, hễ có tài là tiến cử làm quan. Thái Tông có thể nói là người chí công, phi thường thánh minh. Đã thánh minh thì tất sẽ thành thánh vương. Thánh vương trị quốc, tất sẽ dùng đức để cai trị đất nước, coi thiên hạ làm công, như vậy tất thành thịnh thế. Đây chính là điều cốt yếu trị quốc trong thời kỳ "Trinh Quán chi trị".

Phần 29: Ngụy Trưng luận đạo trị quốc: Lấy đức làm gốc, pháp luật là bổ trợ

Chúng ta ngày nay thường cho rằng xã hội pháp quyền là xã hội lý tưởng hoàn thiện nhất, nhưng lại không biết rằng pháp quyền mà mất đi cốt lõi nền tảng đạo đức thì sẽ đi đến cùng đường mạt lộ. Hiện tại quy định pháp luật trong xã hội càng ngày càng nhiều, nhưng nhân tâm lại đang càng ngày càng bại hoại, những hiện tượng hỗn loạn trong xã hội xuất hiện không ngừng, cho thấy mặt hạn chế chỉ trị được ngọn mà không trị được gốc của pháp luật. Pháp luật chỉ có thể làm phương tiện phụ trợ cho việc giáo hóa đạo đức. Tư tưởng trị quốc lấy đức làm gốc và bổ trợ bằng pháp luật này đã được miêu tả rõ ràng trong chương "Luận công bình" của [Trinh Quán chính yếu], cho thấy kiến thức anh minh sáng suốt của các Quân vương thần tử Trung Quốc cổ đại. Mà những kiến thức này là được vun bồi từ nền giáo dục truyền thống lấy đạo đức làm trung tâm.

Trong "Luận công bình" đã ghi chép chân thực về việc Ngụy Trưng viết một bản tấu chương lên Đường Thái Tông, trong đó có đoạn phân tích rất rõ ràng quan hệ giữa pháp luật và đạo đức; đọc xong đoạn văn này, chúng ta sẽ hiểu được pháp luật nên được dùng như thế nào và trị quốc như thế nào mới là cao minh nhất. Để độc giả tiện theo dõi, chúng tôi đã chia nguyên văn thành nhiều đoạn để các bạn lĩnh ngộ được cặn kẽ tư tưởng trị quốc của vị hiền thần này.

Đoạn Thứ nhất:

Thần (Ngụy Trưng tự xưng) nghe nói, về sự cao thượng và sâu dày của đạo đức, không người nào có thể vượt qua Hoàng Đế và Nghiêu Đế; về sự vĩ đại của lòng nhân nghĩa, không người nào có thể so được với Thuấn Đế và Đại Vũ.

Nếu muốn kế thừa phong phạm của Hoàng Đế và Đường Nghiêu, đi theo bước chân của Ngu Thuấn và Đại Vũ, thì chỉ có thúc đẩy đạo đức nhân nghĩa, cử hiền tài mà bổ nhiệm, nghe thiện ngôn mà trị lý đất nước. Nếu như không thể tuyển chọn người hiền tài có đạo đức cao thượng, mà đem chính quyền ủy thác cho người thế tục không có kiến thức, bởi vì họ không có tầm nhìn và trí tuệ, sẽ khiến quốc gia mất đi nền tảng gốc rễ. Họ chỉ có thể thực thi pháp luật hà khắc để nhanh chóng khống chế bách tính và thiên hạ, như vậy sẽ tuyệt đối không thể đạt được "vô vi nhi trị" như các vị tiên cổ thánh vương thời xưa. Cho nên quân chủ thánh minh trị lý thiên hạ sẽ lấy việc sửa đổi phong tục [xấu] làm gốc, mà không dựa vào hình phạt nghiêm khắc, chính là thực thi hai chữ "nhân nghĩa", không có "Nhân" thì không thể triển khai rộng rãi toàn thiên hạ, không có "Nghĩa" thì không thể tự ngay chính bản thân, dùng Nhân để thi ân khắp thiên hạ, dùng Nghĩa để ngay chính bản thân, như vậy các việc chính sự của quốc gia có thể không cần dùng pháp luật nghiêm khắc mà vẫn có thể đạt được thái bình, giáo hóa có thể không cần quá nghiêm khắc mà vẫn có thành tựu. Cho nên mới nói Nhân Nghĩa là căn bản của việc trị quốc, còn hình phạt chỉ là phương pháp phụ trợ trong việc trị quốc. Trong việc trị quốc có thể dùng hình phạt, giống như việc điều khiển xe ngựa là không thể tránh khỏi phải dùng roi để điều khiển nó đi đúng hướng, nếu người dân đều minh tỏ thiện ác, từ đó tự giác đi trên con đường đúng đắn, như thế hình phạt là không còn chỗ đứng trong xã hội nữa; nếu ngựa có thể tự giác băng băng chạy đúng đường, như vậy roi vọt cũng không còn cần nữa. Từ đó có thể thấy rằng, hình phạt không thể khiến cho quốc gia đạt được thái bình từ gốc, đạo lý này là rất minh hiển.

Giải nghĩa đoạn Thứ nhất: Trách nhiệm của người làm vua và người làm cha

Kiến thức của Ngụy Trưng: Ngụy Trưng không hổ là bậc đại nho thông thái cao minh, ông hiểu được trách nhiệm trọng đại của người trí thức chính là lãnh đạo quốc gia, quy chính nhân tâm. Phương pháp dẫn dắt đất nước căn bản nhất chính là lấy đạo đức giáo hóa bách tính, để người dân hiểu được thế nào là đúng sai thiện ác. Nếu lòng người thiện lương tự nhiên sẽ không đi làm việc xấu nữa, quốc gia tự nhiên thái bình, hình phạt bất quá chỉ có thể cưỡng chế quy chính hành vi, nhưng không thể quy chính nhân tâm, vào lúc không ai thấy họ vẫn đi hành ác. Cho nên hình phạt không thể giải quyết tận gốc vấn đề.

Người xưa cho rằng người làm Đế Vương cũng như là cha của thiên hạ, mà bách tính là con dân, trong Tam Tự Kinh có câu "Dưỡng bất giáo, phụ chi quá" (tức là: nuôi mà không dạy, là lỗi của cha), vô luận là một gia đình nhỏ hay một quốc gia lớn thì vẫn là cùng một đạo lý, trách nhiệm giáo dục con cái là trách nhiệm được đặt lên hàng đầu của người làm vua và người làm cha. Người xưa coi việc giáo dục đạo đức, giáo dục nhân phẩm cho con cái quan trọng hơn sự thỏa mãn về vật chất. Do vậy những nho sinh, sỹ phu chân chính, đều phải hiểu được làm sao để trị quốc, làm thế nào để hướng dẫn các hoàng đế đời sau noi theo những tấm gương của các hoàng đế cổ đại như Nghiêu và Thuấn, khuyên răn họ noi theo đạo Nhân Nghĩa của Khổng Tử. Bởi vì nền tảng giáo dục của Khổng Tử chính là đang kế thừa và tuyên dương tinh hoa văn hóa trị quốc mà các Thánh vương thời cổ đại lưu lại, những văn hóa này đều lấy đạo đức làm trung tâm. Nếu rời khỏi những kiến thức này thì sẽ hình thành những pháp luật bất công bất nghĩa (ác pháp) để duy hộ tư dục cá nhân. Mặc dù nhất thời việc lấy ác trị ác này có hiệu quả, nhưng sau đó sẽ trở nên ngày càng tồi tệ hơn. Càng tệ hơn thì hình

phạt sẽ càng ngày càng nghiêm khắc, và cuối cùng sẽ đi đến điểm kết.

Cho nên, Ngụy Trưng khuyên Thái Tông trị quốc tuyệt đối không để mất sự thống nhất thiên hạ, không nên dùng pháp luật mà rời bỏ đức, không nên chọn quan mà không xét đến đức. Nếu lấy đức làm gốc, pháp luật là ngọn để giáo hóa dân tâm, khiến cho bách tính hiểu được thiện ác để làm người, đó là trách nhiệm và nghĩa vụ lớn nhất của Hoàng Đế. Để làm được như vậy thì tuyển chọn người hiền năng có đức lớn làm quan là rất trọng yếu. Quản lý một quốc gia là việc quá lớn, đế vương cần phải biết cách nhìn nhận con người và dùng người, từ đó tuyển chọn người có đức có tài để trợ giúp giáo hóa bách tính, cùng nhau thay đổi phong tục, hoàn thành việc tốt lớn nhất này, như vậy chính là cách quản lý thành công nhất, vô vi nhi trị cao minh nhất, cũng chính là đi trên con đường thánh hiền trị quốc, thống lĩnh thiên hạ của các đế vương thời cổ đại. Đây là Vương đạo lấy đức trị quốc thực sự.

Nếu như tuyển dụng người phàm tục không có đức làm quan, tầm nhìn tất nhiên sẽ nông cạn, họ sẽ chỉ tập trung vào cái lợi trước mắt, không nghĩ sâu xa, như thế quốc gia tất sẽ càng trị thì vấn đề xuất hiện càng nhiều; không để ý gì đến đại cục, ác pháp sinh sôi, hậu quả không thể tưởng tượng. Cho nên Ngụy Trưng nói, từ nay không thể quên lời dạy của đức Thánh Vương, khuyên Thái Tông làm theo các vị Thánh Vương, cần biết bản thân mang trách nhiệm làm Đế Vương thì phải nắm chắc hai chữ Nhân Nghĩa, dùng Nhân ban ơn huệ, cảm hóa bách tính; lấy Nghĩa để chính bản thân, trở thành tấm gương, trên làm dưới noi theo. Làm được như vậy tự nhiên sẽ quy chính nhân tâm. Cho nên cần để các vị quan hiền năng cùng đồng tâm đồng trí với Đế Vương hoàn thành sự nghiệp giáo hóa đạo đức của Đế Vương.

Ở một tấu chương khác, Ngụy Trưng gọi đạo trị quốc lấy đạo đức giáo hóa làm gốc này là đồng đức; gọi sự quản

lý của bọn gian thần vô đạo là kết đảng, (nguyên văn: phu dĩ thiện tương thành vị chi đồng đức, dĩ ác tương tế vị chi bằng đảng). Đây cũng chính là cốt cách thực sự của văn nhân thời cổ đại, cũng chính là lý do vì sao lại có cách nói "Nhân nhân chí sĩ" (Người có đức nhân và người sĩ có chí). Phàm là người được giáo dục nho giáo truyền thống và thực sự hiểu được chỉ dẫn chân thực của Khổng Tử thì sẽ minh bạch được rằng, sứ mệnh lớn nhất của người đọc sách chính là phải trở thành người quân tử nhân nghĩa, giúp đỡ đất nước truyền bá rộng rãi đạo nhân nghĩa, quy chính đạo đức xã hội trở nên cao thượng. Đây mới là nhiệm vụ trọng yếu của bậc quân vương và thần tử, cũng chính là mục đích căn bản của giáo dục từ xưa tới nay.

Bởi vậy, trong đoạn Thứ hai, Ngụy Trưng tiếp tục lấy cách nói của sách cổ để giúp Đế Vương hiểu được cái gốc trong việc trị quốc là ở chỗ giáo hóa đạo đức. Chớ nên lấy ngọn làm gốc, một mực dựa vào luật pháp để cai trị đất nước.

Phần 30: Thánh nhân y pháp xử án, trọng ở cứu văn nhân tâm

Tiếp theo, chúng ta xem đoạn hai, đoạn ba: Ngụy Trưng lấy nhận thức của Khổng Tử, cách làm của Đế Thuấn để tiến thêm một bước khuyên Đường Thái Tông đừng quên rằng Đức mới là nền tảng cơ bản của việc cai trị đất nước. Cũng chính là nói, Ngụy Trưng nói ra mối quan hệ của "đạo đức là căn bản, pháp chế làm bổ trợ", đó chính là thúc đẩy đạo trị quốc của các bậc Thánh vương thượng cổ mà Khổng Tử giáo huấn.

Chúng tôi lại phát hiện, cuốn sách giáo khoa *Trinh Quán Chính Yếu* giảng về yếu lĩnh trị quốc cho bậc đế vương này, vô luận là ở góc độ nào, vô luận là liên quan đến loại chính vụ gì, thì đều lấy đức làm trung tâm, tất cả chính vụ đều cần "vi chính dĩ đức". Vì thế mà "Trinh quán chi trị" đã đạt được sự huy hoàng đỉnh cao trong cả nghìn năm, điều trọng yếu để đạt được kết quả đó chính là thực hành lời dạy của các bậc thánh nhân. Chính là dựa vào một chữ Đức. Đây chính là ý nghĩa quan trọng mà tác giả cuốn sách lịch sử này muốn truyền đạt, họ muốn bồi dưỡng nên những bậc Thánh vương nắm vững giáo hóa đạo đức. Dùng đó để quy chính nhân tâm, thiên hạ thái bình. Đây là mục đích căn bản của việc nho sinh thời cổ đại soạn sách chép sử, và cũng là sứ mệnh lớn nhất của người đọc sách.

Đại ý đoạn hai và đoạn ba

Vương Phù, nhà tư tưởng học, văn học thời Đông Hán, viết trong *Tiềm phu luận* (Chú thích: Sách Hậu Hán Thư, Vương Phù Truyện, Vương Phù có nêu mục đích ông viết sách là "Dĩ ki đương thời thất đắc, bất dục chương hiển kì danh", ý nghĩa là viết sách không cầu danh, chỉ cầu thực hiện

được chí hướng của người đọc sách, dẫn dắt quốc gia đi đúng, trước tả chính luận, chỉ ra những sai lầm lệch lạc của xã hội đương thời. Vì vậy tự xem mình là tiềm phu, hay ẩn sĩ, không muốn người ta biết đến, vì thế mới đặt tiêu đề là *Tiềm phu luận*):

Hoàng đế trị quốc không có gì quan trọng hơn việc giáo hóa đạo đức. Bách tính vốn được trời ban cho bản tính và tình cảm thiện lương tốt đẹp của riêng họ, nhờ đó mà sinh ra hành vi và phong tục. Bản tính, tình cảm là gốc, là tâm; hành vi và tập tục là cành ngọn, là hành vi (Cành ngọn sinh ra từ gốc, hành vi xuất từ nội tâm). Bởi thế nên các bậc quân chủ thánh minh trị quốc đều bồi gốc uốn ngọn, quy chính chỉnh sửa tâm tính nguyên bản, từ đó uốn nắn cho thẳng hành vi và tập tục của họ. Nếu bản tính của bách tính được chỉnh lý, biến đổi thuần chính, như vậy niệm gian tà sẽ không sinh ra, cũng không có đất tồn tại nữa. Hành vi tập tục cũng tự nhiên phát sinh chuyển biến tốt.

Sở dĩ có bậc Thánh nhân có trí huệ hơn người, là bởi vì trị quốc không thể không chú trọng giáo hóa dân tâm, vì vậy Khổng Tử nói: "Khi nghe tố tụng xử án, tôi cũng bất quá là giống như những người khác thôi, cốt sao phải phù hợp với nguyện vọng của người dân, lấy đạo lý công bằng xử lý công việc, làm cho họ chung sống hòa thuận, khiến họ đều có thể đặt mình vào người khác, thiện đãi lẫn nhau, cuối cùng đạt được mục đích là không còn mâu thuẫn, không tiếp tục phát sinh tranh chấp, không có tố tụng nữa". Vì thế bậc quân vương nên dùng Lễ đi giáo hóa bách tính, khiến cho bản tính của họ thành thật chất phác, đồng thời hiểu được tâm nguyện của họ. Nếu bách tính hiểu được yêu thương giúp đỡ lẫn nhau, kiên thủ đạo nhân nghĩa, như vậy sẽ không làm tổn hại, nghi ngờ, phát sinh tranh chấp với nhau. Những việc này thì hình phạt đều không thể đạt được, chỉ có dựa vào giáo hóa. Thánh nhân tôn kính đạo đức lễ nghĩa, xem nhẹ hình phạt, cho nên Thuấn lên ngôi đầu tiên là ban bố mệnh

lệnh thi hành ngũ giáo (phụ nghĩa, mẫu từ, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu là năm chủng giáo hóa đạo đức nhân luân), về sau mới dựa vào đó để thiết lập năm chủng hình phạt.

Đối với Khổng Tử khi xử án thì trị tội không phải là mục đích chính

Hai đoạn này, Ngụy Trưng trích dẫn luận thuật trong chương "Đức hóa" trong sách *Tiềm phu luận* của nhà bình luận chính trị Vương Phù thời Đông Hán, tuy không phải là trích dẫn không nguyên văn không sai một từ, nhưng đại thể ý tứ và câu cú vẫn như vậy. Từ văn bản này cho biết.

Nếu đoạn đầu tiên đã đưa ra luận điểm, Thái Tông trị quốc noi gương Thánh vương cổ xưa "lấy đức làm gốc, thi hành nhân nghĩa, pháp luật là ngọn, không cách nào trị tận gốc, chỉ có thể làm phụ trợ cho đức. Vì vậy hai đoạn tiếp theo chính là dùng luận thuật "luận đức vi bản" của nhà chính trị thời Đông Hán để khuyên Thái Tông rằng tất cả Thánh nhân đều thực hiện theo nguyên tắc như vậy; đầu tiên đưa ra lời dạy của Khổng Tử về việc đùng đạo đức để phán xử, tiếp đến lại bàn thêm cụ thể cách làm của Đế Thuấn.

Chúng ta hãy xem Ngụy Trưng bàn về trị quốc từ góc độ của pháp luật, chỗ nào cũng gợi mở cho Thái Tông đừng quên đức là cốt lõi. Mặc dù ông trích dẫn những luận thuật của người xưa, nhưng mục đích là làm nổi bật những lời của Khổng Tử được Vương Phù trích dẫn. Câu "Thính tụng, ngô do nhân dã; tất dã sử vô tụng hồ" (dịch: Xét kiện thì ta cũng như người khác thôi; phải làm sao (dạy dân phải biết nghĩa vụ nhường nhịn) cho dân không kiện nhau (thì mới làm chứ!)) nguyên từ chương Nhan Uyên trong sách *Luận ngữ*, rõ ràng là Ngụy Trưng đã dùng giáo huấn của Khổng Tử về việc xét xử kiện tụng và cách dùng luật pháp để phán quyết các vụ án để chứng minh luật pháp bất quá được sử dụng để duy hộ đạo đức, mục đích căn bản là để bách tính

tỉnh ngộ bản tính tốt đẹp vốn có của mình, khi bản tính vừa xuất, tự nhiên biết đúng sai, cũng minh xác hành vi của bản thân là đúng hay là sai; cũng chính là nói, Khổng Tử xử án, hoàn toàn không phải là đưa ra các quy định của pháp luật để buộc tội ai đã vi phạm điều luật nào, rồi kết luận ai đã vi phạm pháp luật hình sự và trị tội như thế nào là xong; thay vào đó ông nói với hai bên và những người xem bản án, vì sao đất nước đặt ra pháp luật như thế, người vi phạm pháp luật vì sao lại là sai, để họ hiểu rõ quy phạm đạo đức làm người, biết liêm sỉ, từ đó hối lỗi hướng thiện, làm theo đạo nhân nghĩa, không còn gây tranh chấp, kết quả hai bên hòa thuận thân thiện với nhau. Khổng Tử xử án, vận dụng pháp luật là nhắm đến mục đích tối thượng là khơi dậy thiện tâm, cứu chữa nhân tâm, hoàn toàn không đặt việc trị tội làm mục đích hàng đầu.

Dùng hình phạt để bắt dân vào khuôn phép, dân tránh khỏi tội nhưng không biết hổ thẹn

Trong chương Vi chính của sách *Luận ngữ*, Khổng Tử có nói đến một câu như thế này: "Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sỉ. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách". Câu nói này đã nói rõ nhận thức của Khổng Tử đối với việc sử dụng đức và sử dụng pháp luật trong việc trị quốc.

"Đạo chi dĩ chính" chính là dùng sắc lệnh mà chính phủ ban hành để cai trị nhân dân. "Tề chi dĩ hình" chính là hình pháp để làm cho người dân sợ bị trừng phạt hoặc sợ bị chịu hình phạt mà phải phục tùng sự quản lý của đất nước, khiến họ tuân thủ các quy tắc, và không dám muốn sao làm vậy nữa. Dù là pháp lệnh hay hình pháp thì đều dùng biện pháp cưỡng chế để khiến người dân phục tùng sự quản lý. Tuy rằng có hiệu quả nhất thời, nhưng cái tâm phạm pháp của họ, cái tâm làm việc xấu của họ không có thay đổi, như vậy

sẽ dẫn đến "dân miễn nhi vô sỉ", ý nghĩa là có thể tránh sự chế tài của hình pháp, có thể thoát khỏi pháp luật, giống như cách nói hiện nay là có thể mời luật sư biện hộ cho mình, nếu biện hộ thành công thì thoát tội, miễn trừ hình phạt, sau này họ càng không kiêng sợ gì, hoàn toàn sẽ không bao giờ có suy ngẫm cải chính tội lỗi của mình. Trong lòng không hề hổ thẹn, chỉ cần có thể lợi dụng được kẽ hở của pháp luật, sẽ không còn ai xấu hổ với những hành vi tội ác của mình nữa. Những lời vàng ngọc mà Khổng Tử giảng đã nói rõ rằng luật pháp về cơ bản không thể cải chính được lòng người.

Như thế cách làm cao minh chính là "đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ", cần phải giáo dục bách tính đạo đức làm người, sau đó lại phải dùng biện pháp cụ thể thế nào mới có thể tuân theo đạo đức để tạo nên Lễ của con người, để quy phạm các hành vi trong cuộc sống thường ngày của họ, có như vậy, phụ sẽ từ tử sẽ hiếu, huynh sẽ hữu đệ sẽ cung, họ sẽ cung kính yêu thương lẫn nhau, hiểu được cách tự tuân theo đạo lý làm người trong mỗi vai trò của mình, tự nhiên trong lòng sẽ biết xấu hổ; lúc này mọi người đều nhìn ra được, đều có thể phân biệt đúng sai, lúc đó mà dùng hình pháp với họ, họ sẽ cam tâm tình nguyện chịu phạt, tự bản thân biết mình đã trái với đức, như vậy bách tính mới có thể từ trong đó tiếp thụ giáo dục, tiến tới quy chính lời nói hành vi của tự mình, làm người lại từ đầu. Như thế mới có thể đạt được thái bình thật sự.

Cho nên, Ngụy Trưng đầu tiên là mượn lời của Vương Phù để nêu lên giáo huấn của Khổng Tử, tiếp đó nói với Thái Tông về vị thượng cổ Thánh vương Đế Thuấn, nổi tiếng với lòng nhân từ và hiếu thảo, ông sớm đã thành tấm gương thành công trong việc cai trị đất nước cho thế hệ đời sau noi theo. Những đế vương này đều hiểu rõ làm thế nào để đưa đức vào trong pháp luật, tất cả đều dùng nhân luân đạo đức làm gốc để giáo hóa, sau đó mới lập ra hình pháp làm bổ trợ.

Như thế, có người sẽ nói Khổng Tử giảng đến nhân, nghĩa, đạo đức, vậy không phải là phủ định tác dụng của pháp luật rồi sao? Đương nhiên không phải, nếu không tại sao Khổng Tử lại có giáo huấn về tố tụng, không phải là dùng pháp luật để xử án sao? Điểm mấu chốt là bạn muốn cứu vãn nhân tâm, hay là chỉ đang máy móc đặt mục đích trị tội lên hàng đầu. Tiếp theo đoạn ba và đoạn bốn Ngụy Trưng sẽ làm rõ tác dụng của lập pháp.

Phần 31: Trinh quán chi trị nhà tù thường trống không, bí quyết là gì?

Ngụy Trưng đề cập đến quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, từ đầu đến cuối luôn lấy đức làm cương lĩnh làm gốc rễ, trình tấu với Thái Tông rằng, Thánh nhân dùng pháp luật trị quốc là nhằm mục khuyến thiện, chứ không phải lấy trị tội làm căn bản. Đạo lý của việc trị quốc cũng giống như việc làm cha mẹ, phải dùng lời dạy dỗ, lấy thân làm gương. Tự xưa trên làm dưới theo, việc quốc gia cũng là như vậy. Đã có người cha như thế tất có người con như thế, như vậy nếu có quân vương như thế, tất sẽ có thần dân như thế.

Bởi vậy tiếp theo đó, Ngụy Trưng trực tiếp nói rõ mục đích của lập pháp, thuyết phục Thái Tông chú trọng đến đức chính một cách rất sinh động. Bách tính trở nên tốt xấu thiện ác thế nào, quốc gia có được thái bình hay không, hoàn toàn phụ thuộc vào việc Quân vương dạy bảo dẫn dắt thần dân như thế nào.

Đại ý đoạn 4: Thánh vương coi trọng đạo đức, xem nhẹ pháp luật để giáo hóa bách tính

Mục đích căn bản của lập pháp không phải vì để chế tài những lỗi lầm, sai trái và thiếu sót của bách tính, mà là dùng để phòng ngừa và ước thúc những hành vi xấu, dâm tà, lấy đó để cảnh tỉnh bách tính, dẫn dắt họ vào chính đạo. Con người chỉ cần được giáo dục đạo đức tốt thì họ sẽ cải biến trở nên thiện lương, từ đó mà ôm giữ tấm lòng quân tử; ngược lại nếu họ bị thống trị bởi một chính quyền bạo ngược và khắt khe, vậy sẽ sản sinh ra ác niệm gian tà. Vì vậy, giáo dục con người hướng thiện, đó mới là con đường dưỡng dục và quản lý của vua-cha đối với con-dân, tác dụng của nó giống như chất men trong tay người nấu rượu. Người dân trên toàn

quốc giống như đậu nành và lúa mì đang chờ lên men trong nhà ủ, làm thế nào để phát triển, làm sao để biến đổi, tất cả đều do sự giáo dục thiện ác của những người quản lý chính sự! Gặp được quan lại tốt dạy dỗ quản lý thiện hóa thì bách tính tự nhiên trong lòng trung tín mà lời nói nhân hậu (nhân hậu tức là nhân từ và trung hậu; hoặc có lòng thương người và ăn ở đầy đặn); nếu gặp phải sự quản lí của quan lại tàn ác, họ tự nhiên sẽ mang trong lòng gian tà mà ngôn hành thiển bạc (nông cạn và mỏng mảnh; dở và không chắc chắn). Nếu lòng dân được thiện hóa trung hậu rồi, thì dần dần có thể khiến quốc gia thái bình; nếu mọi người đều trở thành thiển bạc, về lâu về dài sẽ dẫn đến quốc gia nguy vong. Bởi vậy bậc quân chủ thánh minh đều tận sức vào đức giáo hóa đạo đức mà xem nhẹ hình pháp.

Đại ý đoạn 5: Lòng dân thiện hay ác phụ thuộc vào Quân chủ

Đức là dùng để yêu cầu bản thân; uy là dùng để quản thúc người khác. Con người sống tại thế gian cũng giống như luyện vàng trong lò luyện, sản phẩm đúc ra vuông tròn dầy mỏng thế nào đều phụ thuộc vào mẫu khuôn! Vì vậy thiện hay ác ở thế gian, phong tục dân gian nhân hậu hay thiển bạc, đều quy ở thân bậc quân chủ một quốc gia. Nếu Quân vương cai trị đất nước có thể làm cho nhân dân khắp thiên hạ đều ôm giữ tấm lòng trung hậu mà không có ý thiển bạc, đều có thể làm theo lòng công chính mà không có niệm gian tà, như vậy thì phong tục tập quán thuần phác của thế gian lại xuất hiện. Mặc dù các Hoàng đế sau này không thể hoàn toàn làm được hết lòng thượng tôn nhân nghĩa, nhưng cũng nên thận trọng việc sử dụng hình điển, cố gắng đạt tới công chính vô tư, quan tâm đến bách tính, cho nên sách "Quản Tử" viết: [Thánh vương dùng pháp độ nhưng không dùng gian trí, dùng đạo trí công mà không dùng tâm mưu cầu lợi

ích] cho nên bậc Thánh vương có thể lấy vương đạo thống lĩnh thiên hạ, lòng dân sẽ quy thuận, được như vậy mới là quản lý tốt quốc gia.

Diễn giải: Trị quốc cốt ở giáo dục, giáo dục cốt ở đức dục

Hai đoạn cuối cùng này, hiển nhiên chính là khuyên Đường Thái Tông không được quên việc trị loạn quốc gia cốt ở giáo hóa thiện ác cho dân, nếu như người dân không trọng đức, không biết liêm sỉ, không phân rõ thiện ác, thế thì dù có khiến cho pháp luật quốc gia càng thêm tàn khốc, càng thêm hệ thống, thì người dân sẽ bị đẩy đến cùng đường mà phải liều mình làm điều ác, hiện tượng hỗn loạn của xã hội hoàn toàn không thể chấm dứt được. Thiện ác trong tâm con người sẽ quyết định thiện ác trong hành vi của họ, nếu người làm Vua không hiểu đạo lí này, một mực dựa vào pháp luật đi giải quết vấn đề, vậy sẽ dẫn đến càng trị thì vấn đề càng nhiều, càng nhiều vấn đề lại càng đưa ra nhiều quy định, cuối cùng rơi vào hiểm cảnh đại loạn không thể sửa trị được.

Khổng Tử coi việc không giáo dục mà trừng phạt là nền chính trị hà khắc, điều đó với con người là rất tự nhiên. Ví như bạn ở nhà, nếu như chưa từng được cha mẹ dùng lời dạy dỗ, lấy thân làm gương; chưa từng thấy cha mẹ mình nhân từ và lý trí, kiên trì nhẫn nại chỉnh sửa từng chút trong sinh hoạt hàng ngày đối với bản thân mình; hoặc chưa từng cảm thụ qua sự dậy dỗ và chỉ bảo ấm áp đó; cũng không biết thế nào là đạo nghĩa; điều duy nhất bạn biết là khi bạn làm sai, bạn sẽ bị trừng trị nghiêm khắc bằng gia quy, vậy đó chính là ngược đãi. Như vậy tự nhiên trong tâm họ sinh ra không cam cùng với không phục trong tâm, thậm chí oán hận cha mẹ, lúc bấy giờ tạm thời chỉ dám oán mà không dám nói ra, một mai thành niên, sẽ trở nên ngỗ nghịch và làm điều ác, đây chính là hậu quả của việc nội tâm không có cải biến.

Quản lí đất nước cũng như vậy, chưa giáo dục mà đã nghiêm khắc trừng phạt, đó chính là chính trị bạo ngược. Nếu quan tâm, yêu thương bách tính và chăm lo đời sống người dân thì cần lấy bản thân làm gương để dậy bảo bách tính. Thực tế, mọi việc không thể tự mình đi làm hết được, vậy thì cần chú trọng tuyển chọn những quan lại đồng chí đồng tâm, khiến cho quân thần đồng tâm để giáo hóa bách tính. Quản lý đất nước ngoài việc bận tâm lo cho người dân no cơm ấm áo về vật chất ra, thì trách nhiệm lớn nhất chính là giáo dục đạo đức.

Vì vậy, các vị Hoàng Đế thời cổ đại (ngoại trừ các vị hôn quân bại hoại trong thời kỳ cuối của mỗi triều) đều hiểu đạo lý này, họ đều lấy bản thân mình làm gương, đều bắt đầu từ lòng hiếu thảo và sau đó tiếp tục giáo dục bách tính đạo nhân nghĩa, đều coi đó là điều vô cùng quan trọng, khiến toàn thể xã hội lấy nhìn nhận rằng quân tử là vinh, mà triệu vời và cử người hiếu liêm làm quan, cử quân tử làm quan thậm chí bái làm thầy, từ đó để quan viên thay thế hoàng đế tự giác gánh vách trách nhiệm của bậc cha mẹ đi giáo hóa con dân, khiến cho toàn thể xã hội từ Quân Vương cho đến thứ dân đều trọng đức hạnh, tôn sùng quân tử, như thế quân tử tự nhiên trở thành thầy của vạn dân. Vì lẽ đó nên về bản chất của giáo dục truyền thống là giáo dục đạo đức, đồng thời cũng không giới hạn trong giáo dục trường học, chỉ cần địa phương ấy có bậc quân tử, mọi người tự sẽ lấy họ làm tiêu chuẩn để học tập theo, đây chính là tác dụng của bậc danh sĩ. Hơn nữa dù những bậc quân tử này đang làm quan ở triều đình hay là đang sống tại dân gian, thì họ đều hiểu được trách nhiệm hoằng dương đạo đức, quy chính nhân tâm của mình. Vì vậy, việc viết sách hoặc biên tập lịch sử để đời đời truyền lại những lời dậy của tổ tiên và các bậc Thánh vương đã trở thành sứ mệnh và trách nhiệm căn bản của các học giả truyền thống.

Ngụy Trưng nhận thức rất rõ về điều này, ông đã khích lệ Thái Tông đừng quên cốt yếu của việc trị quốc không ở việc dùng hình phạt nghiêm khắc và luật pháp hà khắc, mà phải đặt công phu vào việc giáo hóa đạo đức người dân, nếu ngay từ đầu bách tính đã biết liêm sỉ, thì họ sẽ không đi hành ác mà phạm tội; nếu mọi người đều tự giác hướng thiện, hỗn loạn tự nhiên biến mất, đây mới đạo trị loạn từ căn bản.

Vì thế Thánh Nhân dùng hình phạt hay là dùng pháp luật, cốt yếu vẫn là để khuyến thiện, là để bổ trợ cho giáo hóa đạo đức.

Trinh quán chi trị: Đêm ngủ không cần đóng cửa

Quân thần Thái Tông đồng lòng đồng đức, khắc sâu đạo của bậc thánh quân, dùng vương đạo trị quốc, nên đã xuất hiện hiện tượng đạo tặc tuyệt diệt từ thiên cổ tới nay chưa từng có, bách tính thời Trinh quán chi trị đều có đức hạnh cao thượng. Vậy nên trong chương "Chính thể" có ghi lại như sau: "Thương nhân lữ khách trú ở bên ngoài cũng không còn bị cướp bóc, nhà ngục thường vắng bóng người, trâu ngựa thành đàn khắp các cánh đồng, nhà không cần đóng cửa." Chính là nói, người ra ngoài buôn bán hay đi chơi cũng không cần lo lắng gặp kẻ cướp hay đạo tặc, nhà tù của quốc gia thường xuyên trống không, thôn quê chăn thả trâu bò không cần trông coi cũng không có người ăn trộm, đêm tối cửa các nhà không cần khóa. Có thể nói đây là đại đồng xã hội ban đêm không cần đóng cửa trong truyền thuyết. Đó là xã hội thái bình lý tưởng trong đó người dân ai ai cũng trọng đức, chỉ có trong thời đại Nghiêu Thuấn mà Khổng Tử luôn ngưỡng mộ.

Đường Thái Tông dám thực hành đức chính của tổ tiên, nghe theo lời khuyên của Ngụy Trưng và các quan đại thần, từ đó đạt được thời thịnh thế Trinh Quán, điều đó cho thấy rằng những lời dạy của tổ tiên chính là chân lí, là điều chân

thực, không hư rỗng. Thiện và ác của bách tính, tốt và xấu trong phong tục của người dân, và sự trị hay loạn của quốc gia, tất cả phụ phuộc vào việc vua quan có trọng đức, yêu dân như con; có lấy nhân luân đạo đức để giáo dục dân tâm; có coi giáo dục đạo đức làm trách nhiệm quan trọng nhất hay không?

Đây chính là yếu lĩnh quan trọng của "Trinh quán chính yếu". Làm được việc lấy đức trị tâm thì tất xuất thịnh thế; nếu bỏ đức mà trọng trí, tất xuất gian tà. Giáo dục hiện đại chú trọng giáo dục trí tuệ, giống như bước xuống vực sâu, giống như đi sang ma đạo, nếu các nhà quản lý không tỉnh ngộ, một mực dựa vào cai trị đất nước bằng pháp luật, tất sẽ dẫn đến loạn tượng không ngớt, nguy hiểm khôn cùng.

Phần 32: Khổng Tử mang Đạo của thánh vương truyền cho thiên hạ

Với người xưa, trách nhiệm lớn nhất của bậc làm cha chính là việc giáo dục con cái bằng hành động gương mẫu, trách nhiệm lớn nhất của bậc làm vua tất nhiên cũng là giáo dục và dẫn dắt bách tính trọng đức hành thiện, đây là gốc rễ để đạt được gia phú quốc hưng, và cũng là đầu mối của việc trị hay loạn, hưng hay vong, họa hay phúc của quốc gia. Nhỏ là từ công danh họa phúc của một cá nhân, cho đến lớn là liên quan đến hưng vong của quốc gia và thiên hạ, đều là như thế. Bởi vậy Tăng Tử đã từ Nho học mà Khổng Tử truyền dạy, chiểu theo góc độ của bản thân, mà tổng kết ra yếu nghĩa "Đại học" gồm các lý luận về: Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Đây là đạo trị thế của các vị thánh vương tiên tổ, truyền đến Khổng Tử sau đó là đệ tử của ông rồi truyền ra cho thiên hạ.

Thái Tông chứng thực hoàn mỹ "Đại học", trở thành thánh vương

Nếu đức hạnh là gốc rễ căn bản của hưng vong, như vậy có nghĩa là, tất cả mọi người, cho dù đó là người có thân phận thế nào, nếu muốn đạt dược thành tựu thì tất nhiên phải bắt đầu từ tu chính bản thân, mới có thể từng bước từng bước hiểu được làm thế nào để tề gia làm thế nào để trị quốc, đây chính là điều được giảng trong "Đại học" của Tăng Tử. Bởi vậy, Nho giáo dù là giảng thuật đạo lý từ góc độ hoặc tầng diện của một cá nhân làm sao để mưu cầu công danh, hay là một nhà cầm quyền làm thế nào để an bang trị quốc, thì cốt lõi của nó vẫn xoay quanh một chữ "đức", Khổng Tử cả đời giảng đạo hiếu, thuyết nhân nghĩa, thì điều ông giảng chính là một chữ "đức". Vì thế, ông rất minh xác mà lưu lại

câu nói "Vi chính dĩ đức", câu nói này chính là yếu quyết cốt lõi nhất của Đế Vương học.

Vi chính dĩ đức, kì thực chính là vi nhân dĩ đức, đây là chủ đề mà từ giáo dục vỡ lòng với trẻ nhỏ cho đến giáo dục học vấn của đế vương tuyệt đối không được thay đổi. Chỉ khác là, giáo dục vỡ lòng với trẻ nhỏ thì tập trung vào các mối quan hệ nhân luân như cha mẹ, anh chị em, trưởng bối họ tộc, đó chính là giáo dục đạo đức cơ bản nhất từ góc độ thị giác trực quan đối với một đứa trẻ, cũng chính là giáo dục vỡ lòng về đạo đức nhân luân như hiếu thân, huynh hữu, đệ cung v.v.

Vậy luận đến đế vương, đương nhiên là cần phải tiến hành giáo dục đế vương làm sao để trọng đức nhắm thẳng vào tất cả các phương diện vấn đề trị quốc mà hoàng đế phải đối mặt. Như thế chúng ta sẽ nhìn thấy rằng, toàn bộ cuốn *Trinh Quán Chính Yếu*, bắt đầu từ chương đạo làm vua, bất luận liên quan đến chính thể, lễ nghi, tuyển trạch quan lại, hình pháp, đều là văn sử giáo dục; tất cả đều xoay quanh một chữ đức để mở rộng ra; xử lý sự việc giữa quân và vương, thương thảo quốc sách, đều lấy những lời nói và việc làm của các bậc quân vương được ghi chép lại trong các kinh thư và sử sách của các triều đại trước đây làm chuẩn mực, để phán đoán đúng sai, để đưa ra quyết sách. Nguyên nhân là vì, kinh chính là ngũ kinh mà Nho gia tổng kết và chỉnh lý (gồm *Kinh Thi*, *Kinh Thư (Thượng Thư)*, *Kinh Lễ (Lễ Ký)*, *Kinh Dịch*, *Kinh Xuân Thu*, Đường Thái Tông hạ lệnh đại thần tiến hành chỉnh sửa những lỗi sai của năm bộ kinh thư này, soạn thành cuốn *Ngũ Kinh chính nghĩa*), những kinh sách này, chủ yếu là giảng về những giáo huấn và đạo lý làm người, là những đạo lý vĩnh viễn bất biến như nhân nghĩa trung hiếu, là tôn chỉ làm người để thường hằng đối chiếu với lời nói và việc làm của mình. Chúng ta thấy rằng, Ngụy Trưng và Đường Thái Tông thường trích dẫn những căn cứ trong kinh điển, lấy kinh sách mà các bậc thánh vương thời thượng cổ

lưu lại làm cương lĩnh, làm căn cứ lý luận bất biến, lấy sách sử làm chứng nghiệm, để từ đó làm rõ lời nói và việc làm của hậu nhân là làm trái kinh điển hay tuân theo kinh điển về làm người và trị quốc, từ đó mà kết quả mỗi người thu được là tương phản, người làm trái kinh điển thì bại vong, người tuân theo kinh điển thì hưng thịnh. Mà Đường Thái Tông, chính là từ trong những cuộc thảo luận viện dẫn các kinh điển như vậy giữa các hoàng đế và các quần thần, mà không ngừng tu chính tự thân, lắng nghe lời can gián, lấy đức làm căn bản, lấy pháp luật làm bổ trợ, nhờ đó mà thành tựu thời kỳ thịnh thế hoàn mỹ nhất trong lịch sử mà Khổng Tử luôn mong chờ.

Thái Tông lấy đức là căn bản, bắt đầu từ tu chính bản thân, cuối cùng đạt được mục tiêu bình thiên hạ, ông đã thực hành tốt yếu nghĩa của "Đại học", trở thành thánh vương, ông đã cho thấy nền giáo dục của Nho gia Trung Quốc do Khổng Tử truyền thừa cao minh làm sao. Qua đó thấy được kinh điển Nho học chính là "Kinh thư vi tôn, lịch sử vi chứng" (tức là kinh sách là tôn chỉ, lịch sử là chứng nghiệm) đúc kết kinh nghiệm quá trình trị quốc thực tiễn trải qua thiên thu vạn đại mà các bậc thánh vương thượng cổ lưu lại, có hệ thống nhất, hoàn mỹ nhất.

Giáo dục truyền thống: Kinh thư vi cương, sử thư vi chứng

Đây chính là nguyên nhân giáo dục truyền thống cổ đại lại coi Khổng Tử là tông sư, coi ngũ kinh và sử thư là những cuốn sách tất phải học vĩnh viễn không bao giờ thay đổi. Khổng Tử là bậc tông sư chỉnh lý và giảng giải, bắt đầu tổng kết và truyền thừa một cách hệ thống ngũ kinh và sử thư, để con cháu đời sau vĩnh viễn không bị tách rời khỏi lịch sử, văn hóa và nền tảng đạo đức của chính họ, vĩnh viễn sẽ không bao giờ quên nguồn gốc của chính mình là thần

thánh, vĩ đại và cao quý thế nào. Bởi vậy, Tăng Tử nói "thận chung truy viễn, dân đức quy hậu hĩ". Tăng Tử hiểu rất rõ về ân sư Khổng Tử của mình vẫn luôn lấy những lời dạy bảo làm người và yếu lĩnh trị quốc cốt lõi nhất của tổ tiên để tiến hành giảng giải từ các góc độ khác nhau, đồng thời còn lưu lại *Kinh Xuân Thu* ẩn chứa đại nghĩa trong bút pháp tinh tế, cũng chính là để lịch sử làm kiến chứng cho việc làm người cần coi trọng đức hạnh.

Bút pháp khen chê "làm người có đạo nghĩa hay không" đã trở thành chủ đề của chính sử đời sau. Sử sách đời sau không chỉ ghi lại cử chỉ ngôn hành của các bậc đế vương (sách sử trước Khổng Tử, bao gồm *Kinh Xuân Thu*, đều chủ yếu là ghi chép lưu trữ lại những lời nói, hành vi và sự kiện có liên quan đến Chu Thiên tử hoặc quân chủ của các nước chư hầu, cũng chính là nói sử sách từ khi bắt đầu đã xoay quanh người cầm quyền một đất nước, trong đó mục đích trọng yếu là giám sát lời nói hành vi của đế vương, để đế vương cẩn trọng trong lời nói hành vi, không thể muốn gì làm nấy, bởi vì mỗi một lời nói ra và mỗi một việc làm trong mỗi ngày, dù lời nói hành vi đó tốt xấu thiện ác ra sao, đều sẽ bị ghi chép lại. Lời nói việc làm của đế vương đều là tấm gương cho thiên hạ noi theo, vì thế, đây là sự quản giáo nghiêm khắc nhất đối với đế vương, là lịch sử của đất nước Trung Quốc), mà còn ghi chép đối với hoàng hậu, các vị đại thần cho đến các nhân vật trong dân gian, chép lại các câu chuyện của họ, chỉ cần có thể là bài học giáo huấn về thiện ác cho người đời sau thì đều có thể ghi chép lại, đều tiến hành đánh giá theo các tiêu chuẩn trung gian, tốt, xấu. Vì vậy chính sử liền phát triển thành thể loại ghi chép truyện ký về các nhân vật làm chủ yếu, ghi chép lại được mất một đời của các loại nhân vật điển hình, nhằm lưu lại bài học giáo huấn về nhân sinh cho con người. Đồng thời những sách sử này cũng trở thành tài liệu bắt buộc của nho sinh.

Đế vương học là khởi nguồn của giáo dục

Giáo dục nên phải là giáo dục nhân sinh. Tất cả giáo dục kỹ thuật mà chúng ta vẫn gọi là giáo dục trí tuệ, đều phải đặt trên nền tảng giáo dục nhân sinh. Mà giáo dục, kì thực chính là được phát triển từ giáo dục đối với các đế vương thời cổ đại, nếu một người trị vì một quốc gia mà không hiểu thế nào là trọng đức, cũng lại không biết thế nào mới là làm tròn bổn phận và trách nhiệm của một vị đế vương, không hiểu làm thế nào để chọn quan, không biết chọn quan thế nào, thì sẽ dẫn đến gian thần lộng quyền, dân chúng lầm than, cuối cùng sẽ dẫn đến vương triều bại vong. Vậy nên nuôi dưỡng phẩm chất đạo đức của người cầm quyền quốc gia là trọng yếu nhất, nó liên quan đến vận mệnh của thần dân một đất nước và phương hướng của quốc gia.

Chính vì Thái Tông thượng tôn Nho học, nên đã tu sửa ngũ kinh, để làm rõ trách nhiệm của đế vương, hiểu được trách nhiệm tu sửa bản thân để trở thành tấm gương của thần dân thiên hạ, khiến gian thần không thể đến gần, quân thần đồng tâm, tất cả những điều ấy đều trong phạm vi cai quản của quan phụ mẫu, hoàn thành trách nhiệm làm vua làm quan làm phụ mẫu, quân thần làm gương để toàn dân trọng đức, tự giác tuân thủ lễ, có như vậy tội phạm sẽ giảm thiểu, đó mới là thành tựu nên mỹ danh thiên cổ "Lễ nghĩa chi bang".

Vì thế hoàng đế học, chính là lấy tu dưỡng của bậc thánh vương làm học vấn tiêu chuẩn, là học vấn về đạo đức trị quốc, bắt đầu từ tu thân, để hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, đó là trong khi dạy bảo tốt bách tính cách làm người cũng đồng thời nỗ lực làm cho đất nước hưng thịnh, đời sống người dân sung túc. Bởi vậy cần tuyển chọn tốt người hiền lương có đủ tài đức, hiểu được việc trọng đức yêu dân, dám làm gương để làm quan, để đồng lòng chung sức giúp đỡ quân vương, cùng giáo dục tốt bách tính, chăm

sóc và bảo vệ người dân. Được như vậy thì quốc gia tự nhiên sẽ hưng vượng thái bình.

Hệ giáo dục này, được Khổng Tử truyền thừa và chỉnh lý, sau đó phổ cập tại dân gian, tạo nên nền giáo dục truyền thống lấy nhân cách đạo đức làm gốc. Vì thế, văn hóa của chúng ta mới thần thánh cao quý đến thế, cho nên chúng ta không được quên tổ tiên, không được quên lịch sử. Nếu quên đi thánh đức của tổ tiên, quên mất tác dụng căn bản của lịch sử, vậy tức là chúng ta tự cam tâm sa đọa, rời bỏ đạo nghĩa, trở nên coi thường tổ tiên, trở thành một dân tộc không có nguồn gốc, đạo đức nhanh chống bại hoại.

Ý nghĩa chân thực của "thận chung truy viễn, dân đức quy hậu"

Là người Trung Hoa, con cháu của Viêm Hoàng, thì nhất định phải hiểu thế nào là "thận chung truy viễn, dân đức quy hậu". Câu nói trên tuyệt không chỉ bó hẹp trong ý nghĩa "coi trọng tang sự, tưởng nhớ đến gia tộc tổ tiên của chúng ta, rồi mới chú ý đến dạy dỗ đạo đức người dân", nếu giải thích như vậy thì sẽ mất đi tính lo-gic trong câu.

Kỳ thực Tăng Tử nói rằng, nếu cả một đời mà thủy chung tuân theo đạo nghĩa làm người, cho đến lúc chết cũng không thay đổi, thì quy phạm đạo nghĩa này chính điều mà thánh nhân từ thời viễn cổ lưu lại, là điều vĩnh viễn cần theo đuổi, khái quát lại thành một câu nói, chính là phải một đời tuân hành và theo đuổi những lời dạy của tổ tiên xa xưa. Còn vế sau "dân đức quy hậu", chính là nói cho các nho sinh rằng chỉ có kính phụng đến chết không đổi với các vị thánh vương tiên tổ thì mới có thể trở thành tấm gương sáng để quy chính lại thói quen phong tục của người dân, mới khiến cho đạo đức của bách tính và quốc gia quy chính, đây là sứ mệnh của người đọc sách. Hai vế trong câu nói trên có ý nghĩa liên quan với nhau, tuyệt nhiên không phải là hai lời

nói riêng rẽ. Nếu giải thích như trên, thì các vế trong lời của Tăng Tử cũng rất lo-gic với nhau. Ý nghĩa chỉnh thể sẽ ăn khớp rất tự nhiên và rất minh bạch dễ hiểu, chỉ là khi đó những lời họ giảng là ngôn ngữ của thời cổ mà thôi.

Có thể thấy rằng, một dân tộc không thể nào quên tổ tiên, không thể quên đi sự cao quý vĩ đại của tổ tiên, họ đã từng là thánh vương, là tông sư, là những người khai sáng ra giáo dục, là vạn thế sư biểu, là nguồn gốc trí huệ của tiên dân, là tấm gương sáng mẫu mực về làm người, cho nên tự cổ người đọc sách đã hiểu rằng kinh quốc tế thế và giáo dục bách tính mới là đại chí của người đọc sách.

Trinh Quán Chính Yếu khiến người ta minh bạch, một dân tộc chỉ có tín phụng tổ tiên, truyền thừa và thực hành trong thực tiễn những kinh điển của tổ tiên, có như vậy mới có thể khiến giáo dục hồi quy về chính thống, làm người mới có đạo đức làm tôn chỉ, mới trở nên vĩ đại và cường thịnh. Đây là điều mà người làm chủ triều chính, người quản lý kinh doanh các lĩnh vực không thể không minh bạch.

Phần 33: Hoa và quả dù đẹp đến mấy cũng đến lúc héo tàn

Tuy rằng trong chương "Luận công bình", Ngụy Trưng đã nhắc nhở Đường Thái Tông rằng sự trị và loạn, hưng và vong của quốc gia là không thể dựa vào pháp luật, nền tảng vẫn phải dựa vào đức hạnh của con người, mà đức hạnh của con người xét cho cùng lại phụ thuộc vào giáo dục dẫn dắt của nhà vua, ý tứ là muốn Thái Tông nhất định phải mười phần chú trọng đến giáo dục, nhưng trọng tâm mà Ngụy Trưng nhắm đến lại hoàn toàn trái ngược với quan niệm ngày nay. Vậy rốt cuộc ông hướng đến điều gì? Chúng ta hãy xem chương "Luận văn sử" thì sẽ minh bạch.

Văn sử ở đây mọi người có thể tách ra thành văn học và lịch sử, hoặc là văn chương và lịch sử, bất luận là giải thích thế nào, đều không quá khác. Chúng ta xem xét cách nhìn của Thái Tông và các quan đại thần đối với văn chương/văn học và lịch sử, tự nhiên sẽ minh bạch được rằng sự thịnh vượng rực rỡ nhất mà thời đại Trinh Quán đạt được chính là nhờ giá trị định hướng mà họ đặt vào văn học và lịch sử. Cũng chính là nói, đầu tiên chúng ta cần minh bạch mục đích căn bản mà cổ nhân soạn sử và viết văn là gì. Nếu như không hiểu được điểm này, thì giáo dục chính là đã bỏ gốc lấy ngọn. Về điểm này Thái Tông đặc biệt hiểu rõ.

Đoạn một chương "Luận văn sử"

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông nói với Phòng Huyền Linh, người chủ trì biên soạn quốc sử:

"Gần đây thấy sách sử *Tiền Hán thư* và *Hậu Hán thư* có chép các bài phú "Cam tuyền", "Vũ liệp" của Dương Hùng; "Tử hư", "Thượng lâm" của Tư Mã Tương Như; "Lưỡng đô" của Ban Cố; những bài văn này ngôn từ phù phiếm, không

ích lợi khuyến cáo răn dạy đối với hậu thế, thì sao lại đưa vào sử sách? Từ nay về sau, nếu có người dâng bài nào luận về chính sự, ngôn từ đạo lý luận thuật chân thành thẳng thắn, đúng trọng tâm, có lợi cho việc trị quốc, thì dù trẫm có tiếp thu hay không, cũng đều phải ghi lại vào sử sách".

Mục đích của việc tu sử là để khuyên răn lòng người

Từ đoạn một chương "Luận văn sử", chúng ta có thể thấy, cho dù tác giả đang biên soạn lịch sử thì cũng tuyệt đối sẽ không đơn thuần ghi chép lại những cuộc thảo luận của quân thần vào thời điểm đó một cách không trình tự hay không mục đích. Thái Tông hiểu rất rõ rằng, ngoài việc cần phải chân thực, thì việc chép sử còn cần phải mang lại lợi ích cho việc giáo dục đối với hậu thế, vì thế bất kỳ nội dung nào được lưu lại cũng đều phải là mười phần nghiêm túc. Qua đoạn đầu tiên, mọi người có thể thấy tác dụng của khai tông minh nghĩa, mặc dù đoạn thoại này chỉ có lời nói của Thái Tông, nhưng nội dung trong đoạn thứ nhất này có thể thấy là rất trọng yếu. Bởi vì khi Thái Tông thăng triều hoặc khi triệu kiến đại thần, thì ngài không thể chỉ nói mấy câu này với các đại thần.

Tuy rằng những điều được thảo luận ở đây là văn học và lịch sử, nhưng đầu tiên cần phải cho người ta hiểu được mục đích của việc tu đính và phê duyệt văn học và lịch sử là cái gì, mà nhận thức đối với văn học và lịch sử này sẽ định hướng cho người soạn sử và người viết văn, những thứ viết ra như thế nào sẽ có ảnh hưởng như thế ấy đối với hậu thế. Bởi vậy nhìn nhận của quân vương là vô cùng trọng yếu.

Từ đoạn văn này, chúng ta có thể thấy được nhận thức của Thái Tông đối với văn học và lịch sử, ông cho rằng lịch sử, văn chương hay văn học nhất định phải khởi được tác dụng đối với việc khuyên răn con người; những văn chương

thể loại phú với lời văn hoa mỹ đó không có tác dụng khuyên răn con người, vậy thì cho dù ngòi bút có ưu mỹ thế nào, tác giả có danh tiếng ra sao, cũng đều không thể ghi vào sử sách. Vậy điều khuyên răn là gì đây? Tất nhiên là đức hạnh của con người, tự nhiên phải khởi được tác dụng khiến con người trọng đức hướng thiện, bỏ đi những thói hư tật xấu. Đây mới là mục đích mà người xưa nhận định về việc tu sử, và đây cũng là cách nhìn nhận của người xưa trên phương diện giáo dục về tác dụng của lịch sử. Nhưng nhiều người sẽ thắc mắc, đây chẳng phải là điều cốt yếu của việc trị quốc hay sao? Chẳng phải Thái Tông đã nói, chỉ cần có ích cho việc trị quốc, thì bất kể ông đồng ý hay không, đều phải được ghi chép vào sử sách sao? Những gì được nói ở đây nên chăng là lời khuyên dành cho các hoàng đế, quốc vương và các quần thần?

Không phải vậy, sách *Tiền Hán thư* và *Hậu Hán thư* mà Thái Tông đề cập đến, cũng không phải là cuốn sách lịch sử chuyên dùng để giáo dục đế vương, mà là cuốn chính sử để cho người đọc sách đương thời và các nho sinh phổ thông học tập, chỉ cần là người đọc sách, chỉ cần là người đã vào học đường thụ giáo, nhất định sẽ đọc những cuốn sử ký này, trong mắt cổ nhân, đây là những tài liệu giảng dạy chính thống. Đó là tài liệu dùng để dạy con người những giáo huấn làm người, đương nhiên đạo lý trị loạn hưng vong của quốc gia đều nằm trong đó. Chính sử lựa chọn các nhân vật có thân phận và địa vị khác nhau để ghi lại thành truyện, dùng phương pháp truyện ký để chép thành sử, nhằm mục đích khởi tác dụng tuyên dương cái thiện răn đe điều ác, từ bài học lịch sử của người đời trước để bước đi cho chính con đường nhân sinh của mình. Theo cách đó, từ thời nhà Hán trở về sau, lịch sử đã không còn chỉ ghi chép lại ngôn hành của các bậc đế vương, thông qua *Sử ký* của Tư Mã Thiên chúng ta có thể thấy điều này. Chỉ có điều, những ví dụ cụ thể mà Thái Tông đề cử ra là nhận thức của ông về vấn đề

quản lý quốc gia, với tư cách vua của một quốc gia, ông tự nhiên sẽ lấy việc của mình làm ví dụ để giảng, lấy đó để nhắc nhở các đại thần, những quan lại phụ trách biên soạn lịch sử này phải mười phần rõ ràng rằng việc tu sử viết văn phải vì mục đích tối quan trọng là giáo dục người đời sau làm người như thế nào. Đây mới là nội dung nhắm thẳng vào việc trị quốc, nhắc nhở họ chú ý lựa chọn những thứ có giá trị.

Mặc dù Thái Tông từ ví dụ việc trị quốc để nhắc nhở các quan đại thần, nhưng giá trị định hướng đối với văn chương và lịch sử mà Thái Tông nêu ra đã mười phần thể hiện rõ cách nhìn nhận của Thái Tông đối với văn chương và lịch sử, ngài phản đối việc mọi người theo đuổi quá độ lối viết văn chương hoa lệ, quá chú trọng bút pháp ưu mỹ mà xem nhẹ trách nhiệm chân chính nên có của văn chương và lịch sử là giáo dục hậu nhân đạo lý làm người. Nếu mất đi giá trị định hướng thì không nên đưa vào sử sách. Nhận thức này cũng không phải chỉ là nhận thức riêng của cá nhân Thái Tông, mà là nhận thức của toàn bộ nền giáo dục cổ đại. Thái Tông chỉ nhắc nhở các đại thần chớ quên điều này.

Hoa quả tuy đẹp rồi cũng tàn

Như mọi người đã biết, ở Trung Quốc khi chỉnh lý thư tịch, người xưa phân thành tứ khố toàn thư, thế nào là tứ khố? Chính là "kinh, sử, tử, tập", được xếp lên hàng đầu chính là hai loại kinh thư và lịch sử. Đối với kinh thư, tuy mỗi triều đại có những nhận thức khác nhau, nhưng tối thiểu các nho sinh thời cổ đại đều phải học lục kinh hoặc ngũ kinh, như vậy kinh thư đã được công nhận từ các thượng cổ thánh vương. Vậy, học xong kinh thì sẽ học đến lịch sử, người xưa nghiên đọc và tu sử tuyệt đối không phải là làm học thuật, mà là dùng sách sử để tham chiếu cái được cái mất, để luôn luôn nhắc nhở bản thân, khuyến cáo bản thân, và rút ra những bài học về trị loạn hưng suy. Như vậy, quân

vương chính là đối tượng đầu tiên cần tiếp thụ giáo dục, đức hạnh của đế vương chính là tham chiếu của bách tính, vì vậy lịch sử luôn lấy những ghi chép về lời nói và việc làm của đế vương là quan trọng nhất, cho nên, sau khi Thái Tông nói về giá trị định hướng của văn học và lịch sử là phải lấy việc có lợi cho việc trị quốc hay không để đưa ra những ví dụ cụ thể, đây là điều khá bình thường.

Mà "tử" dùng để chỉ những tác phẩm mà các học giả từ các trường phái Nho và Đạo ghi lại những nhận thức của họ trong các lĩnh vực và đối với trị quốc và làm người, ví dụ như các cuốn sách *Mạnh Tử*, *Trang Tử*, *Tôn Tử*, *Quản Tử*, *Mặc Tử*, *Hàn Phi Tử* … Chúng được sử dụng làm tài liệu tham chiếu từ nhiều góc độ khác nhau. Còn "tập" là các sách về văn học (bao gồm cả các tác phẩm hiện nay), âm nhạc, hý khúc, tiểu thuyết, thơ từ ca phú của các thế hệ sau, y học, các loại công trình khoa học kĩ thuật công nghiệp, nông nghiệp…, ngoài kinh thư và sử thư cũng như các tác phẩm của chư tử ra, thì những sách còn lại đều quy về tập. Tập là những thư tịch hàng cuối trong phân loại "kinh, sử, tử, tập", nên đương nhiên hoa lệ nhất, số lượng khổng lồ nhất.

Cũng chính là nói, những sách kinh sử giảng thuật về đạo lý làm người là gốc rễ, phần nhiều là chất phác thực chất không hoa lệ, còn các sách văn nghệ và kĩ thuật là hàng cuối, là ngọn, hoa mỹ lộng lẫy nhất, bỏ cội rễ mà chọn ngọn ngành là cách làm ngu xuẩn, lẫn lộn đầu đuôi. Đây là nhận thức sáng suốt nhất của Thái Tông.

Hàng cuối không phải là không quan trọng, nếu như không quan trọng nó sẽ không được liệt vào tứ khố toàn thư, nhưng với giáo dục thì tất phải đặt sách kinh sử lên hàng đầu. Con người không trọng đức mà chỉ có tài hoa kĩ thuật và văn nghệ, thì sẽ khiến cho kĩ thuật và văn học nghệ thuật biểu đạt ma tính, phát triển ma tính, phóng túng cái ác, sẽ dẫn tới nguy hại cho quốc gia, trở thành vũ khí lợi hại làm bại hoại đạo đức. Nếu không có đạo đức làm nền tảng để dẫn

dắt, thì cây đại thụ của toàn xã hội (văn học nghệ thuật) sẽ không nở hoa đẹp trái thơm, điểm cuối cùng của cây đại thụ là đơm hoa và kết trái, một cây đại thụ có đơm hoa kết trái xum xuê hay không, hoàn toàn phải nhìn xem gốc rễ của nó có thẳng hay không.

Gốc của nhân loại xã hội chính là đạo đức, văn nghệ kĩ thuật chính là đầu ngọn, văn nghệ kĩ thuật dù có phát triển mỹ lệ, phồn thịnh thế nào, vì cũng vẫn là đầu ngọn, vẫn phải phụ thuộc vào gốc rễ chất phác thuần hậu (đạo đức), tuyệt đối không thể lẫn lộn đầu đuôi, gốc rễ một khi bị cắt đứt, bóp méo, cảnh hoa lệ tất sẽ không lâu dài, kết cục tất nhiên sẽ đến suy vong. Nhân loại hôm nay, nếu muốn giải quyết các vấn đề của xã hội, dẫn dắt quốc gia đi đúng hướng, nhất định phải trở về giáo dục chính thống của cổ nhân, dĩ đức vi bản, dĩ sử vi chứng (tức là lấy đức làm gốc, lấy lịch sử làm chứng nghiệm).

Phần 34: "Nhân bất học bất tri nghĩa", Thái Tông và quân thần luận về nho học

Chúng ta đã đề cập ở trên, Đường Thái Tông khuyên bảo đại thần, theo đuổi văn chương trau chuốt hoa lệ không phải nhiệm vụ chính, mà phải đặt trọng tâm vào việc nó có thể khởi tác dụng dạy dỗ con người ta hay không. Quan điểm này, không phải là lãnh ngộ của cá nhân Thái Tông, mà là nhận thức căn bản nền tảng về mục đích của giáo dục trong Kinh Lễ cổ xưa. Đây chính là bản chất của Nho giáo. Trong cuốn *Trinh Quán Chính Yếu* có chương "Sùng Nho học", trong đó không chỉ trực tiếp bàn luận đến tác dụng và bản chất của Nho giáo, mà còn đề cập đến quang cảnh nhộn nhịp năm đó khi các nước hướng về Trường An học tập, điều ấy chứng thực cho sự xem trọng của Đường Thái Tông về giáo dục, đó là sự tôn sùng đối với Nho giáo nghìn vạn năm chưa từng có. Trước tiên chúng ta hãy xem đoạn cuối của chương "Sùng Nho học" để trực tiếp hiểu được nhận thức nền tảng của quân thần Thái Tông về mục đích của học tập.

Đoạn này, làm cho chúng ta minh bạch được chân tướng của Nho học là thế nào, nó đến từ đâu, vì sao luận thuật của quần thần Thái Tông lại giống một cách đáng kinh ngạc với cuốn sách giáo khoa cho trẻ em *Tam Tự Kinh* của đời sau đến như vậy.

Đoạn cuối của chương "Sùng Nho học"

Thái Tông từng nói với Trung thư lệnh Sầm Văn Bản: "Con người mặc dù bản tính vốn có là trời ban cho, bản tính đó là cố định bất biến, nhưng tất phải thông qua học rộng thì ngày mai mới có thể chân chính lãnh ngộ đạo lý trong ấy, mới có thể thành tài. Giống như bản tính ngậm nước của nghiêu sò, phải đợi đến khi trăng lên mới có thể phun nước

ra; bản tính của gỗ là dễ cháy, nhưng cần đá lửa đánh mới có thể cháy được. Bản tính của con người là chứa linh khí do trời đất ban cho, vốn là ở trong đạo, nhưng cần phải thông qua học tập, không ngừng thông qua rèn luyện và theo đuổi học tập mới triển hiện ra một cách hoàn mỹ hoàn thiện. Cho nên trong lịch sử ca tụng Tô Tần khắc khổ học tập lấy dùi đâm vào đùi, Đổng Trọng Thư buông kín rèm che khi dạy học. Không siêng năng cầu đạo trong kỹ thuật thực tế, thì sẽ không đạt được công danh thực sự". Sầm Văn Bản trả lời: "Bản tính của con người là thiên định, là thiện lương, đều giống nhau, nhưng con người là có tình, tình phân ra có thiện có ác, nếu không được dẫn dắt, sẽ dễ dàng bị sa đọa, từ đó mà biến đổi bản tính ấy, vì vậy chúng ta phải dùng hiểu biết qua việc học tập đạo nghĩa để tu dưỡng tính tình, làm cho bản tính hoàn thiện bất biến. Sách *Lễ ký* viết: "Ngọc bất trác bất thành khí, nhân bất học bất tri đạo" (tức là: Ngọc không mài thì sẽ không thành đồ dùng, người mà không học thì không biết đạo). Cho nên người xưa coi việc siêng năng học tập là mỹ đức.

Quân thần Thái Tông gợi mở cho tư tưởng hình thành nên Tam Tự Kinh

Đọc xong đoạn này, nếu đã từng đọc *Tam Tự Kinh*, hẳn bạn sẽ nhận ra, câu "Ngọc bất trác, bất thành khí; nhân bất học, bất tri nghĩa" trong *Tam Tự Kinh* nguyên lai nguồn gốc là từ sách *Lễ ký*, ý tứ chủ đạo của nó là bảo cho trẻ nhỏ biết mục đích căn bản của học tập chính là hiểu được đạo nghĩa làm người, nếu không học tập thì sẽ không hiểu được đạo nghĩa này. Như vậy sẽ không thể trở thành nhân tài có ích cho xã hội, đương nhiên sẽ không cách nào kiến lập công danh và thành tựu cho chính mình.

Mở đầu *Tam Tự Kinh* là: "Nhân chi sơ, tính bản thiện, tính tương cận, tập tương viễn, cẩu bất giáo, tính nãi thiên" (Tức

là: Con người khi mới sinh ra, thiên tính vốn thiện lương, lúc này bản tính giống nhau, nhưng do tập quán mà sẽ dần xa khác, nếu chẳng được giáo dục, bản tính thiện lương ban đầu sẽ thay đổi). Câu này, tương tự như câu trả lời của Sầm Văn Bản, đây chính là tôn chỉ của nền giáo dục cổ đại, cho rằng con người từ khi sinh ra chính là trời phú cho bản tính thiện lương, bản tính đó là trời phú cho, mọi người tương tự không khác nhau nhiều, nhưng cái bản tính tuy rằng lương thiện ấy lại tùy theo hoàn cảnh gia đình và môi trường xã hội của mỗi người, do tai nghe mắt thấy hàng ngày trong giao tiếp từ gia đình, làng xóm, bạn bè đồng nghiệp là khác nhau, nên dần dần bản tính ấy sẽ bị ảnh hưởng, có người đã biến đổi thành xấu rồi, giống như câu tục ngữ "gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" vậy. Cho nên, giáo dục trẻ em thời cổ đại đã dạy con người rằng, mục đính của học tập chính là để hiểu được đạo nghĩa làm người.

Tam Tự Kinh giảng về bản chất của Nho học

Mặc dù chúng ta không biết được Đường Thái Tông học như thế nào, học những kinh sách nào, nhưng *Tam Tự Kinh* được xác định là do nhà đại Nho thời Tống viết, tức là xuất hiện thời nhà Đường, như vậy Thái Tông đương nhiên không có cơ hội đọc *Tam Tự Kinh*, nhưng có thể thấy tư tưởng của quân thần Thái Tông cũng như nhận thức tư tưởng của quân thần Thái Tông về giáo dục và học tập đã được chứng thực trong quan điểm của *Tam Tự Kinh*, đã được công nhận bởi kinh điển thời cổ đại. Cốt lõi của kinh sách và giáo dục của học thuyết Nho gia là giáo dục con người hiểu được đạo nghĩa, đây chính là bản chất của Nho giáo, đây là mục đích của việc đọc sách. Loại giáo dục này, có khả năng không ngừng khơi dậy và bảo vệ bản tính thiện lương của con người, khiến cho con người trọng đức ngộ đạo, đó là giá trị bất biến của Trung Quốc trong các triều đại lịch sử quá khứ. Văn hóa là gốc rễ.

Nhận thức của quân thần Thái Tông vừa vặn lại là nghiệm chứng của *Tam Tự Kinh*. Qua đó chúng ta thấy rõ được thực chất căn bản của Nho học.

Cho nên, bất kể mọi người có hiểu những gì quân thần Thái Tông nói hay không, thì đều có thể thông qua cuốn sách *Tam Tự Kinh* thông tục dễ hiểu thời nhà Tống này để thu được lý giải chính xác rằng: Nguyên lai, nhận thức của Đường Thái Tông về học tập về giáo dục đã chỉ ra cho con người rằng cần phải thông qua tiếp thụ giáo dục, học tập nhiều các loại kinh điển và lịch sử, siêng năng đọc sách học tập, như thế mới có thể hiểu được cách thực hành đạo nghĩa như thế nào. Trong quá trình học tập và đọc sách thì sẽ ngộ ra bản tính, cần phải thông qua đạo để thành tựu đạo, đây là hàm nghĩa chân chính câu nói của Thái Tông: "Phù nhân tùy bẩm định tính, tất tu bác học dĩ thành kì đạo" (Con người tuy được trời ban cho phẩm tính và khí chất tốt, nhưng phải học rộng mới có thành tựu). Thông hiểu đạo nghĩa thì cuối cùng sẽ ngộ đạo. Người như vậy mới có thể đạt được kiến thức thực sự, mới có thể kiến công lập nghiệp cho đất nước, dương danh hậu thế.

Đương nhiên, cũng từ cuộc đối thoại của quân thần Thái Tông, chúng ta mới hiểu được *Tam Tự Kinh* cao minh như thế nào, và hiểu được vì sao cuốn sách lại trở thành kinh điển vỡ lòng giáo dục trẻ nhỏ. Bộ kinh điển thông tục nhỏ bé đó, cùng với quân thần Thái Tông, đã chứng thực học vấn của giáo dục của Nho gia, đây chính là học vấn làm người đến từ tổ tiên xa xưa và văn hóa tu Đạo của Trung Quốc, hoàn toàn không phải là phát minh của bản thân Nho giáo.

Ở Trung Quốc cổ đại, giáo dục truyền thống trong tầng diện con người này được biểu hiện và lưu truyền dưới diện mạo của Nho học, Nho học thực chất là kế thừa văn hóa viễn cổ, xuất phát từ học vấn trị quốc lấy đức làm gốc của các bậc thánh vương, vì vậy lẽ tất nhiên là cũng kế thừa và phát huy những kinh sách cổ xưa, Đường Thái Tông biết rõ điểm này,

vì vậy, ông rất coi trọng giáo dục, tôn sùng Nho học, thực hành "thận trung quy viễn, dân đức quy hậu" để cho thiên hạ bách tính thụ nhận giáo dục đạo đức, được tri thư đạt lý. Đây cũng là đạo trị quốc vô vi nhi trị mà quân thần Thái Tông chứng thực.

Vậy, Thái Tông coi trọng giáo dục Nho giáo đến mức độ nào? Những năm Trinh Quán thịnh thế, các quốc gia trên thế giới đến Trường An xin học là tình huống thế nào? Mời các bạn xem tiếp phần sau để hiểu rõ.

Phần 35: Quán Hoằng Văn trực tiếp chỉ đạo chính trị quốc gia

Nền văn minh rực rỡ của Trinh Quán chi trị có được là nhờ vào việc xem trọng đối với giáo dục Nho học, xem trọng đến mức tiền vô cổ nhân, hậu vô lai giả. Đó là kết quả của việc Thái Tông hiểu rõ thâm sâu các sách kinh – sử của Nho học, đó quả là "Kinh quốc chi đại nghiệp, bất hủ chi thịnh sự" (sự nghiệp vĩ đại của quốc gia, việc làm thịnh sự ngàn đời). Chính vì thế địa vị của Nho học và Khổng Tử đã đạt tới đỉnh cao trong thời kỳ trị vì của hoàng đế Đường Thái Tông. Vì vậy việc chính giải và vận dụng Nho học cũng đạt đến đỉnh cao. Các nho sĩ lúc bấy giờ vì thế mà đều là những người kiến thức thông đạt, cực kì trí huệ, ngay thẳng chính khí mà cởi mở, họ đã cùng với Thái Tông khai sáng ra một cảnh tượng thịnh thế kì quan. Trước tiên chúng ta hãy xem một đoạn văn trong chương "Sùng Nho học" của sách "Trinh Quán Chính Yếu", đây là đoạn ghi chép lịch sử về việc Đường Thái Tông chấn hưng Nho giáo.

Nho sinh ở quán Hoằng Văn ngày ngày cùng vua lấy kinh điển để luận chính sự

Đường Thái Tông lên ngôi không lâu bèn cho lập quán Hoằng Văn ở bên trái chính điện, tinh tuyển người thông hiểu Nho học khắp nước để họ kiêm nhiệm học sĩ quán Hoằng Văn cùng với chức vụ hiện tại, ban cho họ bổng lộc của quan ngũ phẩm, để họ luân phiên trực trong hoàng cung, khi Hoàng đế rảnh việc triều chính sẽ gọi vào nội điện, thảo luận điển tịch kim cổ, thương nghị chính sự, bàn việc lớn, đôi khi thảo luận đến nửa đêm mới thôi. Thái Tông lại xuống chiếu tuyển chọn con cháu của công khanh quý tộc,

hiền thần lương tướng từ tam phẩm trở lên làm học sinh của quán Hoằng Văn.

Giải thích: Hoàng đế đích thân thực hành, đại chấn hưng Nho học

Đoạn văn trên nói đến việc Thái Tông vừa mới lên ngôi, bản thân ông nỗ lực thực hành, xem trọng giáo dục Nho học. Ông không chỉ thành lập quán Hoằng Văn, là trường học cao nhất của giới quý tộc, mà còn đặt trường học ở vị trí quan trọng và trung tâm nhất trong cung, để "Hoàng đế mỗi ngày thượng triều có thể ở bên trái chính điện cùng các quan đại thần nghe luận chính sự, xử lý các việc đại sự quốc gia". Mục đích chính là nâng cao vị trí của giáo dục Nho học, khiến Nho học được coi trọng, được tôn kính ở mức trước nay chưa từng có.

Không chỉ như vậy, nếu Thái Tông chỉ đơn giản là đặt quán Hoằng Văn ở vị trí trung tâm cũng chỉ là cấp cho Nho học một địa vị hư danh, như vậy sẽ không thực sự hiểu rõ trí huệ và thực chất của Nho học, vậy sẽ không thể học tốt, cũng là không thực sự xem trọng, và càng không thể kiên trì mỗi lúc rảnh việc triều chính thì nghị luận việc chính sự, mời những giáo quan Nho sinh thảo luận về kinh điển văn học và lịch sử, vận dụng Nho học vào thực tế trị quốc.

Có thể thấy Thái Tông thực sự hiểu bản chất của Nho học là kiến thức trị quốc do tổ tiên truyền lại, phi thường quan trọng, không lạc vào hình thức, không để việc coi trọng Nho học như là việc làm để lấy hư danh xem trọng văn hóa giáo dục. Ông thực sự phát tự nội tâm xem trọng giáo dục Nho học, như vậy, việc bản thân ông có thể ngày ngày cùng các học giả thảo luận như vậy, giúp tinh tấn học vấn trị quốc, không ngừng thu được trí huệ từ những bậc đại Nho và Nho sinh có kiến thức này, linh hoạt nắm vững học vấn, trực tiếp

có thể áp dụng những kiến thức này vào trong chính sự hàng ngày, để giải quyết vấn đề khó khăn trong việc trị quốc.

Thái Tông càng học càng sử dụng nhiều, thì ông càng hiểu Nho học là kinh quốc đại nghiệp (sự nghiệp vĩ đại của đất nước), vì vậy ông tự nhiên ý thức được rằng càng là bậc hoàng thân quý tộc, con cháu của các quan lớn thì càng cần phải lĩnh ngộ lời giáo huấn của Nho học, bởi vì phần lớn những người đó sẽ nối nghiệp cha anh của mình trở thành người quản lý quốc gia trong tương lai, nếu không có học vấn, không có trí huệ kiến thức và yếu lĩnh làm người thì họ không có cách gánh vác trách nhiệm nặng nề đó, dần dần, sẽ khiến quốc gia bị loạn.

Từ đoạn văn này, chúng ta sẽ hiểu rõ, các quan viên của triều Đường, phần nhiều là qua giáo dục Nho học, đây cũng chính là nguyên nhân vì sao Thái Tông cùng Ngụy Trưng và các quan đại thần hễ thương nghị chuyện triều chính quốc gia, dù là liên quan đến phương diện nào, cũng đều trích dẫn kinh điển để thảo luận rồi đưa ra quyết định. Câu nói trích dẫn kinh điển, không phải là có ý châm biếm, bởi vì người đời sau có một bộ phận dần dần học những giáo điều, không thể lĩnh ngộ được bản chất của kinh điển, vì vậy câu nói ấy mới trở thành lời thành ngữ, đặc biệt là hôm nay, lại biến thành lời châm biếm mỉa mai. Nguyên gốc câu nói ấy không phải nghĩa như vậy.

"Phần Điển" là khởi nguồn của Nho học

"Phần Điển" (坟典) chính là "Tam Phần" và "Ngũ Điển". Chữ "Phần" (坟) này không phải là nghĩa phần mộ, thời cổ đại từ dùng để chỉ phần mộ là chữ phần phồn thể (墳) này, nguyên văn hai từ này có hai ý nghĩa khác nhau. Trọng điểm của chúng ta không phải là bàn luận và giải thích ý nghĩa của Hán tự các triều đại, không phải là nghiên cứu học thuật, mà tôi muốn nói đến rằng người xưa khi tạo chữ là có nội hàm,

chữ này từ đầu đã là như vậy, không phải do giản hóa mà ra. Đối với Nho sinh thời cổ đại thì những cuốn sách được tôn kính nhất và lâu đời nhất chính là "Tam Phần" và "Ngũ Điển", đây chính là cuốn sách sử ghi chép lại những chuyện xưa thời Tam Hoàng Ngũ Đế, và chính là khởi nguồn của Nho học. Vì vậy "Phần" (坟) là có quan hệ đến văn hóa và văn minh nhân loại, thế nào mà nó lại lẫn lộn với phần mộ được?

Phần (坟), phía bên trái là bộ thổ (土), bên phải là bộ văn (文), vậy đương nhiên đại diện cho nền văn hóa được truyền lại cho nhân loại. Là văn hóa nào? Đó chính là văn hóa tu đạo, làm người và trị quốc. Điều cốt lõi nhất là những giá trị quan mà nhân loại nên có. Thổ (土) đại diện cho thổ địa, đại diện cho cảnh giới nơi nhân loại sinh tồn, đồng thời, thời cổ đại là không có văn tự, chỉ dựa vào truyền thuyết kể lại về khởi nguyên của con người là do Nữ Oa dùng thổ "đất" tạo ra con người, còn Trung Quốc gọi là Thần Châu, cũng gọi là Trung Nguyên, hàm ý là trung tâm và nguồn gốc của văn minh nhân loại, đại biểu cho nhận thức của các học giả cổ đại đối với văn hóa nhân loại bắt nguồn từ Thần truyền và lấy Trung Nguyên là cốt lõi để truyền cấp cho nhân loại xung quanh. Cho nên văn minh (文) thổ địa (土) chính là văn minh của con người, cấu thành nên chữ Phần (坟), đây mới là hàm nghĩa thực sự và nguồn gốc nên có của chữ "phần". Từ lúc tạo chữ đã định ra như thế. Vì thế "Tam Phần" và "Ngũ Điển" chính là kinh điển của văn minh nhân loại, không hiểu hàm nghĩa chân chính của những cuốn sách này, sẽ không hiểu được bản chất và lai lịch của Nho học, sẽ biến thành giáo điều. Cho nên, những nhà đại Nho thời cổ đại đầu tiên là phải đọc những cuốn sách này. Cho dù rất nhiều nội dung đã thất truyền, nó vẫn được Khổng Tử chỉnh lý và xuất bản rất nhiều.

Ví dụ như cuốn "Thượng thư" (尚书, còn được gọi là Kinh Thư) do Khổng Tử chỉnh lý, đã lưu lại rất nhiều nội dung của "Phần Điển". Vì vậy cuốn sách này được gọi là sách

sử thời thượng cổ, trở thành kinh điển Nho học. Thượng (尚) chính là thượng (上), hai chữ này đồng âm đồng nghĩa, đó là cuốn sách lịch sử ghi chép về các hoàng đế cổ đại, là đạo lý đáng được ngưỡng mộ và tuân theo nhất, vì vậy nó đã trở thành điển phạm về trị quốc và làm người. Ví dụ như "Nghiêu điển" và "Thuấn điển" mà mọi người đều quen thuộc ("Nghiêu điển" và "Thuấn điển" là hai chương trong sách "Thượng thư"), chính là phần ghi chép lại sự tích của Thuấn đế và Nghiêu đế.

Về "Tam Phần", trong lời nói đầu của sách "Thượng thư" của Khổng An Quốc vào thời nhà Hán có viết lại như sau: "Tam Phần là sách chép những công việc đời Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế, lời lẽ trong đó là đại đạo. Ngũ Điển là sách chép những công việc đời Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân (Đế Khốc), Đường Nghiêu và Ngu Thuấn, lời lẽ trong đó là thường đạo. Bát Tác là sách ghi chép về học thuyết bát quái, phải tìm tòi ý nghĩa của nó. Cửu Khâu là sách ghi chép về Cửu Châu, khâu có nghĩa là tụ họp, ghi chép về Cửu Châu, những sinh vật ở từng nơi, phong tục trong sách đó".

Kiến giải này xuất phát từ Khổng Tử, đây là nhận thức bản chất đối với Tam Phần Ngũ Điển và các thư tịch cổ xưa. Khổng Tử đã chính lý những cuốn cổ thư này, từ đó khai sáng ra dĩ đức vi chính và nền giáo dục dùng nhân nghĩa để xử thế, tất nhiên những kiến giải đó là đến từ việc ông nghiên cứu những sử liệu cổ xưa trong quá trình ông chỉnh lý sách "Thượng thư". Từ đó lưu truyền lại cho con cháu các đời sau.

Cũng chính là nói, Tam Phần, giảng ra đạo lý của cảnh giới cao vượt trên sự hiểu biết của người thường, cho nên, rất ít người có thể hiểu nắm bắt được, chỉ người tu luyện chân chính mới có thể hiểu được, chẳng phải Hoàng đế tu đạo mà bạch nhật phi thiên, đắc đạo thành Thần đó sao? Cho nên, học vấn này chính là kiến thức của tu đạo, ở trong không gian giữa Thần và người, những thứ đó thuộc về đại

đạo cao nhất gần với Thần nhất. Cũng bởi nguyên nhân này, mà không thể lưu lại những thứ thực chất. Rất nhiều điều đã bị thất truyền. Còn Ngũ Điển thì được lưu lại nhiều hơn, vì điều giảng trong đó là những điều mà con người rất dễ dàng nắm bắt và lý giải, thuộc về thường đạo, đó là văn hóa và giá trị quan chủ yếu để con người noi theo. Ví dụ như đạo hiếu trị quốc, giáo hóa đạo đức nhân luân, nó xuất phát từ thực tiễn của Thuấn Đế.

Tự cổ trên làm dưới theo, Thái Tông nỗ lực thượng tôn Nho học, nắm vững chữ đức để ứng dụng Nho học, đầu tiên là quy chính bản thân, tiếp đó là quy chính tầng lớp quan lại và quý tộc, như vậy tự nhiên bách tính sẽ noi theo, quốc gia sẽ mười phần chính khí. Nhờ đó đã mang đến cho nền giáo dục của Nho học một thời kỳ thịnh vượng trước đó chưa từng có. Ở phần sau chúng ta sẽ đến đoạn tiếp theo: Khổng Tử được Thái Tông tôn làm Thánh nhân, có địa vị cao nhất trong lịch sử.

Phần 36: Thái Tông Tôn sư trọng đạo, đại chấn hưng Nho học, mở ra thời kỳ đỉnh cao của Nho học trong lịch sử

Những năm đầu Hoàng đế Thái Tông mới lên ngôi, đầu tiên là ông nâng tầm nền giáo dục Nho học lên một tầng cao mà từ cổ chí kim chưa từng có, bước thứ nhất là ông xác lập vị trí chí cao vô thượng của quán Hoằng Văn, cho phép nho sĩ Nho học trực tiếp chiếu theo kinh sách để điều hành quốc sự, thực hành chính trị nhân đức của tổ tiên, đây mới chính là thực hiện một cách kỳ diệu xã hội lý tưởng vô vi nhi trị. Cũng chính là nói, Thái Tông tôn kính kinh sách của tổ tiên, dùng đó làm tôn chỉ để làm người và trị quốc, chứ không phải là một tổ lý luận học thuật cao cao tại thượng để làm ra cái gọi là nghiên cứu theo hình thức phê bình, đây chính là nguyên nhân cốt yếu nhất cho những thành tựu thiên thu vạn đại mà ông đạt được. Tôn kính Tiên Thánh, thực hành nền chính trị nhân đức chính là đặc điểm của "Trinh Quán Chính Yếu" của Thái Tông.

Thái Tông coi trọng giáo dục Nho học, coi đó là kinh quốc đại nghiệp (sự nghiệp vĩ đại của quốc gia), thì việc tất yếu là phải tôn sùng Khổng Tử. Bởi vậy, bước thứ hai, chính là đặt miếu đường của Khổng Tử ở phủ Quốc Học, tôn định vị trí tôn sư của ông, thậm chí tôn định vị trí cho những đệ tử đời sau có cống hiến to lớn trong việc truyền thừa kinh sách của Khổng Tử, để cho họ và con cháu đời sau của họ nhận được vinh diệu và tôn kính tối cao. Kể từ đó phong tục tôn sư trọng đạo và vị trí quốc học của Nho học đã được đặt nền móng vững chắc trong trái tim của người Trung Quốc. Đặc trưng giảng đạo đức, trọng nhân nghĩa của dân tộc Trung Hoa cũng mang đến vinh diệu cho thời thịnh Đường, cũng

khiến cho dân tộc và văn hóa Trung Hoa vì thế trở nên cao quý và được thế giới kính ngưỡng.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai của chương "Sùng Nho học". Lịch sử đã lưu lại cho chúng ta một ghi chép quý giá về việc tôn Khổng Tử làm Thánh nhân và đại chấn hưng giáo dục Nho học vào năm thứ hai khi hoàng đế Thái Tông lên ngôi.

Ngôi trường cao nhất, bắt đầu cho lập miếu Khổng Tử, tôn Khổng Tử làm Thánh

Đại ý: Trinh Quán năm thứ hai, Đường Thái Tông hạ lệnh thôi tôn Chu Công làm Tiên Thánh, bắt đầu cho xây dựng miếu thời Khổng Tử tại Quốc Tử giám (là học phủ cao nhất, cũng là cơ quan chủ quản phụ trách các sự việc giáo dục, có quyền lực giám quản và giám sát quốc chính, giám sát hành vi đạo đức của học sinh trong nước) và Thái học (là học cung cao nhất ở kinh thành, trực thuộc Quốc Tử Giám, có thể hiểu như trường đại học cao nhất ở thủ đô), bắt chước chế độ ngày trước, tôn Khổng Tử làm Tiên Thánh và tôn Nhan Tử làm Tiên Sư truyền thừa giáo dục Nho học của Khổng Tử. Đồng thời cũng cho bài trí đầy đủ những đồ dùng tế lễ và vũ nhạc như mâm và khiên, giáo ở hai bên miếu đường. Cũng trong năm đó, Đường Thái Tông thu nhận rộng rãi nho sĩ trong thiên hạ, ban thưởng cho họ gấm vóc, cung cấp ngựa xe, ăn ở, lệnh cho họ đến kinh thành. Những nho sinh này đại bộ phận đều được đặc cách đề bạt làm quan lại lớn nhỏ khác nhau, cũng có rất nhiều người được nhận chức quan trong triều đình. Học sinh trường Thái học nếu như thông hiểu một bộ kinh lớn trở lên thì có thể kiêm nhiệm chức quan. Sau đó cho dựng thêm hơn bốn trăm gian phòng trong Quốc Tử Giám, vì vậy số học sinh của Quốc Tử, Thái học, Tứ Môn (đây là những trường học quốc lập; Tứ Môn bắt đầu từ triều đại Bắc Ngụy, ban đầu Tứ Môn được đặt ở kinh thành,

đến thời nhà Đường thì trở thành trường đại học, thuộc về Quốc Tử Giám, ở đây chuyên truyền thụ kinh điển Nho giáo, về tính chất thì giống với Quốc Tử và Thái Học, nhưng là trường dành cho học sinh có xuất thân gia đình tương đối thấp) và quán Hoằng Văn cũng tăng thêm. Ngoài ra, Nho học, toán học cũng cho đặt các tiến sĩ và học sinh, khiến cho các loại kĩ nghệ của các trường quốc học cũng được thiết lập đầy đủ. Đường Thái Tông còn mấy lần đích thân đến Quốc Tử Giám, lệnh cho quan tế tửu, quan ti nghiệp, tiến sĩ giảng thuyết kinh thuật, giảng xong ban thưởng mỗi người một súc lụa. Sự hưng thịnh của Nho học, khiến cho các nho sinh các địa phương trên toàn quốc nối nhau mang kinh thư hướng về kinh thành, con số lên đến hàng nghìn người. Không lâu sau đó, thủ lĩnh các tộc Thổ Phiên và Cao Xương, Cao Ly, Tân La cũng phái con cháu đến Trường An xin học. Do vậy, trong Quốc Tử Giám số người theo học tính ra có trên vạn người, Nho học đại hưng đạt đến cổ kim chưa từng có.

Giải đọc: Sự tôn sư trọng đạo của Thái Tông đạt đến mức thiên cổ chưa có ai sánh bằng

Từ đoạn văn này, có thể thấy được, triều đại tôn kính Khổng Tử nhất và coi trọng giáo dục Nho học nhất trong lịch sử Trung Quốc chính là triều đại nhà Đường thịnh vượng nhất trong lịch sử. Chính Đường Thái Tông đã tôn phong Khổng Tử làm Thánh nhân và lập miếu Khổng Tử trong các trường học tối cao và nghiêm túc nhất của quốc gia, nhờ vậy giáo dục Nho học mới được đại chấn hưng. Năm thứ hai Trinh Quán, khi Thái Tông vừa lên ngôi không lâu, triều Đường lúc đó chưa giàu có, chính vì trọng thị nền giáo dục Nho học lấy đức làm cốt lõi nên khiến cho triều Đường bồi dưỡng được vô tận nhân tài hiền triết, khiến cho vua tôi đồng lòng đồng đức, trở thành tấm gương cho bách tính,

nhờ đó mới khiến cho triều Đường được hưng vượng, văn hóa nghệ thuật cũng vì thế đạt được cường thịnh.

Trước thời nhà Đường thì Chu Công được tôn làm Thánh nhân, vị trí cao hơn Khổng Tử, nguyên nhân là vì Khổng Tử sùng kính Chu Công. Tuy nhiên theo cách nhìn của Thái Tông, Chu Công chỉ là vị hiền thần trị quốc thời đại nhà Chu, là người hoàn thiện lễ pháp của nhà Chu, cống hiến của ông cũng rất lớn, nhưng chỉ giới hạn trong một vương triều; như vậy không thể so được với cống hiến của Khổng Tử về việc chỉnh lý kinh điển của Tam Hoàng Ngũ Đế trở thành kinh sách giảng dạy, dùng phương thức giáo dục phổ cập truyền bá đạo lý làm người và văn hóa để kinh quốc tế thế mà các đời thánh vương lưu lại trong lịch sử, và sau đó truyền cấp lại cho đời sau, so với công đức ấy của Khổng Tử không cách nào so sánh được. Vì thế, Thái Tông nhìn nhận rằng công đức của Khổng Tử trong việc truyền thừa văn hóa của tổ tiên và dạy dỗ giáo dục con người là vô cùng to lớn, không chỉ trong thời nhà Chu lúc bấy giờ, mà là được truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác, Khổng Tử đã xác lập và bồi dưỡng nên sự tu dưỡng đạo đức cơ bản của toàn bộ dân tộc, là một trong những Thánh nhân đã quy chính linh hồn của nhân loại, vì thế Khổng Tử rất xứng đáng và nên được tôn phụng làm Tiên Thánh. Hiểu biết và xét đoán này của Thái Tông thật khiến mọi người kính phục. Thái Tông thật xứng là vị Hoàng đế sáng suốt thiên cổ khó gặp.

Căn cứ theo ghi chép từ một chương trong "Sùng Nho học", năm Trinh Quán thứ 14, Thái Tông hạ lệnh tìm kiếm những những nhà nho lừng danh thời trước, để ban thưởng cho những cống hiến của họ trong việc thu nhận môn đồ và hoằng dương giáo dục, một trong các biện pháp ban thưởng là tìm đến con cháu đời sau của những nhà nho này để trao tặng tuyên dương và khen thưởng, khích lệ các học giả đời sau noi theo tấm gương của tổ tiên. Năm Trinh Quán thứ 21, Thái Tông lại lần nữa hạ lệnh, cho Tả Khâu Minh, Bộc Tử Hạ,

Công Dương Cao, Cốc Lương Xích, Phục Thắng, Cao Đường Sinh, Đái Thánh, Mao Trưởng, Khổng An Quốc, Lưu Hướng, Trịnh Chúng, Đỗ Tử Xuân, Mã Dung, Lỗ Thực, Trịnh Huyền, Phục Kiền, Hà Lâm, Vương Túc, Vương Bật, Đỗ Dự, Phạm Ninh, đây là 21 người xứng đáng được vinh dự hưởng phụ tế trong miếu Khổng Tử. Nguyên nhân là vì những sáng tác và chú giải kinh sách của họ được dùng để giáo dục học sinh trong các trường quốc học, cống hiến cho giáo dục các thế hệ tương lai, họ nên được biểu dương và tôn trọng. Thái Tông tôn sư trọng đạo, tôn kính bằng tấm lòng kiền thành nhất đối với các vị tiên sư tiên hiền, tấm lòng đó từ thiên cổ đến nay chưa từng có, người khác khó có thể phỏng theo.

Từ xưa, các bậc Hoàng đế hoặc những bậc trị quốc cấp cao, họ chính là người chủ đạo, là người lãnh đạo dẫn dắt, nắm giữ vận mệnh của dân tộc và quyết định sự hưng thịnh hay suy bại của quốc gia, phương hướng mà họ định ra có đúng đắn hay không là rất then chốt, những thành tựu của Thái Tông sớm đã chứng minh sự đúng đắn của việc tôn sư trọng đạo, ông làm cho danh tiếng của dân tộc Trung Hoa đạt đến đỉnh cao trước nay chưa từng có; như vậy, những người đi ngược lại với đạo của Thái Tông, không kiêng nể gì mà phê bình Khổng Tử, phê phán tổ tiên, phê phán giáo dục truyền thống và văn hóa làm người của dân tộc, những người đó nhất định là tà ác hủy diệt dân tộc Trung Hoa, cũng nhất định là muốn dân tộc Trung Hoa đánh mất đạo đức, vứt bỏ tôn nghiêm. Còn có điều gì đáng sợ hơn tai họa này không? Nếu đồng hành với tà ác làm những điều như vậy, đó mới là sỉ nhục và phản bội dân tộc và quốc gia.

Phần 37: Sư giả truyền đạo vi bản, văn chương diệc nhiên*

Tổng quát bàn luận về đạo văn chương trong "Trinh Quán Chính Yếu"

(*): Sư giả truyền đạo vi bản, văn chương diệc nhiên, tạm dịch là người thầy phải lấy việc truyền đạo làm gốc, văn chương cũng phải lấy mục đích truyền đạo làm gốc

Người thầy là phải lấy việc truyền đạo làm gốc

Nói đến việc Hoàng đế Thái Tông tôn kính Khổng Tử, đại chấn hưng giáo dục Nho học, đó là điều từ cổ đến nay chưa từng có. Nhưng vì sao ông có thể làm được như vậy? Bởi vì ông minh bạch sâu sắc rằng, người làm thầy phải lấy truyền đạo làm gốc, phải coi việc truyền thừa và hồng dương đạo đức là trách nhiệm của mình; dùng lời nói của Hán Dũ, chính là "người làm thầy có trách nhiệm truyền đạo, thụ nghiệp, giải nghi hoặc", cho nên Thái Tông tôn sư tức là trọng đạo, có thể giáo hóa vạn dân, khi vạn dân đều biết xấu hổ và có đức hạnh rồi thì không cần dựa vào hình pháp để cưỡng bức khống chế, đó chính là trạng thái vô vi mà trị. Vậy Đạo mà Khổng Tử truyền là Đạo thế nào? Đó chính là tầng đạo đức làm người, cốt yếu là hai chữ nhân và nghĩa.

Trinh Quán Chính Yếu chính là truyền đạo

Độc giả nếu để ý sẽ phát hiện, Trinh Quán Chính Yếu bắt đầu bằng chương "Luận quân đạo" và kết thúc bằng chương "Luận thận chung", ta dễ dàng thấy rằng bộ sách lịch sử này không những khuyên bảo các hoàng đế hoặc các nhà trị quốc tương lai cần phải thực hành nền chính trị nhân đức, coi đó là đạo làm vua, mà còn bảo cho họ rằng phải có

thủy có chung, kiên trì thực hiện đến cuối cùng. Đây mới là ý nghĩa nguyên bản của câu nói "thận chung truy viễn, dân đức quy hậu" của Tăng Tử. Câu nói trên vốn không hề liên quan gì đến tang sự.

Các nho sinh có học vấn thời cổ đại, đều minh bạch tâm nguyện ban đầu của Khổng Tử khi ông làm giáo dục, đó chính là truyền đạo cho con người tương lai (nhưng ông đứng trên góc độ nhân và nghĩa, vì Nhân giả (仁者), nhân dã (人也) (tức là: người nhân nghĩa là người yêu thương con người), nhân nghĩa chính là đạo nghĩa mà sinh mệnh của tầng thứ con người này nên tuân theo, chớ nhầm lẫn yêu cầu đối với con người và yêu cầu đối với người tu đạo thành Tiên thời cổ đại). Bởi vậy mà các nhà nho đích thực (người thời nay gọi họ là văn nhân), đều sẽ coi đây là sứ mệnh lớn nhất của họ.

Đây cũng chính là lý do để cuốn sách lịch sử này mở đầu bằng chương "Luận quân đạo" và kết thúc bằng chương "Luận thận chung". Tác giả khi biên soạn sách hiển nhiên rất tôn trọng trách nhiệm truyền đạo của nhà nho, chỉ có điều, tác giả chọn đế vương làm đối tượng truyền đạo, mục đích là dẫn đạo các hoàng đế đời sau cách làm thế nào coi trọng đức hạnh, khiến những bậc quân vương này noi theo hình mẫu của Đường Thái Tông mà lãnh ngộ được tại sao và làm thế nào để thi hành đạo lý lấy đức trị quốc. Mục đích của toàn bộ cuốn sách chính là truyền dạy cho các hoàng đế đời sau nên làm thế nào để trị quốc và thực hành đạo lý nhân nghĩa. Nói thông tục chính là, truyền dạy đế vương làm thế nào để làm người, làm thế nào để trọng đức.

Hoàng đế có phương thức và học vấn của hoàng đế để thực hành cụ thể nhân nghĩa, điều ông phải làm được là thực hành nền chính trị nhân đức, đây chính là đạo của bậc làm vua. Tác giả của Trinh Quán Chính Yếu, với vai trò nhà nho, người viết sử, thì đã đạt được mục đích căn bản này, ông đã truyền thụ cho các đế vương đạo của đế vương lấy đức, lấy

nhân nghĩa cốt lõi, đây là phương thức mà tác giả với vai trò nhà nho đã thực hành sứ mệnh truyền đạo của mình, đã truyền dạy cho đế vương đạo làm người một cách chính xác. Vì thế mà mỗi chương, mỗi tập đều nhấn mạnh trọng đức, mỗi sự việc đều cần lấy đức làm cốt lõi. Sau cùng, dùng chương "Luận thận chung" để kết thúc, nhằm khuyên bảo các đế vương phải từ đầu đến cuối, đều cần giữ vững đạo lý lấy đức để trị quốc.

Trong Nho học, từ đế vương đến trẻ nhỏ đều tiếp thụ đạo làm người

Nói đến đây, chúng ta càng minh bạch rằng, bản chất của giáo dục Nho học chính là giảng về đạo lý làm người cần coi trọng đức thế nào, nếu như nhắm vào trẻ nhỏ dạy bảo thì cần phải bắt đầu từ đạo hiếu đạo đễ, là bắt đầu từ việc làm sao thiện đãi thân tộc như cha mẹ huynh đệ, đây là đạo làm người cơ bản, là bắt đầu từ việc học cách thiện đãi người, bởi vì đây là lúc bắt đầu cho trẻ nhỏ tiếp xúc với người khác. Vậy đế vương tất nhiên cũng phải thiện đãi bách tính, yêu dân như con; là người kinh doanh, chính là nói về thành tín, chớ có thấy lợi mà quên nghĩa. Vì vậy Nho học sẽ hướng đến các lứa tuổi, nghề nghiệp, thân phận, hoặc giai tầng khác nhau, để dạy cho họ đạo lý làm người cần coi trọng đức như thế nào, vì vậy đối với những người khác nhau cần giảng nhân nghĩa khác nhau, nội dung cụ thể cũng khác nhau, cũng hình thành học vấn và đạo lý khác nhau; nếu như góc độ chức vụ, ví như người hành nghề thầy thuốc cần hình thành y đạo, yêu cầu người hành nghề y cần phải lấy việc cứu sinh mệnh con người làm sứ mệnh, cần phải có trái tim của bậc phụ mẫu yêu thương bệnh nhân của mình; làm người kinh doanh cần hình thành đạo kinh doanh trọng tín nghĩa, v.v. Chỉ một từ nhân nghĩa này có thể phát triển học vấn rất lớn.

Vì vậy để phán đoán một người là có học vấn hay không, có tiếp thụ được ý nghĩa thực sự của giáo dục hay không, không phải ở chỗ họ có đi học hay không, mà ở chỗ, họ có hiểu được đạo lý làm người hay không. Có thể thực sự làm được hành vi như vậy hay không. Nếu như một người có thể làm được hành vi như vậy, nhưng chưa bao giờ đi học, thì cũng tính là người có học vấn, đây là chương đầu tiên của "Luận Ngữ – Học Nhi", cuốn sách kinh điển Nho gia của Khổng Tử, đã giảng rất rõ đạo lý này. Người như thế nếu lập chí kinh doanh, thì sẽ được người khác giúp đỡ, có thể sẽ có thành tựu rất lớn trong sự nghiệp, tỉ như người được mệnh danh là Tượng đài kinh doanh Nhật Bản Konosuke Matsushita, người sáng lập Panasonic Electric, là một ví dụ điển hình. Người ta thường nghiên cứu lịch sử kinh doanh thành công của ông, thường nhấn mạnh ông ấy chỉ học qua tiểu học, chỉ học có lớp bốn tiểu học, vậy nên cảm thấy thành công của ông là một kỳ tích, kỳ thực thành công của ông là kết quả của việc làm người phải thành tín, trọng đạo nghĩa, không vì thấy lợi mà quên nghĩa. Vô luận là họ có bao nhiêu kĩ nghệ và biện pháp kinh doanh cao minh thế nào, nhưng chỉ có đối đãi người hậu hĩnh mới có thể lãnh đạo được một doanh nghiệp to lớn như vậy, mới có thể khiến doanh nghiệp đó đạt đến tầm cỡ thế giới. Trên thực tế, đó chính đạo của đế vương lấy đức trị quốc mà Nho học giảng.

Văn chương phải lấy mục đích truyền đạo làm gốc, để định hướng cho sự nghiệp vĩ đại của quốc gia

Nếu nhà văn đã hiểu được Nho học là lấy truyền đạo làm căn bản, như thế khi viết văn, trừ trường hợp biên soạn lịch sử, ngoài ra dù là thơ, từ, ca, phú, hay là hí khúc tiểu thuyết, đương nhiên đều giống như vậy cần lấy mục đích truyền đạo làm gốc. Chúng ta thường nói "thuận lý thành chương",

mọi người có biết nghĩa gốc của câu nói đó không? Thuận lý thành chương chính là cần thuận với đạo lý làm người được truyền từ thời cổ xưa để viết văn, như vậy mới trở thành những bài văn có ý nghĩa, mới có thể khởi được tác dụng quy chính lòng người, mới có tác dụng giáo hóa bách tính. Bởi vậy "Tam Quốc Diễn Nghĩa", bất kể là viết sinh động như thế nào, có bao nhiêu hoàng đế, tướng lĩnh mưu lược dùng binh ra sao, nhưng mục đích vẫn là giảng một chữ "Nghĩa". Ở giai đoạn lịch sử đó, tác giả thông qua phương thức tiểu thuyết, miêu tả ra ý nghĩa của "Nghĩa" trong lịch sử, đó chính là hướng vào cuộc sống sinh hoạt của con người mà diễn xuất ra nội hàm của chữ Nghĩa. Vì thế, bộ tiểu thuyết này, mới mở đầu bằng cuộc kết nghĩa vườn đào của Lưu Quan Trương, khiến bách tính mới nhớ mãi không quên cũng như vạn phần kính ngưỡng đối với những nghĩa cử của Gia Cát Lượng và Quan Vũ, lịch sử chính là dạy con người đạo lý làm người, mà ngòi bút của người viết văn, bất kể là sử dụng góc độ hay thể văn nào cũng đều phải đảm nhận được vai trò làm sáng tỏ sự thật lịch sử ở các khía cạnh khác nhau cũng như phải nói rõ được tác dụng của đạo lý. Còn những người chuyên môn lấy miêu tả gió hoa đêm tuyết, tình nam nữ làm căn bản, sẽ không được có được sự tôn kính của mọi người. Miêu tả tình yêu nam nữ mà tách rời với đạo đức là hành vi bại hoại đạo đức, không những không có công mà ngược lại còn có tội. Nếu một nhà văn như vậy, dù có viết hay, lấy tài bút đó để miêu tả hành vi bẩn thỉu, thì đó là tội ác bại hoại nhân luân và hủy hoại đạo đức lớn nhất. Những nhà văn như thế không thể gọi là nhà văn thực sự.

Giảng đến đây, tôi lại nghĩ đến lời nói của Tào Phi trong Tam Quốc Chí: "Văn chương là đại nghiệp kinh quốc, thịnh sự bất hủ". Câu nói này, kỳ thực, chỉ đúng với văn chương có ngụ ý truyền đạo, chỉ có văn chương ấy mới có thể dạy cho con người đi đường chính, thành tựu công đức phong thượng quy chính đạo đức, những bài văn như thế này mới

có thể ích nước lợi dân, trở thành thịnh sự bất hủ. Đó cũng là nhận thức cơ bản của nhà nho về ý nghĩa của việc viết văn. Vì thế, kinh sách của Nho gia truyền lại, chính là kinh sách thường dùng để đối chiếu và sửa chữa lời nói và việc làm của bản thân, giảng ra những đạo lý bất biến cho việc làm người, lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, được con người kính ngưỡng; còn đối với những sách khác, cho dù bút pháp có hoa mỹ đến mấy, đều không có gì có thể so sánh với kinh sách này.

Nho học lấy việc tuyên truyền đạo đức ở tầng diện con người này làm sứ mệnh của mình, cho nên, cái gốc của giáo dục chính là dạy con người cách làm người, vậy mục đích căn bản nhất của việc viết văn đương nhiên chính là truyền đạo. Nhằm mục đích là giáo dục con người. Bởi thế, Thái Tông đại chấn hưng nho học, tôn phụng Khổng Tử làm thánh nhân, lập miếu thờ Khổng Tử tại trường học cao nhất của quốc gia, đó chính là tôn sư trọng đạo, có thể giáo dục bách tính. Những việc làm đó đã thành tựu nên một lễ nghĩa chi bang vô vi mà trị quốc.

Hiểu được điều này, ở bài tiếp theo chúng ta sẽ cùng nhau nghiên cứu chương cuối cùng "Luận thận chung" trong Trinh Quán Chính Yếu, thông qua những thảo luận thực tế của quân thần Thái Tông về việc trị quốc, sẽ giúp chúng ta có thể lý giải rất cụ thể và hiểu được thế nào mới được gọi là "thận chung", hiểu được vì sao phải trọng đức mới đạt được "vô vi nhi trị".

Phần 38: Thái Tông "thận chung truy viễn" tự nhiên "dân đức quy hậu"

Ở các phần trước, chúng ta đã đề cập đến câu nói của Tăng tử "thận chung truy viễn, dân đức quy hậu", bởi vì câu nói này là đặc tả về chính trị thời Trinh Quán của Đường Thái Tông, vì ông kính phụng những lời dạy "thiện thủy thận chung" của các Thánh hiền đời xưa, để dẫn dắt quần thần lấy đức giáo hóa bách tính, đạt được "đoan củng vô vi, tứ di hàm phục", mà nền giáo dục của Trung Cộng ngày nay đi ngược lại với đạo, phỉ báng tổ tiên, soán cải lịch sử, bóp méo nội hàm, phóng túng con người trong sự sa đọa về dục vọng, tranh danh đoạt lợi, thiên tai nhân họa. So sánh từ cổ chí kim, làm sao không đau xót cho được. Vì lý do này chúng ta bước vào chương "Luận thận chung" trong "Trinh Quán Chính Yếu", để tìm hiểu xem rốt cuộc tư tưởng "thận chung" và "vô vi nhi trị" đã được quân thần Thái Tông vận dụng như thế nào.

Đại ý đoạn thứ ba

Năm Trinh Quán thứ chín, Đường Thái Tông nói với các vị công khanh đại thần: "Trẫm tự khi đăng cơ lâm triều, trị lý thiên hạ, làm theo lời dạy bảo "vô vi nhi trị" của các bậc tiên thánh, khiến cho các dân tộc thiểu số trên khắp đất nước đều tình nguyện thần phục quy thuận, đây há phải sức mạnh của mình ta? Thực ra đều là dựa vào công phò tá của các vị đại thần! Hiện tại là lúc chúng ta suy xét làm thế nào để khiến cái khởi đầu tốt đẹp ấy tiếp tục được duy trì, để đến lúc cuối cùng đạt được kết thúc tốt đẹp, chỉ có như vậy, mới có thể khiến cho Đại Đường vĩnh viễn ổn định và thái bình thịnh vượng, truyền thừa đời đời. Khiến cho sự nghiệp Đại Đường của chúng ta phong phú, dồi dào và vĩ đại, ân đức

phúc lợi lưu danh muôn đời, ân huệ bốn phương, khiến cho những người của hàng trăm năm sau đọc lịch sử Đại Đường sẽ không khỏi tán thán trước những công trạng huy hoàng rực rỡ của chúng ta. Lẽ nào trong lịch sử chỉ có những thành tựu của nhà Chu, nhà Hán, cho đến Quang Vũ, Minh Đế mới xứng là hình mẫu cho mọi thời đại?"

Phòng Huyền Linh nói: "Bệ hạ hùng thao đại lược, công đức vô lượng, đem công lao quy hết cho quân thần, ngày nay thu được đại trị thái bình, đây là thánh đức của bệ hạ, chúng thần nào có công lao gì? Chỉ hy vọng bệ hạ có thủy có chung, như thế lão bách tính thiên hạ có thể được bảo vệ, luôn được dựa vào ân trạch của bệ hạ".

Đường Thái Tông lại nói: "Ta thường đọc sách sử, phát hiện các vị vua bình loạn thông thường tuổi tác đều không quá 40 tuổi, chỉ có Hoàng đế Quang Vũ mới gần 33 tuổi. Nhưng ta 18 tuổi đã khởi binh chinh chiến, 24 tuổi đã bình định thiên hạ, 29 tuổi đã làm Thiên tử, đây chứng tỏ rằng thành tựu về mặt quân sự của ta đã vượt hơn các bậc vua bình loạn thời xưa. Ta từ thời thiếu niên đã bắt đầu chinh chiến, không có thời gian đọc sách, cho nên từ khi đăng cơ tới nay, hễ có thời gian là ta đọc sách, có thể nói là không rời sách khỏi tay. Ta rất nhớ lời cổ huấn "lấy lịch sử làm gương", từ sách thánh hiền cổ đại, ta hiểu nền tảng của phong tục giáo hóa và then chốt của chính trị là nằm ở đức. Dựa theo đó mà thực thi mấy năm, thiên hạ cuối cùng cũng được sửa trị. Như hiện nay, phong tục dân gian đã được giáo hóa, trở thành thuần phác đôn hậu, con hiếu thảo, bề tôi trung thành, xã hội vì thế mà thái bình, điều này hiển nhiên là nền văn trị giáo hóa đã vượt qua thời cổ đại. Từ triều đại nhà Chu, nhà Tần, các dân tộc thiểu số như Rông và Di thường xâm phạm Trung Nguyên, hiện nay họ đều đã quy thuận triều đình, điều này thể hiện phương diện quan hệ với các dân tộc đã vượt qua thời cổ đại. Ta rốt cuộc có tài đức gì, mà lại có thể đắc được công lao sự nghiệp hiển hách đến thế? Ba

phương diện này đã đạt được, thì đã đặt nền móng cho việc trị quốc kiên cố vững chắc, chúng ta sao có thể không thiện thuỷ thận chung đây?"

Giải thích: Võ công (thành tựu về mặt quân sự), văn trị, ngoại giao, tất cả các phương diện đều thận chung

Đoạn này chủ yếu ghi chép về yếu lĩnh trị quốc cho đến những suy nghĩ sâu sắc về việc làm sao để có thể tiếp nối yếu lĩnh và thành quả đó về sau của Thái Tông trên cương vị là đế vương của một triều đại, là chủ của thiên hạ sau khi đạt được thái bình thịnh thế. Yếu lĩnh đó là: Về võ thì ngừng chiến tranh, về văn thì dùng đức giáo, như vậy thì phụ từ tử hiếu, quân nhân (nhân nghĩa) thần trung, trên dưới hòa thuận, thái bình tự xuất, trong ngoài cảm phục. Nhưng nếu muốn gìn giữ liên tục điều này, thì phải thận chung. Chính là cần phải thực hiện lấy đức trị quốc liên tục từ khi bắt đầu kiên trì cho đến cuối cùng. Vì thế, ở đoạn này mở đầu bằng câu nói của Thái Tông "Đương tư thiện thủy lệnh chung, vĩnh cố hồng nghiệp" (Hiện tại là lúc chúng ta suy xét làm thế để khiến cái khởi đầu tốt đẹp ấy tiếp tục được duy trì, để đến lúc cuối cùng đạt được kết thúc tốt đẹp), và kết thúc bằng câu "Thử tam giả, trẫm hà đức dĩ kham chi? Kí hữu thử công nghiệp, hà đắc bất thiện thủy thận chung da" (Ta rốt cuộc có tài đức gì, mà lại có thể đắc được công lao sự nghiệp hiển hách đến thế? Ba phương diện này đã đạt được, thì đã đặt nền móng cho việc trị quốc kiên cố vững chắc, chúng ta sao có thể không thiện thuỷ thận chung đây?) để tạo thành một thảo luận hoàn chỉnh, tất cả đều triển khai xoay quanh "thận chung".

Trinh Quán năm thứ chín, kết quả thái bình thịnh thế đã xuất hiện, Thái Tông rất vui, trước quần thần, mười phần cảm khái, ông cảm ơn các quan cận thần đã phò tá, giúp đỡ

ông sửa trị đất nước để tạo ra sự nghiệp vĩ đại này, để ông có thể "đoan củng vô vi" trị quốc. Đoan củng là ngôn ngữ cổ, nghĩa là với bậc đế vương mà nói, chính là ông đoan chính khoanh tay cung kính thiên địa kính Thần, có thái độ yêu thương và bảo vệ thần dân trong thiên hạ, thường giữ thái độ vô vi, bằng biểu hiện của một người là có thể kính trời đất yêu thương nhân dân, lấy lễ để đối đãi thần dân, nỗ lực bỏ công sức giáo hóa, lẽ tất nhiên nhân tâm trong thiên hạ quy chính, tự giác noi theo, cam tâm thần phục. Không cần đến hình phạt nghiêm khắc hay vũ lực chinh phạt để cưỡng chế quản thúc thần dân, đó chính là "vô vi nhi trị" do lấy đức trị quốc thu được. Hoàn toàn khác với những lý giải tiêu cực hiện nay về "đoan củng vô vi".

Bởi vì Thái Tông hy vọng hình thế thái bình vô vi này có thể kéo dài tiếp về sau nên ông phải thiện thủy thận chung, để truyền cho con cháu đời đời, tạo ân trạch cho các thế hệ sau, để Đại Đường trở thành tấm gương và niềm tự hào của lịch sử. Lời giảng này cốt lõi ở "lệnh chung", mục đích là thực hiện hoài bão to lớn của ông là biến Đường triều trở thành hình mẫu cho mọi thế hệ. Tức là mang hoài bão và mục tiêu cả đời làm đế vương của ông thông báo cho quần thần. Chính là hy vọng các quần thần cùng ông đồng tâm hoàn thành sự nghiệp vĩ đại này, như thế mới có thể thiện chung. Khởi đầu tốt thì rất dễ dàng, nhưng để bảo trì tiếp như thế lại rất khó, vì vậy cần nhắc nhở mọi người thận trọng đối đãi, một mạch đến cuối cùng.

Phòng Huyền Linh sau khi nghe xong, cũng rất vui mừng, thay mặt các đại thần cảm tạ sự nhân từ độ lượng của quân vương, đã đem công lao quy về các đại thần, khiêm tốn suy nghĩ, đây là thánh đức của quân vương. Đồng thời hy vọng Thái Tông có thể thận chung, đừng quên hoành nguyện sâu xa, như thế bách tính đều được hưởng phúc.

Đoạn cuối cùng, là Thái Tông khai triển cụ thể việc thận chung như thế nào, ông tiến hành tổng kết từ ba phương

diện chủ yếu của việc trị quốc là võ công, văn trị, ngoại giao. Chúng ta thấy được, ông lấy lịch sử làm gương, lấy sách thánh hiền làm cơ sở để học tập, để so sánh với các vị hoàng đế văn võ toàn tài, trừ loạn trị quốc tương tự như ông trong lịch sử, trước rất nhiều đại thần Thái Tông đã thẳng thắn nhận xét về ba phương diện chủ yếu này của bản thân thì ông đều cao hơn họ, khích lệ bản thân ông cũng là khích lệ quần thần, những công đức này không phải do đức hạnh của ông, đó là ân huệ của trời ban cho, cũng là sự đồng lòng đồng tâm của quần thần, chỉ cần giữ vững không thay đổi, nhất định có thể đạt được nguyện vọng hồng đại lưu truyền muôn đời, như hôm nay đã vượt qua những tấm gương thời cổ đại, như thế từ nay về sau, càng nên cảnh giác và giữ gìn ý chí ban đầu, đừng nên bỏ cuộc giữa chừng, có thủy mà không có chung. Vì thế mà câu cuối Thái Tông đã nói "Ta rốt cuộc có tài đức gì, mà lại có thể đắc được công lao sự nghiệp hiển hách đến thế? Ba phương diện này đã đạt được, thì đã đặt nền móng cho việc trị quốc kiên cố vững chắc, chúng ta sao có thể không thiện thuỷ thận chung đây?"

Có thể thấy, Thái Tông chấn hưng giáo dục Nho học, không phải là làm cho người khác xem, bản thân ông cũng không thể rời tay khỏi sách, ông đọc sách thánh hiền, đọc sách lịch sử, từ trong lịch sử mà nhìn nhận cái được mất của trị quốc, minh xác tính trọng yếu của đức trị, liên hệ những lời dạy của thánh nhân với minh chứng lịch sử, một mực tuân theo, đó mới là căn bản của giáo hóa và trị quốc, là tác dụng chủ yếu của văn học. Vì vậy người đọc sách, khi soạn các tác phẩm hay sách vở, chớ quên mục đích hoằng dương đạo đức, giáo hóa dân phong mới là căn bản. Thái Tông nói: "Từ khi đăng cơ tới nay, hễ có thời gian là ta đọc sách, có thể nói là không rời sách khỏi tay. Ta rất nhớ lời cổ huấn "lấy lịch sử làm gương", từ sách thánh hiền cổ đại, ta hiểu nền tảng của phong tục giáo hóa và then chốt của chính trị là nằm ở đức. Dựa theo đó mà thực thi mấy năm, thiên hạ cuối

cùng cũng được sửa trị. Như hiện nay, phong tục dân gian đã được giáo hóa, trở thành thuần phác đôn hậu, con hiếu thảo, bề tôi trung thành", đây chính là nguyên nhân của việc đọc sách thánh hiền ngày xưa, biết đạo nhân nghĩa để tu thân, đối chiếu giáo huấn của lịch sử, chỉ như vậy mới có thể cai trị đất nước.

Cho nên nói "thận chung truy viễn" chính là noi theo và tôn thờ lời dạy lấy đức trị quốc và làm người của tổ tiên xa xưa, mãi mãi không thay đổi cho đến cuối cùng. Có thể làm được như thế, đương nhiên có thể giáo hóa bách tính, tự nhiên "dân đức quy hậu". Thái Tông chính là thực hành con đường này, khiến Đại Đường trở thành quốc gia lễ nghĩa chi bang vang danh thiên hạ, lưu truyền muôn đời, hoàn thành hồng nguyện.

Chúng ta đã từng có một vị thánh vương vĩ đại như vậy, có một nền văn hóa và lịch sử thần thánh như vậy, con cháu của Viêm Hoàng sao lại đến mức không có đường nào để đi, sao có thể cam tâm trượt dốc, đi theo con đường của kẻ tiểu nhân, tranh quyền đoạt lợi? Hãy hồi quy truyền thống, trở lại chân thực như xưa, từ bỏ những lời vu khống và dối trá của tà đảng về văn hóa dân tộc, từ bỏ đấu tranh và bạo lực, xây dựng lại vinh quang và huy hoàng của dân tộc.

Phần 39: Từ xưa đến nay đế vương làm việc thiện nhiều, nhưng khó thận chung

Như đã đề cập ở trên, Đường Thái Tông vào năm thứ 9 Trinh Quán, đã đạt được nền thái bình thịnh thế, vì vậy trước đông đủ quần thần ông đã lập chí hướng sao cho đường trị lý của triều Đường trở thành tấm gương của vạn thế hệ mai sau, vì điều này, ông khích lệ các quan lại kiên trì nên đức trị cho đến cuối cùng, đây chính là thận chung.

Từ xưa đến nay lập chí thì dễ, thực hiện mới khó, thực hiện dễ mà giữ gìn thành quả mới là khó, trong lòng Thái Tông đã lập ra hoài bão lớn như vậy, vậy tất nhiên sẽ không thể buông lỏng, luôn đứng ở vị trí của đế vương mà không ngừng suy xét vấn đề thận chung này. Vậy ông làm như thế nào? Một biện pháp chính là cứ liên tục đọc sử sách không buông tay, từ đó nhận được giáo huấn các hoàng đế trong quá khứ, để không ngừng thức tỉnh bản thân đừng quên thận chung. Tiếp theo chúng ta xem đoạn thứ 4 của chương "luận thận chung" với nội dung "quân thần luận sử", qua đó ta sẽ cảm thụ sâu sắc độ khó của thận chung và tình huống chân thực về việc hành thiện của các đế vương thời cổ đại.

Đại ý đoạn 4:

Trinh quán năm thứ 12: Hoàng đế Đường Thái Tông nói với các quần thần: "Ta thông qua đọc sách lịch sử, phát hiện các quân vương xưa kia làm việc thiện đều học theo, dùng sức lực của mình làm mà không biết mệt mỏi, Trẫm trọng dụng các khanh, theo lý mà nói cũng đều được tính là rất hiền đức. Nhưng không đạt được thịnh thế như thời đại Tam Hoàng Ngũ Đế, vì sao như vậy?" Ngụy Trưng trả lời: "Hiện tại các dân tộc thiểu số xung quanh đều thần phục, thiên hạ thái bình vô sự, xác thực là tự cổ chí kim đến nay đều chưa từng

có việc trọng đại như vậy. Các hoàng đế thời xưa khi vừa mới lên ngôi, họ đều muốn nỗ lực trị quốc, chú trọng chính sự, noi theo gương Ngiêu, Thuấn, nhưng chính là đến lúc thiên hạ thái bình, giàu có an lạc, họ bắt đầu buông lỏng bản thân, xa hoa dâm dật, chưa có ai làm đến thận chung. Còn về các thần tử, lúc mới được bổ nhiệm, đều ngưỡng mộ khí phách của các lương thần cổ đại, ôm trong lòng hoài niệm phụ tá quân vương, hoành nguyện tế thế cứu dân. Đến khi vinh hoa phú quý, họ bắt dầu để tâm vào việc làm thế nào mới có thể giữ được chiếc mũ ô sa, bảo toàn tính mệnh, cũng không có ai có thể tận chung với trách nhiệm của mình, thật sự lo cho nước cho dân. Nếu như quân thần song phương đều có thể không lơ là chểnh mảng, ghi nhớ đạo lý thận chung, như thế có thể vô vi nhi trị, thiên hạ vô ưu, nếu làm được như vậy, tự nhiên có thể vượt qua người xưa". Đường Thái Tông nói: "đúng như những gì khanh nói".

Giải thích: Từ xưa đến nay đế vương làm việc thiện nhiều nhưng khó thận chung.

Đoạn này tiết lộ 3 vấn đề: Một là những cuốn sách lịch sử mà Thái Tông đã đọc không chỗ nào đề cập đến đấu tranh giai cấp, mà chủ yếu là ghi chép những bài học giáo huấn về được mất của mỗi vị đế vương khác nhau, những giáo huấn này từ đầu đến cuối xoay quanh việc có chú trọng đạo đức hay không. Tuy rằng trong đoạn thoại này không đề cập đến việc Thái Tông đã đọc sách sử gì, cũng không đề cập đến vị vua cụ thể nào, mà là cảm nhận chung sau khi đọc sách lịch sử. Nhưng như chúng tôi bên trên đã đề cập, những cuốn sách lịch sử sớm nhất là những kinh điển được Khổng Tử chỉnh lý làm tài liệu giáo dục, vô luận là "Thượng Thư" hay là " Xuân Thu", đều biểu thị rõ rằng, ngay từ đầu những ghi chép của lịch sử là để chuyên ghi lại những lời nói, hành vi hay sự kiện của một triều đại hoàng đế hoặc các vua của nước chư hầu.

Tận đến cuốn "Sử Ký" của triều đại nhà Hán, mới hệ thống địa vị các quan đại thần và lập truyện cho những nhân vật điển hình trong dân gian. Dù vậy, "Đế Vương Liệt Truyện" vẫn được đặt ở vị trí cốt lõi và quan trọng nhất, gọi là bản kỷ, nghĩa là lịch sử căn bản nhất. Bởi vì thế, chúng ta xem chí hướng tư tưởng của người lãnh đạo một đất nước, hay phương pháp điều hành của họ, thì mới có thể hiểu được đầu mối nguyên nhân dẫn đến hưng thịnh hay suy bại của một triều đại, cũng như hiểu được định hướng giá trị văn hóa nghệ thuật và đặc điểm văn hóa của dân tộc. Cho dù là quan chép sử biên soạn lịch sử thế hay là người đọc sách, họ đều minh bạch những đạo lý này, vì vậy nếu như hôm nay người đọc sách sử giải thích sơ sài nông cạn, thì đều không liên quan gì đến họ.

Chúng ta thấy Thái Tông, đọc sách lịch sử mà thấy được quân vương và thần tử thời cổ đại đại đa số không hồ đồ, họ cũng đều đã được học nho học, hiểu biết lịch sử, làm vị vua nhân nghĩa, hiểu và lựa chọn những người hiền đức; còn quan lại, thần tử tất có trí hướng tế thế cứu dân, hiểu và thi hành lấy đức trị quốc, vì thế, mới thu được thái bình. Chẳng qua là, chí hướng của Thái Tông hồng đại to lớn, cho rằng họ nếu đã làm như vậy thì lẽ ra có thể đưa đến xã hội thịnh vượng thời kì Tam Hoàng Ngũ Đế mới đúng, nhưng hiện thực không thể làm được như vậy. Có thể thấy lịch sử nước Trung Quốc, hôn quân không nhiều, dòng chủ lưu đều trong sạch nhân nghĩa, hiểu phép tắc hành thiện. Nhưng dù vậy, người có thể đạt đến trình độ của thánh vương tiên cổ, có thể không bị nguyện vọng của con người thao túng, kiên định đến cuối cùng, cũng là rất hiếm thấy. Mà chí hướng của Thái Tông chính là muốn đạt đến chỗ cao nhất này.

Đoạn thứ 2 cũng nói với chúng ta, từ xưa đến nay đế vương và học giả đều lấy Tam Hoàng Ngũ Đế làm gương, là tôn chỉ làm người và trị quốc, là đạo lý bất biến. Nếu như phỉ báng họ, xuyên tạc bôi nhọ hình tượng của họ, cổ động

mọi người hoài nghi tổ tiên, như thế đạo đức tất nhiên sẽ bại hoại. Người xưa chưa từng xem những bậc Thánh vương này là thủ lĩnh các bộ lạc, việc bôi nhọ của ngày nay có thể nói là đang giễu cợt và hạ thấp tổ tiên của chính mình, là sự việc mà các Hoàng Đế trong lịch sử đều không dám làm. Chúng ta làm như vậy, tương đương với nhục mạ chính mình, điều đó xuất phát từ sự bạo ngược, không có nguồn gốc văn hóa cao quý, thật đáng buồn biết bao. Đạo đức vì sao nhanh chóng bại hoại, không cần nói chúng ta cũng tự minh bạch.

Điểm cuối cùng. Chính là Ngụy Trưng hồi đáp nghi vấn của Thái Tông, khẳng định cho Thái Tông về tính đúng đắn của việc lấy đức trị quốc, để Thái Tông không giao động và hoài nghi, chỉ để tâm kiên trì đi tiếp được, có thận chung hay không, đó mới là khảo nghiệm lớn nhất, là điểm mấu chốt để có thể đạt được cảnh giới của thánh vương, mở ra thịnh thế lý tưởng, vượt qua thành tựu của các hoàng đế các triều đại hay không.

Đây là nguyên nhân người xưa đọc sách lịch sử: là vì để tu thân trị quốc. Nếu người hiện đại hiểu được điểm này, họ có thể đắc được trí huệ lớn để quản lý công ty. Những công ty có thể truyền từ đời này qua đời kia, tồn tại mấy trăm năm không sụp đổ, cũng nguyên nhân vì tuân thủ giáo huấn của xã hội, có tôn chỉ nghiêm ngặt, hình thức và phương pháp cụ thể trong kinh doanh có thể biến đổi, thậm chí nghiệp vụ có thể thay đổi, nhưng những tôn chỉ làm người giữ vững nhân nghĩa như thành tín, cống hiến vì xã hội, sẽ không vì thấy lợi mà quên nghĩa, quân tử yêu tiền tài và có được nó một cách có đạo lý v.v. sẽ không thay đổi, ai có thể kiên trì giữ vững nguyện ban sơ, coi sự nghiệp là nguyện ban sơ vì tạo phúc cho đại chúng, ai có thể giữ vững con đường kinh doanh đó, sẽ khiến cho công ty phồn vinh bất bại, đạo lý này cùng với đạo lý trị quốc không có gì khác nhau. Cũng có rất nhiều công ty phồn vinh nhất thời, kinh doanh một đời hai đời, rất nhanh, rất nhanh liền biến mất, nguyên nhân chính là không

có tôn chỉ kinh doanh đúng đắn, dù là có đi chăng nữa, cũng không có kế thừa kiên trì. Giống như Ngụy Trưng nói, giàu có an vui rồi, liền bắt đầu buông thả bản thân. Không thể thận chung, tất nhiên sụp đổ và tiêu vong.

Có thể thấy, Thái Tông không chỉ có chí hướng rộng lớn và lâu dài, khiến cho việc trị quốc sớm có mục tiêu, mà còn từ đầu cho đến cuối cùng đều có thể thực hành đức trị do Tam Hoàng Ngũ Đế lưu lại, cũng chính là con đường vô vi trị quốc, như vậy mới hoàn thành mục tiêu. Cũng chính là nói, làm vinh diệu cho người Trung Quốc, văn hóa nhà Đường trong thời đại thịnh vượng đại biểu cho nền văn minh Trung Hoa hoàn toàn không ngẫu nhiên, mà là xuất phát từ mục tiên cả đời của Thái Tông. Không có mục tiêu này, quân thần sẽ không có phương hướng để nỗ lực, nhưng nếu chỉ có mục tiêu mà không kiền trì đức trị đến cùng, cũng sẽ uổng phí công sức. Thái Tông làm được đến thận chung, đây là thành tựu huy hoàng thu hút được sự chú ý của toàn thế giới, nền thái bình đó đã vượt trên nền thái bình thông thường của các hoàng đế bình thường, đó chính là bài học lớn nhất mà thịnh thế Trinh Quán lưu lại cho người đời sau. Đó là trí huệ căn bản nhất, nó hoàn toàn không dựa vào kĩ thuật cao cấp và hệ thống pháp luật nghiêm ngặt hay những thủ đoạn cao minh của con người.

Từ đó về sau, Thái Tông chỉ cần có chỗ nào không đúng, sẽ được Ngụy Trưng chỉ ra, để Thái Tông ghi nhớ nguyện vọng của ông là thận chung, trong chương "Luận thận chung", ghi lại một tấu chương của Ngụy Trưng viết gửi Thái Tông, đã nhắc nhở Thái Tông trên mười phương diện rằng ông đã bắt đầu có dấu hiệu buông thả, bản tấu này được ghi chép lại đầy đủ, không che đậy cho những sai lầm của Thái Tông, lời nói thẳng thắn, càng thể hiện rõ thêm sự thản đãng quang minh của Thái Tông, ông không phải là không có lỗi, mà điểm hơn người của ông là thái độ dám nhìn thẳng và tiếp nhận sau khi bị chỉ ra sai lầm.

Phần 40: Để đức chính được thận chung thì phải khắc chế bản thân theo lễ

Như đã đề cập ở trên, Đường Thái Tông lập chí muốn triều Đường trở thành điển hình của muôn đời, trở thành niềm tự hào của người đời sau, ông ý thức được các hoàng đế trong lịch sử, có hoài bão cai trị tốt quốc gia, nhưng phần nhiều đều là hễ thấy đất nước có chút thái bình liền mưu cầu hưởng lạc, không cách nào thận chung, từ đó mà dẫn tới suy bại, vì thế quân vương và các quan đại thần đều ý thức được tầm quan trọng của thận chung và độ khó của việc thực hiện điều đó.

Sau khi xuất hiện thái bình thịnh thế, đế vương rất dễ dàng buông lỏng bản thân, ham muốn hưởng thụ an lạc, chỉ cần là con người, thì ai cũng có tâm này, bởi vậy mới cần ghi nhớ khắc kỷ phục lễ (khắc chế bản thân theo lễ), khắc chế dục vọng, không thể phóng túng bản thân. Thái Tông cũng không ngoại lệ, ngài cũng xuất hiện vấn đề ấy, thế nên Ngụy Trưng đã viết một bản tấu chương, liệt kê 10 điều Thái Tông không thể khắc chế tư tâm, bắt đầu có biểu hiện phóng túng tư dục, chúng ta hãy xem vị gián quan nổi tiếng Ngụy Trưng đã thẳng thắn khuyên nhủ Thái Tông thế nào.

Đại ý

Trinh Quán năm thứ 13, Ngụy Trưng lo lắng hoàng đế Đường Thái Tông không kiên trì giữ vững được lấy đức trị quốc khắc chế dục vọng và cần kiệm yêu dân, những năm gần đây rất thích phô trương, bắt đầu phóng túng dục vọng, vì vậy ông đã dâng một bản tấu chương lên Đường Thái Tông.

Thần quan sát các đời hoàng đế của các triều đại trong lịch sử đều là phụng thiên thừa vận (phụng mệnh trời, thuận theo vận), sau khi sáng lập cơ nghiệp, tất cả họ đều hi vọng

sẽ kéo dài đế nghiệp cho đến thiên thu vạn đại, cho nên họ đều chiểu theo vô vi nhi trị, lấy đức trị thiên hạ. Họ nói về đạo làm người, tất nhiên phải đặt thật thà chất phác lên hàng đầu, cần loại bỏ các tệ nạn phù phiếm xa hoa của con người; chọn quan luận dân, thì trọng dụng trung thần lương tướng, loại bỏ kẻ gian nịnh tiểu nhân; về chế độ phép tắc chính trị, họ đoạn tuyệt xa xỉ tôn sùng cần kiệm; về sản vật, họ coi trọng các loại ngũ cốc, coi thường kỳ trân dị bảo. Thời đầu họ trị vì đất nước, họ đều chiểu theo những nguyên lý trị quốc này, nhờ thế đạt được thái bình, nhưng khi đất nước bắt đầu được an bình, rất nhiều người lại quay lưng với ý nguyện ban đầu của mình, làm trái lại hoàn toàn với điều ấy, dẫn đến thương phong bại tục. Tại sao lại như thế? Điều này chẳng phải là do cái tôn quý làm quân vương của vạn dân, có cái phú quý của thiên hạ, lời nói của họ không ai dám đối kháng, mong muốn của vua thì mọi người đều phải tuân thủ, chấp hành sao? Cổ nhân nói: "Biết cũng không khó, khó là ở thực hành; hành cũng không khó, khó là ở thiện chung" câu nói này quá chính xác.

Nhớ tới việc bệ hạ 20 tuổi đã có thể xoay chuyển tình thế trong thời loạn, uy phục tứ phương, gây dựng cơ nghiệp đế vương. Những năm đầu Trinh Quán, bệ hạ có thể khắc chế ham mê tư dục của bản thân, cần cù và tiết kiệm, nỗ lực làm việc, khiến cho quốc thái dân an, đạt được đại trị. Về võ công, thì Thương Thang, Chu Võ Vương đều không thể sánh cùng bệ hạ, về nhân đức, bệ hạ không thua kém gì các Thánh vương thời cổ đại như Nghiêu, Thuấn. Thần đã ở bên cạnh bệ hạ hơn 10 năm, thường trong doanh trại tiếp thu ý chỉ thánh minh của bệ hạ. Bệ hạ thường nhắc nhở thần dân phải giữ đạo nhân nghĩa, không thể quên mất điều đó; giữ gìn thói quen tiết kiệm, kiên trì không thay đổi. Một câu nói có thể khiến quốc gia hưng thịnh lên, điều bệ hạ nói chính là đạo lý này. Những lời nói của bệ hạ đến tận hôm nay vẫn văng vẳng bên tai, thần làm sao dám không ghi nhớ? Nhưng

mấy năm trở lại đây, bệ hạ đã dần dần quên đi chí hướng thủa đầu ấy, nếp sống đôn hậu thuần phác dần dần phai mờ, không thể kiên trì đến cùng được. Hiện nay thần xin đem những điều mà thần mắt thấy tai nghe liệt kê ra, để bệ hạ tham khảo.

Giải thích: Biết thì dễ mà làm mới khó, khắc chế bản thân theo lễ thì mới có thể thận chung

Nho giáo thường giảng về khắc kỷ phục lễ, rất nhiều người không cách nào lý giải ý nghĩa chân chính của câu nói này, nhưng xem xong tấu chương của Ngụy Trưng, chúng ta đều sẽ minh bạch, khắc kỷ chính là khắc chế, ức chế tư dục của cá nhân, không thể phóng túng quá độ, phục lễ vừa là mục đích bề mặt cũng vừa là phương pháp, chỉ có tuân theo lễ giáo kính trời yêu dân mà các bậc thánh vương xưa đặt ra để tu sửa bản thân, lấy đạo nhân đức làm gương cho thiên hạ, đoạn tuyệt với nếp sống phù hoa phóng dục hưởng lạc, mới có thể ngăn ngừa bại hoại về đạo đức và sự suy đồi của phong tục tập quán. Mục tiêu cuối cùng của việc đó chính là bảo trì cho việc lấy đức trị quốc từ lúc bắt đầu cho đến lúc kết thúc không thay đổi, thực hiện hồng nguyện đưa nền chính trị của nhà Đường trở thành tấm gương cho các thời đại của Thái Tông. Ngụy Trưng khuyên Thái Tông không thể "khiến lẽ công bị che mờ bởi tình riêng tư, lễ tiết bị chôn vùi trong ham thích dục vọng", chính là giảng ra đạo lý của việc khắc kỷ phục lễ, là khuyến cáo đế vương nên thực hành đạo lý này. Một câu nói rằng, chỉ có cách khắc chế ham muốn truy cầu hưởng lạc phóng túng dục vọng, mới có thể phù hợp với đạo làm người, mới không bị người trên làm người dưới hùa theo, cuối cùng sẽ băng hoại đạo đức, vương triều tất nhiên không thể trường cửu.

Ngụy Trưng viết bản tấu chương này được mở đầu bằng câu "Thần phát hiện, các đời hoàng đế của các triều đại

trong lịch sử đều là phụng thiên thừa vận (phụng mệnh trời, thuận theo vận), sau khi sáng lập cơ nghiệp, tất cả họ đều hi vọng sẽ kéo dài đế nghiệp cho đến thiên thu vạn đại, cho nên họ đều chiểu theo vô vi nhi trị, lấy đức trị thiên hạ". Chú ý, câu mở đầu này là tôn chỉ cốt lõi để khuyên Thái Tông thận chung, chính là đạo làm vua, nếu muốn thành tựu thái bình thịnh thế đó được lâu dài, thì tất phải thi hành đức chính (lấy đức trị quốc), đức chính là cách làm vô vi nhi trị của các bậc thánh vương thời cổ đại như Tam Hoàng Ngũ Đế: lấy đức cai trị thiên hạ, lấy đức phục người, lấy đức tu chính bản thân, chỉ dạy thần dân.

Ngụy Trưng nhắc nhở Thái Tông, thi hành đức chính, đây là đạo lý mà các đế vương từ xưa đến nay đều minh bạch và kính phục, nhưng để duy trì đến lúc cuối cùng thực sự là quá khó khăn. Cái đức này đến cuối cùng mà bị chìm trong dục vọng, thì sẽ dẫn đến bại hoại của vương triều. Vô luận là Ngụy Trưng nói đến là việc gì, đều là trọng đức khuyến thiện. Đế vương mà không có đức, chính là quay lưng lại với thiên đạo và nhân đạo, khi này điều mất đi đương nhiên là toàn bộ đất nước; cá nhân mà không có đức, điều mất đi đương nhiên là tiền đồ cá nhân hoặc giả là sự suy tàn của gia đình. Bởi vậy mới nói, trị quốc chính là tu thân, tu đức, đế vương có thể làm được điều đó, họ chính là vị vua thánh nhân, như vậy cảnh giới mới đề cao, mới có thể đắc đạo, Hiên Viên Hoàng Đế vị hoàng đế thủy tổ của dân tộc Trung Hoa chính là người tu đạo, bản thân việc trị quốc cũng có thể tu đạo, đầu tiên chính là phải làm được hành thiện trọng đức từ trong ngôn ngữ hành vi của bản thân, vì thế cuốn sách của Lão Tử mới được gọi là "Đạo đức kinh". Khổng Tử nói, chính giả, chính dã (người tham dự chính trị, phải chính). Chính trị, bản thân nó chính là đi trên con đường chính, quy chính phong tục tập quán của nhân dân, sửa trị những tệ nạn bất chính của xã hội. Việc này cũng tương tự như đạo lý của việc trị bệnh, điều chỉnh cho đúng thân thể con người có thể

mang lại cho họ bình an. Quốc thể cũng là như thế, đi theo chính đạo, trọng đức hạnh, thì có điều chỉnh cho đúng xã hội, trị vì tốt quốc gia, tất nhiên sẽ mang đến bình an vô sự cho đất nước và nhân dân, vì thế mới được gọi là chính trị.

Ngụy Trưng thấy Thái Tông bắt đầu lệch khỏi chính đạo, đức hạnh đang có hiện tượng giảm thiểu, bắt đầu phóng túng dục vọng, đã manh nha xuất hiện ham muốn hưởng lạc, vì thế mới nhanh chóng nhắc nhở Thái Tông đừng quên giáo huấn của lịch sử cũng như đạo lý mà Thái Tông sớm đã hiểu rõ, hơn nữa đó lại là đạo lý mà bản thân Thái Tông đã từng chỉ dẫn, cảnh tỉnh cho thần tử của mình. Đó là những lời khắc tâm ghi nhớ, bằng ngôn ngữ chân thành, không né tránh thực chất của vấn đề rằng "đế vương bắt đầu lệch khỏi đức hạnh". Nhưng tuyệt đối không hề có ngữ khí bất kính. Cho nên trung thần tuyệt đối sẽ không nịnh bợ lấy lòng, bảo sao nghe vậy, họ dám thẳng thắn can gián, nhưng cũng tuyệt đối không kiêu căng ngạo mạn. Họ có căn cứ có lý lẽ, nhưng sẽ không hăm dọa bức bách người khác. Đây là thái độ mà thần tử nên có. Ngụy Trưng làm được việc này rất tốt.

Chúng ta qua những bài văn chương trong lịch sử từ thời cổ đại đến nay, có thể thấy được biểu hiện cụ thể của thánh vương và trung thần, thấy được họ từ đầu đến cuối đều tôn sùng đức chính của Tam Hoàng Ngũ Đế thời cổ đại, tuy rằng đôi lúc có xuất hiện sai lệch, ly khai chính đạo mà không tự biết, nhưng vì có sự chỉ dẫn của tổ tiên, lịch sử và giáo dục, nên đức chính đó vẫn được truyền thừa đời đời, từ việc quân thần làm thế nào chung sống, làm người trọng đức thế nào, cho đến bách tính các giai tầng làm người trung hiếu thế nào, những điều đó mãi mãi sẽ được truyền thừa, cho dù có người có thể xuất hiện sai lệch, đi ngược, nhưng rồi cũng sẽ phát hiện ra và quy chính. Nếu ngay cả giáo dục và lịch sử mà truyền thống cũng bị phủ định, tổ tiên cũng bị chế nhạo bị hoài nghi bị phê phán, như thế tất nhiên sẽ không thể tìm được đường hồi quy, mất đi tôn chỉ và tham

chiếu, tất nhiên nhân tâm và đạo đức không ngừng trượt dốc, đạo đức sẽ toàn diện băng hoại. Do đó, khắc kỷ phục lễ, khôi phục lại nền giáo dục làm người lấy đức làm cốt lõi, người đời sau chúng ta sao có thể quên được? Sao có thể phê phán được?

Ngụy Trưng sẽ đưa ra những lời khuyên bảo cụ thể nào tiếp sau? Chúng ta tiếp tục đàm luận tại phần tiếp theo.

Phần 41: Ngụy Trưng khuyên Thái Tông chớ ham thích kỳ trân dị bảo

Trinh Quán năm thứ 13, tấu chương của Ngụy Trưng chỉ ra 10 biểu hiện cụ thể mà Thái Tông chưa thể thận chung, chúng tôi chọn đoạn thứ nhất, đoạn thứ ba và đoạn thứ năm của bản tấu, đây là những điều mà người bình thường đọc còn cảm thấy giật mình sửng sốt, không nói đến đế vương tôn quý, cho dù là thường dân, nếu không có tu dưỡng và lượng bao dung nhất định thì về cơ bản không cách nào tiếp thụ được. Nhưng Thái Tông lại có thể bình tĩnh tiếp thụ, còn ban thưởng cho can gián đó, biểu đạt sự cảm ơn đối với Ngụy Trưng, khiến cho người ta không khỏi kính phục. Trước tiên chúng ta hãy xem lời can gián của Ngụy Trưng như thế nào.

Điều bất thận chung thứ nhất

Đại ý: Những năm đầu Trinh Quán, bệ hạ thực hành đức chính vô vi vô dục, giáo hóa trong sáng yên lành với nhân dân, thậm chí ban ân trạch đến cả những nơi hoang sơ xa xôi, họ cũng được cảm hóa bởi phong khí trong sáng yên lành này. Nhưng hôm nay xem ra phong khí này đang dần dần biến mất, nghe lời của bệ hạ xem ra đã anh minh hơn các bậc minh quân thời cổ, nhưng hành vi của bệ hạ thì vẫn chưa thể vượt qua các quân vương thông thường. Vì sao nói như vậy? Hán Văn Đế, Tấn Vũ Đế đều không phải là đế vương anh mình thời cổ, nhưng Hán Văn Đế đã cự tuyệt thiên lý mã do người khác tiến cống, Tấn Vũ Đế vì muốn quốc gia không lưu hành trang phục kì dị mà đốt áo làm bằng lông chim trĩ do đại thần dâng lên. Nay bệ hạ lại phái người đi nghìn dặm tìm tuấn mã, đến nơi xa xôi tìm kỳ trân dị bảo (đồ vật quý lạ). Những hành vi này bị bách tính trách móc, những dân tộc thiểu số như Rong và Di coi thường. Đây là triều đình

không thể khắc chế dục vọng, là biểu hiện thứ nhất của việc không thể thận chung.

Giải thích: Đoạn này là cảnh báo Thái Tông đang bắt đầu vô ý phóng túng dục vọng, lệch khỏi đức chính vô vi vô dục thủa đầu, đã bắt đầu truy cầu kỳ trân dị bảo, đã bị bách tính phát giác chỉ trích, cũng khiến cho những dân tộc thiểu số xa xôi coi thường. Nếu tiếp tục như thế, hành vi của hoàng đế sẽ thất đức, tất nhiên bị người trong nước oán trách và các dân tộc xung quanh khinh thường, nếu nhân cách bất chính sẽ không được người trong thiên hạ kính phục, không thể tiếp tục cảm hóa nhân tâm, như thế cảnh thái bình thịnh thế của đất nước làm sao bảo tồn lâu dài, đó đương nhiên chính là biểu hiện của việc không thể khắc chế dục vọng, không thể kiên trì đức chính, không thể làm đến có thủy có chung.

Cụ thể Ngụy Trưng chỉ ra biểu hiện đầu tiên, đây cũng là cốt lõi của vấn đề, là nhắm trực tiếp vào nhân phẩm, ông phê bình việc Thái Tông nói về đạo lý của đức chính cao minh hơn các vị thánh vương cổ đại nhưng lại không đưa vào thực tiễn, ý tứ là chỉ ra việc Thái Tông "bệ hạ hôm nay chỉ nói những lời tốt đẹp, nhưng thực tế lại không làm, làm được cũng không bằng những vị đế vương bình thường thông thường", lời nói thẳng thắn và rõ ràng, không che đậy. Ông trực tiếp chỉ rõ ra thực chất của vấn đề, để Thái Tông nhanh chóng quay lại với cử chỉ ngôn hành của những năm đầu Trinh Quán, chớ có yêu thích kỳ trân dị bảo.

Điều bất thận chung thứ ba

Đại ý: Những năm đầu Trinh Quán, bệ hạ cắt bỏ lợi ích của bản thân để đáp ứng nhu cầu của người khác. Mà hôm nay, bệ hạ phóng túng dục vọng của mình lấy đó để dân vất vả, nếp sống khiêm tốn tiết kiệm đang dần dần mất dần theo năm tháng, mà những thói quen xấu như kiêu căng xa xỉ lại ngày một gia tăng. Tuy miệng luôn nói chiếu cố lão bách

tính, nhưng thực tế những việc hưởng lạc của bệ hạ lại thể hiện ra cấp thiết hơn. Có lúc, bệ hạ muốn xây dựng cung điện, lại lo lắng có người muốn can ngăn, nên nói: "Nếu như không tu sửa cung điện, cuộc sống của trẫm sẽ không thuận tiện". Chiểu theo nghĩa quân thần, thì thần tử sao có thể lại can nữa? Những lời này của bệ hạ là để ngăn cản những lời can gián, còn có thể nói tới việc chọn ý kiến hay, điều tốt mà làm theo sao? Đây chính là triều đình đã dần không thể kiềm chế những tư dục của mình, và là biểu hiện thứ ba của việc không thể thận chung.

Giải thích: Đoạn này vẫn nói về việc Thái Tông dần dần phóng túng bản thân, đang dần dần trở nên truy cầu hưởng lạc ham muốn vật chất và tư dục, chú trọng việc hưởng thụ cá nhân hơn là lo lắng cho bách tính, nhưng vì đặt trọng điểm vào thỏa mãn dục vọng hưởng thụ của cá nhân, nên đã bắt đầu tránh né và ngăn chặn những lời khuyên can của các đại thần, không giống với lúc ban sơ nguyện ý nghe những lời can gián của các trung thần (đã không thể chọn những lời nói tốt mà nghe). Phóng túng dục vọng bản thân, lại không nghe lời khuyến cáo, có thể thấy đây chính là biểu hiện của việc không thể thận chung. Điều này được liệt vào vị trí thứ ba.

Điều bất thận chung thứ năm

Đại ý: Sách *Thượng thư* viết: "Đừng làm những việc vô ích để ảnh hưởng đến những việc có ích, như vậy sự nghiệp lớn mới có thể thành công; đừng để kỳ trân dị bảo làm mê hoặc tâm linh mọi người, nếu không sẽ khiến họ coi thường những vật hàng ngày, có như vậy lão bách tính mới được no đủ. Chó ngựa không phải giống vật bản địa thì không nuôi dưỡng, các loài chim quý thú lạ không được nuôi dưỡng và buôn bán trong nước, vì thế chẳng nên truy cầu chúng mà đi làm những sự việc vô ích". Những năm đầu Trinh Quán,

bệ hạ lúc nào cũng ghi nhớ noi theo các bậc thánh vương cổ đại như Nghiêu đế, Thuấn đế, từ bỏ kim tiền châu báu, phản hồi về đức tính thuần phác chân thực (phản phác quy chân). Nhưng những năm gần đây, lòng hiếu kỳ càng ngày càng trỗi dậy, yêu thích các loại bảo vật quý lạ ở Trung Nguyên hiếm thấy, không ngừng vận chuyển từ các nước xa xôi đến đây. Hoàng thượng thân ở vị trí cao nhất, mà bản thân lại ham mê những sản phẩm xa xỉ, nhưng lại mong lê dân bách tính ở dưới bảo trì phong tục thuần phác tiết kiệm, sự việc như thế trong lịch sử từ xưa đến nay chưa từng có. Triều đình không tạo phúc cho dân, lại mong muốn quốc phú dân cường, điều này hiển nhiên không thể làm được. Đây là biểu hiện thứ năm của việc triều đình không thể yêu cầu nghiêm khắc đối với bản thân để làm được thận chung.

Giải thích: Ở đoạn này, vẫn đang nói về việc Thái Tông rời xa đức hạnh ban đầu, dần hướng đến yêu quý kỳ trân dị bảo, đọc đoạn này tựa như nội dung trùng lặp, nhưng trên thực tế đây là một bản tổng kết nhỏ về việc Thái Tông không thể tuân thủ theo đức chính đối với phương diện hưởng lạc vật dục. Đoạn này nhắc nhở Thái Tông rằng, những hành vi này đã đang dần dần rời xa đạo làm vương của các bậc thánh vương Nghiêu Thuấn thời cổ đại, lấy lời dạy trong sách *Thượng thư* làm cơ sở, để thuyết phục Thái Tông không nên truy cầu kỳ trân dị bảo. Bởi vì hoàng đế là tấm gương của vạn dân, thượng bất chính, hạ tất loạn, đó chính là trên làm dưới theo, là điều đặc biệt đáng sợ, do đó phải đối đãi thận trọng. Phong tục tập quán của người dân như thế nào, hoàn toàn phụ thuộc vào lời nói và hành vi của người đứng đầu. *Thượng thư* giảng về đạo lý đế vương làm người và trị quốc như thế nào, nếu truy cầu vật dục thì sẽ nhọc sức dân và tổn hại tài vật, nhọc công vô ích, tổn hại quốc thể, như vậy làm sao có thể thực hiện những kế hoạch to lớn vĩ đại của hoàng đế đây?

Bình luận chung

Tại sao Ngụy Trưng đứng từ các góc độ khác nhau mà nói về cùng một biểu hiện, mà hết lời khuyên gián Thái Tông? Đó chính là ông nhìn thấy được điều cốt yếu căn bản quan trọng nhất trong việc trị quốc của đế vương, cũng chính là việc tu thân của hoàng đế, hoàng đế nếu thanh cao thần dân tất nhiên sẽ học theo, ngược lại hoàng đế nếu thất đức, phóng túng, nếp sống của người dân cũng theo đó mà trượt xuống, nhân tâm bại hoại, quốc gia tất sẽ hỗn loạn, dựa vào pháp luật là không thể duy trì nền thái bình lâu dài, quan lại cũng theo trào lưu đó mà hủ bại, bách tính tất nhiên phải chịu khổ không thể kêu than, hỗn loạn cũng theo đó sinh ra, như vậy làm sao có được ổn định và phồn vinh. Điều này vô cùng nguy hiểm. Ngụy Trưng nhìn thấy được hậu quả, vì thế, nhiều lần khuyên Thái Tông phải nhận thức được biểu hiện bất chính của bản thân, nhanh chóng cải chính, khôi phục đức hạnh thuần phác tiết kiệm, cần chính yêu dân của thủa đầu, khôi phục đức tính khiêm nhường thích nghe những ý kiến tốt lời khuyên hay. Chỉ có như vậy, mới có thể thực hiện được hồng nguyện to lớn đưa Đường triều trở thành điển hình mẫu mực cho hậu thế, thực hiện được chí nguyện của đế vương. Mặc dù lời nói của Ngụy Trưng có vẻ như không nể nang gì, nhưng thực chất là thực sự nghĩ cho Thái Tông, đây mới là trung thần đích thực.

Việc đề phòng phóng túng xa xỉ, liệt kê những biểu hiện này, và đặt lên vị trí trước tiên, là liên quan chặt chẽ với nội dung chính của đoạn mở đầu trong tấu chương của Ngụy Trưng đã được đề cập bài trước ("Thần quan sát các đời hoàng đế của các triều đại trong lịch sử đều là phụng thiên thừa vận (phụng mệnh trời, thuận theo vận), sau khi sáng lập cơ nghiệp, tất cả họ đều hy vọng sẽ kéo dài đế nghiệp cho đến thiên thu vạn đại, cho nên họ đều chiểu theo vô vi nhi trị, lấy đức trị thiên hạ. Họ nói về đạo làm người, tất nhiên

phải đặt thật thà chất phác lên hàng đầu, cần loại bỏ các tệ nạn phù phiếm xa hoa của con người; chọn quan luận dân, thì trọng dụng trung thần lương tướng, loại bỏ kẻ gian nịnh tiểu nhân; về chế độ phép tắc chính trị, họ đoạn tuyệt xa xỉ tôn sùng cần kiệm; về sản vật, họ coi trọng các loại ngũ cốc, coi thường kỳ trân dị bảo")

Vô luận là về đạo lý làm người, tuyển chọn quan chức, hay là chế độ pháp luật, sản xuất vật chất, thì đều cần giữ gìn thuần phác tiết kiệm, khắc chế dục vọng xa xỉ, không trọng kỳ trân bảo vật, thì đương nhiên sẽ tự rời xa gian thần tiểu nhân. Vì vậy, nội dung cụ thể trong tấu chương của Ngụy Trưng, cũng không ngoại lệ, toàn bộ xoay quanh việc đế vương coi trọng đức hạnh như thế nào, mở rộng xung quanh chủ đề chính của đoạn mở đầu. Chúng ta chỉ cần chỉ ra mấy đoạn thoại này đã thấy được tâm ý của Ngụy Trưng. Những những lời can gián về việc dùng người và chế độ chính trị, chúng tôi sẽ thảo luận nhiều ở đây. Phần tiếp theo, chúng ta hãy cùng xem sự độ lượng đáng kinh ngạc của Thái Tông sau khi đọc bản tấu chương của Ngụy Trưng.

Phần 42: Quân thần Thái Tông giải thích ý nghĩa chân chính của quân tử

Thông qua bài văn trước, chúng ta đã được xem tấu chương của Ngụy Trưng can gián Thái Tông, ngôn từ quả là táo bạo thẳng thắn, vào lúc Thái Tông đạt được thời thịnh thế vinh quang trước đây chưa từng có, bản tấu chương như một gậy cảnh tỉnh Thái Tông, đã liệt kê ra 10 hành vi nguy hại đạo đức. Điều khiến cho mọi người vô cùng kinh ngạc là, Ngụy Trưng vì sao lại có thể dũng cảm như vậy? Ngay cả người hiện đại khi đối đãi với bạn bè cũng còn suy trước nghĩ sau cơ mà. Về điều này, chỉ cần xem phản ứng của Thái Tông thì chúng ta sẽ tự nhiên đại ngộ.

Thái Tông dán tấu chương lên bình phong để sớm chiều cung kính nhìn, xem

Đại ý: Đọc xong tấu chương của Ngụy Trưng, Đường Thái Tông nói: "Bề tôi thờ vua, thuận theo ý chỉ thì dễ, nhưng ngược lại tâm ý với ý chỉ của quân vương thì rất khó. Khanh là quan giám sát phò trợ trẫm, có thể thường xuyên nhắc nhở và can gián ta, điều này xác thực rất đáng trân quý. Trẫm nay đã biết bản thân quá sai, nhất định phải quy chính, chính sự quốc gia cần phải thiện thủy thiện chung. Nếu làm trái với lời ấy, trẫm làm sao đối mặt với khanh được? Sao có thể quản lý thiên hạ cho trật tự nề nếp được đây? Ta sau khi đọc được tấu chương của khanh, đọc đi đọc lại và suy ngẫm, cảm nhận sâu sắc rằng mặc dù ý kiến của khanh rất kịch liệt nhưng đạo lý rất thẳng thắn, cho nên ta dán nó lên tấm bình phong, để sớm tối đều có thể cung kính nhìn, xem mà tự khắc chế, tiếp nhận khuyên giải và giáo huấn của khanh. Ta lại cho sư quan chép lại, hy vọng nghìn năm sau, mọi người đều có thể biết tình nghĩa giữa quân thần của chúng ta lúc

này". Sau đó, Đường Thái Tông ban thưởng cho Ngụy Trưng 10 cân vàng, hai con ngựa tốt.

Giải thích: Cảnh giới của thánh vương

Đối diện với 10 điều xấu do thần tử liệt kê, câu nói đầu tiên của Thái Tông, hoàn toàn ngoài dự liệu của mọi người, lại là: "Bề tôi thờ vua, thuận theo ý chỉ thì dễ, nhưng ngược lại tâm ý với ý chỉ của quân vương thì rất khó". Thái Tông không những không tức giận, mà ngược lại, phân biệt được trung gian rất phân minh, quả là vô cùng sáng suốt, có thể nói đây chính là vị vua anh minh. Thái Tông rất thông cảm với thần tử, biết rằng dũng khí dám nói của thần tử là khó nhất, là đáng quý nhất. Chỉ có những thần tử thật tâm với mình, chân thành nghĩ cho quốc gia, mới không màng đến tiền đồ và tính mệnh của bản thân, mà mạo hiểm đắc tội với quân chủ để nói ra những lời nói chân thực, vì thế Thái Tông không những không phẫn nộ, mà ngược lại còn vô cùng trân quý.

Tấm lòng độ lượng của Thái Tông vượt xa người thường, mọi người đều biết rằng nhìn thấy cái sai của người khác rất dễ dàng, nhưng chỉ ra cái sai của người khác tất nhiên cần dũng khí, độ khó cũng rất lớn, nhưng có thể tiếp thu chỉ trích phê bình của người khác, vui vẻ đón nhận và sửa chữa là khó phi thường. Huống hồ bản thân bậc đế vương cao quý, đã đạt được rất nhiều thành tựu quả chưa từng có, lại vào lúc mà tâm chí đang đắc ý, bị người khác gõ một cái vào đầu, liệt kê quá nhiều lỗi như vậy, thì không giáng tội đã là quá độ lượng rồi, ngược lại hoàn toàn tiếp thụ, không những tiếp thụ, lại còn dán lên bình phong, không mảy may cảm thấy mất mặt chút nào, hơn nữa lời nói còn rất lễ độ, chứa đựng đầy lòng biết ơn, nói rằng để "cung kính nhìn, xem", dùng lễ đối với thầy dạy để đối đãi với thần tử của mình. Không chỉ làm được theo lời giáo dạy của Khổng Tử "quân sử thần dĩ

lễ", lễ này đã vượt xa khỏi lễ nghi thông thường giữa quân và thần. Rất tương tự với việc Chu Văn Vương thỉnh giáo Khương Thái Công bằng thái độ cung kính. Thái Tông đối với hiền thần, mười phần kính lễ. Không chỉ như thế, Thái Tông còn mang bài văn viết về đầy những hành vi vô đức của mình, công khai viết vào sử sách, để người đời sau đều có thể thấy được, như một bài cảnh tỉnh cho các hoàng đế tương lai, đây không chỉ là cảnh giới của minh quân, mà đã là phong thái mà chỉ Thánh nhân mới có. Cái tâm nghĩ cho thế hệ tương lai này tuyệt đối không phải người bình thường làm được, vì thế mà Thái Tông được người đời sau gọi là Thánh Vương. Cũng chính vì thế mà lịch sử mới có được văn hóa Trinh Quán tối hoàn mỹ như vậy.

Sự khác nhau giữa quân tử và tiểu nhân không phải ở chỗ có lỗi hay không

Thái Tông là điển hình của đế vương, cũng là điển hình của quân tử, trong sách "Luận Ngữ" có viết: "Tiểu nhân chi quá dã tất văn" (Tiểu nhân làm sai nhất định muốn che đậy); "Quân tử chi quá dã, như nhật nguyệt chi thực yên. Quá dã, nhân giai kiến chi; cánh dã, nhân giai tự chi" (Người quân tử có lỗi thì như nhật thực, nguyệt thực. Có lỗi thì ai cũng thấy, mà khi sửa lỗi thì ai cũng ngưỡng vọng). Sự khác biệt giữa quân tử và tiểu nhân, không phải ở chỗ có phạm sai lầm hay không, mà là ở chỗ sau khi phạm sai lầm, sẽ đối mặt với sai lầm bằng thái độ và cách làm như thế nào. Kẻ tiểu nhân nghe thấy lỗi của mình, tất nhiên phải che giấu lỗi lầm, nhưng người quân tử phạm lỗi, như nhật nguyệt trên đầu khi tròn khi khuyết, mọi người đều nhìn thấy, và rất nhanh chóng quy chính và sửa đổi, vì thế mà ai ai cũng kính ngưỡng họ.

Hiển nhiên, thái độ và cách Thái Tông xử lý chính sự chính là minh chứng tốt nhất. Thái Tông nghe thấy lỗi thì sửa đổi, hơn nữa khuyết điểm của Thái Tông người người

đều biết, không hề che đậy, mà ngược lại còn viết vào sử sách. Vì thế mà nhận được tôn trọng và kính ngưỡng của người đời sau. Bởi vì quân tử không phải sẽ không phạm lỗi, mà then chốt là khi phạm sai lầm rồi có thể sửa đổi, đây là sự khác biệt lớn nhất giữa kẻ tiểu nhân và người quân tử.

Khi con người hôm nay bình luận về người xưa, thông thường sẽ vì cái lỗi nhất thời của người ta mà họ thường phủ định đạo đức cao thượng của người xưa, cho rằng xưa nay chẳng có gì khác biệt, vì thế mà coi sự suy đồi đạo đức là điều bình thường, không lấy làm tủi nhục, đây là kết quả của xuyên tạc giáo dục Nho gia. Khái niệm của cổ nhân đối với người quân tử và kẻ tiểu nhân là mười phần rõ ràng, việc đối đãi với sai lầm là phải biết sai thì sửa, rất thản nhiên. Trong đoạn cuối của "Luận thận chung", Thái Tông thảo luận về chính trị với Ngụy Trưng, đặc biệt là câu trả lời của Ngụy Trưng đã đưa ra một kết luận minh xác rõ ràng.

Đại ý: Trinh Quán năm thứ 16, Đường Thái Tông nói với Ngụy Trưng: "Ta thấy đế vương cận đại, có người truyền được 10 đời, có người truyền được một hai đời, cũng có người được thiên hạ rồi nhưng lại tự mình đánh mất. Vì thế mà ta thường cảm thấy lo sợ, lúc thì lo chăm sóc bách tính không được toàn vẹn, lúc thì sợ bản thân sinh tâm kiêu ngạo, mừng giận quá độ, mà bản thân lại không thể cảm giác hay quan sát được. Vì thế mà ta hy vọng khanh có thể nhắc nhở ta, nói cho ta đạo lý trong đó, ta sẽ lấy chúng làm chuẩn mực". Ngụy Trưng nói: "Hỷ nộ tham dục nhân sinh ai cũng có, dù là người hiền kẻ ngu cũng đều như nhau, chỉ là hiền giả có thể khống chế được, không để mọi thứ quá độ, kẻ ngu tùy tiện phóng túng, đến mức không thu sửa. Bệ hạ là thánh đức cao xa, có thể trong lúc an mà lường đến nguy, thực tâm thần hy vọng bệ hạ có thể ức chế dục vọng, thiện thủy thiện chung, thành tựu hoàn mỹ công lao sự nghiệp, tạo phúc cho thiên thu vạn đại".

Giải thích: Thời cổ đại, các vị hoàng đế mất đức mà dẫn đến sự đoản mệnh và suy bại diệt vong của đất nước, Thái Tông cần phải ghi nhớ sâu sắc giáo huấn này, vì vậy căn dặn Ngụy Trưng rằng nếu nhìn thấy ông làm sai, thì nhất định phải chỉ ra, ông nhất định sẽ chiểu theo chỉ dẫn của thần tử mà quy chính. Ngụy Trưng là một bậc đại nho, ông vô cùng hiểu rõ đối với đạo lý làm người. Ông nói với Thái Tông, ham thích dục vọng, hỷ nộ tình cảm, dù là người hiền hay kẻ ngu ai ai cũng đều có, bậc hiền giả ở thời cổ đại đã được coi làm quân tử, kẻ ngu thì ngược với hiền giả, kỳ thực kẻ ngu để là chỉ chung cho cả tiểu nhân và những người thông thường, cũng chính là nói, những tư dục tư tình này, mặt tự tư và dục vọng này ai ai cũng có, vì thể ông khuyên Thái Tông không nên quá lo lắng, then chốt là chỗ có thể tiết chế hay không, khống chế dục vọng và những tình cảm quá độ, ức chế những mặt xấu này, không để những thứ này phát triển quá độ, có thể không ngừng làm được như thế, chính là hiền giả. Cũng chính là người quân tử. Mà kẻ ngu tiểu nhân, chính là sai biệt ở chỗ này, không biết tiết chế và khắc chế nó, cuối cùng phóng túng đến tự mình hủy diệt bản thân mình.

Lời nói của Ngụy Trưng xuất phát từ "Luận Ngữ", phân biệt rõ ràng sự khác biệt giữa quân tử và tiểu nhân, chính là có thể lý trí mà đối diện với mặt ác của con người như dục vọng hay không; có thể tiết chế dục vọng và tình cảm hay không; chứ không phải là người quân tử không có tư dục và tình cảm, cũng không phải là khiến người quân tử trở thành người không có dục vọng và tình cảm, nói thẳng ra, cũng cần phải có mức độ, đó chính là học thuyết trung dung mà Khổng Tử dạy. Học giả đời sau đã trộn lẫn yêu cầu cảnh giới buông bỏ hết thảy dục vọng của người tu đạo trong Đạo gia với yêu cầu tiêu chuẩn làm người, điều này không đúng, điều Khổng Tử giảng từ đầu đến cuối đều là đạo lý làm người, rằng cần nắm vững đạo nhân nghĩa của con người, chứ hoàn toàn không yêu cầu người thường phải tuyệt đối buông bỏ dục

vọng của con người, chỉ là yêu cầu họ có thể ức chế và thích hợp với nó, không để vì đó mà phạm tội, tổn hại đến người khác là được. Cho nên người xưa nói: "Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo" (trích "Luận Ngữ: Lý Nhân", tức là người quân tử chỉ có thể theo đường chính đạo mà có được tài sản, quyết không lấy những của phi nghĩa. Khổng Tử nói: "Phú và quý, nhân chi sở dục dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xứ dã", nghĩa là giàu và sang, người ta ai cũng muốn, nhưng chẳng phải đạo mà được giàu sang thì người quân tử chẳng thèm).

Chúng ta vẫn luôn nhận thức không rõ ràng đối với giáo dục của Nho gia, có khái niệm hỗn loạn, đây là nguyên nhân vì sao bắt đầu từ triều đại nhà Tống có nhiều phe phái tranh luận không ngừng nghỉ, đó cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản khiến ngày nay Khổng Tử bị xuyên tạc và bóp méo. Nho gia tuyên dương Thiện, chính là bởi vì con người có thiện ác đồng thời tồn tại, nên phải thời thời khắc chế mặt ác của con người, như thế mới có thể nắm chắc phía mặt thiện, không để cho đạo đức trượt dốc, mà hủy đi chính mình. Vì vậy mới cần giáo dục.

Đến đây, về cơ bản đã giải đọc hoàn toàn "Trinh Quán Chính Yếu", bắt đầu từ chương mở đầu "Luận quân đạo" cho đến chương kết thúc "Luận thận chung", cốt lõi chỉ có một, chính là Đường Thái Tông đã coi trọng đạo đức như thế nào, tuân phụng theo đạo làm vua như thế nào, và đã kiên trì đạo lý này đến cuối cùng. Những điều đó đã được viết thành sử sách để giáo dục cho người đời sau.

(Hết toàn văn)

Tác giả: Lưu Như
Nguồn: ChanhKien.org / zhengjian.org